



NĂM THỨ 12- BỘ MỚI - SỐ 22



Nhóm Chủ Biên:

**Nguyễn Đức Nhơn, Phạm Tương Như
Túy Hà, Như Phong,**

Biên Tập

**Cung Bảo Bình,
Đoàn Thy Vân, Hoàng T. Thanh Nga**

DIỄN ĐÀN VĂN HỌC TRẦM HƯƠNG ÁN HÀNH
Website nối kết: <http://www.hoiquantramhuong.org>



Liên Lạc

tramhuongbao@yahoo.com

tuyha007@gmail.com

nguyenducnhon@gmail.com

muoinhu@yahoo.com

Phụ bản và minh họa: intersource

Trình bày bìa và layout: Nghi Hà

In tại: Mr.Print Ân Quán



MAI THANH TRUYẾT (7)

Nghĩ về 30-4

NGUYỄN HỮU NHẬT (17)

Ca dao Mẹ

ĐÀM TRUNG PHÁP (18)

Khi thi nhân là...

NGUYỄN MẠNH TRINH (21)

và N. Xuân Hoàng

VŨ TIẾN LẬP (30) *Thiên đường*

PHAN BÁ THUY DƯƠNG (31) *Bài tâm ca*

ĐÀO LÊ (33) *Đôi mắt*

PHAN TRANG HY (34) *Blogger sợ chữ*

TRẦN HOÀI THU (39) *Sài Gòn trong tôi*

TÚY HÀ (40) *Chén rượu càn khôn*

NHƯ PHONG (41) *Hạt bụi rong chơi*

NGUYỄN ĐỨC NHƠN (42) *Ngô Nhận*

TRẦN VẤN LỆ (47) *Nhiều khi tôi nghĩ*

TRIỆU DƯƠNG (48) *Nhớ người*

TRẦN YÊN HÒA (50) *Ảo vọng*

NGUYỄN XUÂN THIỆP (55) *Đà Lạt*

VƯƠNG HỒNG NGỌC (58) *Gác ngọc*

TÚY HÀ (59) *và Huỳnh Công Ánh*

TRẦN TUẤN KIỆT (63) *Trăng Xuân Thu*

HOÀNG HỒNG SƠN (64) *Khôi hài đen*

HOÀNG THỊ THANH NGÀ (65) *Bến Xuân*

HOA VẤN (72) *Mấy nốt phù hoa*

TRẦN THỊ HÀ THÂN (73) *Một đời*

TRẦN THIÊN HIỆP (74) *Ru nổi buồn tôi*

SONG AN CHÂU (75) *Nghe như tiếng Quốc*

BÙI HUY (77) *Viết về Yên Sơn*

NGUYỄN LẬP ĐÔNG (81) *Tiểu nhị Quan*

THÁI BẠCH VÂN (82) *Ngập ngừng*

HUỲNH CÔNG ÁNH (84) *Vòng tay bơ vơ*

CÁI TRỌNG TY (85) *Phố quận...*

DƯƠNG THƯỢNG TRÚC (87) *Cám ơn đời*

TRẦN QUỐC BẢO (88) *Phủ Quốc...*

ĐỖ CHIÊU ĐỨC (89) *Hoa là lửa*

NGUYỄN QUANG CHÁNH (103) *Gởi tuổi trẻ VN*

HỒ CHÍ BỬU (104) *Trăng Bolero*

NGUYỄN MẠNH AN DÂN (105) Liêm Pha...
 TRẦN YÊN THUY (108) Lễ Cha...
 MIÊN TRƯỜNG (109) Thôi thì
 TRÚC THANH TÂM (110) Cám ơn cuộc đời
 DẠ DUNG (111) Em và anh
 ĐIỆP MỸ LINH (112) Cô Bé trong nhà thờ
 CHÂU VY TRẦN (125) Tự tình...
 PHAN CÁC CHIÊU HẰNG (127) Vẫn tự hỏi...
 YÊN SƠN (128) Tôi cùng mùa Hạ
 CHI HUỆ (129) Nhiệt trà tâm đắc
 TRẦN VĂN SƠN (132) Đỗ Quyên
 PHAN XUÂN SINH (133) Và Cao Đông Khánh...
 NGÔ NGUYỄN NGHIÊM (139) Ngày về...
 NGUYỄN AN BÌNH (141) Thả rông
 CAO THOẠI CHÂU (142) Em là người...
 PHẠM TRẦN ANH (143) Vinh danh...
 TRẦN VIỆT CUỒNG (155) Lỡ làng...
 MINH XUÂN 538 (156) Phượng xưa
 SONG THY (157) Bến mộng
 MÂY NGÀN (158) Cho ta
 LAN CAO (159) Khóc
 PHẠM TƯỜNG NHƯ (160) Điều giấy
 PHẠM QUANG (170) Chiều
 QUANG DƯƠNG (171) Lý sự
 PHẠM TÍN AN NINH (173) Sắt son
 PHẠM THỊ CÚC VÀNG (182) Có người đàn bà
 THẠCH THẢO (183) Đã biểu dừng
 PHƯỢNG VĨ (184) Phượng chờ
 NGUYỄN HỮU NGHĨA (185) Hiện tượng Việt Khang
 MẠC HUY (186) Niềm đau thân phận
 ĐỖ THỊ MINH GIANG (187) Ngày xưa đã mất
 PHẠM KIM CHI (188) Nhớ Mẹ
 DƯƠNG NGUYỆT ÁNH (189) Chồng tôi
 ĐỖ BÌNH (194) Em sẽ chờ Anh
 LÊ KÍNH (195) Nối lại vòng tay
 NHẬT QUANG (196) Ru tình
 HÀ THỊ LẬP (197) Bằng Lăng tím...
 NHÃ VĂN (198) Đợi người
 MỸ NHUNG (205) Dư âm quan họ



...Chiều nay nắng vẫn trong xanh, trên cao gió vẫn ngọt lành, hạ nơi đây chỉ thoáng qua với mớ ký ức bùng bùng không còn đậm vị. Mặt khác, đôi lúc lòng còn thấy lạnh, lạnh khi nhớ tới một thời tháng sáu chưa hẳn đã vào Thu, một thời mà tháng sáu vẫn còn rực cháy lên những khoảng trời nô nức gió...

Ai đó đã viết như vậy, dù chỉ là lãng đãng băng quơ trước những thay đổi dịu dàng tháng sáu nhưng cũng đủ mang ánh nắng ấm nồng cho mùa Hạ.

Tháng sáu tháng của mùa Sen, của cành nhánh rẽ nước vươn lên từ bùn tanh đất nhão để dâng cho đời hương thơm chất ngất sắc hoa ngọt ngào, mang đến cảm giác bình an và trong lành cho thế giới đang ngập tràn tanh tươi.

Tháng sáu quê nhà là mùa hoa Sen nở, tháng sáu năm nay là mùa của xuống đường, mùa tuổi trẻ giật phăng màn chảnh chảnh vô hình vô cảm, để đứng lên đòi quyền sống cho mỗi một con người khi sinh ra vốn bình đẳng trước Thượng Đế. Nhưng đó chỉ là tuyên ngôn của những người hữu thần, tôn trọng nhân phẩm. Còn với người vô thần thì tạo ra được xã hội vô cảm lại là một thắng lợi mà họ gọi là “cách mạng”. Vô cảm làm cho con người tự cô lập mình, chia rẽ,

Trầm Hương 5

mất ý chí đoàn kết tự cường. Xã hội phân hóa và sẽ là một bãi cát rời vô cùng thuận lợi cho một nhóm người vì lợi ích cá nhân dễ dàng thao túng khi họ nắm quyền thống trị. Xã hội Việt Nam đương đại đang ở trong tình trạng này.

Thế nhưng tức nước vỡ bờ, nhượng đất nhường biển đã là một đại tội bây giờ bán đất bán quyền thông qua dự luật đặc khu kinh tế bán ba vùng trọng điểm Bắc vãn Phong vãn Đồn Phú Quốc được xem như là chìa khóa thôn tính toàn cõi Việt Nam trên bàn cờ chiến lược. Mục tiêu chính là “bán nước và bán nước” trung thành với mật ước Thành Đô. Việt nam ta đã đang và sẽ bị hán hóa theo cuồng vọng bành trướng của tàu cộng.

Trước hiện tình ấy, tuổi trẻ Việt nam đã xuống đường vuron vai phù đồng như sen trong đầm đứng dậy giữa bùn tanh.

Mùa hạ năm nay chắc chắn sẽ có những luồng gió mới lung linh trong nắng vàng tươi mang niềm tin và hy vọng cho tất cả con dân Việt. Thế nào. ra sao, vẫn còn phía trước. Việc chúng ta ở hải ngoại là tích cực yểm trợ tinh thần tranh đấu ở Quốc Nội dưới mọi hình thức.

Mong chúng ta hy sinh nhiệt tình tiếp tay tùy theo hoàn cảnh và khả năng của mỗi một người.

Tuổi trẻ Việt Nam đã thu thập được phần nào kiến thức văn hóa của tân thế kỷ. Đã ý thức được hiện tượng vô cảm sẽ là mối nguy lớn cho dân tộc biến con người thành những cỗ máy chỉ biết riêng mình. Vậy thì chúng ta đang ở nước ngoài, trôi theo dòng chảy thực dụng thì chúng ta càng không thể sống trong mơ. Không thể quên những đau thương của của đồng loại, đồng bào.

Xin tiếp lửa cho tuổi trẻ quê hương đang cần rất cần từ chúng ta trước khúc quanh lịch sử này.

Trân Trọng
Nhóm Biên Tập



MAI THANH TRUYẾT



Nghĩ về ngày 30 tháng 4

*Mài giương mãi đến bao giờ nhỉ
Bao giờ chém chết nỗi đau thương
Nỗi đau vẫn đó ngày Quốc Hận
30 tháng 4 sông núi ngán ngơ!
(Thơ Huỳnh Công Ánh)*

Không biết từ lúc nào sau ngày 30 tháng tư năm 1975, mỗi năm vào dịp này lòng tôi dường như chùng xuống. Trước khi về hưu vào năm 2012, công việc hàng ngày vẫn chu toàn 8 giờ để trả nợ áo cơm, một vài giờ cho dịch vụ tư vấn về môi trường của tôi, cũng như thì giờ cho các buổi phỏng vấn hay ngồi suy tư và viết bài hoặc đi đó đi đây...tôi đã cảm nhận được một nỗi niềm u uẩn nào đó trong tôi. Nhưng bây giờ, mặc dù đã giải trừ nợ cơm áo, nhưng niềm u uẩn trên vẫn tiếp tục còn trong tôi ngày càng...dai dẳng hơn thêm, càng cô đọng hơn nữa đến nỗi nhiều khi tôi chỉ muốn nói... một mình!

Tại sao lại có hiện tượng như vậy trong tôi?

Có lẽ, vì tuổi đời ngày càng cao, và niềm hy vọng về một ngày mùa xuân nở hoa trên quê hương còn xa vời vợi...cho nên nỗi buồn của tôi càng thêm ray rứt và điểm thêm đôi nét tuyệt vọng trong tâm tư?

Mà cũng có lẽ, theo lời của một người bạn xưa, Ngô Không nhận xét về tôi trong bài “Thằng... chào cờ” là: “Thêm một lần với biệt hữu thiên địa phi nhân gian, và ông hiểu là gã làm như đang sửa soạn cho một chuyến đi xa... Lại thêm một lần sau ánh mắt xa vắng như vắt ngang dòng sông Bến Hải đang lặng lờ với nước chảy đôi dòng. Dòng sông vẫn tiếp tục trôi đi, ở giữa dòng có một giải phân cách ý thức hệ tích tụ đã bao năm. Cùng một cảm hoài, ông cảm thấy thanh thản ở cái tuổi cổ lai hy nên hiểu được cuộc đời là

Trầm Hương 7

dòng sông đã gần đến cửa biển. Mà biển là tàng thức chứa chấp mọi nhân sinh. Thời gian trên những dòng sông chính là những mảnh đời. Qua ánh mắt thằng Nam Kỳ quốc dường như đã mệt mỏi. Ông nhìn thấy ánh mắt ấy vắt qua một khoảng không gian nào đó mà gã đã từng hoài bão, kể cả những hoài vọng thầm kín như giấc mơ của một đời người vói... mơ gì ập Tiết thiêu văn tự, giày cỏ, gươm cùn ta đi đây. (Nguyễn Bính)”

Bỏ qua những ngày tháng nghiệt ngã còn lại ở Việt Nam trước khi vượt biên sau 30/4/1975; phải thành thật mà nói, lúc đó tôi không có thì giờ để “buồn” như hôm nay, vì miếng cơm manh áo và mãi lo “tìm đường ra đi” (cứu nước?) cho một gánh nặng với 4 đứa con dại...

Bỏ qua những năm đầu tiên sống đời tị nạn, tôi cũng chưa thực sự quan tâm gì mấy cũng như không có thì giờ để buồn... như nỗi buồn hôm nay vì một đời sống tạm dung nơi xứ người.

Nhưng chỉ trong vòng 30 năm trở lại đây, khi gia đình tương đối ổn định và sau khi bắt đầu bước vào con đường tranh đấu cho Việt Nam qua ngã môi trường, tôi mới thực sự cảm thấy buồn. Và mỗi năm nỗi buồn đó càng se sắt hơn, ngậm ngùi hơn, vì nghiệm thấy con đường mình đang đi vẫn còn quá xa... mà ước mơ một ngày Việt Nam ơi!

Quê hương réo gọi –
Những người con Việt
hẹn nhau về - Chung vai
vá lại dư đồ rách – Cùng
nhau xây đắp mảnh tình
quê... vẫn còn quá xa...

**Buồn để mà buồn một
mình!**



Không thể nào nói tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn được. Mà tôi hiểu và hiểu rất rõ nỗi buồn thực sự của tôi vì hai lý do:

Đất Nước còn điêu linh, và Bà con mình vẫn còn chìm đắm trong nỗi nhục nhằn làm công dân hạng hai cho một chế độ phản dân tộc chưa từng thấy trong lịch sử Việt Nam.

Nhìn lại những ngày bắt đầu từ giữa tháng tư năm 75, có thể nói cả thành phố Sài Gòn đang lên cơn sốt. Nào là chạy đôn chạy đáo thăm dò tình hình... mặc dù biết rằng miền Nam đang trong cơn hấp hối, nhưng cũng mong tìm và hy vọng một phép lạ. Nào là, đối với những người có chút tiền, lo chạy đi đổi đô la, làm... áp phe, hay dò la tin tức tìm đường ra đi. Tin tức đồn đãi nhiều khi trái ngược nhau, tin vui lẫn với tin buồn.

Nhưng nỗi buồn của tôi thực sự buồn khi rời trụ sở USAID ở đường Lê Văn Duyệt sau khi làm “thủ tục”... ra đi. Cảm tấm thẻ vô tri có hình của một “ông giáo trẻ” đầy nhiệt huyết, mà khi về lại Việt Nam năm 1973, nguyện sẽ làm một cái gì cho thanh niên Việt Nam. Tôi không thiết ăn cơm chiều hôm đó. Nếu tôi nhớ không lầm, đó là ngày thứ tư 09/4/1975.

Tối thứ hai tuần sau đó, vào khoảng tuần lễ thứ hai của



tháng tư, lên Đại học Cao Đài Tây Ninh, tôi gặp mấy anh chàng “CIA” trẻ đóng trên đài phát tuyến ở đỉnh Núi Bà vừa xuống chợ Tây Ninh, cho tôi biết rằng ngày mai, họ sẽ rút về Mỹ và khuyên tôi nên rời bỏ quê hương qua một

giọng Bắc rất rành rọt. Suốt các buổi lên lớp sau đó, tôi nói như người mất hồn, một tâm trạng mà chính giờ phút viết lên dòng chữ này, tôi lại thêm một lần “phiêu diêu” nữa.

Đi? Hay Ở?

Hai chữ này ám ảnh mãi nơi tôi trong suốt thời gian còn lại cho đến ngày 30/4 năm đó. Hình ảnh Ba tôi lần quần trong đầu. Hình ảnh một ông giáo già đã về hưu từ lâu, cầm cùi viết thư cho con mình đi du học mỗi buổi sáng thứ năm trong tuần, để rồi, sang sáng thứ bảy đem thư ra Bureau gửi đi cho kịp chuyến máy bay Air France bay về Pháp, để con mình nhận được thư đúng ngày thứ hai. Việc này xảy ra đúng như in, không hề sai sót suốt hơn hai năm trời sau khi tôi du học bên Pháp cho đến khi Ba tôi mất. Ba tôi mất ngày chủ nhật và thứ hai sau đó tôi vẫn nhận được thư ba viết trước khi nhận được điện tín của anh tôi.

Còn Má tôi. Một người mẹ già gặp lại và sống với con chưa đầy hai năm... sau khi tôi về nước. Mà cũng chính trong thời gian này, tôi luôn bận bịu với những “đam mê” cho cuộc sống, mãi mê chuẩn bị cho con đường “công danh” của mình... thì làm sao tôi có thì giờ chăm sóc hay hỏi han đến mẹ già. Và mỗi khi nhìn lại mình, chính tôi cũng phải tự thú rằng mình cũng không có thì giờ để nghĩ đến mẹ mình nữa trong thời gian này. Tôi thật có lỗi với má tôi nhiều và nỗi ân hận vẫn còn ray rứt mãi trong tôi. Và giờ đây, khi viết những dòng chữ này, tôi chỉ còn biết mỗi đêm nhìn ảnh mẹ để sám hối.

Trở lại thời gian giữa tháng 4 năm xưa. Tâm trí tôi luôn bị ray rứt với tâm trạng nửa Ở nửa Đi.

. Đi không đành cũng vì mẹ già đơn côi.

. Đi không đành cũng vì bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ níu kéo lại để làm một “cái gì” cho quê hương.

. Và đi cũng không đành vì một suy nghĩ non dại (mà chắc cũng có nhiều người suy nghĩ như tôi), đó là “Mình có thể đối thoại với người cộng sản, vì trước khi họ là cộng sản, họ cũng là người Việt Nam với đầy đủ dân tộc tính; vì vậy mình có thể hợp tác được”.

Một khi đã biết sai lầm thì đã muộn, tôi phải trả cái giá gần 8 năm trong nhà tù lớn Việt Nam dưới chế độ này. Biết là sai lầm trong giai đoạn đó, nhưng tôi không bao giờ hối hận

vì quyết định trên. Vì sao? Vì chính cái sai lầm oan nghiệt này đã làm cho tôi hiểu được người cộng sản Bắc Kỳ như thế nào...và chính điều sau này làm cho tôi dứt khoát hơn là chúng ta, những người con Việt hiền hòa không thể nào sống chung với những người luôn mang não trạng chuyên chính vô sản và không có tình người.

Cái sai lầm này cũng giống như cái sai lầm của người thầy giáo Tạ Ký dạy Văn chương của mái trường thân yêu của người miền Nam; đó là Trường Petrus Trương Vĩnh Ký, mà thời tôi đi học có tên là Lycée Petrus Trương Vĩnh Ký – LPK. Anh Ký khi đi “tù” về cùng ngồi uống rượu với Gs Tôn Thất Trung Nghĩa bên Trường Luật và tôi tại Chợ Đuôi nằm tại góc đường Lê Văn Duyệt và Trần Quý Cáp năm 1981 như sau: “Hai mươi năm mới biết chuyện xưa lắm. Thì tuổi trẻ đã biến thành uất hận!”

Chiều thứ hai 28/4, khi một tên phi công (tôi không muốn nhắc tới tên này lên đây, vì làm sao tôi quên được tên những kẻ phản bội quê hương) dội bom dinh Độc Lập, và từ đó lệnh giới nghiêm 24/24 được ban hành. Tôi liền chạy lên nhà một người bạn vong niên trên cư xá giáo chức ở đường Tự Đức. Đó là GS Nguyễn Văn Trường, vừa qua đời ngày 3/1/2018 tại Houston.

Ngay từ những ngày đầu còn chập chững bước vào ngưỡng cửa trường ĐH Sư Phạm Sài Gòn với tâm thức đầy tự tin, Anh đã từng khuyên tôi: “Cuộc sống vốn bất toàn. Vì thế mà con người cầu toàn. Vì cầu, và muốn cho bằng được, cho nên mới có thất vọng. Cuộc sống vốn vô thường, không ngừng biến đổi. Nhưng ta lại muốn ngưng giòng đời, gói nó trong những ước vọng của ta, cho nên mới có khổ đau. Vọng tâm là duyên tạo thành, và biến đổi tùy duyên, ta lại đồng nhất mình với nó, cho nó là chân lý, căn cứ vào nó để phê phán thiệt hơn, đúng sai, phải trái. Thế thì làm sao ta không nhìn sai lệch, không sống trong giả tưởng của vọng. Cho nên, nhà Phật dạy vô trụ. Đừng trụ vào bất cứ một niệm nào, Đừng trụ vào Phật Tánh, Chân Tâm, Thiên Đàng, Địa Ngục. Đừng trụ ngay cả vào cái ý niệm vô trụ.”

Tôi đã chứng kiến được gì và đã học được gì?

Xin ghi lại vài dòng để chiêm nghiệm nỗi đau thương, nhục nhằn của những người con Việt trước cảnh quốc phá gia vong trong những ngày cuối cùng của Miền Nam. Đó là:

. Hình ảnh một Trung tá TQLC chạy từ Đà Nẵng về nhà người anh cũng ở cùng cư xá, hình ảnh giọt nước mắt lưng tròng khi anh cởi chiếc áo trận và cắt từng nút áo cũng như hai bông mai bạc trên cầu vai. Anh nói với người anh qua giọt nước mắt và trong từng tiếng nấc “Anh xem như em đã chết ngày hôm nay”;

. Hình ảnh từng đoàn trực thăng Mỹ chiếu đèn sáng rọi vào mặt chúng tôi trên sân thượng của cư xá trong lúc tháo chạy và chở người di tản đi ra hạm đội;

. Hình ảnh những người lính tôi không còn nhớ Dù tiếp tục chiến đấu ở cầu Phan Thanh Giản trên con đường đi ra Ngã tư Hàng Xanh. Tiếng súng bắt đầu ngay sau khi tướng Minh tuyên bố đầu hàng lúc 10 giờ 37 phút sáng 30/4. Và tiếng súng chỉ im lặng lúc xế trưa, có nghĩa là tất cả anh em binh sĩ đã chiến đấu cho đến quả lựu đạn cuối cùng.

Chuyện ĐI và Ở đã được tôi quyết định ở khúc quanh định mệnh này, không khác chi khúc quanh của nhân vật Thiệu “phải” rời bỏ khúc quanh của con sông Đuống đầy kỷ niệm tuổi thơ với Yến, người bạn thời trẻ thơ mà sau này trở thành... người tình muôn thuở cho đến cuối đời, để di cư vào Nam tìm tự do. (trong quyển tiểu thuyết “Dòng sông định mệnh” của nhà văn Doãn Quốc Sĩ).

5- Những ngày sau đó

Qua ngày thứ năm 1/5, lệnh trên radio yêu cầu (bắt buộc thì đúng hơn) mọi công chức phải đến trình diện tại trụ sở làm việc của mình. Sáng đó, tại cư xá có mặt Ông Khoa trưởng, Ông Phó Khoa trưởng và một số giáo sư, tôi và một giảng nghiệm viên tình nguyện vào Trường Sư phạm xem tình hình.

Mọi sự có vẻ êm xuôi vì “họ” chưa có người vào tiếp quản, ngoài một số “cơ sở” địa phương thôi. Nhưng một hình ảnh khác làm bề bộn và làm đảo lộn những suy nghĩ tốt đẹp

trong tôi khi nhìn thấy một số đồng nghiệp của mình mới chỉ vừa cách đây một ngày, nay đã mang “băng đỏ cách mạng” từ cung cách hướng dẫn chỗ để xe, cho tới thái độ trong lúc nói chuyện. Đáng phi nhử nhứt là những người này ngày nào thừa anh, xưng em với tôi, mà nay trở mặt dương dương tự đắc tự xưng tôi, tôi, anh, anh một cách trơ trẽn. Có những chị giáo sư thướt tha, dịu hiền trong khi lên lớp mà nay ngoài băng đỏ, thậm chí còn để lá cờ vàng ba sọc đỏ dưới chân bàn đạp ga xe nữa. Thế mà, rốt cuộc, họ cũng phải liều thân vượt thoát và hiện đang sống rải rác tại Canada, Hoa Kỳ, Pháp, và Úc châu. Thật là bẽ bàng cho chính họ! Và hơn nữa, có giáo sư trong suốt thời gian chưa đầy hai năm ngắn ngủi của tôi, đã xem tôi như “thần tượng” mặc dù biết rằng tôi đã lập gia đình rồi, thường xuyên đi ăn uống chung. Tết đến, cô cũng không quên hái vài trái xoài trước nhà để biếu tôi, thậm chí đã dám cùng tôi “nhậu thịt chó” nữa...Người đó bây giờ là một “công thần” của chế độ. Chính là Tôn Nữ Thị Ninh.

Làm sao tôi quên được lần đổi tiền đợt I ngày 22/9/1975, đổi 1Đ tiền “chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam” tức tiền “ngân hàng Việt Nam” lấy 500Đ tiền Việt Nam Cộng Hòa hay “tiền Ngân hàng Quốc gia Việt Nam”. Người dân chỉ đổi được mỗi gia đình 100.000Đ mà thôi.

Làm sao tôi quên được lần đổi tiền đợt II ngày 3/5/1978, đổi 1Đ “tiền thống nhứt XHCN” tức tiền “ngân hàng nhà nước” lấy 1Đ tiền “ngân hàng Việt Nam” và mỗi gia đình chỉ được đổi 100Đ mà thôi.

Làm sao tôi quên được lần đổi tiền đợt III ngày 14/9/1985, đổi 1Đ tiền ngân hàng nhà nước cũ lấy 1Đ tiền ngân hàng nhà nước mới (tiền thống nhứt Bắc Nam).

Làm sao tôi quên được lần đánh tư sản đợt I ngày 11/9/1975, cướp của và tịch thu nhà những người được cho là tư sản cùng bắt đi vùng kinh tế mới. Chiến dịch này gọi là X1;

Làm sao tôi quên được lần đánh tư sản đợt II, tức chiến dịch X2, từ tháng 3/1978 tới cuối năm 1990 nhắm vào tư

sản tiêu thương, những nhà tiêu thủ công nghệ, ước tính trên 14.000 gia đình tại Sài Gòn;

Làm sao tôi quên được lần đánh tư sản đợt III tức chiến dịch X3, song hành với chiến dịch X2 tại Sài Gòn nhằm mục đích trục xuất người cũ ra khỏi nơi ở và điền khuyết vào bằng gia đình cán bộ ngoài Bắc vào. Đây là một âm mưu thâm độc nhằm “Bắc kỳ hóa” thành phố Sài Gòn. Tính đến tháng 9/1989, ước tính có đến 950.000 người bị đuổi khỏi Sài Gòn, và có khoảng 150.000 gia đình cán bộ Bắc kỳ được điền khuyết vào;

Làm sao tôi quên được những đợt bị bắt buộc đi “học tập cải tạo”, đáng kể nhất là đợt cuối cùng vào tháng 6/1975, kêu gọi công quân cán chính tập trung mang theo lương thực cho một tháng... để rồi tất cả bị lương gặt và phải chịu lao động khổ sai từ một hai năm cho đến hơn 17 năm đối với những cán bộ hành chánh và quân đội cao cấp của Việt Nam Cộng hòa...

Những ngày hôm nay và sắp tới

Một người bạn trong nước vừa viết những nhận định của anh về CSBV như sau:

Cuộc Cách mạng Môi trường hiện tại chưa phải là “ý chí của cả dân tộc”, đứng dậy, dứt khoát và trực diện “đổi đầu” với một đảng độc tài đang đi dần đến sự tự hủy! Vì vẫn còn nhiều chữ “nếu” “nếu toàn dân đã ý thức được vận mệnh đất nước, tương lai của mình mà nổi dậy, biểu tình lớn thì...”

Thế trận hiện tại trong nước: Thành phần trong Đảng CSBV chống đối với nhau tới cùng... chứ không hẳn phải “thành phần thứ ba luôn “quyết tử” với đảng...”

Đảng viên: niềm tin lý tưởng đảng Cộng sản hiện nay không phải là mối liên kết hay trở lực lớn, vấn đề chính chi phối mọi người là quyền lực và quyền lợi. Lý tưởng đảng hiện nay đã trở nên vật trang trí rẻ tiền cho toan tính quyền lợi...

Lớp cầm quyền: Lớp lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước, Lớp doanh nhân ăn theo, lớp hy vọng hưởng lợi, lớp công lực:

công an, quân đội; Tầng lớp muốn thay đổi: cuộc sống bế tắc, ủng hộ thay đổi.

Người Việt trong nước: Đây là một trở lực lớn khi mà người dân trong nước sau bao nhiêu năm sống trong môi trường thiếu tin tức, đã bị nhiễm độc âm mưu tuyên truyền của Cộng Sản, xem những thành phần chiến đấu cho dân chủ tại Hải Ngoại là hoạt động chống phá nhà nước, rước ngoại bang để chịu hàng phục làm nô lệ! Tuy nhiên, ngoài lực cản như trình bày thì lực lượng trí thức của người Việt nước ngoài đông đảo mang nguồn tư tưởng dân chủ tiến bộ là một nguồn lực vô cùng quý giá sẵn sàng cổ vũ sự thay đổi, xây dựng lại đất nước sau ách toàn trị.

Quốc nội: Số ít chưa nhận ra đại họa Tà Cộng. Trong số Dân đã nhận thức được đại họa của Quốc Dân, thì đa số Dân quá ù lì thụ động, kể cả hàng ngũ Chức Sắc các Tôn giáo, Nhân sĩ, Trí thức, chỉ thờ dài thất vọng hoặc khóc, mà không biết nên làm gì (?)

Cái khó là nhìn thấy hướng đúng, hướng phù hợp với từng người! Cái khó vạn nan kế tiếp là hăng hái bước lên đi vào hành động.

Qua sự nhận xét của một người con Việt trong nước cùng với những lời biện bạch trên, người viết xin diễn lại bức tranh vắn cầu chập chùng những ý nghĩ lộn xộn trong những ngày quốc phá gia vong và suy nghĩ miên man sau 43 năm trong cuộc hành trình chưa thấy... Điềm đến!

Xin chia xẻ cùng bà con.

Đây không phải là lời tự thú hay than thở, hay nói về mình. Nơi đây tôi chỉ muốn nói lên vài điều suy nghĩ của một người con Việt mà thôi.

Đó là:

Đừng bao giờ mơ tưởng những người Việt cộng sản Bắc kỳ là người Việt Nam.

Và để thoát khỏi ý nghĩ tiêu cực trong những ngày đau thương của Đất và Nước, tôi tự điều hướng cho chính mình cần phải hành xử trong tương lai như:

. Đứng trước quá khứ, hãy ngả mũ. Đứng trước tương lai, hãy XẤN TAY ÁO (H.L. Mencken) và chúng ta phải tiếp tục giữ lửa Quê Hương trong lòng mãi mãi.

Lời ca của cổ nhạc sĩ du ca Nguyễn Đức Quang đã kéo tôi về với thực tại, bài “Không phải là lúc”, bắt đầu bằng “Không phải là lúc ta ngồi đặt vấn đề”, để rồi kết thúc bằng một quyết tâm dứt khoát “...Làm việc đi không lo khen chê, làm việc đi hãy say và mê, cứ bắt tay gan lý, chúng ta giải quyết. Mình chậm chân đi sau người ta, mà ngồi đây nghĩ lo viễn vông, thắc mắc ngại ngần biết khi nào mới làm xong!”

Và cũng chính vì mang quyết tâm trên mà tôi vẫn “Không đặt vấn đề với anh em, nhưng chắc chắn đưa con Việt này dứt khoát đặt vấn đề những người đang tàn phá Đất và Nước của Ông Cha để lại.

Và tôi “đặt vấn đề” với người Cộng sản Bắc Kỳ, đã và đang chấp nhận và tiếp tục đóng vai trò “thái thú biết nói tiếng Việt” cho Trung Cộng thực thi “Đại Họa Mất Nước” để hoàn tất công cuộc Bắc thuộc lần thứ V.

Nhưng tôi cũng không quên dứt khoát đặt vấn đề với những kẻ cuối đời vẫn còn bon chen danh lợi, bất kể cô ý hay vô tình, bị rơi vào cái bẫy lợi danh của Cộng sản, cái bẫy của “cây gậy và củ cà rốt” với cây gậy đập trên đầu mà củ cà rốt vẫn không cho ăn, cái bẫy của Cộng sản muốn mượn tay người Quốc gia “bôi đen” người Quốc gia chống Cộng, cái bẫy “gây rối cộng đồng” do những tay ăn bã của cộng sản; những kẻ dễ đánh mất thân phận làm “người” của mình, bất kể đó là loại “người” gì; lắm khi đó là những con “ếch” muốn làm con “bò”, cho dầu “ếch” hay “bò”, “nhỏ” hay “lớn”, vẫn không phải là... “người”.

Xin ghi lại và góp phần vào những Ngày Buồn Tháng Tư của những người con Việt.

Mai Thanh Truyết



NGUYỄN HỮU NHẬT

22.6.1942 - 11.12.2014

Cà dao Mẹ (Tình khúc trăng rằm 1)

Kể từ buổi Mẹ sinh con
đường hoa dâm bụt màu son trái đầy
rủ nhau chim sẻ hớp bầy
xuống sân nhật thóc vàng thay nắng vàng
vườn mùng cánh gió lướt ngang
rung chùm bông bưởi đa mang hương đời
cây mà bố gọi sống đời
nụ tươi tắn nở miệng cười lẳng lơ
đầu cành buông sợi lưới tơ
mỏng thưa tiếng vọng rơi hờ cuối sông
liếc nhẹ vào khoảng trời không
mây lên men sứ xanh trong mắt người
mơ trên đôi chim hải hoi
rượu tắm hương thoảng, quả ròi canh say
lượn nghiêng cánh lụa khẽ lay
con chuồn chuồn ớt, đỏ gay gắt mình
mặt ao in bóng lặng thình
mặc đàn cá chép động tình nháy lên
ông ngồi tìm chữ đặt tên
bố trông con ngủ bình yên mỉm cười
bà bưng bát nước chè tươi
mẹ run tay đỡ, với lời cảm ơn.
lớn lên đời bớt đẹp hơn,
đôi khi con sống chẳng ơn ông bà

mẹ ơi, con lúc cúng hoa
lòng ân hận đã làm cha mẹ buồn.



ĐÀM TRUNG PHÁP

Khi thi nhân là thiền sinh

Cõi thơ là nơi trang trọng. Để thi nhân gởi gắm tâm tư. Trong thi tập DẤU CHÂN DU TỬ Như Phong đã gởi đến tâm tư người

đọc những ưu tư ray rứt, những ăn năn ước vọng thâm kín sao cho được tự tại đối với bản thân và hoàn cảnh để có thể vượt lên trên mọi thăng trầm của cuộc đời. Đây là tâm tư của một thi nhân trữ tình, một Phật tử đạo hạnh, một thiền sinh đang vất vả tìm tuệ giác.

Trong tập thơ đầy màu sắc Phật giáo này, người đọc cũng sẽ tìm thấy vần thơ trữ tình lãng mạn, như đoạn kết của bài “Rồi Mai Kia”

Rồi ta sẽ yêu em sâu hơn lòng bể

Yêu em nhiều hơn cây lá trong rừng

Ta sẽ đưa em lên ngôi hạnh phúc

Cho thế gian vạn tuế tình mình

Thơ Như Phong chứa đựng nhiều ý niệm Phật giáo như luân hồi, vô thường, trầm luân cõi vô ưu, hóa thân và duyên nghiệp. Những tín điều ấy được anh nhắc đến trong những câu thơ trang nhã. Trong những lúc trầm tư mặc tưởng về cuộc đời mình

Như con ốc xoáy vào đời vật vã

Đời vô thường nghiêng ngả kiếp ba sinh

(Hồn Người Du Tử)

Từ ngày khởi sự khóc chung

Thêm trăm năm nữa còn trong luân hồi

(Mộng Vàng Còn Say)

Lời kinh vọng về từ cõi vô ưu

Cứu một linh hồn trầm luân khôn khổ

(Bóng Đời)

18 Trâm Hương

*Kiếp xưa e rằng có nợ nần nhau
Nên kiếp này hóa thân làm du tử
(Ta Cài Kín Cửa Tìm Ta)*

Tâm hồn Như Phong suy tư để thấp sáng hiện hữu là một
Chính niệm hiền từ, bác ái, ăn năn của một hành giả đang
tọa Thiền.

*Ta đóng cửa nhốt nỗi buồn thiên cổ
Lắng nghe hồn mình lạnh buốt trăm năm
Trong bóng tối nghe ra từng nhịp thở
Một trái tim buồn trần trở ăn năn*

(Bóng Đời)

*Đêm mênh mộng hồn chơi vơi như mộng
Từng hồi kinh khai sáng những tham sân
Trong tâm thức như dần khai ánh sáng
Ánh Bồ Đề soi rõ đạo tâm*

(Tiếng Kinh Khuya)

*Nếu ngòi bút là lưỡi gươm thiêng
Sẽ không còn xương rơi máu đổ
Mà tiếng ca
Vang lên khắp nẻo phố phường*

(Khi Bút Thành Kiếm)

Theo thiền sư uyên bác người Nhật D.T Suzuki (1870-1966) đã có công giải thích “Thiền” cho người tây phương hiểu, thì Thiền (Zen) là phương tiện chính yếu để các hành giả phát sinh ra cho mình được cái hoạt lực tâm linh (spiritual vitality). Hoạt lực này là sức mạnh có thể đưa tới “Tự thực hiện con người” (Self-actualization) chuẩn bị cho mục đích sau cùng là Tuệ giác, hoặc Ngộ (satori trong tiếng Nhật), (enlightenment trong tiếng anh). Trong tiếng trình này, các hành giả phải thắng một cuộc vật lộn nội tâm, đòi hỏi một cảnh giác lâu dài tốn nhiều công sức. Nỗi đau nội tâm ấy được thiền sư Suzuki ví như cảnh dầu sôi sùng sục trên ngọn lửa phừng phừng cho đến khi Thiền sinh nở nụ cười và chào mừng các hành giả đã thoát khỏi u mê và đã tới bến.

Những tâm tình trần trở của Như Phong trong DẤU CHÂN DU TỬ phản ánh được bước đầu tiên đầy gian khổ tâm linh trong tiến trình đi chinh phục tuệ giác của một thiền sinh. Chính một Như Phong đang sôi sùng sục trên ngọn lửa khổ tu đã cho chúng ta những vần thơ đẹp, thật thành khẩn mà tôi xin được hân hạnh giới thiệu cùng quý bạn yêu thơ khắp nơi.

GS. Đàm Trung Pháp

Texas Woman's University

Đêm Ruột Bết Hư Không (trích thơ như phong)

*Đêm thức trắng
ngõ đời sao hoang vắng
đường trần gian sỏi đá cũng rong rêu
ta lẫm tử bước chân đời đã mỏi
đêm mù khơi ngời hoá đá ven đường
em chợt về giữa cơn mơ huyền hoặc
ta vươn tay chớp bắt bóng hư không
đêm trắng xóa một màu tang trắng xóa
người với người phút chốc hóa hư vô
gió giao mùa ru buồn hồn phiến lá
xanh xao gầy trên đỉnh gió cô đơn
còn nỗi nhớ nào thoi thóp từng cơn
đêm hoang vu nghe hồn quên réo gọi
bước chân hoang lạc loài riêng nỗi nhớ
lạnh nhân gian mù mịt cõi đi về
cuộc tình sâu tương tư dài lê thê
ta trú thân giữa trần đời oan nghiệt
thờ phượng em một tình yêu bất diệt
trái tim ta vừa quán mảnh tang buồn
đêm sâu thăm ngời nhớ em rất nhớ
gọi hồn nhau rờn rợn tiếng vô hồn
bước chân nghiêng nghe trái tim thổ huyết
tình yêu nào bất chợt hóa cơn điên
đi về đâu giữa đêm tàn oan nghiệt
hoi thở xanh xao giữa cõi u miên.*

20 Trâm Hương



NGUYỄN MẠNH TRINH

Vài nét về tác giả

và tác phẩm

Nguyễn Xuân Hoàng

Thời đại của Nguyễn Xuân Hoàng là một thời thế đặc biệt. Ở đó, đầy những biến cố từ thuở kháng chiến chống Pháp, đến thời đệ nhất, đệ nhị Cộng Hòa, từ những cuộc di cư đến ngày di tản, từ cuộc vượt tuyến di cư vào Nam đến vượt biên tị nạn xứ người. Những biến cố ấy tạo cho cả một thời đại những nét chung mang nhưng lại là những điều riêng biệt trong ký ức mỗi người.

Đọc sách viết về thời kỳ ấy hay viết để kể lại, cái nét chung ấy nhiều khi chuyển thành riêng biệt. Trong văn chương, lấy cái chung làm cái riêng của mình chẳng phải là dễ dàng. Nguyễn Xuân Hoàng là một tác giả mà trong tác phẩm của mình đã mang độc giả đi qua những cảm giác tiền chế của cái chung để đi vào cái riêng của mình một cách rất nghệ thuật. Chính cái nét sống động, của những mảnh đời thật, của biến cố thực, của cảm giác thực đã làm độc giả đi vào một thế giới với sự tò mò qua nhiều câu hỏi. Nguyễn Xuân Hoàng? Trần Lâm Thăng của Người Đi Trên Mây và Bụi và Rác? Là tôi trong Tự Truyện Một người Vô Tích Sự, trong Ngôi Nhà Ngói Đỏ?

Hay là tôi của Mang Mang với thi sĩ Hoàng Vu hoặc trong câu thơ “Nhà Trang Hang Động Tuổi Thơ”? Nhà văn? Nhà giáo? Nhà thơ? Nhà báo? Don Juan hết thời? Người đi trên mây?... Là một phần hay tất cả trong văn chương và đời thường? Những câu hỏi như thế cứ quanh quẩn trong tâm cảm người đọc. Dù có thắc mắc, nhưng tác giả đã khẳng định ở bìa sau Người Đi Trên Mây: “Cái tôi

Trầm Hương 21

trong truyện đương nhiên không phải là cái tôi ngoài đời. Tôi là một người khác.” Tác giả nói như thế.

Vậy, tôi là ai, ai là tôi? Một câu hỏi khó cho một thi sĩ đã viết:

*“Người Đi Trên Mây
Tôi. Hay chính ai?
Sa Mạc dậm dài
Ai. Hay riêng tôi? Ý Nghĩ Trên Cỏ
Tôi? Nguyễn Xuân Hoàng
Ngôi Nhà Ngói Đỏ Nguyễn Xuân Hoàng. Tôi?
Trong Bụi Và Rác
Sinh Nhật. Mù Sương
Bắt đầu trôi dạt
Câu thơ. Mang Mang
Một Kẻ Tà Đạo
Người khác hay tôi?
Trong thời đông bão
Nổi hoặc bời bời.
Người Vô Tích Sự
Tự Truyện một đời
Chân dung lịch sử
Vài giọt nắng soi
Tôi hay kẻ khác
Tôi hỏi tôi hoài
Gọi tôi lạ mặt
Ấn dấu một mai
Ngày nào xa khuất
Gió lộng hiên ngoài..”*

Những tác phẩm của một đời và cũng của một thời. Cái nợ văn chương dường như chẳng bao giờ làm vui người gánh nghiệp. Những nhan đề sách như cùng chuyên chở một nỗi băn khoăn của thời đại như những viên gạch nối tiếp nhau của ngã đường đến một phương trời nào mà đêm và ngày không còn phân biệt và thiên thần và quỷ dữ chẳng khác gì nhau. Sống trong chiến tranh, chịu những cuồng nộ

của chiến tranh và mong đợi hòa bình. Nhưng, chỉ là cơn mộng. Cho nên vẫn đi trên mây như cả một thể hệ cũng đi trên mây. Mây không phải chỉ là mây hồng tươi đẹp hay mây vàng hôn phối mà còn là mây của bụi và rác, của những trận cuồng phong, của những cõi người thất tán. Nguyễn Xuân Hoàng viết khác với những người đi trước, không giống những người đi sau và nhiều khác biệt với người cùng thời. Ông chẳng thích đóng vai nhân chứng mà cũng chẳng muốn làm người kể chuyện. Mỗi cuốn tiểu thuyết, mỗi một bài thơ, mỗi trang tùy bút, cũng chỉ là một giai đoạn trong hành trình tìm cái đẹp. Vượt qua. Những định kiến thế nào là văn chương cổ điển hay hiện thực, hiện đại hay hậu hiện đại. Ghé qua tân tiểu thuyết rồi để trở lại với mình, với một Nguyễn Xuân Hoàng luôn luôn vật vã với ước vọng làm mới văn chương. Triết học Tây phương hình như cũng có chút ảnh hưởng trong suy nghĩ nhưng làm văn chương ông thoát ra khỏi cái niền kim cô của luận lý muôn đời có sẵn.

Có những người yêu tiểu thuyết Nguyễn Xuân Hoàng. Hay mến chuộng những trang tùy bút. Và yêu những bài thơ viết rất hiếm hoi. Và tiếc sao Nguyễn Xuân Hoàng không là thi sĩ. Bài thơ đầu tiên ký tên Hoang Vu, một bút hiệu lạ đăng trên tạp chí Hiện Đại của nhà thơ Nguyên Sa với lời giới thiệu: “Có phải nỗi buồn tập hợp trên mắt những người trẻ tuổi ấy phảng phất niềm đau của thế kỷ bây giờ”, bài thơ Mang Mang của âm điệu một thời, ngữ ngôn một thuở của những năm đầu thập niên 60 thế kỷ 20. Một bài thơ lục bát đã có lúc thành dòng thi ca thời thượng:

*Từ xa phố chợ đến giờ
chân quen bỏ lệ gõ bờ lộ quen
hoang vu chín đèn độ thềm
lạnh tàn nhẵn rót vào đêm lên đường
mùa sương phố núi mờ sương
nhịp buồn hút gió hôn nương sao rừng
chuyện linh hồn với bản thân*

*bàn tay thượng đế mộ phần chiêm bao
đôi thông xanh tóc nghen ngào
ngập ngừng lạnh xuống từ bao lâu rồi
còn tôi, còn chỉ mình tôi
mây bay đầu núi kéo trời lên xa
bàn tay thoáng nổi da gà
thâm sâu lòng đất nhà ga luân hồi. ”*

Bài thơ có một cái gì của khởi đầu, của những điều không có lúc chấm dứt, của mở ra rồi bỏ trống. Không gian có lúc không còn của đôi thông, của phố chợ mà là những hình ảnh khác, của thế giới khác, sâu lắng hơn và cũng... hoang vu hơn. Có một điều tôi nghiệm ra, thơ từ cội nguồn như thế nên những cuốn tiểu thuyết, những bài tùy bút Nguyễn Xuân Hoàng đều có “mang mang” một dòng thơ ở trong dù ở trong phong thái lạnh lùng, của cảm giác bị nén xuống để thành ám ảnh thành kỷ niệm. Thơ có phải là nguồn của dòng chữ viết văn xuôi?

Đọc truyện dài Nguyễn Xuân Hoàng, người đọc như đi vào một thế giới mà ở đó, những cảm giác vỡ tràn trong những nhận thức man mác của một cuộc sống nửa mê nửa tỉnh. Kỷ niệm, như bóng tối làm nền cho những dương bản chói rọi, và những đối nghịch của thực và mộng là căn bản cho những phận đời tuy trong tiểu thuyết nhưng bằng bạc trong thực tế...

Đọc Khu Rừng Hực Lửa, Sa Mạc, Người Đi Trên Mây, Bụi Và Rác,...thấy thân phận của người trí thức trong một cuộc sống thật nhiều biến cố. Những thay đổi đến tận gốc rễ của một thế hệ mà con đường trường hành là nẻo song song của cõi binh lửa, của những cái chết ở ngoài xa tiền tuyến mà lại tác động đến những cuộc đời của những người thành phố. Những nhân vật dường là hình tượng tổng hợp của nhiều người, gần cận bên ta mà cũng xa lạ với chúng ta. Có những suy tư, có những dằn vặt, và hình như ở bất cứ cảnh ngộ nào, cũng là những ngõ cụt, của những nỗi niềm tràn ứ mà không lối thoát...Cái tâm cảm bất lực ấy dường như đã quen thuộc với thế hệ chúng tôi. Những cảnh

ngộ , mà, mọi toan tính cố gắng đều vô dụng. Con người, cuốn trôi theo cơn lũ thời thế...

Nhiều người gán cho Nguyễn Xuân Hoàng cái tên của chính tác phẩm ông - “Người đi trên mây”. Hình như nhà thơ Nguyên Sa có nói ai mà chẳng có lúc đi trên mây. Nhưng có nhiều thứ mây, có loại êm đềm thơ mộng nhưng cũng có loại gây ra cuồng phong bão tố. Ông nhắc đến đám mây của Trần Lâm Thăng, nhân vật chính của Người Đi Trên Mây, của Bụi Và Rác:

Đám mây màu đỏ hất thầy giáo Trần Lâm Thăng ra khỏi trường học, nơi anh dạy Triết, khi mà triết học dưới màu mây đó chỉ là “một môn học bá láp”. Mây đỏ đẩy “người đi trên mây” vào nhà giam ở vùng phan Thiết, ném anh xuống đáy xà lim ở Kiên Giang. Trần Lâm Thăng bị những đám mây màu đỏ xô đẩy đi từ phi lý này đến phi lý khác, sự phi lý ghen hòng của các thầy cô trước những giáo án, giáo trình, những lớp học bị dòm ngó, phi lý cuộc đời của Tư Long, phi lý khi trở về nhà sau những năm tháng giam cầm vợ con đã biến đi mất, phi lý bị tổng vào xà lim chỉ vì cao hơn những người tù khác một cái đầu.

Nhưng thật kỳ lạ, đứng trên những đám mây của quê hương tự do, thầy giáo Triết Trần Lâm Thăng quả thực đi trên mây, nhưng hôm nay, đi trên những đám mây màu đỏ hình tượng “búa liềm” “người đi trên mây” Trần Lâm Thăng lại di chuyển bằng những bước thật vững vàng. Trần Lâm Thăng từ chối không dạy học cho một trường trung học đã bị biến thành một nhà giam, từ chối và thúc đẩy bà chị dâu không cho bọn công an cướp sống ngôi nhà, từ chối đứng về phía Mười Tân, một khuôn mặt rất Trần Bạch Đằng của Việt Nam sau bảy mươi lăm...”

Đọc “Ngôi Nhà Ngói Đỏ”, những truyện ngắn như những nhát cọ của lưỡi dao sắc, bén, và phác họa được cảnh sống của những người luôn lầm lũi trong sương mù. Cái bàng bạc của triết học dường như làm nền tảng cho những cảm giác thăng hoa trong cõi ngôn ngữ mở rộng trong nhiều cánh cửa. Những cuộc đời trôi theo những lượn

sóng, để cảm giác lênhên của những hàng chữ mãi bênh bồng. Mô tả bằng vài phác họa, trong cái chất lọc cô đọng những xúc cảm. Và, có một lúc, xúc cảm vỡ òa trên trang giấy.

Đọc “Tự Truyện Một Người Vô Tích Sự”, để những câu hỏi đặt ra mà nhiều khi thấy thừa thãi câu trả lời. Có những điều nói hoài mà chẳng đủ nhưng có những việc, chỉ trong một sát na ngắn ngủi cũng đủ hiểu thấu. Về chân dung từng người trong gia đình, để vẽ lại chân dung chính mình, nhân vật xưng Tôi trong truyện dường như có tham vọng vẽ lại cả một không gian, thời gian mà trong đó, những chuyện tử sinh, những bên này, bên kia quốc gia, cộng sản là những chất liệu của một thời thế hỗn mang của lịch sử. Có nhân vật chỉ là cái bóng, nhưng lại là những ám ảnh khôn nguôi. Xuất hiện trong chuyện kể, từ người cha, người mẹ, người anh cả, người anh thứ, người chị tên Thảo, tất cả bị cuốn vào một cơn lốc, mà, ở đó, nổi chết là một phương cách giải quyết hợp lý cho từng nút thắt của truyện. “... Khi còn ở đảo tôi hay tin người anh lính Không quân đã chết trong trại giam. Ông anh cả tôi cũng không còn nữa. Một lá thư từ bên nhà gửi qua cho biết ông ấy chết hơi khác thường: tự tử bằng một viên đạn bắn vào đầu. Qua thư từ tôi biết thêm sau khi ông đi thăm người anh lính Không quân bị bệnh nặng nằm chờ chết trở về, ông đã chọn cái chết của chính mình như một cách nói lời tuyệt vọng. Mười năm sau khi lần chiếm miền Nam, đất nước càng ngày càng tan nát, đời sống người dân ngày càng xuống thấp, trong khi máu mủ ruột thịt bỏ đi xa hay vẫn còn nằm trong lao tù của chế độ mà mình phục vụ, có lẽ đã là động cơ thúc đẩy hòng súng quay về phía ông. Đôi khi tôi nghĩ cái lẽ sống mới quan trọng hơn là sự sống. Có phải vì thế mà ông anh cả tôi hành động kiểu đó chăng? Đó là tôi suy nghĩ vậy, chứ tôi không dám chắc lắm đâu...”

Chuyện ấy, người bên này, kẻ bên kia trong một gia đình, có lẽ quen thuộc. Nhưng cái kết cuộc khốc liệt ấy, thì hiếm hoi hơn. Người chiến thắng, kẻ chiến bại trong một

cuộc chiến “vô tích sự”. Và , những hy sinh xương máu, những đổ vỡ chia ly là những hệ quả tất yếu của một tấn thảm kịch của dân tộc kéo dài nhiều thập niên. Lấy gia đình mình làm đề tài, người kể chuyện xưng tôi hình như vượt qua vai trò của ngôi thứ nhất số ít. Nỗi đau, của một thế hệ có lẽ sâu lắng ngậm ngùi hơn từ những chủ quan của những cuộc sống mù mịt hướng đi, của những ngã rẽ mà khi quyết định là những trò chơi đồn đũa với may và rủi.

Đọc “Ngôi nhà ngói đỏ”, đọc “Barbara”, đọc “Giáng sinh, hãy chờ”,... để thấy được một tâm cảm lắng mạn. Những quá khứ như những kỷ niệm không thể quên và tách rời khỏi đời sống, mãi mãi về sau, lần khuất bên cạnh. Chúng ta, ai mà chẳng có nỗi niềm riêng, nhưng phong thái biểu lộ thì có người trầm lắng có người sôi động.

Ở tác giả “Ngôi nhà ngói đỏ”, là một trường hợp đu dây giữa thực và mộng. Thấp thoáng là sương mù Đà Lạt, là mưa giọt phố Sài Gòn, là bãi cát hoang vu Nha Trang thời thơ ấu. Có phải đó là hành trang để đi vào một cõi văn chương mà tình yêu đã trở thành bông hoa trang sức. Trái tim vẫn có nhịp đập của nó, dù ở bất cứ trạng huống nào và sự ngưỡng vọng, đôi khi là niềm tin để bước đến và đi cùng tận cuộc sống.

Nhân vật của ông, có khi xưng tôi, có khi là ngôi thứ ba nhưng, không phải là biểu hiện của một người. Mà, là tổng hợp của nhiều khuôn mặt. Có thể, một người mà đa diện phong phú đến như thế chẳng? Để, nhiều người, đọc và nhìn vào đó, soi gương để thấy bằng bạc nhân dáng, cảnh ngộ mình. Nhưng, cái tâm cảm chung thì rõ nét. Tâm cảm của những người hình như không bao giờ vừa lòng với cái mình hiện có. Họ nhìn về quá khứ, ngơ ngác với tương lai và ngập ngừng trong hiện tại. Nguyễn Xuân Hoàng có phương cách diễn tả của ngôn ngữ, gọn và sắc, bén như những nhát gươm nhưng cũng lạnh lẽo như kỹ thuật tiểu thuyết không tiểu thuyết, truyện không truyện. Chất mơ hồ làm đặc quán lại những không gian thời gian để những tác động với con người thành những gián tiếp cho cảm xúc.

Trong mô tả, là tâm tình dồn nén vào trong suy tư của mình. Giữa hư cấu và hiện thực, có biên giới khá mơ hồ. Ông hay viết về những cơn mơ, của ước muốn luôn luôn áp ủ về những hình bóng lúc xa lúc gần nhưng hiện diện hàng ngày trong cuộc sống.

Nhà văn Nhật Tiến thấy truyện “Barbara” làm ông xúc động. Nhà văn Hoàng Khởi Phong tâm đắc với “Tự Truyện Một Người Vô Tích Sự”. Riêng tôi, tôi đọc “Đoản Văn Viết ở Cali” nhiều lần và mỗi lần đọc, tôi lại thấy mình phiêu du vào những thế giới cảm quan khác nhau. Tôi đọc, thấy lại những ngày tháng qua. Gần hai mươi năm rồi có phải? Tác giả “Người Đi Trên Mây” có lúc như đã cho tôi chia sẻ để “share” những trang nhật ký. Có lãng mạn, có thơ mộng, có bông bênh. Có những cơn mưa, ở nơi này nhớ nơi kia. Có Pasternak và có Đỗ Phủ, có mùa hạ bãi trường và mùa thu tựu trường, có Paris và Virginia,... nghĩa là tràn ứ những dữ kiện, những cảm giác. Với tôi, đó là những đoản văn tuyệt vời tuy có người đã cho rằng đó chỉ là những ghi chép vụn vặt. Tôi yêu cái lãng mạn nhưng gần gũi với cuộc sống. Ai trong chúng ta mà không có lúc thấy xao động cùng trời cùng đất? Ai trong chúng ta mà không có lúc lái xe một mình mà đắm trí nghĩ về ngày tháng xưa, kỷ niệm cũ. Nhất là, với văn phong bay bướm của một nhà văn đi tìm cái mới lạ trong cái cổ điển như Nguyễn Xuân Hoàng.

Tôi đọc. ”Mưa Cali nhớ Phạm Ngũ Lão”:

“Cali mưa cơn mưa nhỏ chợt đến chiều nay trên đường Westminster như một người khách lạ không hẹn mà tới, Những hạt mưa lớn, thưa, gõ từ tốn trên mặt kính chắn gió nghe như tiếng mưa thuở nào rơi trên mái tôn trước hiên nhà.

Bầu trời ảm đạm, thấp và nóng. Cali đang mùa hè. Cơn mưa tuy không đủ sức làm dịu những cục than hồng, nhưng có thừa cái sắc bén của con dao cau rạch trong tôi những vết thương hoài niệm.

Mưa gõ đi từ góc ngã tư đường Harbor-Westminster là những mũi kim xoi đâm trí nhớ. Mưa dẫn tôi đi trở về trên những con đường quen, khu phố cũ, những bạn bè xa xưa...”

Tôi lấy làm lạ tại sao Nguyễn Xuân Hoàng ít làm thơ. Bởi vì tôi thấy cỗi thơ bát ngát trong những đoạn văn vừa đọc. Cảnh làm gợi nhớ người, thơ làm cho cảm giác chơi vơi hơn trong cái tro trọi của thực tại.

Cái trí nhớ ấy có lẽ đầy chật những ý thơ, những câu của ca dao ngàn xưa nhưng còn sống mãi. Sau này, khi ông phụ trách tạp chí Văn, viết những trang sổ tay, tôi vẫn thích những dòng chữ ghi lại từ những ngày tháng thực, dù vội vàng nhưng có nét đáng yêu của những vần thơ tiềm ẩn bên trong...

Ngôi Nhà Ngói Đỏ in năm 1989. Tôi đã đọc một trong những cuốn đầu tiên mang từ nhà in về. Đến nay, đã mấy chục năm. Bây giờ, thỉnh thoảng giở ra đọc, vẫn tìm được những nét xao động của tâm tư một thời. Chủ quan tôi, đây là một tập truyện ngắn xuất sắc. Xin nhấn mạnh, đối với tôi, một độc giả. Những truyện viết đều tay, có cảm xúc chân thực làm người đọc dễ chia sẻ. Văn phong bay bướm của từ ngữ nhiều hiên lộng như những viên đá tảng lót đường cho những bước chân đi tìm cái đẹp. Thời gian qua, nghĩ đến Sai Gòn, Đà Lạt, Nha Trang,.. tưởng về người cũ, tôi lại giở những trang sách và như một lúc trở về chốn xưa. Có như thế. tưởng tượng như mình trẻ lại, của mới thuở nào. Và, để nhớ lại cái nổi tức bực của tác giả Người Đi Trên Mây khi trang đầu là “Ngôi Nhà Ngói Đỏ” khi ngoài bìa là “Căn Nhà Ngói Đỏ” của ấn bản đầu tiên. Phải, dường như mới ngày nào, gần lắm, như hôm qua, hôm kia của cuộc đời... Những câu chuyện vẫn còn sức sống, có phải?

Nguyễn Mạnh Trinh



VŨ TIẾN LẬP

Thiên đường nửa cõi

*Hèn nhát vỡ tan theo tự cách
Nỗi đớn đau vỡ tan theo tự cách.
Con kên kên vỡ ra đường bay.*

*Ánh sáng hào hức ủa vào khoảng trống,
thậm chí những bóng ma cũng nâng ly uống.*

*Và những bức tranh thấy ra bầu không gian,
thấy ra loài quý đỏ nơi gian nhà của thời băng giá.*

*Mọi thứ bắt đầu nhìn loanh quanh.
hàng trăm người đi ra trong ánh mặt trời.*

*Mỗi con người là cánh cửa khép mở
dẫn đến một nơi cho cả mọi người.*

*Những cánh đồng bắt tận dưới kia.
Nước lấp lánh giữa những rừng cây.
Và hồ nước là cửa sổ vào quả đất.*



PHAN BÁ THUYẾT DƯƠNG

Bài tâm ca vô niệm

1.
kìa ai,
bên suối ôm ảo tượng
mắt đã hoang vu bụi lốc huyễn hờ
vũ trụ chết
tàng âm thanh lắng đọng
tay ơ hờ vuốt gió hát băng quơ

2.
tâm niệm lặn,
lững lơ sương ốc đảo
gánh càn khôn u ẩn tiếng mưa khơi
tóc khô kiệt kết tinh mùi thủy thảo
thoáng mờ xa từng lượn sóng rã rời

3.
qua cổng nắng
sỏi cánh mềm hải điều
cát lao lung
phủ áp đá dung tình
ai thẳng thốt ướp thiền hoa mỹ diệu

*buông tiền thân,
xua tự ngã u minh*

4.

*mây xám tạc hình ẩn khách
xiêm y loạn lửa chân như
nguyệt tàn, cõi giam sấm động
cung thương lạnh phím ngù ngờ*

5.

*rượu tàn canh
rượu tàn canh ngập ngừng chân du mục
réo gọi hồn phiêu lãng phách trầm luân
tâm huyền niệm – ý lạc loài vô thức
em
em về chưa, sao dư ảnh chập chùng*

6.

*sưởi hâm chi ngọn tình hương phấn cũ
ta về đâu
ta về đâu chiều đã mỏi cánh bay
lỡ tha hóa như rừng sâu tróc lá
loảng âm hao lã mộng gối vân đài.*

7.

*thôi nhé em
giếng hồng hoang cô tịch
trót cạn nguồn lạch kín dấu thiên di
đèo hun hút
bạt ngàn
đêm tận tuyết
rải sa mù
khuất bóng nẻo từ ly.*

Phan Bá Thụy Dương



ĐÀO LÊ

Đôi mắt

*Đôi mắt nhưng huyền chứa cả ngàn thu
Vời vợi biển xa sóng gọi dạt dào
Để giấc mơ tôi ngủ vùi mi khép
Mộng ước muôn đời hai đưa bên nhau*

*Đôi ánh sao trời lung linh mắt em
Bao la mình nguyệt, chân mây ai tìm
Thức ngủ chập chờn chung niềm nhung nhớ
Còn ánh mắt nào rưng rưng trái tim!*

*Sao chẳng lau giùm giọt nước ướt mi
Từ thuở tình si, đời có vui gì?
Bờ sông song song trời làm ngăn cách
Giang vĩ giang đầu sầu mãi phân ly*

*Ngàn lá trong vườn như có linh hồn
Ánh mắt lá xanh mòn mỏi chờ trông
Nhớ ai? Nhớ ai mỗi mùa lá đỏ?
Nói gì đi mắt kéo môi ta buồn!*

*Trăng đầy nước như mắt em thần thờ
Để tôi hữu tình ru chữ nên thơ
Đôi mắt hư vô là khung cửa sổ
Hai đưa tìm nhau chỉ thấy bơ vơ!!!*



PHAN TRANG HY

Blogger sợ chữ

Những ngày Tết, ngoài chuyện đi thăm bà con, bè bạn, tôi lại lên mạng. Các trang mạng đều có lời chúc mừng năm mới, đại ý là chúc sức khỏe, chúc tấn tài, tấn lộc, hạnh phúc, an khang... Dẫu là người khó tính đến mấy đi nữa, nhưng khi đọc những dòng chữ ấy, bạn cũng cảm thấy có chút vui như được nghe lời nói, như thấy được nụ cười lịch thiệp, chân tình của người chúc Tết mình.

Tình cờ, tôi vào một trang blog. Xin phép cho tôi được nêu tên dù có trùng tên của ai đó. Xin chớ hiểu lầm tôi. Tên trang mạng là Blogger sợ chữ. Quả là tên gây ấn tượng!

Nếu bạn đọc những gì đã lưu trữ, liên kết trên trang mạng này, bạn sẽ thấy tay chủ blog này là tay sành chữ nghĩa, ham lý luận. Hầu hết các bài viết của tác giả đều đụng chạm đến cơm áo gạo tiền, đến con heo, con cá, đến Hoàng Sa, Trường Sa, đến chiến tranh biên giới phía Tây Nam, phía Bắc trong cuộc chiến với Pôn Pôt, với giặc Tàu để giữ từng tấc đất tấc lòng, đến phòng chống tham nhũng, đến luật đất đai... Còn liên kết thì khỏi phải nói, liên kết các tờ báo lớn trong nước, ngoài nước, liên kết với các trang văn học nghệ thuật, liên kết với các trang chính trị, trang blog khác... Nhìn chung, chỉ cần vào trang này, bạn có thể đi tắt cả các trang khác. Không sợ tường lửa, không sợ bị mất mật mã, không sợ ai theo dõi, không sợ thiếu chữ nghĩa trên đời này. Kể cũng tiện lợi thiệt, nếu vào trang

mạng của hấn ta. Chuyện xưa, chuyện nay đều có; chuyện Đông, chuyện Tây cũng có; chuyện đẽ, đái, chuyện đánh nhau, chuyện chiến tranh, hòa bình, chuyện thiên tai, chuyện thử vũ khí hạt nhân, chuyện hiếp dâm, chuyện bầu Giáo hoàng cũng có... Tất cả có! Nếu mệt, bạn cứ mở trang liên kết thư giãn, có thể đó là trang có những giai điệu tuyệt vời của nhạc thánh phòng, có thể là giai điệu nhạc trẻ. Có thể đó là trang mạng gợi cảm, gợi dục. Kể cả chuyện bày cách làm tình, cách sử dụng sextoy, nếu bạn cần.

Và rồi theo địa chỉ mail có trên trang Blogger sợ chữ , tôi đã liên lạc với chủ nhân.

Ngày thứ nhất trong tháng, tôi mở mail. Nhận được mail của hấn. Cũng chỉ là lời chúc xã giao như bao người mới làm quen trên mạng. Tôi dè chừng hấn. Xem chừng, hấn cũng dè chừng tôi.

Ngày thứ năm trong tháng, tôi gửi mail cho hấn. Tôi chờ hấn trả lời. Vẫn bật tắt. Mãi đến cả tuần sau, tôi mới nhận được mail của hấn. Qua mail, hấn xin lỗi tôi vì sự trễ nải trả lời của hấn. Và hấn đã nêu lý do rất chính đáng là vì hấn bận tham gia quỹ từ thiện góp công, góp sức, góp của cứu giúp những người bị bệnh “thiếu óc, “thiếu tim”. Lần đầu tôi mới biết đến thuật ngữ y học: thiếu óc, thiếu tim.

Tôi gửi mail chúc mừng hấn tham gia làm từ thiện. Và rồi mail qua, mail lại, tôi như cởi mở với hấn; hấn cũng vậy. Tôi và hấn trải hết lòng với nhau. Tôi thầm cảm ơn Internet. Có thể, tôi e dè, khó bắt chuyện khi đối diện với ai đó. Nhưng qua mạng, tôi viết những dòng chữ bằng sự nghĩ suy chân thực của lòng mình. Tôi nghĩ qua mạng, một ai đó khùng bố bạn, nói xấu bạn, hoặc viết tốt về bạn thì đó cũng là lòng thực của kẻ ấy với bạn. Qua mạng, hầu như, dù nickname nào đi nữa, thì người ấy vẫn chính là người ấy. Tính tốt, tính xấu, tính ác, tính thiện đều thể hiện rõ qua những comment, những mail...

Tôi lại vào mạng. Tra cứu thuật ngữ y học: thiếu óc, thiếu tim, nhưng vẫn không hiểu đó là những căn bệnh gì. Tôi chỉ còn biết tự hỏi với lòng như một đứa học trò nhỏ.

Nào là: Bệnh thiếu tim là gì? Bệnh thiếu óc là gì? Tại sao có căn bệnh đó trong cõi đời này? Phải làm gì phòng, chống được căn bệnh đó? Tôi vẫn không tìm ra câu trả lời đúng nhất.

Tôi vẫn ngồi trước laptop nghĩ suy về căn bệnh mới, lạ này. Đầu óc tôi như căng cứng. Tôi như không làm chủ được nghĩ suy của mình. Tôi thấy trước mắt tôi là bóng dáng của ai đó. Không rõ lắm! Hẳn tự xưng là Blogger sợ chữ, và hẳn mời tôi sáng mai uống cà phê tại quán Hương Xưa. Tôi cười và nhận lời.

Tính tôi vẫn vậy. Không muốn trễ giờ, sai hẹn, nên tôi đến quán sớm khoảng 10 phút. Sáng nay, thấy tôi ngồi một mình, chủ quán đưa tờ Thanh niên cho tôi đọc. Tôi gật đầu, cảm ơn chủ quán. Trong khi chờ đợi hẳn, tôi lật vội những tin. Tôi bắt gặp bài thơ Tổ quốc nơi biên thùy của Nguyễn Việt Chiến. Tôi thấy dòng chữ Tưởng nhớ những chiến sĩ hy sinh ở biên giới năm 1979 như đỏ lên. Ngoài trời mưa đang rắc hạt. Trời hơi se lạnh, cái lạnh của những ngày trong tiết Vũ thủy. Nhìn những hạt mưa, nhìn những cây lá trong cái lạnh đầu xuân, tôi như thấy cả một trời biên giới năm xưa qua bài thơ tôi thầm đọc. Bài thơ có giọng bi hùng. Tôi thoáng buồn, nhưng tin tưởng!

Quán cà phê này, so với quán khác, có vẻ yên tĩnh. Quán có mở nhạc vừa đủ nghe. Khác hơn mọi khi, hôm nay, tôi được thưởng thức những bản nhạc nổi tiếng của Phạm Duy. Tôi như tắm mình trong dòng chảy âm thanh của những giai điệu quê hương. Tôi như tắm trong suối nhạc tự do của một con người đi suốt Con đường cái quan đất nước, có lúc hét to bởi những “tục ca”, gào lớn bởi những “đạo ca”, nhưng hơn hết là dạt dào, dịu dàng của những “tình ca” như có cả bóng dáng của những bà mẹ quê, những đứa trẻ chăn trâu, của năm tháng cha ông đi mở cõi... Tôi nhẩm hát theo: “Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời...”

Tôi đứng lên, như một ca sĩ, tôi hát cùng Đức Tuấn, Mỹ Linh trên màn hình. Cả quán cà phê như hòa nhịp cùng

lời hát... Như thế chúng tôi được cuốn vào điệu hồn dân tộc.

Trước mắt tôi, biết bao người cùng tôi hát. Bên cạnh tôi là một cô gái. Cô mỉm cười và hát cùng tôi: “Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời...”.

Và rồi, cô ta tự giới thiệu cô là Blogger sợ chữ. Trời ơi, Blogger sợ chữ đây ư? Tôi không ngờ cô ta trẻ đẹp đến thế! Tôi sững sờ. Và tôi sững sờ hơn nữa khi cô ta nói nhanh, rồi đi cũng nhanh. Chỉ loáng thoáng lời cô ta: “Ông có biết căn bệnh thiếu tim, thiếu óc rồi chứ gì?... Có tim đó, có óc đó, nhưng tim có yêu nhân nghĩa đâu, óc có suy nghĩ chân chính đâu!” Tôi tự hỏi với lòng mình. Con tim yêu thương nhân nghĩa, bộ óc suy nghĩ chân chính không tồn tại trong từng con người sao?

Các bạn có tin tôi không? Tôi mơ đấy. Chẳng có cuộc gặp ấy đâu. Tôi vẫn đang ngồi trước laptop. Đang đọc báo, tìm tài liệu, kiến thức trên mạng. Vẫn chọn lọc những tin xấu, tin tốt, tin sai, tin đúng. Tôi vào trang của hấn, dù hấn không có bài viết mới, để từ đó tôi có thể xem các trang khác. Tôi nhiều lần gửi mail hỏi thăm hấn. Nhưng tôi không nhận được trả lời.

Ngày lại ngày, tôi vẫn phải làm việc để tồn tại. Và những khi rảnh, tôi lại lên mạng. Trước khi xem các tin, các bài viết, tôi thường mở mail. Thật là bất ngờ đối với tôi khi tôi nhận được mail của hấn. Tôi xin copy lại mail ấy để hâu các bạn.

Thân gửi bạn Phan Trang Hy!

Xin bạn đọc những dòng chữ sau, xem như là tâm sự của Bloggger sợ chữ.

Có lẽ bạn ngạc nhiên, tại sao tôi sợ chữ? Có thể bạn nghĩ thầm tại lúc nhỏ tôi lười học, không thích tìm hiểu kiến thức của loài người, nên thấy chữ là sợ chứ gì? Xin bạn hiểu cho là sức học của tôi cũng tầm tàm. Đối với tôi, kiến thức, suy cho cùng cũng chỉ là những con chữ ghi lại. Những con chữ biến hóa thành ra vô số triết thuyết, chủ

thuyết này, chủ thuyết nọ. Vì thế, khi học những năm đầu đại học, tôi cố đọc triết Đông, triết Tây, đọc Kant, Marx, Lénin, Tôn Dật Tiên, Mao, Gandhi... Tôi cũng có đọc Kinh thánh, tìm hiểu đạo Cơ đốc, đạo Hồi, đọc chiến tranh giữa các tôn giáo, thế chiến thứ nhất, thứ hai, đọc thủ đoạn chính trị, đọc sách Trạng Trình, đọc tiên tri của Nostradamus, Vanga, ... Chữ nghĩa như thể cặng cứng trong đầu tôi.

Thế là, tôi sử dụng cái vốn chữ nghĩa của mình để viết. Tôi viết những bài mang tính lý luận, có khi viết những bài có tính thời sự. Tôi không tô hồng, cũng không bôi đen cuộc đời. Tôi chỉ viết sự thực. Thế nhưng, sự thực ấy lại mất lòng biết bao người. Và cũng chính những bài ấy khiến tôi phải lao đao trong cuộc sống. Không những tôi lao đao mà ông Tổng biên tập tờ báo “Không dối trá” lại phải khốn đốn, điêu đứng, bị chụp mũ là tiếp tay cho thế lực thù địch.

Từ đó, nghe cái tên tôi, ai cũng dè chừng. Những bài tôi viết, hầu hết các báo, tạp chí không thể đăng. Dầu tôi có lấy bút danh khác, nhưng với giọng văn như tôi, các bài tôi viết cũng không qua mắt được các tay kiểm duyệt. Tôi tự nhủ với lòng: Ai biểu viết sự thực? Nhưng rồi, lòng tôi mách bảo: Không thể dối trá với lòng mình. Không thể dối niềm vui, nỗi buồn của mình được. Không thể trá đen thành trắng được. Thôi thì cứ viết ra, gửi cho bạn bè, người thân, hoặc lập blog, thả lửng trên mạng... Có thể trăm năm sau, hoặc lâu hơn nữa, hậu thế không biết tôi là ai, nhưng có thể ai đó đọc bài của tôi, sẽ biết có một thời sự thực bị cấm đoán.

Thôi thì thả lửng chữ trên mạng...

Xin bạn thông cảm cho tôi.

Blogger sợ chữ.

Đọc xong mail hân gửi, tôi tự hỏi: Không biết mình có là kẻ sợ chữ không?

Phan Trang Hy



TRẦN HOÀI THU

Sài gòn trong trí nhớ

Saigon có mùa hạ dài hơn mùa đông
Nên Saigon có mắt em xanh như da trời tháng sáu
Saigon có thật nhiều quán cà phê quán cóc
Nên bàn ghế Saigon đầy ắp tình thân
Saigon có ngày cuối tuần Thủ Đức về thăm
Để những xe lam dập dìu Bến Thành Chợ Cũ
Để anh trở về thăm em, người em gái nhỏ
Khi ngọn đèn Saigon đã thấp sáng Bùng Binh
Saigon buổi chiều trời hay nổi giông
Nên những hiên nhà là những hiên tình hò hẹn
Saigon có những con bồ câu cù trên hàng dây điện
Nên Saigon vẫn là nơi hò hẹn của hai kẻ yêu nhau
Saigon ít khi thấy được ánh hoả châu
Nên đêm đêm Saigon bình yên giấc ngủ
Để em đến trường như con sáo nhỏ
Để người lính trở về, có chỗ dừng chân
Để mãi mãi Saigon là những băng khuâng
Trong con tim của những người viễn xứ



TÚY HÀ

Chén rượu càn khôn

*Chén rượu càn khôn là vô tận
mênh mang trời đất gió hồn mây
rượu cất ngàn năm thành lệ đắng
tiễn khách sang sông chén đọng đầy*

*khách đến khách đi bờ bến vắng
cô hồn lạc bước níu thuyền trăng
biết ai còn giữ trong ký ức
bến cũ người xưa bãi thăng trầm*

*chén rượu càn khôn đầy lại cạn
có rót dùm ta nỗi hờn căm
chí lớn chưa về đầu đã bạc
trời trông chết đứng đá ngàn năm*

*tự phạt thôi đành thêm chén nữa
càn khôn vô tận rượu chưa vừa
ngát say tiềm thức vang lời gọi
bến cũ còn không chiến hữu xưa.*

40 Trâm Hương



NHU PHONG

Hạt bụi rong chơi

*Mong manh giọt nắng chiều rơi
gọi hoàng hôn làm đẹp cuộc đời
khi hoàng hôn phủ trùm bóng núi
ta hóa thân cát bụi rong chơi*

*đôi khi ta muốn làm cánh gió
thổi vào đời xoa dịu khổ đau
và đôi khi mơ làm mây trắng
trôi giữa trời xanh ngắt một màu*

*sao không là một dòng suối nhỏ
mang cho đời dòng nước ngọt ngào
sao không là thân như hoa cỏ
sống vô ưu mưa nắng bốn mùa*

*không nợ em ân tình kiếp trước
không khát đời mấy kiếp tử sinh
giữa hoang sơ nghe kinh bát nhã
trăm năm là một kiếp phù sinh*

*ở giữa trần gian ta là hạt cát
ngày tháng mơ hồ được mất hơn thua
mai ta trở về hoà tan với đất
ta lại hóa thành cát bụi rong chơi.*

Trầm Hương 41



NGUYỄN ĐỨC NHON

Ngộ nhận

Sau hai lần bị vợ bỏ, ông Vượng ghét cay ghét đắng đàn bà. Ông thường nói với bạn bè, tao thà ở vậy suốt đời chứ không bao giờ đụng tới cái thứ “hồng nhan họa thủy” ấy nữa đâu. Ông Vượng “tuyên bố” có vẻ cương quyết lắm nhưng chưa đầy một năm ông lại bê một bà sồn sồn ở Tân Bình về làm vợ. Từ đó ông không còn ghét đàn bà nữa. Ông nói “không có đàn bà như nhà không có nóc”. Bạn bè chế diễu, ông chỉ cười trừ...

Sau một ngày tán dóc với một người bạn già trong Chợ Lớn. Ông Vượng đón xe buýt trở về nhà. Khi chiếc xe dừng lại ở một trạm đưa đón khách. Bà khách đầu tiên xuống xe vô ý bước ra đường bị một chiếc xe gắn máy húc bà ngã ra bất tỉnh, cũng may những chiếc xe chạy sau kịp thời thắng lại. Ông tài xế nhảy xuống xe bê bà khách vô lễ đường. Bà nằm bất tỉnh. Những người khách bu lại xem, có người đề nghị chở bà ta vào bệnh viện cấp cứu ngay, nếu không cứu chữa kịp thời thì nguy lắm. Ông Vượng với nét mặt khẩn trương bước tới bê bà khách chạy đến chiếc taxi bảo tài xế chạy đến bệnh viện. Khi đến nơi cô y tá ghi vội một vài chi tiết về tai nạn, hồ sơ cá nhân và địa chỉ ông

Vượng rồi bỏ chạy theo mấy cô y tá đang đưa bà Hương vào phòng cấp cứu. Ông Vượng thấy không còn ai đếm xỉa gì tới mình nữa nên cũng bỏ ra đường đón taxi trở về nhà.

Sau khi tỉnh lại bà Hương muốn gọi cho người nhà biết mình bị tai nạn nhưng điện thoại của bà bị rớt đầu mất, cuốn sổ ghi số điện thoại gia đình cũng mất luôn. Bà không cách nào liên lạc được với gia đình. Bà nghĩ chắc phải xin bác sỹ cho xuất viện trở về nhà để mọi người khỏi phải lo lắng.

Bà Hương chờ bác sỹ khám xong liền nói xin bác sỹ cho tôi xuất viện. Tôi có việc cần về nhà. Ông bác sỹ trả lời cần phải ở lại bệnh viện thêm vài ngày nữa để xem có biến chứng gì không. Thế là bà Hương phải ở lại bệnh viện đến ngày thứ ba mới làm thủ tục xuất viện. Cũng trong ngày này, ông Vượng nhận được giấy mời của bệnh viện. Khi đến văn phòng, cô y tá bảo ông theo tôi. Ông Vượng không biết cô ta đưa mình đi đâu nhưng cũng lủi thủi bước theo. Đến một căn phòng ở tầng lầu 2. Cô y tá đẩy cửa bước vào. Ông Vượng cũng vào theo... Đứng xó rợ trong phòng một hồi mà chẳng thấy ai hỏi han gì đến mình, nên ông Vượng bỏ ra ngoài đứng nhìn mấy cô y tá đang đùa giỡn với nhau. Bà Hương thấy cách ăn mặc của ông Vượng không giống người làm trong bệnh viện. Bà hỏi cô y tá ông ở ngoài đó là ai vậy? Cô y tá giương cặp mắt tròn xoe hỏi ngược lại, ông ấy không phải chồng bà sao? Không, tôi có chồng con gì đâu!... Cô y tá bước nhanh ra ngoài hỏi ông Vượng bà ở trong phòng có phải là vợ ông không? Không, tôi là khách của xe buýt thấy bà ta bị xe đụng bất tỉnh nên tôi đưa bà vào đây, có vấn đề gì vậy cô? Cô y tá há hốc mồm than nhỏ chết rồi, hỏng hết rồi, tất cả hồ sơ bệnh án của bà Hương đều ghi ông Vượng là chồng của bà. Bây giờ làm thủ tục xuất viện thì phải làm thế nào đây?!!!... Cô y tá trở vào phòng, bà Hương hỏi nhanh có phải ông ấy đưa tôi đến đây không? Cô y tá trả lời phải. Vậy nhờ cô mời ông ấy vào đây, tôi muốn nói chuyện với ông ta một chút. Cô y tá trở

ra nói mời ông vào phòng. Bà Hương muốn nói chuyện với ông. Khi ông Vượng bước vào, bà Hương nở một nụ cười thật tươi nói chào anh, cảm ơn anh đã đưa tôi đi cấp cứu. Bây giờ bệnh viện gặp phải một việc rắc rối, không biết anh có vui lòng giúp họ không? Ông Vượng nói được chứ, miễn đừng làm điều gì trái với pháp luật là được thôi. Nhưng không biết tôi giúp được gì cho bệnh viện đây? Bà Hương nói xin anh giả làm chồng tôi để ký vào hồ sơ bệnh án của tôi được không? Ông Vượng suy nghĩ một chút rồi trả lời làm vậy là phạm pháp đó. Xin phép anh, hiện giờ anh đang ở với vợ con phải không? Không, Tôi có vợ con gì đâu. Lâu lắm rồi, tôi cũng có hai bà vợ nhưng cả hai đều bỏ tôi ra đi, chắc tôi không có duyên với đàn bà.Ồ! vậy là tốt lắm rồi. Tôi cũng là một góa phụ, chồng tôi đã chết từ lâu. Bây giờ chúng ta là hai người độc thân, làm vợ chồng giả để anh ký vào hồ sơ bệnh án, nếu xui xẻo bị đổ bể thì chúng ta làm cái kế “lộng giả thành chơn” biết chừng đâu đây là một chuyện tốt phải không anh? Thấy ông Vượng đứng trơ người như kẻ mất hồn. Bà Hương nói tiếp, anh yên tâm nhà nước không rảnh để lo ba cái chuyện lật vật này đâu. Thôi được để tôi ký. Cảm ơn anh nhiều. Bà Hương quay qua cô y tá bảo, cô đưa giấy tờ cho anh ấy ký đi... Ông Vượng ký vào hồ sơ bệnh án xong, hai người từ giả nhau mà quên mất việc trao đổi số điện thoại để liên lạc với nhau sau này...

Một sáng mùa thu trời se se lạnh. Sài Gòn với nhịp sống thường ngày của nó, vẫn nhộn nhịp ồn ào xe cộ ngược xuôi. Ông Vượng đang thả bộ trên đường Lê Lợi bất chợt nghe tiếng gọi mình phía sau. Ông quay lại, sững sờ khi nhận ra bà Hương với một nụ cười thật tươi nói chào anh. Ông Vượng với nét mặt buồn buồn nói sau vụ ngộ nhận ở bệnh viện tôi muốn gặp lại chị nhưng Sài Gòn là một thành phố lớn, người đông như kiến dễ gì gặp lại nhau. Nhưng không ngờ hôm nay lại gặp chị, tôi cứ tưởng mình đang nằm mơ...

Ông Vượng và bà Hương tuy là một cặp vợ chồng chấp nôi, tuổi tác cũng đã cao nhưng là một cặp vợ chồng chung sống với nhau vô cùng hạnh phúc. Ông Vượng thương bà Hương rất mực. Không cho bà làm bất cứ việc gì. Ông nói em không cần làm gì cả. Mọi việc đã có anh. Một hôm bà Hương nói với ông Vượng, em muốn lên Đà Lạt thăm một người bạn. Ông Vượng ngạc nhiên hỏi người bạn nào của em sao lâu nay không nghe em nhắc tới vậy? Chỉ là người bạn thường thôi có gì quan trọng đâu mà phải nói với anh. Vậy em tính chừng nào đi. Thứ hai tuần sau lúc 9 giờ, em mua vé máy bay rồi. Ông Vượng với nét mặt buồn buồn nói vậy cũng tốt, đi chơi cho thông thả, ở nhà hoài dễ sinh bệnh...

Tuy không phản đối nhưng ông Vượng nghi ngờ rất nhiều về chuyến đi này của bà Hương. Trước đây một tuần, ông Vượng tình cờ thấy một bức điện thư ở dưới gối nằm của bà Hương. Đây là bức điện thư của một người nào đó viết cho bà từ Đà Lạt, “em thu xếp lên Đà Lạt chơi, mùa này Đà Lạt đẹp lắm”. Ông Vượng đọc đi đọc lại nhiều lần bức điện thư nhưng không thấy có điều gì mờ ám, tuy nhiên có một điều hơi lạ, tại sao người viết bức điện thư này lại ca tụng “Đà Lạt mùa này đẹp lắm” trong khi thành phố này đang chìm vào một mùa đông giá buốt. Nếu nghĩ xa hơn một chút thì bức điện thư này là một mật lệnh?!!!...

Ông Vượng bỏ giờ làm ở hãng đến phi trường không phải để đưa bà Hương lên máy bay mà để xem ai là người hò hẹn với bà trong chuyến đi này. Ông Vượng nhìn chăm chăm vào hàng người đang chờ nhân viên phi trường kiểm tra giấy tờ trước khi vào phòng đợi lên phi cơ. Bỗng ông Vượng thấy bà Hương đang chuyện trò vui vẻ, thân mật với một người đàn ông lạ mặt. Ông liền nổi trận lôi đình chạy đến đâm lia lịa vào mặt người đàn ông. Cảnh Sát đến kịp thời còng tay ông Vượng và giữ luôn người đàn ông và bà Hương để điều tra sự việc.

Ở phòng làm việc sở cảnh sát, cô điều tra viên hỏi vì sao ông đánh người ta? ông Vượng trả lời tôi không nhận được hành vi bỉ ổi của hắn, đang o bế dụ dỗ vợ tôi. Cô điều tra viên hỏi tiếp ông có biết hành vi đánh người là phạm pháp không?. Tôi biết, nhưng lúc đó tôi không kiềm chế được khi thấy có người ve vãn vợ mình!!!... Thôi được. Chúng tôi tạm giữ ông để chờ ngày ra tòa. Cũng may ông không gây thương tích gì cho đối phương.

Một tuần sau ông Vượng được trả tự do vì có người bảo lãnh và đóng tiền phạt cho ông. Trên đường về nhà, ông Vượng tự trách mình không hỏi rõ trắng đen gì cả, cứ xông vào đâm túi bụi vào mặt người ta, chắc chắn lần này lại thêm một bà vợ nữa bỏ đi!!!...

Đẩy cửa bước vào nhà, ông Vượng thấy ở phòng khách ngoài vợ mình còn có một người đàn bà xinh đẹp và người đàn ông bị ông đánh ở phi trường, họ đang trò chuyện vui vẻ với nhau. Ông Vượng nổi “con điên” hùng hổ xông tới định đánh người đàn ông nhưng bị người đàn bà và vợ ông cản lại. Người đàn bà xinh đẹp nói chú Vượng bình tĩnh nghe tôi nói. Đây là anh Thanh chồng tôi và cũng là người anh họ của em Hương. Chúng tôi đang định cư ở Mỹ mới về Việt Nam hơn một tháng. Hôm đó chồng tôi đi Đà Lạt bàn chuyện làm ăn, tình cờ gặp em Hương. Vì lâu ngày không gặp, lại đi cùng chuyến bay nên hai người họ rất mừng, trò chuyện vui vẻ với nhau sau nhiều năm xa cách. Không ngờ lại xảy ra sự ngộ nhận đáng tiếc này. Thấy chú còn bị giam ở sở cảnh sát nên chúng tôi quyết định hủy bỏ chuyến đi để lo cho chú được về sớm. Ông Vượng vừa nghe vừa đưa mắt hết nhìn người này lại nhìn người khác, rồi với gương mặt vừa xấu hổ vừa hối hận do hành động thiếu suy nghĩ của mình. Ông nói, xin mọi người tha lỗi cho việc làm thô bạo và thiếu suy nghĩ của tôi. Ông Thanh nói, thôi bỏ đi. Việc làm sai trái của chú cũng vì thương vợ mà thôi!?...

Nguyễn Đức Nhơn Viết Từ Houston/ Tháng 4 / 2018



TRẦN VĂN LỆ

Nhiều khi tôi nghĩ
thơ như bụi

Trời trong đến nỗi
mây trong vắt
Gió thổi mây,
rồi hết thấy mây...
Nắng trắng giống như
trông trắng mắt
Chỉ xanh là lá
của hàng cây!
Thơ tôi làm đó,
cho em ngắm
Em phẩm em bình,
em sẽ vui
Tôi tả một ngày
không có phượng
Mùa hè ở Mỹ hoa là môi!
Em cười.
Em đỏ như hoa phượng
Tôi nhớ làm sao
tuổi học trò
Tôi nhớ vô cùng
tôi dạy học
Khi ngừng tay phấn
tưởng mình mơ...
Một ngày, sắp sửa,
xong niên khóa

Từng dãy hành lang
chỉ gió thổi
Em, tóc trên vai
không có gió
Em, lòng xuân vẫn
đỏ đôi môi...
Nhiều khi tôi nghĩ
thơ như bụi
Bụi phấn thông
vàng...nhớ thiết tha
Đà Lạt mỗi trưa
trời nổi gió
Phấn thông vàng,
vàng gió, bay qua...
Em chừ áo lụa
đi trong phố
Chắc gió thông vàng
nhuộm áo mơ?
Tôi ngó trời xanh
tôi ngó nắng
Gặp em chi nhĩ ở Càbeu?
Xuống đèo ngoạn mục
tôi đi mãi
Ra biển, em à,
biển rất xanh
Cứ tưởng năm năm
mình trở lại
Không ngờ... nhớ quá
nắng long lanh.



TRIỆU DUONG

Nhớ Người

**viết tặng bạn Hoài Nhân Hà Thúc Vĩnh*

*Sực nhớ chữ: La Giang minh nguyệt,
Đất bút nghiên, nổi nghiệp văn chương.
Tiếng ve dậy nắng sau vườn,
Trưa hè lộng gió, vẩn vương giọt sầu.*

*Nhìn dòng suối đục ngầu nước bạc,
Đã bao năm lưu lạc quê người.
Một bầu thi tứ rong chơi,
Tiếng đàn câu hát cho vui nỗi lòng.*

*Rét chiều Đông, nỗi hồng mẹ đặt,
Đứa con thơ, mở mắt chào đời.
Ru con, ru hời, ru hời,
Canh khuya mẹ hát những lời ca dao.*

*Con lớn lên, chứng nào tật ấy,
Bước lẫm du kể mấy năm dài.
Trọn đời con vẫn rong chơi,
Thay bao nhiêu nết, hận người Nam Xương.*

*Con vẫn bước trên đường dang dở,
Máu trong tim, tình tự quê hương.
Đồi cao, sương trắng ngập đường,
Chân không dày dếp, y thường tả tơi.*

*Trong chiến đấu bao người gục ngã,
Kiếp lao tù trọn cả cuộc đời.
Chân lê từng bước rã rời,
Đứa con của mẹ không lời oán than.*

*Nơi đất khách, muôn vàn thương nhớ,
Dáng mẹ hiền, muôn thuở chờ mong.
Chiều Đông, nhớ một chiều Đông,
Con thơ ấp ủ trong lòng mẹ thương.*

*Con của mẹ, mười phương lưu lạc,
Dạo cung đàn, tiếng hát hoài hương.
Gởi theo gió lạnh đêm trường,
Hòa theo tiếng hạc kêu sương, nhớ người.*

@Triệu Dương NLT

@ (1) Hoài Nhân (Nhớ Người) (2) La Giang minh nguyệt :
Trăng sang trên dòng La Giang (làng La Chử, quận Hương
Trà, tỉnh Thừa Thiên)
(3) đất bút nghiên: cánh đồng làng La Chử có địa thế như
bút, nghiên....ý nghĩa là làng này có nhiều người đỗ đạt, có
nhiều văn tài.



TRẦN YÊN HÒA

Áo vông

Chàng vẫn còn cái háo hức như những ngày còn trẻ, như thời bước chân vào Đà Lạt, một thế giới trước mặt chàng đầy ánh hào quang. Chàng sẽ giống như người tráng sĩ Phạm Thái trong truyện Tiều Sơn, sẽ đem đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cường bạo. Chàng không ngó trước, ngó sau, ngó trên, ngó dưới, ngó chung quanh mình, những bạn bè mình đang làm gì.

Có đứa từng khoe oang oang, tau là con đại tá N, chỉ huy trưởng này, kia, nọ. Khi ra trường ba tau sẽ chạy tau về văn phòng ngay. Hay là ba tau làm ở bộ Tổng Tham Mưu, ban quân số, tau muốn về đâu cũng được. Những điều tai nghe mắt thấy này không đánh động gì trong tâm trí chàng. Chàng tuổi trẻ!

Chàng nhớ những ngày huấn nhục, thân thể bị đàn anh quần bầm dập như cái mền rách, nhưng chàng vẫn nghĩ, muốn trở thành người sĩ quan hiện dịch, thì phải trải qua cam khổ. Có cam khổ thì thành công mới vinh quang.

Chàng rất cảm động khi những đêm lạnh Đà Lạt, sau khi huấn luyện suốt ngày ngoài bãi tập, hay trên các con đường chung quanh Vũ Đình Trường, bò, lết trên những đoạn đường đầy đá cuội, với một thân xác mệt mỏi không cùng. Khi được nằm trên giường là ngủ li bì không biết trời

trắng mây nước gì. Trời lạnh xuyên qua những bức tường gỗ mỏng manh của khu nhà tiền chế, làm giấc ngủ trở nên nặng nề. Có bạn hờ hênh để tuột cả tấm chăn đang đắp. Có những người đàn anh đi kiểm tra đàn em ngủ như thế nào, thấy vậy liền kéo tấm mền đắp lại cho đàn em. Chỉ cử chỉ và hành động nhỏ nhặt đó đã làm ấm lòng những người trai trẻ, tin tưởng vào tình huynh đệ chi binh.

Có lẽ chàng cũng như nhiều bạn khác đã lý tưởng hóa đời sống chằng. Những đàn anh như mục đích của chàng nhắm đến, hiên ngang, hùng dũng, đầy lòng vị tha và độ lượng. Chỉ đối với kẻ thù là cương quyết, còn đàn em thì hãy nâng đỡ và khuyên bảo nhau.

Những buổi sáng, buổi chiều, Đà Lạt mù sương, ra ngồi ở câu lạc bộ sinh viên nhâm nhi ly cà phê đen, hút điếu thuốc Casptan, chàng cảm thấy lòng mình phơi phới. Tình yêu quê hương đất nước dâng đầy trong tâm hồn. Nhìn những đàn anh phảng phiu trong bộ đồ dạo phố mùa hè, mùa đông, chàng cảm thấy hãnh diện và thấy yêu quý quá ngôi trường đang học.

Chàng cũng biết chiến tranh đang kề cận. Những tin tức chiến sự trên đài phát thanh được đọc lên hằng ngày, hay trên những trang báo, cho đến ngày ngôi trường bị địch tấn công.

Những quả tạc đạn, những tiếng nổ, tiếng hô xung phong, hàng sống chống chết. Thân xác những bạn bè, những vị linh mục, nhưng vị sư, mục sư bị địch bắn, máu đỏ loang cả giao thông hào. Nhìn những quan tài sắp hàng trên nền xi măng trong Vũ đình trường, chàng biết chiến tranh đã cận kề quá rồi. Những người bạn mới học năm thứ nhất bị giết chết...Ôi, chiến tranh không chừa ai.

Rồi những tin tức nghe được về những đàn anh chết ngay trận đầu tiên làm chàng đau nhói con tim và liên tưởng đến số phận mình, sẽ ra sao ngày sau? Chàng vẫn nhớ hình ảnh những đàn anh gương mặt lầm lì, phật dã chiến cả trung đội chàng trong những ngày đầu huấn luyện. Nhưng sau đó là những nụ cười đôn hậu, bao dung của

người anh cả. Bây giờ họ đang làm lính tác chiến thực sự ngoài chiến trường. Họ đang xông pha ngoài mặt trận để tiêu diệt quân thù. Những cái chết tiếp theo của những đàn anh được báo về trường. Trong buổi ăn cơm tại phạn xá, khi tên người chết được xướng lên trong phút mặc niệm, ai cũng thật buồn ngùi thương tiếc cho những người vẫn sống.

Rồi thời gian trôi qua, chàng cũng như những bạn khác được ra trường. Hy vọng tươi non của ngày mới bước vào quân ngũ nay đã trở thành hiện thực. Nhưng thực sự chàng lo sợ cho viễn ảnh chiến tranh, đối diện với quân thù hung bạo ngoài chiến trường, lại còn phải đối diện với sự cạnh tranh chỗ đứng. Lý tưởng là một chuyện, còn thực tế là một chuyện khác. Ai chọn được về đơn vị không tác chiến coi như một hồng phúc, bảo đảm mang chữ thọ trên người.

Ra đơn vị, chàng lại gặp những đàn anh. Có người rất dễ thương, miệt mài suốt hơn hai năm đi hành quân, họ không có quyền lợi gì, chỉ mang ba lô đi theo đại đội trưởng và chờ dẫm mìn thay đại đội trưởng thôi. Nhưng cũng có đàn anh bon chen, thấy chàng về sợ chàng chiếm mất chỗ của mình bèn dèm pha thế này, thế khác.

Đó là thất vọng đầu tiên của chàng tuổi trẻ.

Tuổi trẻ thường xốc nổi và xông xáo. Những mặt trận lớn, nhỏ miền Quảng Nam, Quảng Ngãi chàng đều có dấu chân qua. Ba Gia, Đồng Ké, Núi Tròn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Trà Bồng... Rồi mặt trận Quế Sơn, Núi Kiếng cả tiểu đoàn bị pháo 130 ly của địch dày nát, phải chạy xuống Hương An. Khi hành quân tái chiếm, những con bò của dân thả ngoài đồng, tiểu đoàn trưởng cho lính bắt xẻo thịt, làm bò khô gửi về hậu cứ đem về nhà cho vợ. Chàng đã chứng kiến những tiểu đoàn trưởng cho lính làm kinh tài cho mình, làm câu lạc bộ bán chịu hàng cho lính hành quân, để cuối tháng trừ tiền lính gấp hai, gấp ba.

Chàng chứng kiến những chuyện đó thường nhật nên lòng chàng đã vơi đi cái lý tưởng sùng sục trong người ngày cũ. Có tay tiểu đoàn trưởng tham nhũng quá và "đi" lính quá, khiến tội lính tức giận, trong dịp về Bình Liên

ngủ dưỡng quân để tiếp tục hành quân Quế Sơn, một người lính đã thấy một quả lựu đạn vào tay tiểu đoàn trưởng. May mà lựu đạn nổ khá xa nên tiểu đoàn trưởng chỉ bị thương nhẹ. Người lính thấy lựu đạn dĩ nhiên bị cùm ngay tại chỗ, sau đó tống vào quân lao. Còn vị tiểu đoàn trưởng thì được đề bạt lên làm trung đoàn trưởng, được vinh thăng trung tá.

Đó là những sự việc chàng đã chứng kiến trong suốt chặng đường hành quân qua mấy năm. Những lý tưởng đã lụi tàn, và chỉ còn trong sách vở hay trong những bài tuyên truyền mà chàng cố nặn óc viết ra, để đọc hàng đêm trên đôi đống quân, để chiêu dụ các cán binh địch "tung cánh chim tìm về tổ ấm."

Có thể nói đó là "ảo vọng tuổi trẻ", như một truyện dài của Duyên Anh, khi những lý tưởng cao đẹp của mình đeo đuổi bị đem ra mua bán, đổi chác, vì quyền lợi và chức quyền của người thủ lãnh.

Trích:

Vào một buổi chiều, tại một quán nhậu nhẹt trên bờ sông gần cầu Tân Thuận, hai người lãnh tụ già ngồi hướng mặt về phía bên kia sông. Chai "Whisky" đã gần cạn một nửa. Những vỏ tôm nướng đỏ ối bừa bãi trên mặt bàn. Lúc ấy mặt trời chưa lặn nên quán hãy còn vắng. Hai người lãnh tụ già của đảng "Cách Mạng Dân Tộc" ý chừng cũng biết thế nên kéo nhau tới đây bàn chuyện thời cuộc....

Ông cương quyết, nếu phải điều đình để nhận chức Bộ Trưởng, thì điều đình trong sự bình đẳng. Do đó, ông cần chiếc xe mới, căn nhà mới, cần nhiều bộ mới. Điều này hai nhà lãnh tụ đã thực hiện xong. Ông Hiến có chiếc "Chevrolet" thì ông Bình cũng có chiếc "Peugeot 403". Số tiền làm đóm cuộc đời cho hai vị lãnh tụ anh minh, dĩ nhiên là tiền của bọn Hạo xoay sở. Các anh chỉ biết lao mình vào chỗ chết, vào tù đầy để kiếm tiền gây quỹ cho Đảng. Còn Đảng dùng vào việc gì, các anh không cần biết tới. Vốn tin tưởng vào công cuộc cách mạng dân tộc, các anh chắc

chấn, tiền ấy sẽ dùng vào việc hữu ích. Không ai lấy tiêu riêng.

*

Bây giờ thì chàng đã gần tuổi thất thập. Những bạn bè chàng cũng xấp xỉ tuổi ấy. Đàn anh chàng cao lắm cũng hơn hai, ba tuổi thôi. Chàng vẫn kính trọng họ như ngày cũ, dù cái tình thân không còn như ngày xưa trong quân ngũ. Bây giờ nó có vẻ tình cảm hơn, hết cấp trên, cấp dưới, hết lon, hết lá. Sống với nhau như những người bạn, những anh em. Thế là đủ rồi.

Thế mà có những người làm nên những việc trái khuấy, khiến đánh đổ hết trong lòng chàng những thân mến cũ. Họ vì một chút cá nhân, muốn làm người lãnh đạo, đã tổ chức gian lận bầu cử để đưa những tay chùn vào hàng tổng. Chàng trở nên tuyệt vọng hơn khi nghĩ rằng mình đã già, cố tìm chút hơi ấm nơi xứ người. Gặp nhau bắt tay nhau hay choàng vai nhau cũng thấy hạnh phúc. Thế mà không có được.

Những quyền lực ảo vẫn đeo bám lấy họ, giống như những tay lãnh tụ trong ảo vọng tuổi trẻ, chỉ biết lợi dụng sức trẻ, để đem lại danh vọng, quyền lực cho họ mà thôi. Mọi chuyện đã làm chàng thất vọng.

Xin trích một đoạn thơ của Nguyễn Bắc Sơn viết về tình bạn mà chàng thấy sâu sắc:

*Ta nghĩ trời sinh ta ra là đủ
Vì đám đông quây bản nước hồ đời.
Nhưng lại nghĩ, trời sinh thêm bè bạn
Để choàng vai ấm áp cuộc rong chơi.
(Nguyễn Bắc Sơn, chiến tranh Việt Nam và tôi)*

Trần Yên Hòa



NGUYỄN XUÂN THIỆP

*Đà Lạt ở một góc khuất
của Virginia*

*em và bầy chim én
vẫn bay trên phố xưa
những mái nhà. cao. thấp
quán sách. hương cà phê
nxt*

Người viết đã thật sự được sống cái không khí thoáng mùi nhựa thông của Đà Lạt khi ngồi với các bạn ở nhà Nguyễn Minh Diễm, thành phố Alexandria, Virginia, tôi chủ nhật cách đây cũng đã gần bảy năm. Buổi họp mặt gồm vợ chồng Diễm, vợ chồng Thanh Quang, anh Phúc và vợ là Thanh Trúc, Lê Khắc Huyền và kẻ này. Ngô Vương Toại nói sẽ cố gắng đến, cuối cùng đã không đến được. Tối hôm ấy, món giả cầy chị An Thực Đức vợ Diễm nấu thật tuyệt vời.

Ngồi ở một góc khuất của Virginia mà tưởng như đang ở Đà Lạt, trong ngôi nhà đường Nguyễn Trường Tộ hay Nguyễn Du nhà Diễm hay Calmette nhà Nguyễn Quang Tuyền. Ba mươi năm qua rồi mà như mới hôm qua. Như cùng có mặt Lê Văn Ngăn, Hoàng Khởi Phong, Thái Lăng và bạn Tuyền và bạn Nguyễn Thạc. Như chúng ta vẫn ngồi với nhau như thế này, rất nhiều lần, những năm tháng ấy. Không, không hề có biển dâu, xa cách...

Và Phùng Văn Hưởng vẫn đọc Hồ Trường, hát cho chúng ta nghe Thiên Thai -Hưởng nay không còn nữa, than ôi. Bởi trong buổi họp mặt có hai người mà trí nhớ như một cuộn phim chiếu lại từng đoạn từng đoạn –đó là Nguyễn

Minh Diễm và anh Phúc, chồng Thanh Trúc- tôi đã thấy lại, tôi đã thấy lại những cây cầu, những con đường, những dãy phố... Và hàng thông sau nhà ga Đà Lạt. Và Nhà Thờ Con Gà đứng trong sương. Những con chim én bay dưới mái Hotel du Parc nơi đặt Đài Phát Thanh. Và ai như tôi đứng trên góc lầu cao nhìn xuống con đường Nhà Chung, đường Tự Đức. Và ai mắt màu hoa pensée trong đêm màu hồng của Night Club. Cầu Bá Hội Chúc, cầu Ông Đạo rồi thì quán cà phê của Dì Ba, ôi cái kiosque thứ hai ấy trên lối đi vào hàng bán hoa dưới chợ Hòa Bình. Chính ở đây, trong cái kiosque đèn màu này, nhiều đêm Đinh Cường, Trịnh Công Sơn, Bửu Ý và kẻ này ngồi ngắm Dì Ba ngây ngất.

Chúng tôi nói với nhau mà không sợ mất lòng các giai nhân khác của thành phố: Dì Ba xứng đáng là trang quốc sắc, người đẹp nhất Đà Lạt ở những năm tháng ấy. Anh Phúc, vì có Thanh Trúc ngồi bên, không dám đồng ý, nhưng anh nói anh quen, rất quen với chồng Dì Ba lúc bấy giờ làm nghề bán bảo hiểm. Ôi, Dì Ba đâu rồi... Nhớ Đinh Cường có vẽ một portrait về Dì Ba rất đẹp trưng bày ở phòng triển lãm Alliance Francaise. Dì mặc áo nhung màu rượu chát, tóc dài, mắt xanh đen. Ôi, mắt em xanh như đêm dài / Để người quên kiếp mai... (Phạm Duy)

Và con đường Duy Tân, chỗ quán sách Nhân Văn nhìn lên là nhà của nhà khảo cổ Nguyễn Bạt Tụy. Không hiểu cái ngôi nhà kiến trúc rất lạ, như tổ chim, nằm trên đầu con dốc ấy, còn không? Và Huỳnh Chùm, người đánh xập xám chuyên binh lũng, và Trần Hoài họa sĩ... nay về đâu. Tôi nói với Nguyễn Minh Diễm: Tuyền vừa email cho biết Hạnh Chi đã sang Mỹ.

Năm 1979, Tuyền về lại Đà Lạt, một buổi chiều đi bộ lên con đường dốc Nhà Thờ Con Gà, thấy Hạnh Chi ngồi ôm con trên bậc thềm, mắt nhìn ra phía hồ Xuân Hương. Ôi, Hạnh Chi cũng là một nhân vật đặc biệt tiêu biểu của Đà Lạt. Ngày ấy, nàng thường lững thững đi từ phố, qua cầu rồi lên dốc nhà thờ về ngôi nhà ven đồi đã quỳ trong đường Nhà Chung. Đi bộ, một mình, tóc dài bay theo gió, đôi khi

cầm một đóa hoa hồng. Tôi tự hỏi, sau 1975, Chi có còn đi như thế không? Và tôi thấy tôi về lại, như hồn ma nhớ hơi lửa ấm:

*đã về. dốc sương mù
đã về. cây hoàng hôn
tiếng gà trưa vẫn gáy
bông phù dung. trong vườn
em và bầy chim én
vẫn bay trên phố xưa
những mái nâu. cao. thấp
quán sách. hương cà phê*

Ở đó, những dãy phố rợp bóng dù. Giờ đây trong căn nhà của Diễm, ở một góc khuất của Virginia, kẻ này được thấy lại hình bóng của tiện nội ngày xưa:

*Tôi thấy em đi. giữa chiều áo lụa
Dãy phố dài. tháp thoáng. bóng dù xưa
Em. tay dắt con. mắt nhìn trời rộng mở
Khi nắng reo hanh vàng. mùa mới sang thu...*

Các bạn ơi, chai rượu màu ráng trời hoàng hôn kẻ này mang tới dường như đã cạn, xin mở chai khác. Hình như lúc chiều trên đường tới đây, kẻ này có thấy xe chạy qua những hàng thông. Đẹp, đẹp lắm, nhưng làm sao đẹp bằng thông Đà Lạt, trên đường lên Dinh 2 tới nhà Hoàng Khởi Phong. Ở đó, trong nhà Hiền nhìn xuống thung lũng đầy thông, một đêm nào hợp mặt trong ánh lửa củi ngo từ lò sưởi, có cả Thái Lãng và Trần Hữu Lục, Nguyễn đọc Trong Vườn Tôi Hoa Phù Dung Đã Nở. Diễm chắc chắn còn nhớ, còn Thanh Trúc thì ngoài cuộc, lúc ấy e còn nhỏ xíu?

Đà Lạt, ở một góc khuất của Virginia. Thật ra chỉ là những ảnh ảo, như trong một bức thư Trà viết từ Woodbridge: "Thành phố vẫn chìm trong sương mù. Từ cửa sổ tầng hai nơi làm việc, Trà đang ngắm một Đà Lạt yêu dấu của Th. Không có tháp chuông nhà thờ, không màu đỏ trường Yersin, không có con đường mang tên Nguyễn Trường Tộ, và cũng không có quán cà phê của Th. và bè bạn.

nxt



VƯƠNG HỒNG NGỌC

Gác ngọc lầu thơ

*Ta còn đây một cõi Thơ
Gọi trăm con mộng ru hờ giấc miên
Tìm về một cõi mộng riêng
Đem ta trốn cuộc ưu phiền thế nhân*

*Kéo về xanh phiến mây trong
Vẽ lên ngày nắng cho hồng giấc mơ
Góc riêng dựng sẵn lầu Thơ
Giấy hoa đợi mực nghiên chờ bút thi*

*Gác ngọc có khói huyền vi
Mở ra trăm lối vân vi dấu hài
Hồn Liêu du mộng giấc Trai
Lời hoa gấm đợi trang đài bước Thơ*

*Một mai đã morn giấc chờ
Tiễn ta Thơ với đôi bờ Sao Trắng
Tình về thấp nển đăng quang
Khẩn câu thơ đốt rắc tàn mộ thi.*

58 Trâm Hương



TÚY HÀ

Huỳnh Công Ánh:

Người đi dây trên những thăng trầm

*...Đời chẳng thể hiểu, cây có vàng nhạt nguyệt
Mộng xoay càn khôn, lực vắt vường nhẹ toi
Đôi tay vô âm khô rền thảng thốt
Thấp niềm vui leo lét ánh ma trôi... **

Những câu thơ nghe qua thảng thốt như chiến mã
trúng thương hí rền trận địa.

Bì uất ngất trời như Chiến Tướng thét hờn căm, chỉ dăm
câu thơ ý tình gọi gió, gió ngược chiều như trốt xoáy nửa
đời đau.

Người quân nhân được vinh danh xuất sắc, đã từng là
niềm hãnh diện của binh đoàn, lính trinh sát là chiến binh
thâm lặng lấy bóng đêm làm màu áo ngụy trang, dỗi đêm
trường ngậm tằm truy địch vẫn mơ màng tin có vàng minh
nguyệt soi đường những thời khắc tối tăm.

Là tù binh đời tù không án, vẫn chưa hề chịu nhận
mình thua, “chưa đánh sao thua”, Tướng hèn quân lạc biết
còn ai sống chết với lời thề. Máu trinh sát còn nguyên trong
huyết quản, lại sục sôi: vượt trại, vượt tù, vượt biên, vượt
biên, vượt không gian vượt cả thời gian tìm đất hứa, cũng
chỉ vì yêu chuộng tự do.

Khó lắm, khó có người tâm cao ý cả như người xưa
mộng đội đá vá trời.

Nhưng vẫn có vì:

...Tổ Quốc cơ hồ như cạm mắt

*Chết từng lời thống thiết lúc thanh thoi... **

Từng con chữ như xoáy vào vết cắt từ người chiến
binh lạc bạn mang tên Huỳnh Công Ánh đang hiển hiện
trước mặt tôi qua từng trang, từng trang bản thảo tập hồi

ký: **“Vượt tù vượt biển”**. Tự xưng tôi muốn viết vài điều gì đó về con người không chịu khuất phục trước nghịch cảnh không thỏa hiệp với bất nhân và tư cách hào sĩ trù lên cả những đam mê trong đời thường không ân hận.

Tiếc thay những gì tôi muốn viết thì người khác đã viết hộ dùm tôi mà chính tác giả cũng là một trong những người đó. Dĩ nhiên tác giả khó tự nói về mình, nhưng tự bạch qua những trang hồi ký thì không phải là đã tự nói với chính mình mà thật ra đang bộc bạch với mọi người.

Dù chỉ là kể lại chân chất không hoa hòe hoa sói những biến cố, những đổi thay đời lính trong một thời gian nhất định nhưng cũng đã vẽ nên bức tranh khá hoàn chỉnh hóa thành nhân sinh quan của chính mình. Có thể đây chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên, nhưng sự trùng hợp này lại trở thành chất xúc tác khiến người đọc không thể không tự vấn mình nếu rơi vào một vài trường hợp của tác giả.

Tôi biết Anh Huỳnh Công Ánh trước hết là vì cùng chung một thời quân ngũ, cùng tù và vì cùng trôi trên dòng đời lưu xứ, cùng trải lòng theo ý chữ tình thơ. Tôi tìm thấy chính tôi qua dòng thơ Huỳnh Công Ánh, từ **“Hạnh Ngộ Bên Trời”, “Ơn Nghĩa Trùng Trùng”** đến **“Quảng Gánh Lao Đao Giữ Nụ Cười”** nhưng trên hết người viết vô cùng tâm đắc với Thi Ca Nhạc sĩ Huỳnh Công Ánh vì anh là đồng sáng lập viên Phong Trào Hưng Ca Việt Nam, Văn Nghệ Sĩ Tự Do... Và vì tôi lại là người đam mê “Giọng kèn tiếng uyen” từ thời còn ngồi ghế nhà trường. Cảm phục cao độ khi được nghe những bài tâm ca tranh đấu và những hoạt động không mỗi một vì lý tưởng tự do của người chiến binh Huỳnh Công Ánh không đâu hàng nghịch cảnh từ chiến trường, thương trường và ngay cả trong biển đời lưu vong luôn dậy sóng. Tôi tin chắc trong những giấc mơ anh vẫn là:

Đập sóng trùng khơi tâm vượn chí cả
Mượn tre phù đồng đập nát bắc quân.

Chính vì thế tác giả Huỳnh Công Ánh không chỉ là một tên tuổi không xa lạ trong giới văn nghệ sĩ Hải Ngoại mà

còn là cái gai trong mắt nhà cầm quyền đương thời trong nước. Thử hỏi văn nghệ sĩ nói riêng và những người tâm huyết được mấy ai như thế.

Bảng bạc trong tập hồi ký là những đổi thay buồn vui bất ngờ đến chóng mặt, là những phân cảnh sinh hoạt đời lính đời tù như những thước phim chưa cắt ráp, được tác giả ghi lại như đang kể chuyện khi thù tạc bên một quán vắng bên đường cùng bằng hữu, chấp nhận chất vấn, chấp nhận đã kích, nhưng sự thật vẫn là sự thật nhất là khi đang tương giao trên chiếu rượu. Đại danh từ xưng tôi của tác giả có đầy nhưng dường như mờ nhạt bởi vì tất cả đã hiển hiện trên từng con chữ. (Người viết không tiện trích dẫn vì tôn trọng sự thật của tác giả và cũng vì để chính người đọc sẽ ngạc nhiên tìm thấy những buồn vui thú vị, những oan khiên trùng hợp và những sinh hoạt đời lính không thể nào quên)

Ở trang cuối tập hồi ký là một lời kết cũng là một lời ngỏ của tác giả khá thụ vị:

*Các bạn vừa cùng tôi đi lại đoạn đường đời từ thơ ấu đến trưởng thành, từ nghèo khó đến triệu phú, từ vinh quang đến tù tội và cuộc hành trình đầy gian nguy, hiểm trở tìm tự do của tôi.

Sau khi đến Hoa Kỳ, tưởng rằng những thăng trầm, nghiệt ngã đã qua đi. **Nào ngờ.....**

Nào ngờ...Nhưng tôi tin độc giả sẽ không ngờ gì cả vì qua tập hồi ký mọi người đều có thể biết rõ Tác giả Huỳnh Công Ánh là người không đầu hàng nghịch cảnh, mà biến đời thì luôn dậy sóng, lời thị phi không thiếu ở bất kỳ một xã hội nào.

Hơn bốn mươi năm trôi qua đất nước bị cường chiếm, lại đang bị xâm thực vì tàu cộng, Đảng cầm quyền vẫn không thay đổi cái gọi là “tư duy” “hèn với giặc ác với dân” Thì người Việt Hải Ngoại không thiếu người còn tâm huyết với tiền đồ Việt Nam mai sau mà Huỳnh Công Ánh là một trong số người đó.

Tuy nhiên, qua một thời chia lửa và bằng chân tình văn nghệ tôi mạo muội nhận xét chủ quan về những sáng tác và hoạt động của tác giả HCA trên mọi lãnh vực đường như vẫn còn nhưng nhứt ưu tư khác gì:

Tiếng sói tru thê thiết gọi đàn

Dưới trăng tròn sợ vắng nguyệt võ

Nhưng vẫn hai chữ nào ngờ: Huỳnh Công Ánh còn hứa hẹn với chúng ta là sẽ gặp lại ở hồi ký phần II: **Những nghịet ngã thẳng trâm trên đất Mỹ.**

Biết đâu lúc ấy đã thành đàn.

Mong thay.

Túy Hà

**Chữ in nghiêng là của Huỳnh Công Ánh*

“.. Mài guom mãi đến bao giờ nhi?

Bao giờ chém chết nôi đau xưa

Nôi đau vẫn đó, ngày Quốc Hận

30 tháng 4 sông núi ngấn ngơ

*“*Ồi Tổ Quốc! Ôi hồn thiêng người bất hạnh

Ồi Tự Do! Ôi khát vọng con người

Ồi nôi giống! từng ngàn năm kiêu hãnh

Sao bây giờ đành bỏ nước ra khơi!

Tự Do ơi! Mẹ Việt Nam ơi!..”

(trích từ thơ Huỳnh Công ánh)



TRẦN TUẤN KIẾT

Trăng Xuân Thu

Tôi ngồi hết buổi chiều
khỏi luôn bên quán nhỏ
xa mù mây bay theo
không biết lòng mờ tỏ

Mai tôi về sau núi
mà cát am tị trần
vẽ hình nàng lên gỏi
ngồi ngắm suốt mùa xuân

Mai tôi về sau núi
suốt đời ngắm ánh trăng
tôi ngồi yên từ đó
trong bóng sáng mơ
màng

Tôi ngồi yên từ đó
cầu nguyện ánh mây trời
vàng trăng huyền diệu
lắm
xin mây dừng lại thôi
Tôi nghe tiếng hát nàng
văng vẳng lừa mây trôi
và lừa cả hồn tôi
trở về trong dĩ vãng

Từ đó hỏi trăng rằng
mai này trăng của ai
không gian vừa khẽ động
buông ra tiếng thở dài

Vì mà có chán đời
lên núi nhìn chim bay
chưa chắc lòng đã thỏa
vì thiếu một bóng người

Vì mà có ước vọng
về biển ngắm triều dâng
chưa chắc lòng đã thú
vì thiếu một vầng trăng

Tôi nhìn chiếc lá bay
dừng dừng như cuộc đời
gió đông chùng đã lạnh
áo nàng ôm lấy vai

Tôi mơ chuyện đời xưa
ôi! Đường như đã gặp
nàng ngày trước quay tơ
trong mùa trăng hiu hắt

Nay tôi nhớ đến nàng
thấp cao ngọn đèn sáng
ôi! Ngàn năm ngàn năm
có sao buồn vô hạn

@KHÔI HÀI ĐEN

**Ghi lại từ bài thơ không thấy đề tựa
của tác giả Hoàng Hồng Sơn**

Ngày xưa xứ Âu Lạc
An Dương Vương trị vì
Có hai nàng công chúa
Sinh đôi đẹp cực kỳ

Mị Châu là cô chị
Em tên là Mị Dân
Cả hai đều đã lớn
Đã đến tuổi thành thân

Triệu Đà ở phía Bắc
Có hai người con trai
Trọng Thủy và Trọng Lú
Đã nhờ cậy mối mai

Trọng Thủy lấy cô chị
Trọng Lú lấy cô em
Nhưng sách sử chỉ viết
Chuyện chị mà quên em

Bao đời ai cũng biết
Chuyện Trọng Thủy Mị Châu
Chuyện trái tim lầm lỡ
Mang để cả trên đầu

Nhưng không ai dám nhắc
Chuyện Trọng Lú Mị Dân
Vì sợ sẽ bị bắt
Nên đã lãng quên dần



HOÀNG T. THANH NGÀ

Bến Xuân

Tết, Hoài và Sáu Được cùng mẹ Bảy của nó về Việt Nam. Sáu rủ Hoài về quê chơi. Trùng dịp quê nó năm nay hội cúng miếu Bà có múa mâm vàng, rất vui, không coi sẽ uống! Bởi mỗi năm một lần vào dịp đầu xuân miếu Bà mở hội, nhưng múa mâm dâng cúng thì ba năm mới đáo lệ một lần. Để đội được cái mâm to nhẹ có tầng cao, ẻo lả cúng vái múa xoay thì phải thỉnh các vị “cỡi trên”, đồng cô bóng cậu mới đảm nhiệm được nghi thức này. Khi chiêng trống vang lên theo nhịp xá, bước bộ tiến thối của các vị chức sắc ban tế trong áo thụng xanh đỏ, không gian chùng xuống nghiêm kính. Và văn tế đọc xong, tiếp là tục dâng mâm vàng, một nghi thức vừa trang trọng vừa có tính nghệ thuật ... hài, bởi khi nhìn các vị nam nhân phục trang sắc sỡ, son phấn xinh tươi, nhịp nhàng ẻo lả trong điệu múa dâng mâm thì ai cũng phải bấm bụng ém tiếng cười vào ruột. Lại thêm những mục văn nghệ khác mà ban tế đã mời nhiều nghệ sĩ ở thành về. Thế là Hoài hăm hở khăn gói về quê theo tiếng gọi cuộc vui.

Miếu Bà ngự trên một doi đất giữa đồng ruộng bao la, bốn bề lộng gió. Con đường dẫn ra miếu là giải đê chỉ vừa

một người đi bộ, nếu ai muốn đi xe đạp thì tay lái phải không kém cạnh so với xiếc đu dây, thế mà người ta vận chuyển ra miếu đủ mọi vật dụng cần thiết cho một buổi lễ hội suốt ba ngày với dự kiến hàng vài trăm người đến cầu tế, ăn uống, cho thấy lòng sùng bái thần thánh của con người đã vượt qua mọi khó khăn trở ngại.

Nghe Sáu nói miếu Bà ở đây rất thiêng, cầu gì được nấy, nhất là cầu duyên, Hoài bèn dốc sức khẩn vái. Hoài vái năm nay Bà độ Hoài kiếm được tí tình duyên...tử tế. “Tử tế” đây nghĩa là chàng phải nhiều hơn Hoài vài tuổi, hoặc bằng, hoặc tệ hại lắm cũng chỉ nhỏ hơn chút chút thôi, là mừng. Bởi trước nay Hoài toàn gặp các bậc “đàn em”, yêu đương nổi gì khi chẳng biết xưng hô thế nào cho cam lòng! Rõ ràng Hoài biết mình “quá đất”, buổi chiều thu cần phải ... “thôi về điểm phấn tô son lại” nhưng mấy cậu vẫn quả quyết rằng yêu. Có lẽ các cậu nhầm lẫn mức độ quý giá giữa đồ cô và người cô chẳng? Thật phiền não!

Thấy Hoài thành khẩn van vái mãi không thôi, Sáu chẳng dám thúc chớ nó sốt ruột lắm. Thức ăn bày la liệt trên bàn đủ loại món ngon, nhưng ưu tiên trước cho các vị...ruồi. Các ngài chúc sắc trịnh trọng mời khách “khẩn trương” dùng bữa kéo ruồi xơi hết. Người quê miền Tây lòng hào sảng bao đời, vốn bởi ruộng đồng sông nước trù phú, lại nữa là tết. Khách tỉnh bụng căng tròn bởi những “đặc sản” gà vườn cá ao mỗi ngày. Cũng may Sáu thèm ăn mắm kho, “mắm dzà rao”, mắm chưng, Sáu thèm đủ các loại mắm bởi bên Mỹ không dám ăn sợ Mỹ nó chê người VN...hôi! Nhà mợ Bảy đông anh chị em dâu rể, nhân có người xa về bèn tụ họp một nhà đông vui, bà con chiều ý Sáu nên bữa cơm gia đình đa phần là mắm, nhờ vậy bớt được phần nào béo bở gây thêm tăng trọng. Giờ nhìn mâm cỗ ...ruồi ớn quá! Nhưng thân hào nhân sĩ trong ban càng trọng vọng khách xa, mời mọc thiết tha. Khách bấm bụng lùa!

Sáu, Hoài và Bảy cùng cầm tinh một con giáp, nhưng theo vai vế Sáu phải gọi Bảy là mợ, Hoài gọi “mợ Bảy”

theo bạn Sáu cho phải đạo. Luôn tiện Hoài kính cần xưng hô với em út mợ là cậu dì cô dượng tuốt tuốt, vì mợ Bảy là thứ Tư trong gia đình nên “cậu dì” em mợ ít tuổi hơn Hoài xa lắc. Bởi lẽ phép thế nên Hoài được “cưng” lắm. Gia đình mợ Bảy có cao trào văn nghệ. Thay vì ngày tết gầy sòng bài bạc thì ở đây gầy sòng ca nhạc, lại nữa đám cưới con gái ... cậu Đan anh “ôi vui quá xá là vui” hồi trưa vẫn còn hùng hục khí thế, cả “ban nhạc kẹo kéo” cũng được mời ở lại. Nghệ sĩ nhà thi nhau tranh tài, từ giọng ngọt ngào êm dịu lẫn giọng dấm chua lạnh lạnh trong giai điệu Boléro, tới những bài ca cổ mùi mẫn lâm ly. Hoài ngồi êm ru khấp nép bên góc tường, sợ bị chiếu tướng rồi bị “đề cử” ra trình diễn góp vui thì khổ, vậy mà không thoát! Dù Hoài đã khản khoản van nài “cậu, dì, cô, dượng” tha cho, bởi cái giọng phập phều của Hoài thì hát xướng nổi gì, xong mọi người quyết không tha, bảo với dáng vẻ và phong thái Hoài vậy phải là ca sĩ thứ thiệt mới đúng, lại nữa ở Sài Gòn (làm như nước Sài Gòn luyện ra giọng hát!). Bí quá Hoài phá bình, bắt chước lời chế trong tiểu phẩm hài băng Thúy Nga, “nhả ngọc phun châu” bài hát... *Xuân đã đến bên đây, đến luôn bên kia, xuân đã đến bên này, rồi lại sang bên kia...* Chỉ với mỗi câu này, dễ quá! Hoài “nhai” như nhai kẹo kéo. Vừa nhai vừa nhảy nhót tung tủy, Sáu Được hứng chí kéo “dì” bảy Lan ủa ra “sân khấu” ên mông phụ họa, loay hoay lỡ bộ thế nào mà Lan lăn cù chống vó lên trời, bà con cười rần rần! Còn Lan phải chạy vào thay bộ đồ khác, vì cười quá... ướt hết! Màn diễn tấu hài bất đắc dĩ thành công bất ngờ, Hoài đột ngột trở thành ngôi sao “rạng ngời mà không chói lóa”, thu phục được cả tá fan, nhiều người ái mộ hết biết, cũng bởi cái vũ đạo nhí nhố mà nên! Cứ theo đà này mai mốt lại được phong “nghệ sĩ hài nhân dân” thì sốc chết! Trong bầu không khí vui nhộn quá cỡ, một trung niên bất giác phát ngôn:

-Tui mà chưa có vợ...

Hoài nhanh nhẩu hót: -Thì ...”tui của chị”, phải không?

Cậu bẽn lễn nhưng cũng hùng dũng gật đầu. Mọi người lại cười rân. Sở dĩ Hoài nói trùng ý cậu vì những câu đại loại vậy Hoài nghe đã nhiều...Thật chẳng biết trời cao đất dày là gì! Cậu này nhỏ bé hơn Hoài chí ít cũng cả con giáp!

Đêm về, còn bản thần choáng váng với “danh vọng” mới bắt ngờ thu được. Sao mà không choáng chứ? Bởi Hoài cảm thấy mình như thay đổi thành con người khác hoàn toàn. Xưa giờ Hoài nhút nhát e thẹn, trước đông vài ba người đã ngậm tăm run rẩy, thế mà hôm nay không biết “cô cậu” nào nhập làm Hoài liễu mạng quá hớp, “tài năng” bấy lâu ẩn dật bỗng xì ra bắt ngờ! Hoài còn chất lười tiếc thắm, hồi tối tóc tai đuột quá, thiếu “phong cách”, bởi tóc mây sợi trắng sợi vàng phiêu du về nơi xa theo răng lược từng ngày, để lại từng khoảng rừng thu thưa lá. Và màn “trình diễn” cũng từng quá, chân đá tứ phía như võ sinh mới nhập môn, mình mẩy lắc lư hết lên đồng, chả khác kinh phong giựt là mấy, may người quê dễ dãi vui tính chứ ở tỉnh người ta cười banh bụng!

Có tin nhắn điện thoại. Dòng chữ hiện lên màn hình, là cậu Trần. Cậu này do bạn giới thiệu đã lâu, chưa lần gặp mặt cũng chưa điện đàm. Xem ảnh thấy cậu có vẻ “đàn em” lắm, lại lễ phép xưng hô một điều chị, hai điều chị, còn là gốc Quảng. Hoài rất nản dân miền Trung mà không biết duyên nợ kiếp nào gặp hoài, bởi mỗi lần “đàm thoại” phải hỉ hả vài lần mới nắm bắt được ý đối phương, tiêu hao những giây phút “lãng mạn” quý báu, nên đối với cậu Đà Nẵng này cũng không mặn lắm! Thôi cho cậu vào khuôn, khỏi giở trò cưa cẩm! Thế là Hoài xưng chị gọi em ngọt sớt, chưa thấy phản ứng, cậu này có vẻ dễ bảo đây, kẹ, cứ “tìm hiểu” xem sao. Ngày vài lần sáng trưa cậu thăm hỏi, tối chúc ngủ ngon. Để coi cậu nhắn gì:

- Chị ngủ chưa?- Chị ngủ rồi em ạ. Muốn chúc chị ngủ ngon mà giờ này mới nhắn khác nào đánh thức chị dậy, còn gì là “ngủ ngon” nữa? - Xin lỗi chị, hôm nay bận chút việc giờ này mới xong. Biết là muộn nhưng nếu không vắn an

chị buổi tối thì ...mình không ngủ được! Hôm nay chị có chuyện gì vui không?

Hoài “hồ hởi”:

- Có chứ. Hôm nay là ngày vui nhất trong đời từ xưa đến nay...

- Ôi thế sao? Hèn gì không nhăn nhó khi bị quấy rầy. Kể nghe với được không?

- Không được. Lúc khác kể, giờ đi ngủ.

- Vậy chúc ngủ ngon nhé, chị...yêu.

Trời! Cậu này “bứt phá” rồi đây! Hèn gì cậu gọi Hoài là chị nhưng lại xưng “mình”, chưa đường bước tới. Hoài trách:

- Em nói những gì vậy? Nói thế người ta tưởng em...yêu chị sao? Hấn nhây:

- Kê, ai muốn tưởng sao thì tưởng, cũng đâu đó thôi mà.

Hoài phủ đầu: - Này em, nhìn em trẻ quá, không xứng với chị đâu đừng nói đùa bậy bạ thiên hạ cười cho...

- Cảm ơn chị quá khen, nhưng không trẻ đâu, chị thấy ảnh đó là của...tám năm trước!

- Ôi giờ! Lừa nhau à?

- Không dám, nhưng giờ cũng chẳng khác là bao...hi.

Thân tình phát triển. Hấn lộ mọi cửa cấm. Cũng may giọng hấn không “ĐòaNềng” mấy, Hoài hiểu được, chẳng phải học khóa luyện nghe “ngoại ngữ”. Hấn nói:

- Sẽ thương yêu lo lắng cho chị suốt đời không bao giờ thôi, chị tin...mình nhé.

Hoài trả giá:

- Vậy có bằng lòng mỗi ngày com bung nước rót hầu hạ chị không?

Hấn sốt sắng:

- Có chứ, rất sẵn lòng. Không những com bung mà còn đút chị ăn, cõng chị đi chơi nữa.

- Ấy chết! Không cần đâu, chị chưa tàn tật!

Lần đầu gặp, hấn ngây người nhìn Hoài. Hoài cũng choáng! Không choáng sao được? Hình dung hấn nho nhả trẻ trung, tóc bồng bồng phủ ót hết nghệ sĩ, mặt mày sáng láng đẹp... troai hết biết! Hoài nhủ thầm, không được rồi,

gởi tình cho cái ngừ lẳng tử này cầm bằng “gởi gió cho mây ngàn bay”...mới thiệt là lẳng xệt!

Thế nhưng hấn hiền như đất, nói năng lấp bắp không thuộc dạng “miệng trơn như bôi mỡ”. Hấn bảo, em thấy đó anh đâu có tài ăn nói, không biết tán gái, cũng chẳng trăng hoa ong bướm, xin em hãy yên lòng (hấn lên chúc “anh” hòi nào vậy?). Hoài nghi hoặc, không tán ai nhưng ai tán lại cũng chịu phải không? Hấn cười. Nói gì hấn cũng cười. Nhưng lần này không biết là nụ cười cố hữu hay cười thú nhận bị nói trúng tẩy!?

Khi đã...”nắm tay nhau thật chặt, giữ tay nhau thật lâu”. Và nói với nhau ngàn câu thương nhớ, chứ chả phải một câu! Thì đám cưới tất nhiên xảy ra, “Cô dâu xinh xinh, cô dâu non non...” đã thường. Cô dâu tóc vàng nhuộm như Hoài mới lạ. Lại thêm chuyện lạ ly kỳ khác! Tên họ chồng Hoài y chang tên họ cúng cơm Sáu Được, nên Sáu giết mình thon thót mỗi khi MC nói đến tên chú rể trong tiệc cưới. Ngày phát thiệp mừng cũng vậy, bạn bè sững sốt tưởng tiểu bang này hợp pháp luật hôn nhân đồng tính mà họ không hay biết, để còn thoải mái công khai “người yêu” và giới tính của mình. Sau mới vỡ lẽ Hoài lấy chồng là nam nhân thứ thiệt, không phải ...lấy “nhỏ” Sáu.

Nào giờ Hoài tưởng chuyện chồng con của mình đã “final” thật sự, bởi qua mấy mươi năm “ế ẩm” quen rồi. Cứ nghĩ đến phải chia cho ai nửa cái giường, rồi hằng đêm ngủ trong häng cửa với đủ loại tiếng ồn như sấm động, thì ớn lắm! Và ngày ngày tận dụng trí não nhiều giờ trên Internet, không phải để viết văn làm thơ, hay đọc sách báo mở mang kiến thức mà là sưu tầm món ngon vật lạ cho bữa cơm hàng ngày, để chồng đỡ chán, kéo hấn lại thềm phở thì khổ đời cô Lựu. Vậy mà giờ đây Hoài vượt qua tâm trạng lo lắng bấy lâu, để chấp nhận hấn! Cũng may cuộc sống bớt phần khó khăn được một nửa, bởi trước bữa ăn chồng Hoài quen lệ ôm mặt vợ hôn dúi dụi hòi lâu thay lời cảm ơn công khó vợ nấu nướng (hoặc viện có?), xong phán...”no choa rồi”, hoặc làm bầm “thương lắm thương lắm”. Nên cơm ngon dờ

với chồng chẳng quan trọng, như thể mặt vợ là mâm cao lương mỹ vị ăn đã ”no choa rồi”. Nhưng với Hoài có chút không “đã” lắm, bởi ý tình thật dễ thương nhưng phát ra bằng giọng nói chẳng truyền cảm tí nào! Người ta tình Bắc duyên Nam còn Hoài tình Bắc duyên ...Quảng Nam, hơi trật đường rầy chút! Thế nhưng hạnh phúc tràn trề. Tiếng cười nhộn cả ngày, chồng chiều chuộng yêu quý, cưng vợ như cưng...con! Lâu lâu lại thì thảo ... vợ yêu của anh, có thương chồng không? Như thể chưa tin vào hiện thực. Cầu hạnh phúc này được mãi đến...tận thế, cho dzui!

Miếu Bà quê Sáu thiêng quá hớp, đầu xuân chỉ vái Bà một tấm người yêu nói chuyện cho vui, Bà hào phóng tặng ngay tấm chồng, nhưng Bà không thương cho trót, chẳng ban cho ông chồng “tử tế” hơn, bởi chồng Hoài còn kém vợ vài tuổi! Chạy trời không khỏi nắng kiếp làm “chị” và tình xứ Quảng. Thôi kệ, chẳng phải dân gian đã có câu...vợ già chồng trẻ là duyên ba đời đó sao?... Sau bấy nhiêu năm phiêu du bốn phương tám hướng, thuyền tình “nàng con gái tên Hoài” neo đậu bến xuân chàng Đò Nặng, ghét của nó trời tro của nó!.

Sang năm mợ Bảy lại rủ về Việt Nam. Hoài đắn đo suy nghĩ mãi, chồng còn bận đi làm không thể về nước chơi dài ngày. Một mình Hoài ham vui theo lời “rủ rê” của mợ Bảy và Sáu về quê. Rồi đầu xuân ra cúng miếu Bà, lỡ quen mồm van vái “linh tinh”, Bà lại tặng thêm cho ...ông chồng nữa, là gây hậu quả nghiêm trọng ngay!

Vị nữ lưu nào phận duyên trắc trở, hồng nhan đa truân, thì liên lạc với Sáu hoặc mợ Bảy để được dẫn đường đến miếu Bà Gò Công đông cầu duyên cầu phước đầu xuân, sẽ được toại nguyện mỹ mãn như Hoài.

Hoàng T. Thanh Nga

@I love you not because of who you are, but because of who I am when I am with you.

Tôi yêu bạn không phải vì bạn là ai, mà là vì tôi sẽ là người thế nào khi ở bên bạn.

Trâm Hương 71



HOA VĂN

Máy nót phù hoa

*Còn đây Máy Nót Phù Hoa
Bình minh đã cạn
trăng tà đã vơi
Rong chơi như đã qua thời
Buồn vui thôi với cuộc đời
gió đông*

*Thơ tình viết mãi chưa xong
Chút men cay đã mấy vòng tỉnh, say
Cảm ơn bằng hữu xưa, nay
Tạ ơn em cả chốn này nơi kia*

*Ân tình mấy ngả lời chia
Lối về nghe chút mưa khuya chứa tàn
Tình nào tình cũng chứa chan
Cùng em chung ánh thơ vàng nhạc hoa*

*Ơn Trời trong những thiết tha
Trăm năm thôi thúc nhạt nhoà mây bay
Phấn hương nọ bụi hồng này
Phù Hoa Máy Nót trắng tay cung đàn*

*Một mai sương khói về ngàn
Một tôi hạt cát vỡ vàng dấu xưa
Bên đời ấp ủ hồn thơ
Phù Hoa Máy Nót nắng mưa ngậm ngùi.*

Richmond/2018



TRẦN THỊ HÀ THÂN

Một đời tôi nhớ

*tôi mang trong tôi là dòng máu đỏ
tôi mang trên thân một màu da vàng
tôi mang trong tôi trái tim rất nhỏ
tôi mang trong hồn nuôi tiếc lớn lao*

*bên này đất trời nửa đời lang thang
quê hương anh ơi khi nào ta về
tuổi thơ ngoan hiền bao giờ thấy lại
cho vui nỗi nhớ tháng ngày lê thê*

*một tháng Tư đen suốt đời tôi nhớ
bốn mươi năm rồi đâu dễ gì quên
con thuyền lênh đênh bập bênh sóng gió
đưa tuổi thần tiên viễn xứ lạc loài*

*cuộc chiến nổi trôi đưa ta xa rồi
vẫn còn anh tôi da vàng máu đỏ
chung mang nỗi buồn
nhớ một quê hương
cùng có tâm sự đôi chim gãy cánh...*



TRẦN THIỆN HIỆP

Ru nỗi buồn thừa

*Ta ru ta nỗi buồn thừa
Giữa lao xao lá hạt mưa lờ lờ
Mơ hồ từng giọt dư âm
Đội lên tiềm thức tiếng thăm xa xưa
Em qua nhịp guốc đường trưa
Nắng con phố dốc cho vừa thương nhau
Nghìn trùng vẫy gọi chiêm bao
Phân tư thế kỷ hư hao cõi mình
Ta ru chiu chặt giọt tình
Ta ru còn lại chênh vênh phận người*

Trần thiết

*Vách đời trần thiết bóng tôi
Tìm em trần thiết luân hồi bóng ai
Canh năm trời nở sao mai
Tôi và nhật nguyệt nối dài bước chung
Hoang mang bờ bãi thất tung
Mà sao rõ tiếng sóng trùng dương rơi
Vòng quay nửa trục đã rời
Tôi còn nửa trục máng đời với thơ
Và em, tôi giấc hoang sơ
Và tôi, em ngủ mộng bờ liễu dương
Hò yên trần thiết cảnh sương
Tìm tôi trần thiết hoang đường bóng em*



SONG AN CHÂU
Nghe như tiếng Quốc

Từ khi cất bước phiêu diêu
Lần tay tính lại bao nhiêu tuổi đời
Ôi! Sao chưa được thành thoi
Còn đeo hệ lụy, kiếp người trần gian?
Nay đâu nặng gánh giang san
Sao lòng nặng trĩu cưu mang trăm điều
Đời thường ăn ở bao nhiêu
Mà trong lo lắng thiếu điều dứt hơi!
Bao la trời biển chơi vơi
Lo về quê mẹ, lo đời nơi đây
Xác thân nung nấu chốn này
Mà hồn để lại bên kia quê nhà
Cảm thương cho mẹ tuổi già
Chân đi gối mỏi, vào ra lưng còng
Cô thân, chiếc bóng trời đông
Lạnh trong hơi thở, lạnh trong đời buồn
Bỗng dưng dòng lệ rơi tuôn
Đêm dài thức giấc thấy buồn xa xăm
Ấm êm bên cạnh vợ nằm
Nghe trong hơi thở thì thăm biển xa
Xạc xào cơn gió bay qua
Nghe như tiếng quốc gọi ta về nguồn!

Buồn xa xứ

*Ngoài hiên nghe gió giao mùa
Lao xao mảnh trúc gió lùa từng cơn
Bao năm lòng vẫn tủi hờn
Ly hương đất khách trong cơn nhọc nhằn
Nỗi buồn lan rộng chiếu chần
Vòng tay ôm gối, ngỡ rằng quê hương!*

*Từ khi xa mẹ lên đường
Quê hương bỏ lại lòng vương vấn sâu
Thời gian nay đã qua mau
Bốn ba năm vẫn đượm màu tang thương
Đất ơi! Nước đã xa nguồn
Hồi người xa xứ có buồn nào hơn?*

Song An Châu

@

***Đủ nắng hoa sẽ nở,
đủ gió chong chóng sẽ quay,
đủ yêu thương hạnh phúc sẽ đông đầy.***



BÙI HUY

Không Sĩ Yên Sơn

Người ta hay nói: Văn tức là người. Vậy thì đọc văn Yên Sơn chúng ta thấy gì ở con người ấy? Có nghe thấy tiếng quyền tiếng cước vù vù của Đệ Bát Đảng Huyền Đài đó không?

Nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân trong phần lời tựa cũng bảo, “Yên Sơn viết văn không phải để giải trí cho mình, mà cũng không phải để giải trí cho người đọc.” Thế thì Yên Sơn viết văn để làm gì vậy? Và chúng ta, những người đọc giả đọc văn Yên Sơn, nếu đọc không phải để giải trí thì chúng ta đọc để làm gì?

Thưa quý vị,

tôi không thể nói hộ anh Yên Sơn là anh ấy viết văn để làm gì. (Tí nữa lên đây, mong là anh sẽ bật mí cho mọi người cùng biết.) Nhưng trong tư cách một người đọc, tôi xin vụng về trả lời câu hỏi, “tôi đọc văn Yên Sơn để làm gì?” Dĩ nhiên, câu trả lời chỉ dựa trên cái nhìn cô hủ, quê kệch của tôi.

Tôi đọc văn Yên Sơn tôi thấy mình yêu dân tộc, yêu đất nước Việt Nam này quá đi thôi. Làm sao không yêu được cái đất nước có những con người lành như cây cỏ, hồn nhiên như nắng mưa, khí khái, chính trực như trong truyện cổ tích, như Yên Sơn Trương Nguyên Thuận. Trên trang bìa của tác phẩm này là hàng chữ tựa đề “Mưa Nắng Bên Đồi”. Bên dưới là hàng chữ “Tập Truyện Ngắn”. Tôi đọc xong, gấp sách lại, bồi hồi, ngẫm nghĩ... Đây là một truyện dài, chứ không phải là một tập truyện

ngắn. Tuy nó được cắt ra thành từng lát, từng truyện riêng rẽ. Nhưng có một sợi dây xuyên suốt, kết nối những mẩu chuyện ấy lại với nhau. Nó là câu chuyện dài của một thanh niên Việt Nam, từ lúc thơ ấu giữa núi sông, ruộng đồng nước Việt, lớn lên giữa tình thương yêu của cha mẹ, anh em, xóm giềng bè bạn, đến lúc lớn khôn, nghe thấy thôi thúc trong lòng tiếng gọi của trách nhiệm, tiếng gọi lương tri của kẻ sĩ sống giữa thời đao binh, loạn lạc. Không muốn đi theo con đường hoạn lộ trở thành bác sĩ, anh mộng trở thành một phi công phản lực bay tới tận cung Hằng ngắm nàng Hằng Nga xinh như mộng, rồi lộn trở về bảo vệ non sông, gìn giữ tự do cho dân tộc.

Ông Trời chỉ chiều anh một nửa, không cho anh có cơ hội lái phản lực, nhưng mở lối cho anh sang Mỹ học lái máy bay chong chóng, rồi trở về lái máy bay bắn đại liên yểm trợ đồng đội ở dưới đất. Nhưng rồi tai ương đã vội chụp xuống miền Nam, biến cố lịch sử ấy đã đưa đẩy chàng thanh niên ấy trở lại đất Mỹ... để bây giờ ở đây, có mặt tại căn phòng này.

Những năm đầu tiên sau 1975, người Việt tỵ nạn đặt chân trên đất Mỹ được rải tung ra khắp nơi, khắp các tiểu bang, sống tan hoà vào cái xã hội mới, với đầy những bờ ngõ trước lối suy nghĩ, cách sống, cách ăn uống khác hẳn những gì mình quen thuộc từ trước đến giờ. Mỗi người mỗi hoàn cảnh khác nhau, mỗi cách khác nhau, đã đương đầu với sự va chạm của hai nền văn hoá dị biệt. Và cái cách đương đầu, ứng xử ấy chính là nét son của cái gọi đích danh là văn hiến dân tộc, mà với nó, chúng ta, những người dân miền Nam nước Việt đã hội nhập vào xã hội Hoa Kỳ.

Câu chuyện đời trên đất Mỹ của người thanh niên phi công ấy trong 43 năm vừa qua là một chuỗi những kỷ niệm tương tự như mỗi chúng ta đã gặp; nhưng ở Yên Sơn chúng có những nét đặc thù, cảm động, hào hứng, gay cấn riêng của nó. Nhất là cái cách ứng xử của anh trong trường hợp sau đây mà tôi phải ngả nón khâm phục. Đang ở cái tuổi trên dưới 30, xuân tình trong lòng đang phơi phới, trước sự

tỏ tình và mời gọi của một người con gái đang dậy thì, cháu nội của ông bà chủ nhà cho thuê, mà chàng phi công của chúng ta đã có thể đẩy người con gái ấy ra thì tôi phải gọi anh là Không Phu Tử. Anh Nguyễn Mạnh An Dân đã ví von, “Yên Sơn có bàn tay sắt và trái tim lụa.” Cách so sánh thật là khá duyên dáng. Cứng như sắt, và mềm như lụa. Nhưng tôi trộm nghĩ trái tim ấy có rất nhiều lúc nó cũng không mềm đâu. Hoả đang bốc trong người mà đẩy được thân hình người con gái mỏng mảnh ra thì trái tim Yên Sơn lúc ấy chắc phải cứng hơn kim cương.

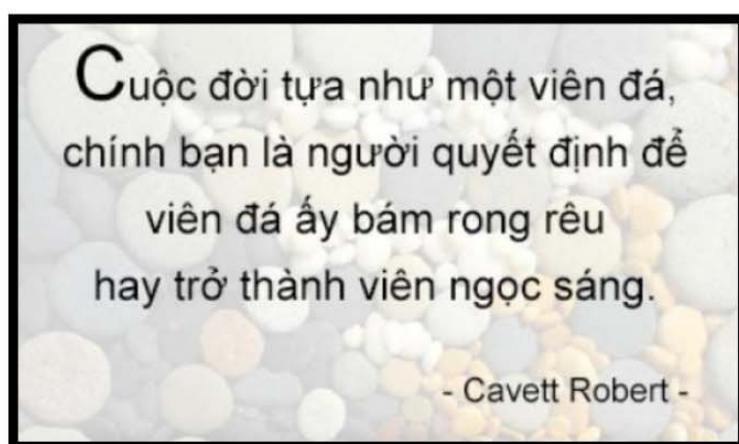
Tuyển tập truyện ngắn, hay đúng hơn, “truyện dài” Mưa Nắng Bên Đồi của Yên Sơn, là một tuyển tập góp nhặt những kinh nghiệm sống như thế. Những chuyện buồn vui, hạnh phúc, đau khổ, thành công, thất bại, chuyện nuôi dưỡng dạy dỗ con cái, chuyện vừa hãnh diện vừa lo âu khi tiễn con lên đường tham chiến ở Iraq, vân vân, tôi không thể nào kể hết ra đây được. Nhưng quý vị là những kẻ lưu vong trên đất khách, quý vị rất nên mỗi người mua một quyển Mưa Nắng Bên Đồi về nhà đọc. Đọc không phải để thưởng thức văn chương, mà để thấy lại bóng dáng của chính mình trong ấy. Và để, như trong trường hợp của tôi, thấy mình yêu nước Việt miền Nam nhiều hơn.

Và có lẽ quý vị cũng nên mua thêm vài quyển nữa để tặng cho những người bạn nào đó của quý vị, những người mà với họ quý vị đã chia sẻ những ngày tháng đầu tiên sống trên đất Mỹ. Tôi thì tôi đã được tác giả tặng cho một cuốn. Nhưng tôi sẽ mua thêm ít nhất một cuốn nữa. Và trong đầu tôi, tôi đang biết là tôi sẽ tặng ai. Đó là một người bạn hiện đang sống ở Houston, người bạn mà bốn mươi mấy năm về trước đã cùng tôi gồng mình trước cái lạnh giá băng của mùa đông Minneapolis, mà hai tuần trước tôi tình cờ gặp lại ở tiệm bánh mì Nguyễn Ngọc. Và cũng rất tình cờ, ngày xưa anh cũng từng phục vụ trong binh chủng Không quân.

Tôi biết anh Yên Sơn đã mấy chục năm. Anh là con người của lắm cái sĩ. Hẳn nhiên anh là một chiến sĩ. Nhưng cái tôi biết đầu tiên về anh, ngoài chuyện anh là một

binh sĩ, anh còn là một thi sĩ. Gần hai mươi năm trước, khi anh ra mắt tập thơ “Cho Quê Hương – Tôi – Và Tình Yêu”, tôi đã lên nói đôi lời giới thiệu tập thơ ấy. Và tôi cũng biết anh là một võ sĩ. Mà võ sĩ thứ dữ nên phải gọi là dũng sĩ. Rồi lại thấy anh là một văn sĩ. Rồi đến hôm nay lại thấy anh là một nhạc sĩ. Con người này thực lắm tài, đa nghệ, phải ngả nón khâm phục. Nếu một hôm đẹp trời nào đó, anh lại mời quý vị và tôi đến xem triển lãm hội họa của anh, và nếu có ngày ấy, thì chắc tôi phải gọi ông họa sĩ Yên Sơn là Everything sĩ. Mọi Thứ Sĩ, Cái Gì Cũng Có Thể Sĩ. Trong khi chờ đợi đến ngày ấy, bây giờ tôi xin tặng anh thêm một cái sĩ nữa. Một người lái máy bay thường được gọi là phi công. Nhưng tôi không thích dùng chữ phi công để gọi Yên Sơn Trương Nguyên Thuận. Bởi vì công cũng có nghĩa là người thợ. Phi công là thợ bay, thợ lái máy bay. Một kẻ từ chối không chịu làm bác sĩ, muốn lên trời chơi với chị Hằng, thì theo tôi, gọi anh là người thợ thật không phải. Tôi muốn tặng anh danh hiệu là “không sĩ”, kẻ sĩ của tổ quốc không gian. Tôi xin góp lời chung vui với bạn tôi, “Không Sĩ Yên Sơn”, trong ngày vui hôm nay. Và... tôi xin hết lời.

Bùi Huy





NGUYỄN LẬP ĐÔNG

Tiểu nhị quan

*quan cười cười trên mây
lính khóc trong tử quán
một tay giương súng đạn
một tay khăn lau bàn
ta chính là tiểu nhị
ta chính là lính quan
bế môn không tiếp khách
ta với ta nhậu khan*

*cạn ly đầy rượu đắng
phạt thêm chén muối đường
máu pha men ngất ngật
ta-lính-quan-dân thường
đất trời quay chóng mặt
ta quay ta mòng mòng
không bay sao lạc hướng
không say sao nảo lòng*

*viết mấy câu đứt ruột
để nhớ đời vô phương.*



THÁI BẠCH VÂN

Ngập ngừng gót nhỏ

*Bước chân đi ngập ngừng gót nhỏ
Môi cười mà lệ rớt buồn tim!
Chia tay này tiễn đưa lần cuối
Rồi mai kia khuất nẻo kiếm tìm.*

*Lời ước hẹn còn đây vắng vắng
Cho khối sầu tím buốt tâm can,
Lòng tự nhủ: tim ơi đừng khóc
Để người xa thanh thản chia xa.
Đôi bàn tay rời nhau bịn rịn
Ôm no tròn bao nỗi thiết tha
Mắt hồ thu tình sâu gói kín
Thủy triều buồn cuộn cuộn phong ba*

*Có tình nào tình dài muôn thuở
Có tình nào ... tình chẳng phai pha
Tình thiên thu trôi mù rã lối
Tưởng vọng trăm năm chẳng xóa nhòa!*

Mong ngày trở lại

Ta nào muốn phải lìa xa quê mẹ
Nơi mang tiếng khóc ban đầu mà ra
Và lớn lên trong à...ơ ru hát,
Để ngọt bùi chia sẻ một đời ta
Ta nào muốn phải lìa xa xứ sở
Nơi trường xưa bạn cũ rất thiết tha.
Nơi thầy cô từng trao ra tâm huyết,
Cho ta tình thương rất đổi mặn mà!
Ta không đành phải lìa xa chốn cũ
Nơi dày công xây dựng một tương lai,
Nơi ta tưởng sẽ một đời tung cánh,
Giữa quê hương văn vật bốn nghìn năm.
Ta đâu nỡ để xa lìa đất tổ
Nơi ngàn Thu yên nghỉ của mẹ cha.
Và nơi bao người thân đang sống
Trong nỗi đau đày khổ nhục đắng cay!
Nhưng giữa trời quang mây đen vẫn vũ
Giữa đất lành bỗng bão táp phong ba,
Và sấm sét nổ ngang đầu dân Việt
Rồi trong phút chốc nước mất nhà tan!
Trước thảm cảnh của nòi da xáo thịt
Dưới bàn tay sắt máu của khảo tra
Trước đảo điên của cảnh người thống trị,
Ta phải đành cảnh đất nước lìa xa!
Vì lẽ sống ra đi tìm đất sống
Vì tự do phải chịu cảnh ly hương.
Nơi trời tây chấp chùng bao nỗi nhớ
Ngày lại ngày dằng dặt với niềm thương!
Trong đáy lòng vẫn mong ngày trở lại
Vẫn một lòng tha thiết với quê hương.
Ta ra đi đã thề lời hẹn ước
Chẳng hề quên tình đất nước thiêng liêng.

Thái Bạch Vân



HUỲNH CÔNG ÁNH

Vòng tay bơ vơ

*Ta về lại với căn phòng nhỏ
Ôm đàn ngòai hát khúc cô đơn
Nhớ em lẻ loi phương trời đó
Dáng gầy nghiêng nghiêng mỗi hoàng hôn*

*Ta về tạm trú vào quên lãng
cuồng lũ trôi tàn vào trùng khơi
thản nhiên giữa chập chùng khôn nạn
Cười khan nửa nụ mặc kệ đời*

*Ta về mưa mùa lên đùng hện
Tràn lan ướt nhẹp dấu chân qua
Cổ lau khô dòng đau tắt nghẽn
Của cuộc đời và của cõi riêng ta*

*Ta về một mình thân nhìn lại
điều qua đi, điều chợt đến bất ngờ
Bỗng nhớ em, nhớ em tê tái
Choàng ôm em trong vòng tay bơ vơ.*



CÁI TRỌNG TY

Phố quận đầu tiên

*Tôi đứng bên đường chiều mưa gió
bên này lưng sơn rừng mật khu
thấy em Phan rí con sông nhỏ
đèn bão mù mờ chén rượu cầm*

*khuya ấy tôi về Phan lý Chàm
đường vắng vực sâu hồn ớn lạnh
xe qua những dặm đường u ám
nghe tiếng cắc cù vọng bến sông*

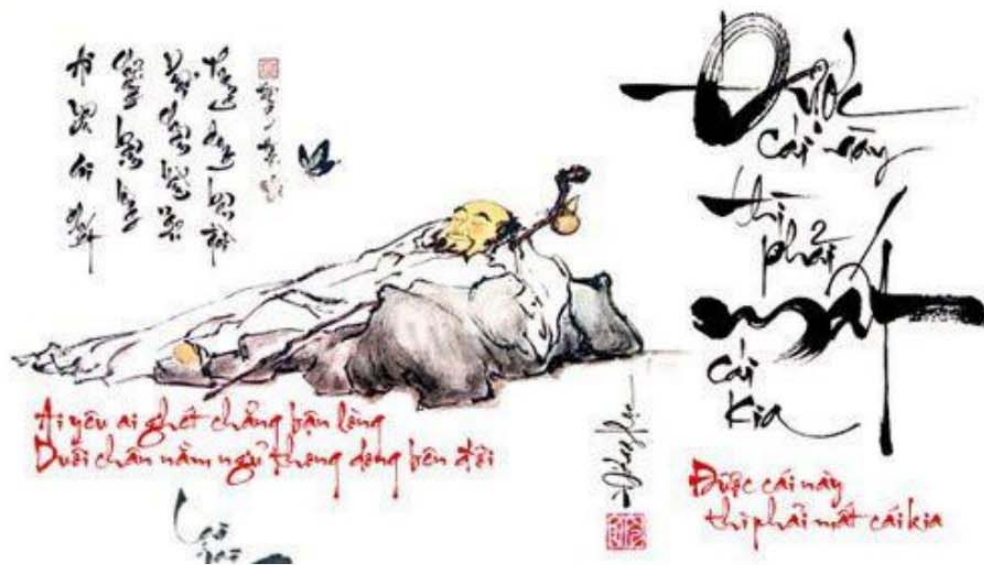
*rừng chồi Trảng táo địch phục kích
đêm ở Chợ Lầu quán vắng khuya
trên đồi yên ngựa tuần trăng mỏng
nhà em đâu đó nữa dòng sông*

*đâu chỗ đi về đêm rất đêm
tình như khói biếc hồn nương rẫy
sợi nắng chiều lên những liếp nhà
tôi với em rồi cũng rất xa*

bên cầu Phan rí vào chợ quận
phố nhỏ điều hiu khách mệt nhọc
xe ca đồ bến em về muộn
có nỗi buồn riêng lạc xứ người

tôi ngồi bên quán sông đêm tối
nhìn xuống dòng trôi khói tỏa mờ
xa xa trời chớp đông buồn bã
đời đi con nước đã trôi trôi

đời đi mất tích con sông cạn
làm sao rồi bến giữa dòng kinh
khi cơn cuồng nộ chờ nước lớn
đạn đạo vô tình buổi chiến chinh.





DƯƠNG THƯỢNG TRÚC

Cám ơn đời

*(Kính tặng chị Diệp, để đổi lấy tiếng "Cậu"
04:30 AM - 05/05/2018)*

*Cám ơn đời, những thương yêu trong sáng
Cho ta thêm vững bước trước trăn luân
Lời bảo ban, câu thăm hỏi ân cần
Là nhựa sống cho cây thêm xanh lá*

*Những yêu thương dạt dào như sóng cả
Đưa con thuyền về bờ bến bình yên
Kiếp nhân sinh sẽ vui bớt muôn phiền
Để nhìn thấu nẻo chân trời tươi sáng*

*Những dịu dàng tựa hồ thu phẳng lặng
Lời mẹ ru êm ả buổi trưa hè
Âm thanh nào kéo kết giữa bờ tre
Câu ca dao vọng về trong tâm thức*

*Cám ơn người những thương yêu chân thực
Là bài thơ tô điểm đẹp cuộc đời
Để bao ty hiềm ganh ghét nhỏ nhoi
Theo con nước trôi dần ra biển cả*

Trầm Hương 87



TRẦN QUỐC BẢO

Phú Quốc đất lành

Hồi xưa ...

Tôi ra Phú Quốc một lần

Trở về, lòng thấy muôn phần nhớ nhung

Đảo xinh xinh, đẹp vô cùng

Ở miền duyên hải, giáp vùng Cao Miên

Từ Phú Quốc, đến Hà Tiên

Khoảng trăm hải lý, tàu thuyền thông thương

Giữa đảo có một phi trường

Tiện cho du khách bốn phương tìm về

Lúa thừa trên đảo, dân quê

Trồng tiêu, chài lưới, làm nghề mưu sinh

Bắc Mũi-Trâu, Nam Mũi Hanh

Bảy mươi cây số, xanh xanh bóng dừa

Đêm vàng, Bãi-Dọc trắng mơ

Nắng hồng An-Thời cát bờ trắng tinh

Tuyệt vời cửa bể Hàm-Ninh

Muôn ngàn hải đảo, bình minh tựu về

Cá tôm nườm nượp thấy mê

Dư ăn; Làm mắm tay nghề chuyên môn

Nước mắm Phú Quốc thơm ngon

Năm châu, bốn bể vẫn còn lừng danh!

Phú Quốc, đảo nhỏ đất lành

Mà nguồn lợi tức, rành rành kim cương

Tác đất, là tác máu xương

Giữ sao Tổ Quốc Quê Hương vẹn toàn.



ĐỖ CHIÊU ĐỨC

Hỏa là Lửa

Theo Phật giáo, cơ thể con người là do Tứ Đại: Phong Thủy Hỏa Thổ, tức là Đất Nước Gió Lửa kết hợp lại mà thành, nên bản thân con người đã có một phần tư là lửa ở trong đó rồi, ngọn lửa đó cứ âm ỉ mãi trong ngũ tạng lục phủ tạo nên sự ham muốn mãnh liệt mà ta gọi là Lửa Dục Vọng. Trong văn chương Phật giáo thì gọi nhẹ nhàng hơn : Lửa Lòng. Như cụ Nguyễn Du đã diễn tả tâm trạng của Thúy Kiều khi tu ở Quan Âm Các:

Cho hay giọt nước cành dương

Lửa Lòng tưới tắt mọi đường trần duyên ...

và như lời của Thúy Kiều đã phân bua với Vương Viên Ngoại khi ông muốn nàng từ giả sư Giác Duyên để theo mọi người về nhà đoàn tụ :

Sự đời đã tắt Lửa Lòng,

Còn chen vào chốn bụi hồng mà chi?!

"Tắt Lửa Lòng" còn là một tiểu thuyết tình cảm lãng mạn nổi tiếng của nhà văn Nguyễn Công Hoan, được giới thiệu lần đầu tiên vào năm 1933. Tác phẩm này nhanh chóng trở nên phổ biến, và rất nhiều người chuyển thể thành các vở kịch nói, phổ nhạc... trong số đó phải kể đến Soạn giả Trần Hữu Trang đã biên kịch lại và chuyển thể thành vở cải lương năm 1936 với tên của 2 nhân vật đi vào huyền thoại kịch nghệ Việt Nam là "Lan và Điệp"

Chuyện tình "Lan và Điệp" của Việt Nam ta có thể sánh ngang với chuyện tình " Lương Sơn Bá và Chúc Anh Đài " của Trung Hoa xưa, và còn có phần vượt trội hơn về mặt bình dân, được phổ biến rộng rãi trong mọi tầng lớp quần chúng nhân dân. Nhớ khi xưa, yêu một cô bạn cùng trường, tôi cũng lấy chuyện tình Lan và Điệp để ví dụ :

Trâm Hương 89

*Anh với em như Điệp với Lan,
Thanh mai trúc mã đẹp muôn vàn.*

Vỗ vế thơ Đường anh đọc thấy,

Chuyện mình sao giống khúc Trường Can...

Chả trách mỗi tình đầu học sinh tan vỡ theo khói mây như
bao mối tình đầu khác!



Trong Cung Oán Ngâm Khúc Nguyễn
Gia Thiều cũng đã gọi ngọn lửa âm ỉ đốt
trong lòng người cung nữ là Tâm Hỏa với
các câu:

Ngọn tâm hỏa đốt dầu nét liễu,

Giọt hồng băng thấm ráo làn son.

Lại buồn đến cảnh con con,

Trà chuyên nước nhất, hương đèn khói đôi!

Trong Truyện Kiều, cụ Nguyễn Du cũng mượn chữ Tâm
Hỏa nói thành "Lửa Tâm" để tả ngọn lửa ghen tuông trong
lòng của Hoạn Thư là:

Lửa Tâm càng dập càng nồng,

Trách người đen bạc ra lòng trắng hoa.

Ví bằng thú thật cùng ta,

Cũng dung kẻ dưới mới là lượng trên!

Hỏa là Lửa, và là chữ Tượng Hình của một trong 214 bộ
của Chữ Nho...Dễ Học, theo diễn tiến của chữ viết như sau

Giáp Cốt văn

Đại Triện

Tiểu Triện

Lệ Thư



xh.5156edu.com



xh.5156edu.com



xh.5156edu.com



xh.5156edu.com

Ta thấy: Giáp Cốt Vần là hình tượng của một ngọn lửa được vẽ cách điệu để tượng trưng cho lửa, qua Đại Triện, Tiểu Triện dần dần diễn tiến thành chữ viết, cho đến Chữ Lệ thì đã định hình giống như chữ viết hiện nay HỎA 火 là LỬA. Có tất cả 407 chữ được ghép bởi bộ Hỏa này để chỉ những gì có liên quan tới Lửa như đèn đóm đuốc nến, nóng nực sáng sủa, nấu nướng chiên xào... đều thuộc bộ Hỏa cả, Cho thấy là Lửa quan trọng biết bao trong đời sống của chúng ta.

Lửa cháy đỏ rực, hùng hực với ngọn lửa đỏ bốc cao là Dương Hỏa, còn lửa cháy âm ỉ với ngọn lửa xanh dịu dàng chập choạng là Âm Hỏa. Nhưng dù âm dù dương thì lửa vẫn cho ánh sáng và sức nóng có thể thiêu đốt hoặc làm thay đổi hình dạng của những vật chất khác, kể cả Vàng cũng bị chảy thành chất lỏng, mặc dù ông bà ta nói " Vàng



thật không sợ lửa ", cũng là để chỉ màu sắc của vàng không hề bị suy yếu mà thôi.

Theo Tử Vi đầu số thì có 6 hình thức lửa, đó là : Thiên Thượng Hỏa 天上火 là Lửa trên trời là

Lửa của Mặt Trời, Tích Lịch Hỏa 霹靂火 là Lửa Sấm sét là Lửa của điện chớp, Sơn Đầu Hỏa 山頭火 là Lửa đầu núi là Núi lửa, Sơn Hạ Hỏa 山下火 là Lửa dưới núi là Lửa cháy rừng, Lô Trung Hỏa 爐中火 là Lửa trong lò là Lửa nấu ăn và Phúc Đăng Hỏa 覆燈火 là Lửa của cây đèn dầu là Lửa dùng để thắp sáng. Nên được chia làm hai nhóm:

* Thiên Thượng Hỏa 天上火, Tích Lịch Hỏa 霹靂火, Sơn Đầu Hỏa 山頭火 thì không kỵ thủy, không sợ nước, có nước lại càng nổi cháy lớn hơn.

* Sơn Hạ Hỏa 山下火, Lô Trung Hỏa 爐中火, Phúc Đăng Hỏa 覆燈火 thì gặp nước, gặp mưa đổ xuống là tắt queo

ngay!

Theo thần thoại xưa thì Lửa có 2 nguồn gốc như sau:

* Toại Nhân 燧人, hay Toại Nhân thị 燧人氏, là người sáng tạo ra lửa trong Thần thoại Trung Hoa cổ đại, có thuyết xưng ông là một trong Tam Hoàng Ngũ Đế. Theo Cao Đài từ điển, Toại là khoan gỗ lấy lửa, còn Nhân là người.

Theo Sách Hàn Phi tử - Ngũ Đế chép rằng: " Thời thượng cổ, dân ăn quả, củ, thịt sống nên bị đau bụng, bệnh tật rất nhiều. Có thánh nhân bỏ củi để lấy lửa nấu chín thức ăn, dân ca ngợi tôn làm vua trong thiên hạ, hiệu là Toại Nhân thị ". Nhờ có Toại Nhân, loài người có lửa, không còn đứng ngang hàng với cầm thú như trước nữa.

* Chúc Dung 祝融, vốn tên là Trọng Lê 重黎, sáng tạo ra cách nấu qua vật cách nhiệt như: nồi đất, ấm đất, niêu đất; khiến món ăn có mùi vị và thơm ngon hơn, ông lại nghiên cứu ra các chất dễ khi cần là có lửa ngay mà khỏi phải dùng cây hay mài đá nữa. Ví dụ như ông ép dầu lạc (dầu phụng) tích trữ làm chất cháy, hoặc chế ra ngọn đuốc để có thể giữ lửa và di chuyển được trong bóng tối. Ông giữ chức Hỏa Chính cai quản về việc chế tạo và sản xuất lửa trong thiên hạ với danh hiệu là Chúc Dung 祝融, được dân gian truyền tụng như là một ông Thần Lửa sau Toại Nhân.

Từ sau khi La Quán Trung viết quyển Tam Quốc Chí có nhân vật Chúc Dung Phu Nhân là vợ của Man Vương Mạnh Hoạch, thì lại có thuyết cho thần lửa Chúc Dung là



phái nữ, và có lẽ vì thế mà ta có từ " Bà Hỏa " để chỉ lửa củi hỏa hoạn chẳng ?! Sau PHONG DI là " Dì Gió ", ta còn có CHÚC DUNG là " Bà Hỏa " nữa, cho thấy từ ngàn xưa Phái Nữ đã không phải là phái yếu đuối tầm thường !

Toại Nhân thị 燧人氏

Chúc Dung 祝融

Bà Hỏa Chúc Dung

Theo Dịch Lý Bát Quái về âm dương ngũ hành thì NAM PHƯƠNG BÌNH ĐÌNH HỎA. Bình là Dương hỏa, Đình là Âm hỏa và đều thuộc Phương Nam, ăn với mùa hè là mùa nóng nực nhất trong năm, mùa của " Lửa phun lửa hạ..." thích hợp với các loài hoa màu đỏ rực như Hoa Phượng, Hoa Đỗ quyên, hoa Thạch lựu... và như cụ Nguyễn Du đã chuyển mùa trong Truyện Kiều khi ông cho cô Kiều đi tắm :

*Dưới trăng quỳnh đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông.
Buồng the phải buổi thông dong,
Thang lan rủ bức trướng hồng tắm hoa.*

Hỏa là lửa, lửa chẳng những mang lại sự ấm áp, mang lại ánh sáng cho con người, mà còn đưa con người ra khỏi cảnh sống hoang sơ ăn lông ở lỗ lúc ban đầu nữa. Lửa còn mang lại những niềm vui, hạnh phúc cho con người khi trời đông giá rét mà được quây quần bên bếp lửa hồng ấm cúng của gia đình như lời ca trong bài "Về Dưới Mái Nhà" của Y Vân và Xuân Tiên:

*"...Người ơi, mau về đây,
về bên bếp hồng tay cầm tay...
Cười lên chan chứa tươi làn môi...
nhớ phút vui đêm nay !
và...*

*...Nhà ai trong chiều nay
Lửa đêm đốt hồng vai kề vai
Và nghe câu hát yêu đời ai
Hát mãi sao không nguôi..."*

... và cái " bếp hồng " ấm áp hạnh phúc kia theo mãi trong tâm thức của những con người tha phương cầu thực như chúng ta mãi mãi cho đến trọn đời :

*Ơi,... nôi lòng chan chứa,
Hỡi người ơi ... biết sao cho vừa... tình thương... của bếp
hồng soi!
và băng khuôn ray rức thiết tha hơn với ...*

*...Chiều nay mưa còn rơi
Chiều nay bếp hồng đang còn say
Chiều nay vui sống trong tình yêu.
Nhớ phút vui không nguôi.
Nào ai xa ngàn nơi
Kìa bao mái nhà đang chờ ai
Kìa bao bếp hồng đang còn tươi
Thương nhớ lên đây vui..."*

Ôi, quả là những lời ca ray rứt, não nuột làm xúc động lòng người xa xứ!... Bài hát " Về Dưới Mái Nhà " đã ăn sâu vào tâm thức của tôi khi tôi vừa mới lớn, khoảng cuối thập niên năm mươi của Thế Kỷ trước, lúc Tổng Thống Ngô Đình Diệm mới về nước chấp chánh, nên... đến bây giờ định cư trên đất Mỹ này, lời của bài hát càng âm ỉ râm rang hơn làm ray rứt mãi lòng người viễn xứ như tôi, nhất là vào những ngày cận Tết với trời đông giá lạnh.....

Trong thi ca cổ cũng vẽ nên một bức tranh ấm áp của những người bạn xa quê tìm đến với nhau trong những đêm xuân cận Tết với các nét chấm phá thật nên thơ như trong bài Hàn Dạ (đêm lạnh) của Đỗ Tiểu Sơn đời Tống:

寒夜客來茶當酒 Hàn dạ khách lai trà đương tửu,
竹爐湯沸火初紅 Trúc lô thang phát hỏa sơ hồng.
尋常一樣窗前月 Tầm thường nhất dạng song tiền nguyệt,
才有梅花便不同。 Tài hữu mai hoa tiện bất đồng.

Có nghĩa:

*Đêm đông bạn đến rượu thay trà,
Quanh bếp than hồng nước mới pha.
Bên cửa thường ngày trăng vẫn chiếu,
Thêm cành mai nữa, nhớ quê xa!...*



Hỏa là Lửa, ngoài nghĩa Bếp Lửa ra, Hoả còn có nghĩa là Đèn Đóm, đèn đuốc thắp lên ban đêm để vui chơi trong cung như nàng cung nữ thất sủng nhìn về nơi có ánh đèn lửa tiệc tùng mà tủi thân tủi phận :

火照西宮知夜飲, Hỏa chiếu Tây cung tri dạ ẩm
分明復道奉恩時。 Phân minh phúc đạo phụng ân thì.
(Tây Cung Thu Oán)

Có nghĩa:

*Lửa chiếu Tây cung đang dạ tiệc,
Rõ ràng nơi đó hưởng ơn vua!*

...và buồn như nàng cung nữ trong Cung Oán Ngâm Khúc của Ôn Như Hầu:

*Hóa công sao khéo trên ngai,
Bóng đèn tà nguyệt tẻ mùi kỷ sinh.*

... cũng là đèn lửa nhưng buồn vui có khác, và không chỉ có buồn vui, có những ánh đèn còn rất nên thơ, như đèn của lửa chài trong Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế :

江楓漁火對愁眠 Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
mà Tản Đà đã diễn Nôm rất nên thơ là :

Lửa chài cây bến sầu vương giấc hồ...

... hay như hai ba đóm lửa lập lòe của một bến đò xa xa trong đêm tối trong bài Đề Kim Lăng Độ của Trương Hồ đời Đường :

金陵津渡小山樓, Kim Lăng tân độ tiểu sơn lâu, 一宿
行人自可愁。 Nhất túc hành nhân tự khả sầu. 潮落夜江

斜月裡, Triều lạc dạ giang tà nguyệt lý 兩三星火是瓜
州。 Lưỡng tam tinh hỏa thị Qua Châu

Có nghĩa :

Kim Lăng bên nước cạnh đôi cao,

Lữ khách qua đêm tự cảm sầu.

Triều xuống trăng mờ chênh chếch chiếu,

Lấp lờ đóm lửa ấy Qua Châu !

Trong cảnh đêm khi nước thủy triều đang xuống dưới ánh trăng nghiêng nghiêng mờ chiếu, thấp thoáng hai ba đóm lửa đèn nhà ai như những vì sao lạc kia, chính là bên đò Qua Châu đối diện đó vậy! Quả là một bức tranh chấm phá với cảnh đèn đóm trong đêm vô cùng nên thơ và thi vị!

Lửa dịu dàng là thế, ấm áp là thế, nên thơ là thế... nhưng khi nổi " tam bành " thì " Bà Hỏa " hoạn đến không buông tha cho ai cả, không buông tha cho vật chất nào cả, mà thiêu rụi sạch sành sanh. Bao tổ giặt xạp nhà cửa, nước lụt cuốn trôi nhà cửa, nhấn chìm ghe xuồng... nhưng cũng còn vớt vát lại được chút đồ đạc còn trôi nổi trên sông, chớ sau một cơn hỏa hoạn thì tất cả còn lại chỉ là đồng tro tàn của dĩ vãng mà thôi!

Lửa còn đi liền với chiến tranh với các từ Binh Lửa, Khói Lửa, Tên lửa, Đạn lửa hay Lửa Đạn là vùng lửa cháy đạn bay, là nơi tuyến đầu, nơi mà người ta bắn giết lẫn nhau, là các vùng Hỏa Tuyến 火線, nơi mà ban đêm luôn có "Những đóm mắt Hỏa Châu 火珠 " soi sáng chiến trường . Tội nghiệp cho tuổi trẻ Miền Nam, tội nghiệp cho các anh lính trẻ Việt Nam Cộng Hòa như tôi" xếp bút nghiên theo việc binh đao" để đêm đêm phải tâm sự cùng" Những ánh mắt Hỏa Châu " như trong bài hát của Nhạc sĩ Hàn Châu :

Có những đêm dài ... anh ngồi ...nhìn hỏa châu rơi... Nghe vùng tâm tư ... cháy đỏ ...xoay ngang lưng trời...

Những đóm mắt hỏa châu, bùng lên trong màn tối,

Như mắt em sáng ngời, theo anh đi ngàn lối...

Những đêm không ngủ... anh ngồi tâm sự...cùng hỏa...châu rơi.....



Quả là tội nghiệp cho tuổi trẻ của Miền Nam khoảng thập niên 60-70 thế kỷ trước, tuổi trẻ của Việt Nam nói chung đã bị cuốn vào vòng chiến tranh ý thức hệ một cách oan uổng...

Ngày xưa, gọi chiến tranh là Phong Hỏa 烽火, là những lửa khói bốc lên do chiến loạn, mà

cũng là những lửa khói được đốt lên để báo hiệu chiến tranh đang diễn tiến đến nơi nào, là những Phong Hỏa Đài 烽火台 dùng để cảnh báo cho dân chúng hậu phương biết trước mà tránh xa và nhất là để cho quan binh hậu phương biết đường mà ứng phó. Nên Phong Hỏa là chiến tranh như Đỗ Phủ đã viết về chiến loạn do An Lộc Sơn gây ra:

Phong Hỏa liên tam nguyệt 烽火連三月

là Chiến tranh kéo dài suốt ba tháng liền... đã gây ra rất nhiều chết chóc khổ đau tang thương khắp chốn, hướng chi cuộc chiến Nam Bắc Việt Nam kéo dài những ba mươi năm, nhân dân cả nước phải hứng chịu biết bao nhiêu là đau thương đồ thân do bom đạn gây ra!

Hỏa là Lửa, là Đèn đuốc là Đăng Hỏa 燈火. Hỏa là Tinh Hỏa 星火 là những vì sao lấp lánh trên trời, là Hỏa Tinh 火星 một trong 4 hành tinh của Thái Dương Hệ, có tên la-tinh là Mars. Theo khoa học giả tưởng trên Hỏa tinh có Người Hỏa Tinh và có sự sống như trên Trái đất. Hoả Tiễn 火箭 là Tên Lửa, vừa là vũ khí sát thương, vừa là phương tiện chuyên chở trong và ngoài không gian. Hỏa Thạch 火石 là Đá lửa, đá dùng để đánh lửa. Hỏa Sơn 火山 là núi lửa, là Hỏa Diệm Sơn 火焰山. Hỏa Khanh 火坑 là Cái Hầm Lửa, từ dùng để chỉ các cô gái điểm sống cuộc sống đầy đọa đòi trụy ngọt ngào như bị nhốt trong hầm lửa vậy, nên cụ Nguyễn Du đã gọi là "Lửa Nồng" khi cho cô Kiều phân tách để Thúc Sinh hiểu được là sống cảnh lẻ mọn bị vợ lớn

ghen tuông hành hạ (giảm chua) còn tội nghiệp hơn là sống đời kỹ nữ nữa:

Cúi đầu luôn xuống mái nhà

Giảm Chua lại tội bằng ba Lửa Nồng!

Hỏa còn dùng để chỉ vũ khí của quân đội như từ Hỏa Thương 火槍 là Súng Ống, Hỏa Dược 火藥 là Thuốc súng, Hỏa Lực 火力 là sức mạnh của vũ khí quân đội, Hỏa Tốc 火速 là Nhanh Chóng, Hỏa Công 火攻 là Tấn công bằng lửa, dùng lửa để Hỏa Thiêu 火燒 đốt cháy quân địch, như trận Hỏa Thiêu Xích Bích 火燒赤壁 của Khổng Minh Gia Cát Lượng đã đốt tiêu 81 vạn quân của Tào Tháo trên dòng sông Xích Bích vậy. Cuối cùng để nuôi sống quân đội hàng ngày còn có anh Hỏa Đầu Quân 火頭軍 mà sau này trong Quân lực Việt Nam Cộng Hòa gọi là Lính Nhà Bàn, còn Bộ đội Bắc Việt thì gọi là Anh Nuôi.

Ngoài trận hỏa công để đời nổi tiếng trong lịch sử thời Tam Quốc ra, còn một trận hỏa công rất đặc sắc nữa ở thời Xuân Thu Chiến Quốc, đó chính là Hỏa Ngưu Trận 火牛陣. Theo Sử Ký Điền Đan Liệt Truyện...



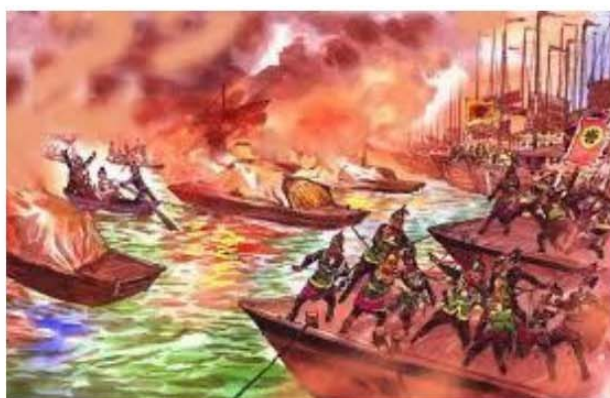
Đời Yên Chiêu Vương, tướng Yên là Nhạc Nghị đem binh đánh Tề. Tướng Tề là Điền Đan cố giữ thành Túc Mặc. Năm 279 trước Công Nguyên, Yên Huệ Vương nối ngôi, Điền Đan dùng kế ly gián để Yên vương dùng tướng Kỳ Kiếp thay cho Nhạc Nghị, đoạn lại dùng kế trá hàng để Kỳ Kiếp không phòng bị, rồi đang đêm gom hết cả ngàn trâu bò trong thành, buộc gươm đao nhọn vào sừng trâu, đuôi

*trâu buộc cỏ rom có tấm dầu, rồi đốt lửa lên, trâu bị nóng
cắm đầu cắm cổ phóng về phía quân Yên, lại cho 5000 lính
cắm tử xung phong giết tới. Quân Yên đại bại, Kỵ Kiếp chết
trận, Điền Đan thừa thế xua quân đánh chiếm lại hơn 70
thành đã bị mất.*

Vì tích Hỏa Ngưu Trận ở trên mà trong văn học Việt Nam có một bài thơ vịnh Con Trâu Già rất hay như sau :

*Một năm xương khô, một năm da
Bao nhiêu cái ách đã từng qua
Đuôi cùn biếng vầy Điền Đan hỏa
Tai nặng buồn nghe Nịnh Thích ca
Sớm thả đồng đào ăn đủng đỉnh
Tối về chuồng quế thờ nghi nga
Có người toan giết tô chuồng mới
Ơn đức vua Tề, lại được tha.*

Bài thơ trên có người cho là của cụ Huỳnh Mẫn Đạt, có người cho là của Tam Nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến. Nhưng dù của ai thì đây vẫn là một bài thơ hay.



Hỏa thiêu Xích Bích

Hỏa là Lửa, nhưng Hỏa Kê 火雞 không phải là Con Gà Lửa mà là con Gà Tây, bình dân gọi là con Gà Lôi, ở Mỹ gọi là Turkey. Lễ Gà Lôi là Lễ Tạ Ơn của Mỹ (ngày Thứ Năm của tuần thứ 3 trong tháng 11), hằng năm dân Mỹ phải "hỏa thiêu" đến mấy triệu con Hỏa Kê này để ăn mừng. Hỏa Trùng còn gọi là Huỳnh Hỏa Trùng 螢火蟲, không phải là con sâu lửa mà là con Đom Đóm với ánh đèn lân tinh chớp

sáng phía sau đuôi trên các ngọn cây bần ở quê tôi. Cũng như Hỏa Hầu 火候 không phải là con Khỉ Lửa, mà là chỉ cái tiêu chuẩn mức độ đạt đến cỡ nào. Như hấp bánh còn thiếu hỏa hầu nên bánh chưa thật chín thật ngon, Công phu luyện chưa tới hỏa hầu nên chặt cục gạch còn chưa bẻ hai... Hỏa Hầu cũng không phải là Tề Thiên Đại Thánh 齊天大聖, vì Tôn Ngộ Không 孫悟空 là con Thạch Hầu 石猴, con khỉ từ trong đá nứt ra, chứ không phải là con khỉ lửa; chỉ sau khi bị Thái Thượng Lão Quân đốt trong lò Bát quái bảy bảy bốn mươi chín ngày ra, thì Tôn Ngộ Không mới có được Hỏa nhãn Kim tinh 火眼金睛, có nghĩa : Con mắt rực như lửa và trông mắt sáng như vàng có thể nhìn thấu mọi sự vật do yêu quái biến hình. Nhưng Hỏa Xa là Xe Lửa, Hỏa Long 火龍 thì lại là con rồng lửa chính hiệu có màu đỏ rực như lửa. Gần đây, người Hoa lại dùng từ Hỏa Oa 火鍋 là Cái Nồi Lửa để chỉ Cái Lẩu (cái Cù Lao) mà ta thường ăn khi có tiệc.

Theo phép tạo chữ Nho ngày xưa, một chữ Hỏa 火 là Lửa; 2 chữ Hỏa chồng lên nhau là Viêm 炎 là Nóng, ta có từ kép Viêm Nhiệt 炎熱 là Nóng nực; 3 chữ Hỏa ghép lại thành chữ Diễm 焱 là Lửa cháy rực rỡ, đọc là Diệm thì đồng âm với từ Hỏa Diễm Sơn 火焰山 là Núi Lửa, HỎA DIỆM SƠN còn là từ dùng để chỉ các bà các cô có thân hình với 3 vòng thật "nóng", thật gợi cảm, thật bốc lửa !

Những thành ngữ có chữ Hỏa 火 mà Hoa Việt đều thông dụng là :

* Hỏa thượng gia dầu 火上加油 : Ta nói là "Lửa cháy thêm dầu" hay là "Đổ thêm dầu vào lửa", ý nói đã không chữa cháy mà còn làm cho nó cháy lớn thêm hơn !

* Hỏa hải đao sơn 火海刀山 : Ta nói là "Núi đao biển lửa" để chỉ những nơi vô cùng nguy hiểm, những chỗ mất mạng như chơi !

* Can sài liệt hỏa 乾柴烈火: là Củi khô lửa mạnh, ta nói là "Lửa gần rơm" lâu ngày cũng bén.

* Sấn hỏa đả kiếp 趁火打劫 : Thừa lúc lửa cháy để cướp đồ của người khác, ta nói là " Thừa nước đục thả câu".

* Phong hỏa liên niên 烽火連年 : Chiến tranh năm này liên năm khác, ta nói là " Chiến tranh dai dẳng" như cuộc nội chiến của Việt Nam ta ngày xưa làm cho quân dân đều chán ngán. Trong Tăng Quảng Hiền Văn cũng có những câu ngôn ngữ rất thực tế như :

Viễn thủy nan cứu cận hỏa, 遠水難救近火 ,
Viễn thân bất như cận lân. 遠親不如近鄰。

Có nghĩa:

Nước xa không thể cứu được lửa gần ,
Bà con xa không bằng láng giềng gần.

Hay như câu:

Thành môn thất hỏa, 城門失火,
Ương cập trì ngư. 殃及池魚。

Có nghĩa:

Cửa thành bị lửa cháy, bị hỏa hoạn, thì làm cho lũ cá ở trong ao cũng bị tai ương, bị vạ lây, vì... người ta sẽ vét hết nước ở trong ao để chữa lửa, nên cá sẽ không còn nước để sống nữa! Giới bình dân gọi là: "bị văng miếng", bị họa lan can!

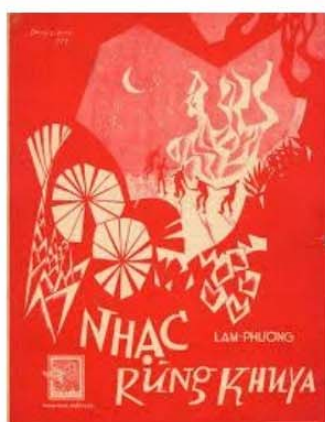
Hỏa là Lửa cũng như Mộc là Cây là 2 nhân tố không thể thiếu trong đời sống con người. Hỏa là Đăng Hỏa 燈火 là Đèn đóm để thắp sáng; là Hỏa Lô 火爐 là cái Lò lửa để nấu ăn. Trong thời đại văn minh hiện nay ta còn có Điện Lô 電爐 là Lò điện, Mai Lô 煤爐 là Lò Gas... Lửa còn dùng để sưởi ấm, nấu nướng chiên xào, chế biến thức ăn, xúc tác phản ứng hóa học trong phòng thí nghiệm, để luyện kim... kể cả những hoạt động vui chơi như Bắn pháo bông, Đốt lửa trại... đều không thể xa rời được lửa. Thử nghĩ nếu một ngày không có lửa thì cuộc sống sẽ ra sao và thế giới này sẽ ra sao?!

Những đêm nguyện cầu, những đêm thắp nến, đều nhờ vào ngọn lửa của ánh nến để thắp chặc thêm tình đoàn kết, để ung đúc thêm ý chí đấu tranh, để càng hạ quyết tâm

phần đầu hơn để đạt mục đích cuối cùng. Ta hãy nghe lại lời của bài hát Nhạc Rừng Khuya mà nhạc sĩ Lam Phương đã sáng tác khi ông còn chưa đầy 20 tuổi:

*... Bập bùng bập bùng ...đêm khuya thêm náo nùng...
Lửa càng bùng cháy, siết tay nhau... chúng ta cùng
múa quanh lửa hồng... cháy trong rừng khuya
và...*

*... Lửa cháy, hăng lửa giục lòng dân ...đoàn kết
Lửa reo, vang lửa gào lòng ta ...nguồn sống
Lửa Tự Do ...muôn năm vẫn reo ...rừng ơi!*



Trở lại với đề tài lúc ban đầu, theo quan niệm của Phật Giáo, cơ thể con người là do TỨ ĐẠI : Đất Nước Gió Lửa khi đã đủ cơ duyên thì kết hợp lại mà thành, nên khi chết đi thì thân Tứ Đại sẽ trả về cho Tứ Đại. Nhớ năm 1963 khi Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu xong thì còn lại ... trái tim vẫn không chịu cháy trong lò thiêu lên đến 4000 độ C tại Đài hỏa táng An dưỡng địa ở Phú Lâm (Sài Gòn). Thì ra, vẫn có những cái mà lửa không thể thiêu rụi được, đó là Trái Tim của đấu tranh, tức là Ý Chí Đấu Tranh thì không có ngọn lửa nào thiêu rụi được cả ! Xin được mượn 2 câu thơ sau đây trong bài thơ ca ngợi Hoà thượng Thích Quảng Đức để kết thúc cho bài phiếm luận này:

Thân Tứ Đại trả về Tứ Đại,
Tim của ngài tồn tại thế gian!

Lửa là Hỏa và Hỏa là Lửa. Lửa thiêu rụi tất cả, nhưng không thể thiêu rụi được Tinh thần đoàn kết và ý chí đấu tranh!

Đỗ Chiêu Đức



NGUYỄN QUANG CHÁNH

Gởi tuổi trẻ Việt Nam

*Em hãy ngồi xuống đây
Anh kể câu chuyện này
Trên cánh đồng cỏ cháy
Ngậm ngùi như khói bay*

*Con ngựa già một đời
Chưa thấy được ngày vui
Mắt mỏi mòn trông đợi
Những mầm cỏ xanh tươi.*

*Đã bao nhiêu năm rồi
Hướng nhìn về xa xôi
Tâm tư đau nhức nhối
Cuộc đời vẫn nổi trôi*

*Em nhìn về tương lai
Cố dấu tiếng thở dài
Mắt dường như ngán lệ
Có phải vì khói cay?*

*Em thấy đó, trên đường đi không đến,
Quê hương đau, chồn cáo vẫn nghênh ngang
Những con thú người nhảy múa kiêu căng
Ngửa mặt hú một bài ca chủ nghĩa.
Ngôn ngữ văn nô, đỉnh cao trí tuệ...*

nqc/saigon



HỒ CHÍ BỬU

Trăng-Boléro

*Ta hỏi hã đi tìm vàng trắng cũ
Một vàng trắng của tuổi nhỏ mộng mơ
Một điệp khúc của nhịp đời luân vũ
Vàng trắng xưa đã chết tự bao giờ...?*

*Ta bất tỉnh để trăng đem vào mộng
Khi tuổi đời xa tít phía bên kia
Vàng trắng ấy bây giờ tìm vô vọng
Quê hương ơi...sao lệ chảy đầm đìa...*

*Sắp mất hết những gì ta có được
Biển cả mênh mông- thác đổ muôn trùng
Và vàng trắng ngày xưa ta nguyện ước
Mất hết rồi đời đã đến lâm chung...*

*Ta gục xuống giống như vừa tự tử
Hồn bay bay qua chớp bể mưa nguồn
Có ai hiểu nỗi lòng người cố xứ
Trăng chỉ còn trong nỗi nhớ cô đơn...*

06.06.18

104 Trầm Hương



NGUYỄN MẠNH AN DÂN

*Một Liêm Pha - Lạn Tương Như
và những bài học rất cũ*

Thời Chiến Quốc, Liêm Pha và Lạn Tương Như đều là con dân nước Triệu và cùng phục vụ nước Triệu. Liêm Pha là một danh tướng, đã nhiều lần vào sinh ra tử, đoạt thành, bạt lũy, lập được không biết bao nhiêu công trạng. Lạn Tương Như là một nho sĩ xuất thân thanh bạch nhưng mưu trí và đảm lược hơn người; đã từng một mình đi sứ sang Tần, dùng sự thông minh và lòng quả cảm bảo vệ được báu vật cho nước Triệu, nâng cao được uy tín và danh dự của nước Triệu; cũng như đã từng thắp từng vua Triệu đi phò hội với vua Tần, dùng mưu lược, sự bình tĩnh và lòng cam đảm bảo vệ được danh dự và sự an nguy của vua Triệu, khiến triều đình của vua Tần đều phải xấu hổ và thán phục.

Về sau, Lạn Tương Như được phong làm Tướng Quốc, đứng đầu bá quan văn võ. Liêm Pha ý mình có nhiều công trạng, lại đang nắm hết binh quyền trong tay nên tỏ ý không phục và thường lớn tiếng tuyên bố với mọi người: “Ta đã vì nước trăm lần vào sinh ra tử, công lao như núi; còn Lạn Tương Như chẳng qua nhờ ba tác lưởi mà lập được chút công trạng, anh ta ví với ta thế nào được mà nay lại đứng trên ta. Ta quyết không phục và từ nay nếu gặp anh ta ở đâu ta sẽ giết chết”

Lạn Tương Như biết việc Liêm Pha thốt lời bất kính với mình, ông chẳng những đã không có phản ứng gì mà còn có ý lánh mặt Liêm Pha mỗi khi vào triều; thậm chí ông còn ra lệnh cho kiệu phu rẽ vào đường tắt mỗi khi tình

cờ gặp Liêm Pha trên đường. Ai trông thấy cũng nghĩ Lạn Tương Như sợ không dám gặp mặt Liêm Pha.

Kẻ tả hữu theo phò Lạn Tương Như thấy chủ mình tránh mặt Liêm Pha đều rất đau xót và tức giận, họ họp nhau lại cùng kéo đến gặp Lạn Tương Như và nói: “Chúng tôi sợ dĩ bỏ cả vợ con, nhà cửa theo phò Tướng Quốc vì nghĩ rằng Ngài là người dũng lược và nghĩa khí, xứng đáng để chúng tôi phò tá; nay Ngài và Liêm Pha cùng phò một vua, ngôi bậc lại ở trên mà ông ta chỉ vừa dọa một câu Ngài đã tỏ ra khiếp nhược không dám gặp mặt ông ta. Chúng tôi thật thấy hổ thẹn nên đến để xin từ giã Ngài”.

Lạn Tương Như nghe mọi người phát biểu mà không tỏ ý phiền giận gì cả, chỉ mỉm cười và từ tốn hỏi lại: “Các người cho ta biết, vua Tần và Liêm Tướng Quân ai có uy lực lớn hơn?”. Tả hữu đồng loạt trả lời: “Vua Tần”. Lạn Tương Như ung dung nói tiếp: “Xét cái uy lực và sự tàn bạo của vua Tần thiên hạ ai cũng sợ mà ta dám mắng vào mặt ông ta, làm nhục được cả quần thần của ông ta. Ta đâu hèn nhưng há sợ Liêm Tướng Quân hay sao?. Tuy nhiên, ta biết nước Tần và chư hầu sợ dĩ nể nang, tôn trọng nước Triệu vì họ sợ ta và Liêm Tướng Quân. Nay nếu mọi người biết giữa ta và Liêm Tướng Quân có sự bất hòa chắc chắn sẽ có nhiều điều không hay xảy ra. Ta vì sự an nguy của bá tánh và của nước Triệu mà nhường Liêm Tướng Quân chứ không phải ta sợ ông ta.”

Tả hữu nghe nói ai cũng bái phục và từ đó cùng theo gương chủ mà nhường nhịn tả hữu của Liêm Pha, nhờ vậy mà không có chuyện đáng tiếc gì lớn xảy ra.

Về sau, có thức giả đến gặp Liêm Pha và giải thích về nghĩa cử của Lạn Tương Như. Liêm Pha suy nghĩ và nhận biết được mọi việc nên rất hổ thẹn về hành động của mình bèn tự trần vai áo (dấu hiệu của kẻ có tội) đến quì trước phủ của Lạn Tương Như để tạ tội.

Lạn Tương Như chạy đến đỡ Liêm Pha đứng lên; Liêm Pha thành khẩn thưa: “Tôi là kẻ vô biên thất phu, không hiểu được lượng bao dung và lòng đại nghĩa của

Tướng Quốc nên đã xúc phạm đến Ngài, tôi tự biết tội mình rất lớn, xin Tướng Quốc cứ trị tội”

Lạn Tương Như hết lời an ủi Liêm Pha và từ đó hai người trở nên thân thiết, cùng chung sức hết lòng phục vụ đất nước, nhờ vậy mà nước Triệu ngày càng cường thịnh.

Câu chuyện về Liêm Pha và Lạn Tương Như đơn giản chỉ có vậy. Nghĩa cử của Lạn Tương Như vì nước quên tự ái cá nhân là một lẽ sống rất cũ, ai cũng biết và cũng thấy đúng. Thái độ của Liêm Pha, biết lỗi và tự sửa lỗi là một lẽ sống cũng rất cũ, ai cũng biết và thấy đúng. Tuy nhiên trong đời sống, giữa biết, thấy đúng và làm được, dường như khoảng cách còn xa lắm.

Trong cặn sử của dân tộc chúng ta đã có không ít những sự kiện đau lòng. Sự ngộ nhận mang tính cục bộ đưa đến mâu thuẫn tôn giáo ở Thanh Bô, Đức Lợi là một vết đau đáng tiếc. Lòng sân si tạo ra thảm cảnh Ấn Quang - Việt Nam Quốc Tự là một vết thương khó lành. Những người mang trọng trách với đất nước, cùng chiến đấu dưới một màu cờ, cùng nhắm đến một mục đích chung mà hùng cứ mỗi người một cánh của dinh Độc Lập, xa cách và căm ghét nhau còn hơn đối với kẻ thù chung là một lỗi lầm không thể khoan thứ. Tất cả những sự kiện đó, cùng với nhiều sự kiện tương tự đã góp phần không nhỏ tạo ra thảm cảnh cho đất nước năm 1975.

Bài học cũ lẽ ra phải được nghiên cứu cẩn thận, chiêm nghiệm đúng đắn và thành khẩn sửa đổi; tiếc thay, bao nhiêu năm nay, phải chăng chúng ta đã đang tiếp tục một tình trạng không đáng và không thể tiếp tục.

Tôi đã kể câu chuyện nhỏ về Liêm Pha và Lạn Tương Như. Tôi cũng đã gợi nhắc một chút về những kinh nghiệm đáng buồn và đáng tiếc của quá khứ. Tôi không có lời bình luận hay kết luận nào. Lời kết luận, chắc chắn đang có trong lòng mỗi chúng ta, tôi tin như thế.

Nguyễn Mạnh An dân



TRẦN YÊN THỤY

Lễ Cha qua phố chiều

*Albany chiều gió
Gió biển khơi thổi về
Xe qua đường phố nhỏ
Lễ phụ thân gần kề*

*Ghé giáo đường lạy chúa
Cha trên trời, Cha đời
Tự xưng dòng lệ mặn
Lặng lẽ rơi Cha ơi!*

*Con biết là đã phụ
Nghĩa tình Cha lâu rồi
Con biết là đã ngủ
Trong đời cha thức khuya*

*Nếu thật là bất hiếu
Con cam làm khiên che
Hứng tên đời bắn tới
Nhận ngàn lời khó nghe*

*Nói lên niềm ân hận
Có chuộc được gì không
Ngoài nỗi buồn tự vẫn
Giữa cuộc đời hư không*

*Con biết Cha dư hiểu
Thân vô kỷ khó cầu
Lại càng không thể cưỡng
Cha ơi! Con cúi đầu.*

*Nguyện cầu ơn soi sáng
Tâm hồn con vực sâu
Nếu là bùa ngải yểm
Xin gỡ dùm con mau.*

*Albany chiều gió
Con tâm dâng vọng cầu.*



MIÊN TRƯỜNG

Thôi thì...

*Thôi thì
em cứ rong chơi
Mắt môi một thuở
lả loi ... gọi mời
Thôi thì
tôi lỡ một đời
Dẫu trăm năm
vẫn đây vui... yêu người..
Thôi thì em -
nữa nụ cười
Khóc -
tôi đắng giọt
lệ rơi ngậm ngùi...
Thôi thì
em cứ ngọt - bùi
Ơn em
để lại trong tôi
dịu dàng..
Thôi thì
cứ phải đa mang
Tôi đem thế chấp
bình an ...
cho người...*



TRÚC THANH TÂM

Cám ơn cuộc đời

Đất mẹ ơi, khi con về với đất
Nên bao điều cần nói hôm nay
Xin tạ lỗi với những người đang sống
Cám ơn đời cho ta hạnh phúc, đắng cay!
Ngày ly biệt, em hãy nên bình tĩnh
Khóc nhiều rồi, đã mấy mươi năm
Cả đời ta, thắm chưa giáp nước
Nghĩ thêm buồn chuyện của thế nhân!
Đem theo anh, em đừng quên giấy, viết
Những tập thơ tình bè bạn in chung
Anh sẽ tặng để làm quà qua cửa
Thế giới bao la, chỉ một ngã tương phùng!
Chỉ biết được những giây phút cuối
Người yêu thắm và người lại yêu thơ
Anh trả lại trần gian bao vịnh, nhục
Riêng tình em anh mang hết xuống mồ!
Bạn bè xa bao người hay muộn
Hãy nâng ly cạn hết rượu buồn
Anh nhớ mãi nụ cười của những người thân thích
Cõi sinh tồn nhiều lắm hoa thơm!
Tiếng chuông ngân qua tầng mây gió
Là lúc anh rời khỏi chốn mê đời
Quê hương ơi, bài thơ tình muôn thuở
Sống thật làm người khó lắm, em ơi!



DẠ DUNG VŨ

Em và Anh cứ thế

*Em, hoa tím thắm vào đời
Không vàng như cúc theo người gần xa
Thủy chung tim tím mặn mà
Bâng khuâng đọng giọt tình xa khơi nguồn
Gió Thu quyến lấy hồn thương
Cúc vàng gọi lại tình trường Houston
Em mãi là đóa cẩm vân
Thu mình trong nắng hồng trần dân phai
Hoàng hôn nhẹ trở gót hài
Lầu hoa khép kín trang đài ngủ yên*

*Nụ cười che lệ tư duyên
Gió mây thực ảo tình riêng xa gần
Hoa trôi giữa biển thẳng trâm
Tình đời đen bạc thêm phần xót đau
Thời gian phủ sóng bạc đầu
Hương xuân đọng lại chút màu tàn phai
Mím môi cười nụ bi hài
Nắng chiều điểm nét trang đài hoàng hôn
Tình thơ phong kín nụ buồn
Ý duyên họa vận khơi nguồn tứ thơ*

*Thời gian cứ thế hững hờ
Để con én mộng đứng bờ sông tương.*



DIỆP-MỸ-LINH

Cô bé trong nhà thờ

Ba chữ Ga Hải Phòng vừa khuất, Đông khép mắt, muốn giữ lại trong lòng hình ảnh của Hải Phòng. Bất ngờ, tiếng violon nỉ non từ Iphone của

Ngân Hà - vợ của Đông - rồi

tổng hợp âm thanh của *piano* và nhiều nhạc cụ nhẹ cùng hòa vào, tạo nên dòng nhạc thiết tha, mượt mà như từng lượn sóng rạc rào ve vuốt giải cát vàng. Chỉ vài tích tắc thôi, giọng *soprano* vút cao: “*Lìa xa thành đô yêu dấu, một sớm khi heo may về... Nhìn em mờ trong mây khói, bước đi nhưng chưa nở rời...*”(1). Đông chợt cảm thấy bồi hồi, xót xa như ai đó vừa khơi dậy từ tâm thức sâu thẳm của chàng hình ảnh chàng đang bịn rịn chia tay với Yến, tại Hải Phòng, khi chàng theo gia đình xuống tàu “há mồm”, di cư vào Nam, năm 1954.

Gia đình cố ý giữ kín chuyện di cư, thế mà, sáng hôm sau, trong khi cùng gia đình sắp hàng để chờ xuống chiếc tàu to kinh khiếp mà “mồm thì há ra”, Đông chợt nghe tiếng gọi “*Anh Đông!*” từ những người đứng phía sau rào cảng bằng gỗ. Đông quay sang. Nhận ra Yến, Đông vội rời hàng chạy nhanh đến: “*Yến! Em làm gì ở đây?*” Yến chẳng biết nói gì, chỉ quệt nước mắt. Đông cầm tay Yến: “*Yến đi với gia đình anh, nhé!*” Yến lắc đầu. Chưa biết phải làm thế nào để an ủi hoặc thuyết phục Yến, Đông chợt nghe tiếng Bố: “*Đông!*” Đông vội thả tay Yến ra. Yến khóc lớn: “*Anh ở lại với em, đừng đi!*”. Đông chưa kịp tỏ thái độ thì Bố đến, nắm tay, kéo Đông trở lại với gia đình!

Sau này, nhiều khi nhớ lại mối tình thơ và hình ảnh Yến trong buổi chia xa năm xưa, Đông thường tự hỏi không biết

cuộc đời của Yên bây giờ ra sao? Nàng có trở thành “nữ hộ lý” hoặc “cán bộ gái” trong đoàn quân xâm lấn miền Nam hay không? Những khi chiến hạm công tác dài hạn, đêm đến, từ đài chỉ huy nhìn về phương Bắc, Đông nhận biết lòng chàng gợn lên nhiều nỗi luyến thương! Sau phiên trực, trên cầu thang trở về phòng ngủ sĩ quan, đôi khi nghe tiếng hát từ *radio* của “đứa nào” văng vẳng trong không gian tràn ngập ánh trăng: “...Rồi đây dù lạc ngàn nơi, ta hướng về chốn xa vời... Nghẹn ngào thương nhớ ‘em’, Hà Nội ơi!...”(2) Đông đứng lặng trên cầu thang; vì niềm thương nhớ dâng lên ngập lòng!

Dường như niềm thương nhớ gặm nhấm tâm hồn Đông nhiều nhất là những chiều cuối năm. Từ biển khơi nhìn vào bờ, thấy ánh đèn rực rỡ, lung linh, Đông chỉ ước mơ được nắm tay một thiếu nữ, bước chậm chậm trong vùng không gian huyền diệu đó.

Đông ước mơ như thế, nhưng khi Trục Lô Hạm Bạch Đằng II – HQ 116 – được lệnh cập hải cảng Đà Nẵng vào chiều cuối năm, Đông lại lưỡng lự, không biết chàng nên “đi bờ” (Động từ Hải Quân thường dùng, có nghĩa là rời chiến hạm, chiến đỉnh hoặc đơn vị để đi phố) hay không; bởi vì Đông không có một thiếu nữ nào để nắm tay! Vừa khi đó, Hoàng rủ Đông “đi bờ”.

Lang thang trong thành phố nhộn nhịp, khi đi ngang nhà thờ, nghe tiếng *organ* và tiếng hát vọng ra, Đông bảo:

-Trời lành lạnh, nghe Thánh ca “moa” chịu không được! “Moa” muốn vào xin lễ.

-Thì vào, có gì đâu, Hạm Phó!

Vào đến cửa bên hông nhà thờ, Đông và Hoàng đều lấy “nón kết” kẹp vào tay trái, đưa tay phải làm dấu thánh giá.

Thấy hai “chàng” Hải Quân mặc quân phục tiểu lễ trắng, áo dạ màu xanh đậm, làm dấu thánh giá, nhiều người đứng hàng đầu tiên xích sát vào nhau, ra hiệu mời Đông và Hoàng đứng vào. Đông và Hoàng vừa đứng vào, bản thánh ca do cả hội trường đồng ca cũng vừa dứt. Mọi người ngồi xuống.

Nam nữ học sinh từ phía sau bước ra, sắp hàng dưới bục giảng của Đức Cha. Một nữ sinh bước ra, đứng phía sau ca đoàn nhưng trên một bục gỗ cao. Đông nghĩ có lẽ cô này là giọng nữ chính.

Tiếng *organ* vang lên trầm trầm, uyển chuyển rồi chậm dần để ca đoàn “bắt” vào: “*Silent Night. Holy Night. All is calm. All is bright. Round yon virgin. Mother and child. Holy infant so tender and mild. Sleep in heavenly peace...*” (3). Cô gái đứng phía sau ca đoàn thường ngẩng mặt lên mỗi khi cô hát những chữ ở âm vực cao. Nhìn sòng mũi cao, ánh mắt rực sáng và khuôn mặt diễm kiều của cô gái, Đông xúc động bồi hồi và tưởng như vẽ đẹp thánh thiện của cô gái chờn vờn trong ánh nến lung linh.

Vẻ đẹp thánh thiện của cô gái, tiếng *organ* ngân dài và tiếng ca trong vắt của các nam nữ sinh làm cho tâm hồn của Đông bình bồng, tưởng như thoát khỏi thế giới loạn lạc, đảo điên trên mảnh đất đầy máu và nước mắt này! Đông quên nỗi cô đơn vô tận trên những chuyến hải hành dài hạn! Đông quên tiếng B40/B41 của Việt Cộng, từ những khúc quanh ngặt, xé không gian, rơi quanh đoàn chiến đỉnh! Đông quên gương mặt non choẹt của tù binh Việt Cộng – khoảng 15, 16 tuổi – nhìn chàng như sợ hãi, như van lơn! Đông quên luôn khuôn mặt thơ ngây và buổi chia xa với Yên tại bến cảng Hải Phòng. Nhưng Đông lại không thể quên được pháo thủ Phi! Khi đoàn chiến đỉnh bị phục kích tại Gia Rai, Đông vẫn đứng thẳng, gần mũi chiếc Command, tay trái cầm ống liên hợp để chỉ huy. Bất ngờ Đông bị trúng đạn, ngã xuống. Phi vội vàng rời pháo tháp, chạy đến bên Đông. Đông gào lên: “*Nằm xuống! Nó bắn ra tàu!*” Phi cũng gào to, vì tiếng đại pháo và tiếng nước đổ chụp lên sàn tàu: “*Chỉ Huy Trưởng bị thương rồi!*” Đông lại hét lên: “*Kệ tao! Mà nằm xuống!*” Phi khom người, muốn bế Đông xuống lòng chiến đỉnh, nhưng một trái B40 xẹt ngang. Phi gục xuống!

Khi nào hình ảnh Phi hiện về Đông cũng cảm thấy mũi lòng. Đông kín đáo làm dấu thánh giá, thầm cầu nguyện cho linh hồn Phi thì nghe Hoàng nói khẽ:

-Khuôn mặt của “cô bé đứng một mình” phản phát nét đẹp quý phái của Grace Kelly, phải không, Hạm Phó?

Đông gật đầu. Nhìn “cô bé” Đông chợt nhận biết tình cảm của chàng giao động rộn ràng chẳng khác chi tình cảm chàng dành cho Yến năm xưa.

Bài hợp ca chấm dứt. “Cô bé” bước thẳng đến người đàn ông cao tuổi ngồi cạnh Hoàng và Đông, cúi đầu:

-Dạ, con xin chào Bác.

-Cháu hát hay lắm!

-Dạ, con cảm ơn Bác. Thưa Bác, con xin phép Bác, con đến ngồi với Ba Má con.

Nhìn dáng đi thướt tha của “cô bé”, Đông tưởng như đôi chân của chàng muốn bước theo; nhưng chợt nhớ cương vị của chàng, Đông đành ngồi yên. Hoàng quay sang cụ ông, hỏi rất nhỏ:

-Thưa bác, cô cháu của bác học trường nào ạ?

Cụ ông kê vào tai Hoàng, đáp:

-Cháu nó học trường Phan Chu Trinh.

Tối hôm đó, sau khi trở về chiến hạm, Đông ôm trong lòng hình bóng “cô bé” và tự hứa sẽ cố tìm nàng sau khi chàng đi phép thường niên.

Trong khi Đông đi phép, những khi chiến hạm vào bến sau mỗi chuyến công tác, Hoàng đều tìm cách “đi bờ”. Hoàng thường ngồi nơi quán nước đối diện trường Phan Chu Trinh. Khi học sinh tan học, Hoàng đi tới đi lui trước trường, với mục đích tìm “cô bé”. Thấy cô nào cũng đội nón lá, Hoàng hơi khó chịu, vì chiếc nón lá khiến chàng khó thấy mặt để nhận diện!

Một hôm, nản lòng, Hoàng nhìn quanh, có ý muốn đón xích-lô để trở về chiến hạm, chợt thấy một thanh niên lái Vespa chậm chậm từ trong trường ra cổng. Nhận ra người bạn xưa, Hoàng gọi: -Trịnh! Trịnh ơi!

Trịnh dừng Vespa, ngạc nhiên:

-Ừa, Hoàng, mi làm chi đây?

Vừa bắt tay Trịnh, Hoàng vừa đáp:

-Tau tìm một người mà tau không biết tên. Còn mi?

-Tau dạy ở đây. Mi tìm người mà không biết tên! Chán mi quá! Chắc ‘mết’ con bé nào rồi, phải không? Tả rõ hình dáng, mặt mày của cô nàng cho tau nghe, may ra tau sẽ giúp mi.

-Mi vào quán uống nước, nói chuyện.

-Không được! Tau phải kiểm tý chi ăn tạm rồi trở lại trường ngay; vì tụi hấn đang tập chung kết cho buổi văn nghệ Giáng Sinh.

-Tau sẽ bao mày ăn trưa. Còn về “cô bé” thì tau chỉ thấy và nghe cô ấy hát có một lần tại nhà thờ thôi. Cô ấy đẹp như lai và giọng *soprano* của cô nàng ít ai sánh bằng.

Thốt nhiên Trịnh cảm thấy tim chàng lồi nhịp! Trịnh thầm để ý “cô bé” này từ đầu niên khóa, nhưng vì hai tiếng “mô phạm”, Trịnh phải giữ mình, giữ lời. Không ngờ bây giờ chàng lại rơi vào tình cảnh khó xử; vì Hoàng là người bạn thân thiết nhất suốt bao nhiêu năm dài cùng học tại trường Quốc Học, Huế. Trịnh không có ý nghĩ cao thượng, sẽ “hy sinh” “mối tình câm” của chàng; nhưng Trịnh nghĩ, phải Duyên phải Nghiệp thì thôi. Nếu “cô bé” nên duyên với Hoàng thì sau này, khi về già, cả Hoàng, “cô bé” và Trịnh đều có chung kỷ niệm để kể cho nhau nghe; ngược lại, nếu Trịnh ích kỷ, Trịnh tự nghĩ, chàng không xứng đáng là bạn của Hoàng. Bằng lòng với quyết định của mình, Trịnh cười:

-Rứa thì tau biết rồi. Cô nàng là học trò của tau, đệ Nhị C, tên là Trúc Uyên. Cô nàng là “thỏi nam châm” của Đà Nẵng đó. Mi là Hải Quân, lang thang hoài mần rãng...

-Mi đừng lo, cứ giới thiệu cho tau, mọi việc khác để tau lo!

Trong bữa ăn trưa vội vàng tại một nhà hàng, gần trường, Trịnh căn dặn:

-Người ta con nhà gia giáo, nề nếp, mi đừng “ẩu tả”, tội nghiệp con người ta, nha, mi!

-Mi biết tính tau “ba gai”, xem đời như...củ khoai; rửa mà không hiểu tại rằng từ hôm thấy “cô bé” đến chừ tau nghĩ rằng tau không thể sống mà thiếu cô nàng!

-Vừa thôi! Răng giống cái lương rửa, mi?

-Tau nói rất thật lòng.

-Được rồi, ăn xong tau chở mi tới trường. Mi quan sát tụi hần tập dượt, có nhận xét chi thì cho tau hay.

Khi ngồi cạnh Trịnh quan sát nhạc cảnh Hòn Vọng Phu, Hoàng nghiêng sang, nói với Trịnh:

-Mi chọn Trúc Uyên vào vai ni rất tuyệt. Giọng hát của nàng sẽ làm khán giả xúc động nhiều.

Sau màn nhạc cảnh, trong khi Trúc Uyên cùng nhóm học sinh rời “sân khấu giả”, Hoàng nhìn nàng không rời. Không hiểu vì trực giác bén nhạy hay là vì bộ quân phục Hải Quân của Hoàng, Trúc Uyên quay nhanh lại, nhìn Hoàng. Bốn mắt giao nhau!

Cử chỉ của Hoàng và Trúc Uyên không thể nào thoát được ánh mắt của Trịnh. Trịnh cảm thấy se lòng! Vừa khi đó, một nam sinh đến cho Trịnh biết chỉ còn mục hợp ca Con Đường Vui nữa thì buổi tổng dượt sẽ chấm dứt. Trịnh gạt đầu, quay sang Hoàng:

-Hoàng! Chỉ còn một mục nữa thôi. Mi muốn đi ăn với tau rồi tối mai trở lại xem văn nghệ hay không?

-Không được! Tau phải trở lại tàu; vì tàu sẽ rời bến tối ni.

-Khi mô mi trở lại?

-Chưa biết, vì tau nhận được lệnh đổi đi Giang Đoàn rồi.

-Giang Đoàn là mấy đơn vị chuyên “wuyính” nhau, phải không?

Hoàng vừa “ừ” vừa cười vì Trịnh dùng chữ “wuyính”. Nhìn nụ cười rất vô tư của Hoàng, Trịnh chợt thấy thương “thằng” bạn thân từ thời cùng đi Hướng Đạo, mặc quần “short” “khoe” đôi chân khẳng khiu; vậy mà bây giờ “nó” “ngon lành”, sắp thuyền chuyển đi đơn vị tác chiến mà “nó” vẫn tỉnh bơ! Trịnh bảo:

-Hoàng! Mi muốn hát một bài để lấy cảm tình của “cô bé” không?

-Mi “đi guốc trong bụng tau”! Cảm ơn mi.

Trịnh đèn sau micro:

-Tôi thành thật cảm ơn các em đã chịu khó rất nhiều. Tôi nghĩ rằng đêm văn nghệ Giáng Sinh năm nay sẽ thành công mỹ mãn. Nhân đây, tôi muốn giới thiệu với các em người bạn thân của tôi, trung úy Hoàng. Vì lý do đặc biệt, Hoàng không thể tham dự văn nghệ tối mai. Hoàng có một kỹ thuật trình diễn rất đặc biệt. Tôi yêu cầu Hoàng hát tặng chúng ta một bài trước khi các em rời trường để chuẩn bị cho tối mai.

Tiếng vỗ tay vang lên. Hoàng tươi cười, choàng *guitar* qua cổ, đèn sau *micro*. Muốn nhân cơ hội này gián tiếp tỏ tình với “cô bé”, Hoàng nói:

-Xin cảm ơn “thầy” Trịnh, người bạn thân thiết nhất của tôi và cảm ơn các bạn. Tôi sẽ hát tình khúc bất tuyệt của Elvis Presley: *It's Now or Never*.

Mọi người lại vỗ tay. Hoàng dạo *Cha Cha Cha* rồi “bắt” vào: *“It's now or never, come hold me tight. Kiss me my darling, be mine tonight. Tomorrow will be too late, it's now or never. My love won't wait...”*

Thấy Hoàng vừa đàn vừa hát vừa lắc vai vừa gật đầu và đôi chân như đang khiêu vũ, nhóm học sinh tròn mắt nhìn nhau. Trúc Uyên nhìn Hoàng không chớp mắt và môi nàng như mỉm cười. Trịnh cúi mặt, thở dài!...

Suốt ngày đi thăm nhiều nơi quanh Vũng Áng, Đông không thấy nụ cười nào trên môi người dân. Nhưng khi vợ chồng Đông bước vào nhà hàng trong khách sạn mà vợ chồng Đông ngụ lại sau khi rời Hải Phòng thì tiếng nói cười rộn ràng lại vang lên tại đây!

Đông và Ngân Hà được đưa đến chiếc bàn nhỏ vừa khi một nhóm khách mặc quân phục màu cứt ngựa bước vào và cười nói oang oang. Đông cứ trầm ngâm, cố nén vẻ khó chịu vì sự tương phản quá lộ liễu giữa vãn nạn của người dân và từng tràn cười hô hô của nhóm thực khách này.

Nhóm đàn ông ngồi vào chiếc bàn lớn. Bà chủ khách sạn từ đâu bước vào. Nhận ra nhóm khách quen, bà chủ vội bước về chiếc bàn có nhiều người mặc quân phục để chào hỏi. Theo cách thăm hỏi, Đông hiểu rằng những người này là khách thường xuyên. Bà chủ, nhờ kỹ thuật thẩm mỹ, trông bà trẻ hơn tuổi thật rất nhiều. Một người hỏi bà:

-Chị Yến! Càng ngày trông chị càng đẹp, càng trẻ ra, lại ăn mặc như mấy “em chân dài”, mai một đi thi hoa hậu phu nhân, phải không?

-Úi giời! Các anh mà thấy tôi lúc trẻ, các anh đi không đành đâu.

Một tên lả lơi:

-Bây giờ tôi cũng đi không đành chứ nói gì lúc chị còn trẻ.

-Không, thật đấy! Lúc trẻ tôi đẹp lắm cơ. Vì Bố Mẹ tôi không chịu trốn vào Nam cho nên tôi mới cơ cực, phải tham gia đánh Mỹ “kíu” nước chứ nếu Bố Mẹ tôi di cư thì tôi đã là phu nhân của một “thuyền trưởng” V.N.C.H. rồi đấy.

-Ôi giời! Lại có chuyện tình đẹp thế cơ?

-Không bịa đâu. Thằng lảng giềng của tôi mê tôi lắm, muốn tôi theo gia đình hắn vào Nam nhưng tôi không dám bỏ Bố Mẹ. Sau này nghe tin hắn mang đến “quân hàm” trung tá và là “thuyền trưởng” chiếc tàu “há mồm” đấy.

Đông giật mình, nhìn Yến, nhưng không thể thấy được dấu vết nào của cô lảng giềng hiền dịu năm xưa! Một tên khác chuyển đề tài:

-Chị Yến! Ai làm gì phía sau mà nghe ồn ào thế, chị?

-Ô, mấy thằng đui, mù, cụt, què í mà!

-Chúng nó làm gì sau “nhà nghỉ” của chị?

-Cứ lâu lâu có vài người nước ngoài về, gọi chúng đến, thuê sân sau của tôi và cho chúng ăn một bữa để gián cảnh quay phim, quay *video* đem về bên ấy khoe là đi làm từ thiện! Nghe nói mấy nhóm ấy bảo chúng làm hồ sơ có hình, giấy chứng thương, giấy giải ngũ, v. v... rồi gửi sang bên đó để họ cứ xét xem hồ sơ thật hay giả rồi mới gửi tiền về cho. Làm hồ sơ, chụp hình, tiền cước phí, v. v... cái gì cũng

tốn tiền nhiều quá nhưng gửi đi rồi chờ mãi chả thấy xu teng nào gửi về!

Mặt Đông nóng bừng. Đông bậm môi, cổ giãn cơn giận. Ngân Hà nắm tay Đông:

-Anh! Mình đang ở Việt Nam...

Ngân Hà chưa dứt lời thì một người đàn ông mù mắt công một người đàn ông không có chân, bước vào. Mọi người quay sang nhìn. Đông đứng bật dậy, bước nhanh đến bên người đàn ông mù, vừa đưa tay đỡ người cụt hai chân vừa nói:

-Anh thả anh này ra. Tôi giúp hai anh. Hai anh cần gì? Cần đi đâu?

-Thằng này có mắt, tôi có chân, giúp nhau đến đây vì được biết có người trợ giúp Thương Binh V.N.C.H. tại đây.

Yến bước nhanh đến, lớn tiếng trong khi Đông “ầm” gọn anh Thương Binh trên tay:

-Lại cũng... trò khỉ nữa! Công sau mở để cho vào tại sao không vào, lại đi cửa chính, hả? Mấy người có biết khách của chúng tôi toàn là những người có quyền cao chức trọng hay không, hả?

Đông nhìn Yến, cô lấy giọng trầm tĩnh:

-Không có lý do gì chị phải nặng lời với hai anh này. Chị chỉ tôi ngõ sau, tôi sẽ đưa hai anh này đi ngõ sau.

-Ra cửa, rẽ phải, cổng màu xanh đấy.

Đông chẳng thèm lịch sự cảm ơn người đàn bà – mà chàng nghĩ rằng đó là “người xưa” của chàng – chỉ quay sang người bị mù, bảo:

-Anh vịn vai tôi, đi theo tôi.

Ngân Hà vội bước đến:

-Đề em giúp anh ấy đi theo anh.

Thấy vợ chồng Đông như sắp bỏ đi, Yến quay sang, tru tréo:

-Này! Này! Thức ăn đã gọi rồi, bỏ đi cũng phải trả tiền. Biết chưa?

Đông bảo vợ:

-Em bảo họ cho *room service*. Anh trở lại đón em ngay.

Khi Đông trở lại, Ngân Hà bảo:

-Họ bảo không có *room service*.

-Thế thì càng tốt.

Đông bảo người hầu bàn:

-Em cho thức ăn của chúng tôi vào hộp để đem đi.

Sau khi trả tiền, cầm thức ăn bước ra cửa, Đông trầm nghĩ, ngôn ngữ và tư cách của “Yến bây giờ” đốt cháy hình bóng của “Yến ngày xưa”, bên bên cảng Hải Phòng!

Qua khỏi cổng màu xanh, Đông và Ngân Hà chợt nghe tiếng hát náo nùng: “...*Con có hay chăng cha về. Lời ca hồn nhiên lưu lo ngoài kia. Chinh chiến đã qua một thì. Tuổi thơ nở trên biết bao é chề...*”(4) và thấy nhiều Thương Binh ngồi dọc chiếc bàn dài. Ngân Hà chưa hiểu chuyện gì cả thì Đông bảo:

-Mình sẽ cùng ngồi ăn với họ.

Thấy Đông trở lại, Châu – anh Thương Binh cụt chân mà lúc này Đông đã bế từ phòng khách đến đây – vui mừng:

-Mời anh chị ngồi đây.

Đặt thức ăn lên bàn, gạt đầu chào mọi người xong, vợ chồng Đông ngồi cạnh Châu. Trong khi nhà bếp dọn thức ăn, Châu nói với Đông:

-Anh biết không, tụi em khổ lắm, vậy mà vẫn có người “phe mình” lợi dụng tụi em cho mục đích bản tiện của họ!

Chợt nhớ câu Yến nói lúc này, Đông hỏi:

-Tôi có nghe như thế, nhưng không biết có đúng là “phe mình” không?

-Nghe ngôn ngữ họ, tụi em biết. Tụi em bị Cộng Sản Việt Nam hất ra khỏi xã hội cho nên tụi em thương nhau lắm, vui buồn gì cũng chia sẻ với nhau. Anh cứ hỏi tất cả mấy đứa này xem có đứa nào không từng là nạn nhân của trò Việt kiều về kêu gọi, cho ăn một bữa, quay phim, *video*, bảo làm hồ sơ gửi qua bên, khi họ nhận được thì họ sẽ gửi tiền về cho. Tốn tiền chụp hình, làm copy, gửi bưu điện, v.v... Chờ dài cổ chẳng đứa nào nhận được đồng xu nào hết. Bị mấy lần như vậy, tụi em “tởn”, ai mời cho ăn tụi em cũng chẳng thèm tới...

-Thế sao hôm nay...

-Hôm nay là trường hợp rất đặc biệt; vì đây là lần đầu tiên túi em sẽ được gặp người ơn mà suốt mấy năm qua người ơn này cứ âm thầm gửi về cho túi em, mỗi năm một lần, mỗi “đứa” \$100.00 U.S. đô la.

-Ở ngoại quốc làm ăn rất cực nhọc mà ai làm được những việc như thế thật là quý. Nhưng làm thế nào người ấy biết các anh mà liên lạc?

-Dạ, lúc đầu, người đó được một tờ báo chuyên lo yểm trợ Thương Binh V.N.C.H. giao một hồ sơ để giúp trực tiếp mỗi năm. “Thằng” này cho “thằng” bạn cùng cảnh ngộ với nó địa chỉ của người đó thì “thằng” bạn của nó cũng được người đó cho tiền. Cứ vậy, bây giờ Thương Binh V.N.C.H. cả huyện đều được quà mà không “đứa” nào biết mặt người đó cả.

-Thế hôm nay ai trả phí tổn này?

-Hôm nay là ngày đầu tiên người đó trở về thăm Quê Hương; vì động lòng vụ túi Tàu Formosa thải chất độc độc bờ biển, gây tác hại khôn lường cho ngư dân mình.

-Thế anh gặp người ơn của các anh chưa?

-Chưa, tý nữa. Nghe nói ông đang đem nước ngọt đến cho từng người là chồng của bà ấy.

Nghe Châu nói đến đây, Ngân Hà nói nhỏ với Đông:

-Em về phòng, tý em trở lại.

Đông “okay” rồi nhìn người đang phân phát nước ngọt và thấy khuôn mặt quen quen. Vừa khi đó người phát nước ngọt ngẩng lên, nhú mày nhìn Đông rồi vừa reo “Commandant” vừa vội vàng đến bên Đông:

-Commandant làm gì đây?

Đông hoảng toàn ngạc nhiên:

-Hoàng! Ngày xưa “toi” “ba gai” lắm mà sao bây giờ “toi” làm được những việc như thế này?

-Việc như thế này là việc như thế nào, Commandant?

-Giúp anh em Thương Binh.

-Ô, không! Đó là bà xã của Hoàng âm thầm làm chứ Hoàng không biết. Ngày nay đi thăm Vũng Áng, thấy thiên hạ khổ

quá, bà ấy khóc rồi mua bánh mì thịt cho trẻ em. Cách đây mấy tiếng đồng hồ, bà ấy nhờ Hoàng đi thuê *micro* và *guitar* để anh em Thương Bình ca hát cho vui. Hoàng cất vắn hoài bà ấy mới “bật mí” chuyện Thương Bình.

Hoàng vừa dứt câu, Đông thấy một thiếu phụ cao tuổi từ khách sạn bước ra. Hoàng vừa gọi vừa đưa tay ngoắt:

-Trúc Uyên, lại đây!

Thấy người phụ nữ bước về phía Hoàng, Đông nghi ngờ, quay nhìn Hoàng bằng ánh mắt khó hiểu. Hoàng cười thật tươi, giới thiệu:

-Đây là vị cựu chỉ huy của anh; đây là Trúc Uyên, bà xã của Hoàng.

Nhìn nụ cười của Hoàng rồi thấy cung cách Trúc Uyên cúi đầu chào, Đông biết chàng không thể nào nhầm phụ nữ này với “cô bé trong nhà thờ”! Đông thở dài, chưa kịp thăm hỏi Trúc Uyên thì Hoàng xin lỗi, đến giờ chàng giúp Trúc Uyên phân phát quà cho Thương Bình trước khi họ ăn tối và “hát cho nhau nghe”. Đông thấy Trúc Uyên và Hoàng trao mỗi Thương Bình một phong bì.

Ngân Hà từ khách sạn bước ra. Ngồi cạnh Đông, Ngân Hà trao cho Đông một xấp bì thư:

-Đây, em đếm đủ cả rồi. Tớ nữa anh phát cho mỗi ông Thương Bình một phong thư, nhá!

-Em làm cái gì anh chả hiểu?

-Lúc nãy nghe anh Châu nói về việc làm âm thầm của bà nào đó em cảm thấy áy náy là từ trước đến giờ em không biết gì về Thương Bình V.N.C.H. Bây giờ mình có tý quà, anh đem tặng mấy ông ấy hộ em.

Nhìn bì thư, thấy bên góc trái in tên và địa chỉ của khách sạn, Đông chột hiểu. Từ nãy giờ Ngân Hà vào văn phòng khách sạn xin bì thư, cho tiền vào từng bì thư. Đông nắm tay vợ:

-Em quả thật là người vợ tuyệt vời! Em tặng mỗi người bao nhiêu?

-Dạ, \$100.00 Mỹ kim.

-Anh sẽ đi với em. Nhưng công khó của em, em nên trao tận tay từng người.

Khi trao bì thư cho mỗi Thương Bình, giọng Ngân Hà xúc động: -Chúng tôi biết ơn các anh.

Tặng quà xong, Hoàng và Trúc Uyên đến ngồi cạnh vợ chồng Đông, cùng vui vẻ ăn uống với Thương Bình. Ăn xong, Đông cáo từ để về phòng, nghỉ – dù Hoàng hết lời năn nỉ Đông ở lại.

Cùng Ngân Hà bước lên bậc cấp để về phòng, Đông chợt cảm thấy có lỗi với vợ; vì hình ảnh và tiếng hát cao vút của “cô bé trong nhà thờ” năm xưa đang bùng sống trong lòng chàng. Đông bỗng bật thương vợ, vội nắm tay vợ, thủ thỉ:

-Anh cảm ơn em. Mười năm qua em đã tận tụy và hết lòng với anh. -Ồ, cái gì thế? -Lòng tốt của em đã giúp anh đỡ bị “quê” với Hoàng. -Có thể mà cũng...bày đặt!

Đông mở cửa, kéo vai vợ sát vào chàng:

-Em thay đồ, anh ra lan can nhìn biển một chốc.

-Lại mơ mộng nữa rồi! Anh thì thôi!

Đông tựa vào lan can, tự hỏi, không hiểu làm thế nào Hoàng có thể chinh phục được “cô bé”? Nhìn mây nước chập chùng, Đông tưởng như có thể thấy khuôn mặt yêu kiều của “cô bé” đang chờn vờn trong những áng mây bàn bạc; và cuối chân trời xa, Trục Lôi Hạm Bạch Đằng II – HQ 116 – đang từ từ hải hành về phía chàng...

Vừa khi ấy, tiếng hát của một Thương Bình từ sân sau vọng ra: “... Người ngỗ đã xa xưa nhưng người bỗng lại về. Tình ngỗ sóng xa đưa nhưng còn quá bao la...Ôi! Trái tim phiền muộn...”(5). Đông thở dài, cảm nhận được từng bước nặng nề của một dĩ vãng tươi đẹp đang dần nát tim chàng!

Diệp Mỹ Linh

1 và 2.- *Giấc Mơ Hồi Hương* của Vũ Thành.

3.- *Silent Night* của Kelly Clarkson.

4.- *Ngày về* của Phạm Duy.

5.- *Tình Nhớ* của Trịnh Công Sơn



CHÂU VỊ TRẦN

Tự tình đã đứt

*Dấu úp mặt vào tay sám hối
Tay không che hết nắng mặt trời
Dấu úp mặt vào lòng riêng
tức tưởi
Lòng không còn độ lượng
với cuộc chơi
Dấu có nói ngàn lời xin lỗi
Thì người đời ai có lỗi để cho*

*Đành xuống phố
Nhặt bụi hồng thế tục
Tự xâu làm tràng hạt lần kinh*

*Khổ một nỗi kinh vô ngôn khó nguyện
Mà chuyện đời thì bất tận ngôn
Em có biết anh đã làm hết cách
Có cách nào để ta mãi có nhau
Vì em chính là sương đầu núi
khi tan khi tụ vô thường
Còn anh là
gã xuống đời chống nạng
Lê lết theo từng dặm đường dốc đá
Như Chỉ không Kim mà mộng vớ trời*

*Thôi em nhé
Còn câu kinh cuối
Anh nguyện cho em trọn phước phần lời
Tình Kim Chỉ vẫn còn nóng hổi
Nhưng sao như Điều gió giấy bồi
Không thể bay vì giấy căng đã đứt
Và khung tre gãy gập giấy rã rời.*



**PHAN CÁC
CHIÊU HẰNG**

*Vẫn tự hỏi lạ lòng chưa,
bạn cũ...*

*vẫn tự hỏi lạ lòng chưa, bạn cũ
mùa bướm vàng phôi cánh lượn trên vai
lần bên nhau ngồi chờ mưa tháng chạp
lá chao nghiêng trời vương nhẹ chân người*

*len lén giấu từng chiêm bao huyền hoặc
sợ vỡ tràn dòng mưa cuối trong tim
nào biết đâu từ trời xa bão rớt
đã mệnh mang về nhuộm xám môi mềm*

*vời vợi trông từ ghềnh sâu kỷ niệm
khói sương dâng che dáng ngã bên trời
ngày êm trôi như trăm dòng cổ tích
mà chân còn tìm mê mãi mòn hơi*

*thuở tình nhẹ như nắng vàng sợi mỏng
lưng linh chìm mắt biếc một dòng thơ
ngày lời ru đưa chân tìm cõi mộng
cho lòng đau lây lất buổi tạ từ*

*vẫn tự hỏi lạ lòng chưa, một thuở...
mà tim còn se sắt buổi hôm qua
tình cò đọc lại vài tờ thư cũ
lặng nhớ mùa đông từ chốn ai về...*

đã biết sẽ chia lìa từ gặp gỡ
đường người qua bao ngõ nắng rộn ràng
mà tình em e dè hoa chóng nộ
ngậm sương hồng buổi sớm đợi mùa sang

mà vẫn héo hon ngày tim chợt vỡ
bên bến đời cuộn cuộn sóng ly tan
dòng nắng tình khô một thời rực rỡ
khi chia tay nhau lạnh bóng mưa ngàn

đôi khi nghĩ chuyện đôi ta, ví dụ...
đời vẫn còn đơn giản thuở bên nhau
nếu tim người chưa xót xa nghi ngại
hồn nhiên yêu em như buổi ban đầu

thì chắc gì đã chia xa, có lẽ...
lối mơ hoa chưa rũ cánh hao gầy
giờ còn chi đâu người trăm năm cũ
ngoài mớ tình thư hỗn độn trên tay...

ừ, vậy đó, mà tim nghe vẫn lạ
vẫn bùi ngùi như buổi mới xa nhau
chừng như ở một góc hồn nhỏ bé
còn áo em xưa quện mấy vai cầu

vẫn tự hỏi lạ lòng chưa, bạn cũ
hay còn gì rất nhẹ ở trong tim
cho môi cười khoan dung khi mắt đôi
theo dấu đời nhau ngày đã muôn trùng

hình như đã biết trong cùng ký ức
vẫn giữ cho nhau một góc êm đềm
nên người hân hoan khi em hạnh phúc
và nỗi đau người là xót xa em...

phan các chiêu hằng



YÊN SƠN

Tôi cùng mùa hạ

*rừng thêm thiếp dấu ve sầu réo gọi
nắng vô tình hừng hực nóng như thiêu
tôi với tôi một nơi chốn tịch liêu
ôm nỗi nhớ ôi vô vàn nỗi nhớ*

*dẫu vẫn biết cuộc đời đầy trắc trở
vẫn bận lòng với một gánh tình chung
cứ mơ hồ giữa mộng mị mông lung
ngày tiếp nối ngày như bờ sóng vô*

*bóng thời gian như ngựa qua cửa sổ
để lại sau lưng ước vọng ngậm ngùi
tôi mất chính tôi ở một góc trời
quay mặt lại chỉ thấy toàn tiếc nuối*

*biết không lâu rừng sẽ tràn bóng tối
thông bạt ngàn cùng đứng lặng trong sương
tôi với tôi với nghìn nỗi vấn vương
như lũ ve sầu hót vang mùa hạ.*



LÊ DIỄM CHI HUỆ

Nhiệt trà tâm đắc

*Lòng như giếng cổ không sóng gợn
Một chén trà thơm ngấm sự đời (Khuyết danh)*

Một tách trà nóng giữa không gian tĩnh lặng. Mùi trầm hương thoang thoảng chìm trong khúc nhạc giao hưởng violin Romance "April" của Rachmaninoff do nghệ sĩ dương cầm Albert Markov trình bày. Bấy nhiêu cũng đủ đưa hồn phiêu du. Cô là tín đồ của màn đêm yên tĩnh. Có cảm tưởng ban ngày cô sống trả nợ trần gian, ban đêm cô thật sự sống cho cô bởi đó là lúc cô lắng nghe tiếng lòng thì thầm, để hồn phiêu du vào nhiều cảnh giới khác nhau. Ngày chìm trong cô liêu, đêm bước liêu xiêu giữa cõi không người, vừa chấp chờn vừa mộng mị trong nỗi hoan lạc rung rung.

Đêm qua cô mộng thấy anh cho biết những biểu hiện là sự hiện diện của anh. Cô lạnh người vì nghe như mới hôm nào anh về và anh đi. Anh về như bụi, đi như bụi giữa màn không gian mong manh giữa hai cõi âm dương. Thật ra cô biết hồn anh vẫn quanh quẩn bên cô như anh thô lộ lần trước anh về. Cô có thể cảm nhận tất cả từ những âm thanh bên gối, trong tai, sự đánh thức giữa khuya. Khi ta ngủ thần thức du hành vào cõi trung giới nơi những vong linh đang cư ngụ để chờ đợi kiếp sống mới, hay nói cách khác là chờ đi đầu thai. Ta ngủ nhưng các thức vẫn hoạt động. Hiện tượng báo mộng xảy ra khi thần thức một người cõi trần du hành vào

Trầm Hương 129

cõi trung giới và được người bên kia thế giới căn dặn hay nhắc nhở điều gì. Cô hiểu rất rõ vì ngày trước anh cũng đã từng về báo mộng.

*Nhớ thương là cái chi chi,
mà sao khiến Huế hoen mi một đời!*

Bên ni bờ là cõi sống, bên tê là cõi chết. Sợi giây luyến ái như dòng nước Hương Giang mãi trôi lặng lẽ, bất chấp thời gian. Gặp nhau lúc xuân xanh, trùng phùng khi tóc muốn ngã màu, rồi lại ly tan. Ai biệt ly trôi dạt cùng bao kiếp luân hồi mang theo bao vụn giọt nước mắt nhân sinh. Cô biết anh cảm nhận tất cả những cảm xúc và tư tưởng, nên cô lại càng muốn khóc. Biết là khi khóc, anh ở dưới sẽ buồn nhưng cô không cảm lòng được. Cô đầm nước mắt khi anh đột ngột ra đi, vỡ òa khi anh trở về, rướm mắt khi anh lại ra đi. Phải chăng anh và cô đã gặp nhau từ tiền kiếp để hồn anh mãi mãi theo cô, để hồn cô mãi mãi tìm anh. Ngóng trông giữa mịt mù sương khói mà anh bây giờ chỉ là những nguyên tử rung động trong không gian khiến cô da diết, heo hắt, chơ vơ như Bến Ngự giữa đêm tàn...

Miên man với cuộc tình liêu trai, trầm u về kiếp nhân sinh khiến hồn cô bay bổng, như cánh chim lạc, như gã du mục giữa sa mạc mênh mông.

Trăng nhú dần giữa vầng mây, lung linh, huyền ảo. Cô chợt nhớ Huế, lại nhớ anh vì anh là Huế, Huế là anh. Một nỗi buồn trào dâng khi nghĩ đến chốn thần kinh một mai kia sẽ còn? Chắc anh biết lòng cô nức nở, và sôi sục mấy tuần qua khi nghĩ về quê hương đang chìm trong bao tiếng kêu thống thiết. Anh về với điện đài, với lãng tâm, với ông bà để cô lại một mình nghi ngút sầu bi!

*Nhớ thương là cái chi chi
Mà sao khiến Huế hoen mi một đời
Âm dương hai cõi chơi vơi
Duyên tình đứt đoạn một trời luyến lưu*

Lê Diễm Chi Huệ / 06.27.2018

Thả hạt sâu trời thành cổ tích rêu phong

Thân vật vữa, tâm hao mòn nhứt nhối
Thống thiết hư vô, rẻo gọi cõi ba ngàn
Trong sương khói, mê mung cơn hấp hối
Ôi điêu tàn, ôi đổ nát hoang liêu

Ngồi bên nhau mà vực sâu ngăn cách
Trí trá lương tri, phát hoạ mưu đồ
Nhân nghĩa nhân văn, vọng dòng cuồng loạn
Xâu xé lòng người, âm ỉ nổi tàn hơi

Khua tóc rối, lênh đênh ngày tháng cũ
Chân theo chân, lê gót giữa trời đông
Nhen đóm lửa trên tro tàn vỡ vụn
Tay trong tay, chung lý tưởng cao vời

Đêm hiu hắt soi tâm người loang lổ
Cạn chén ân tình, khóc buốt thiên thu!
Giơ tay hứng giọt sương tàn khô lạnh
Thả hạt sâu trời, thành cổ tích rêu phong.

Lê Diễm Chi Huệ

ĐOÀN PHÙNG THIÊN

Nhớ cố hương

Thừa Thiên, thành nội, Huế muôn thương
Cội rể Ông Cha hiện Thánh đường
Đóng Khánh gọi khơi tràn luyến nhớ
Nam Giao khắc tạc ngập tơ vương
Trẻ thơ học tập say công lý
Già lão sưu tầm thỏa hiến chương
Đạo nghĩa đời đời luôn tỏ rạng
Rực trời Tổ Quốc cội thiên hương.



TRẦN VĂN SƠN

Đỗ quyền

*Chông chơ sần gỗ trên cây
Mái che tàn lá sương vẩy chỗ nằm
Đong đưa nhịp võng ru thâm
Đỗ quyền khóc bạn trăm năm sống còn*

*Tréo chân tỉnh nhảm thiệt hơn
Non cao chờ gió suối nguồn chờ mưa
Lang thang lạc dấu rừng xưa
Vực sâu ngậm ngãi hương đưa tìm trầm*

*Khách xa nghìn dặm khó thăm
Đành thôi lỗi hẹn tri âm kiếp này
Chông chơ lều rẫy trên cây
Đong đưa nhịp võng bóng mây cuối trời*



PHAN XUÂN SINH

Cao Đông Khánh,

người làm thơ trong chén rượu

Có lẽ, trong những người làm thơ tôi nhận thấy Cao Đông Khánh là con người thể hiện đúng nhất, giống với chất thơ của anh: tay, giang hồ hảo hớn, ăn chơi bạt mạng. Tôi đọc thơ anh trước khi tôi gặp anh. Nhân dịp ra mắt tập thơ của tôi tại Boston năm 2000, Nguyễn Khánh Hòa có đến dự và mang cho tôi tập thơ “Lửa Đốt Ngoài Giới Hạn” của Cao Đông Khánh. Thơ có nhiều thể loại khác nhau, từ lục bát đến 7, 8 chữ, tự do, thơ kiểu văn xuôi v.v., thể nào cũng mang cách bức phá, không giống ai. Đọc thơ anh tôi cũng đoán chừng đây là con người nổi loạn, một tay giang hồ, coi nhẹ mạng sống, chơi chết bỏ. Hình ảnh anh mà tôi thấy dẹt trong đầu nó chỉ là một ấn tượng rồi nó cũng phai pha theo ngày tháng. Sau đó vài tháng, tôi có dịp đi Houston, Nguyễn Khánh Hòa chở tôi đi đến một điểm hẹn với bạn bè, dĩ nhiên toàn mấy anh văn nghệ vùng Houston và lân cận. Khi đến thì mọi người đã vào cuộc nhậu, tụi tôi tới trễ. Một người đang cầm micro đọc thơ, một giọng đọc rất lạ cuốn hút tôi ngay, hỏi ra thì có người cho biết đó là Cao Đông Khánh. Sau khi uống vài hớp bia, không biết ai giới thiệu anh cầm ly bia tới sau lưng tôi vỗ vai: “Chào Phan Xuân Sinh”. Tôi đứng lên chào lại anh, rồi tôi và anh uống cạn ly bia, anh về chỗ ngồi. Thỉnh thoảng tôi nhìn qua anh, bỗng nhiên hồi ức trong trí tưởng tượng của tôi về anh hiện hình. Anh đúng là một tay chịu chơi, mặc áo hở ngực, ăn nói sang sảng. Con người và thơ giống nhau, bây giờ tôi lại biết thêm giọng đọc thơ của anh không giống ai, cuốn hút mọi người. Anh đang đọc bài

“Ta Về” của Tô Thùy Yên, cả đám ngồi nhậu yên lặng. Đám nhậu nào mà không ồn ào thế mà nghe anh đọc thơ mọi người im phăng phắc. Giọng đọc chậm rãi, chắc nịch, sáng khoái. Tôi khẳng định không có ai đọc thơ Tô Thùy Yên hay bằng anh, tôi đã nghe nhiều người, nhiều cách đọc khác nhau nhưng giọng đọc của anh đặc biệt và hay hơn hết. Sau buổi nhậu đó anh lấy xe chở tôi và Quan Dương đến thăm anh chị Tô Thùy Yên. Sau này ở Houston tôi thấy có nhiều người bắt chước giọng đọc của anh, nhưng không có ai hay bằng anh. Đó là lần đầu tiên tôi gặp anh Cao Đông Khánh và cũng là lần cuối cùng vì sau này tôi không có dịp đi Houston cho đến khi nghe tin anh mất. Sau này có ai đó nói cho tôi biết anh là con trai của Cao Đồng Hưng có rạp hát mang tên ông ở sát chợ Bà Chiểu, Gia Định (gần nhà tôi). Như vậy Cao Đông Khánh trước đây thuộc con nhà giàu nên cái chuyện ăn chơi thuộc giới giang hồ tứ chiến là chuyện bình thường. Ta bắt đầu bước vào thơ anh.

“ **Lửa Đốt Ngoài Giới Hạn**” tập thơ gồm 314 trang, in trên giấy láng. Chia thành 15 Chương, mỗi chương mang một đề tài riêng (giống như truyện vậy) anh tự thú nhận xem đây như một truyện dài. Anh là một trong những người tới Mỹ sớm, nên sự đóng góp của anh trên văn đàn cũng sớm. Anh tham gia hầu hết trên các tờ báo văn học đầu tiên hải ngoại . Sự có mặt của anh không thường xuyên bởi tính khí của anh cũng bất thường. Vui thì làm thơ, buồn thì ngồi nhậu, mới qua, buồn nhiều hơn vui nên thơ anh cũng ít có mặt trên các tạp chí thuở đó. Mà ngồi trên bàn rượu nhiều hơn. Hãy nghe thơ anh mà lời lẽ như một tay giang hồ:

*“mỗi ngày đào hố hầm chôn lương thực hư thối
chôn người chết đói, làm phân giữa ruộng lúa vàng
buổi chiều đi về bến xe đò tao hỏi
đụ mẹ, tụi phản động có ra chặn đường
tao có bao nhiêu tiền tao cho hết.*

Ngôn ngữ một nhà thơ hay ngôn ngữ một tay giang hồ bạt mạng?

Đọc thơ Cao Đông Khánh ta cảm thấy ngôn ngữ rất thất

134 Trâm Hương

thường, anh có thể xô toẹt không cần giữ ý tứ, nên ta thấy chất nổi loạn trong thơ anh mạnh mẽ, tuy vậy ta vẫn thấy sự tiềm ẩn trong đó có manh nha mầm mống chất lãng mạn khéo léo của anh.

Những bài thơ dành cho quê hương, giọng thơ mang chất Nam Kỳ Lục Tỉnh mà khi đọc lên ta cảm thấy như nghe ai đó đang nói chuyện rất mùi bản xứ mà chỉ có họ mới hiểu nhau được:

*“Sài Gòn Khánh Hội gió trai lơ
Khi ấy còn tơ gái núi về
Đào kép cải lương say tứ chiến
Ngã tư quốc tế đứng xàng xê”*

Những người đọc thơ quen với lối gieo vần, quen với âm điệu khi đọc thơ của anh bị dị ứng ngay bởi vì thơ anh quá phóng khoáng, chẳng cần niêm luật gì cả, đang nói chuyện này xoay qua chuyện khác, nói mông lung, nói dài dòng văn tự chẳng đâu vào đâu. Thế mà chịu khó suy ngẫm thơ anh có tiềm ẩn một chiều sâu, giống như một người đàn ông tỏ tình, nói chuyện trên trời dưới đất, chuyện trăng sao thế nhưng người con gái lại yêu cái ba hoa chích choè đó, nó ngấm dần dần vào người nghe lúc nào không hay.

Cũng như bao nhiêu người làm thơ khác, anh làm thơ cho bạn bè, cho người yêu, cho quê hương, cho chính mình v.v... thể loại nào cũng như đùa:

*“thưa rằng bằng một mũi tên
Bắn con vật chạy cho mềm lòng em
Cử tay chân múa linh hồn
Đá ghi đất tạc trên tồn sự tôi.”*

Được biết Cao Đông Khánh đi du học ở Mỹ, rồi trở về Việt Nam. Năm 75 anh kẹt lại ở Sài Gòn. Năm 1980 anh vượt biên, sang đến Mỹ. Cuộc đời anh đã trải qua biết bao nhiêu cơ cực, anh chứng kiến biết bao nhiêu thăng trầm của kiếp người, nên thơ anh chất chứa biết bao nhiêu kinh nghiệm. Trong thơ anh ta thấy được hình ảnh của nhân gian mà anh chứng kiến hoặc chính anh trải qua. Vì thế trong thơ anh chập chùng hình ảnh bi thương, khốn kiếp của cuộc đời đã

Trầm Hương 135

đầy ắp trong người anh. Vì vậy anh đã tỏ lộ một cách dửng dưng mãi.

Người đọc có chấp nhận hay không thì thơ Cao Đông Khánh cũng hiện diện, dĩ nhiên thơ của anh không giống ai, nhưng hề chi chuyện đó miễn sao nó mang bản chất của anh, sắc thái của anh:

*“Ở Dallas có dáng người thượng uyển
Xa lộ xẻ ngang như tiếng sét ái tình
Hành lang trí nhớ mưa như mưa trời sập
Không cảnh tử sinh khép nở bốn mùa...”*

Anh làm thơ như anh uống rượu, có hớp cay đắng nhưng cũng có hớp ngọt ngào, đôi lúc nó cũng lảo đảo như người say, nhưng cũng có khi nó nghiêm chỉnh như một công-tước. Thơ anh mang nhiều hình ảnh và cũng lắm khó khăn nên ít có người chấp nhận, người đọc quen thói xưa cũ nên không chịu được những khúc mắc rắc rối khi đọc thơ anh. Có lẽ thơ anh hơi giống thơ Kiệt Tấn tuy nhiên mỗi người mang đậm nét khác nhau, hơi hám khác nhau.

Thơ anh cũng mang nhiều từ ngữ lạ, nhiều từ ngữ mang chất triết học dù anh đang nói về đời sống bình thường. Anh như một con chim vỗ cánh thật rộng bay thật xa ôm cả bầu trời vào trong mình, nhưng đôi khi cũng bay vòng vòng nơi chốn phát sinh. Ý tôi muốn nói chúng ta đặt anh vào đâu cũng được, vào đâu cũng thích hợp với anh. Thơ của anh nó bao quát như vậy. Người sâu sắc đọc anh có một cái nhìn khác, người bình dân đọc anh có một cái nhìn khác. Bình dân hay cao cấp tùy theo người đọc:

*“Ở Gaveston có một định tinh biệt tích
ở Houston có một con đường cô tịch nhớ không ra
có chỗ để anh ngó thấy em có chỗ không thấy
có chỗ trên trời bủa lưới bắt hư vô.”*

Hoặc:

*“Em tiểu thuyết trong khu rừng trí tưởng
Thấy được gì? Cháng vầng nàng Kim Lan
Tắm gương cảm giác có hình mị nữ
Gió hú trời cho không hiểu gió bao nhiêu?”*

Đọc thơ anh ta có cảm giác những từ ngữ anh dùng chỉ riêng anh, đôi lúc nó có vẻ thô tục, dữ dằn, dao búa. Nhưng khi anh đặt vào trong thơ ta thấy nó nhẹ nhàng hơn, ta có thể chấp nhận được:

*“Mỗi ngày cởi hết quần áo em tôi hỏi
Mấy bữa đi buôn bán dọc đường em ngủ với ai
Mỗi ngày tôi kể tội em cho tôi đỡ tội
Tội sống thành tâm với kẻ vong ân.”*

Đời sống lưu vong chiếm trọn vẹn con người của anh, thơ của anh. Đọc những đoạn này ta cảm thấy nhức nhối. Anh nhớ đủ thứ của quê hương nói chung là Sài Gòn lục tỉnh, anh kể tên hết các vùng đặc biệt của Sài Gòn, nghe qua lòng ta se thắt:

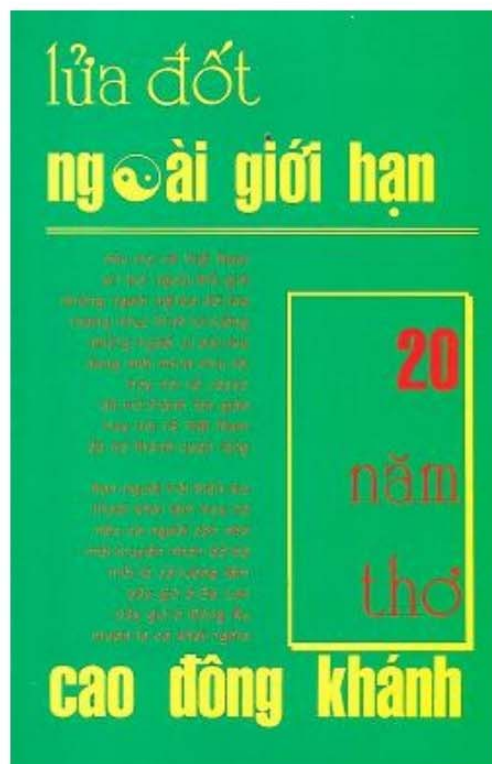
*“hỏi thăm con bạn thời sinh tử
đã lánh mình qua miệt Chánh Hưng
cầu Chữ Y yêu kiều ba ngã
có ngã lui về để dưỡng quân.*

Ta đi tìm văn chương trên thơ Cao Đông Khánh? Ta tìm ngôn ngữ đẹp trong thơ Cao Đông Khánh? Không, tất cả thứ đó không có chỗ đứng trong thơ anh. Từ thực thể cho tới ẩn dụ, từ phơi bày cho tới giấu kín, thơ anh thẳng thừng như ruột ngựa. Anh không chú trọng đến ngôn ngữ bóng bẩy, đến từ ngữ cao siêu, đến hành văn mang chất triết lý. Thơ anh bình dân hay đôi lúc đậm chất giang hồ lục tỉnh hay đúng hơn là bụi đời. Anh mang sắc thái riêng không giống ai tuy nhiên không phải là dễ đọc. Nhiều khi người đọc phải đắm chìm phải suy nghĩ. Nhiều bài tôi đã đọc đi đọc lại nhưng cuối cùng cũng không hiểu anh gói ghém những gì trong đó. Có một điều bất cứ ai khi đọc thơ anh cũng cảm nhận được thân phận của kẻ lưu vong, đau khổ nhức nhối khi ngóng về cố hương, buồn tủi khi làm kẻ tạm dung nơi đất khách. Mới hay làm một con người dù có ba gai, trọc trời quấy nước cũng đều phải ngã quỵ trước vấn đề tha phương. Quê hương nó chiếm một chỗ đứng quan trọng trong người, gặp lúc thuận tiện là nó nổi dậy.

Viết về thơ Cao Đông Khánh viết ít thì thiếu mà viết nhiều mấy cũng không đủ, nó bao trùm cuộc sống, nó ăn sâu trong tiềm thức. Tôi cảm thấy những điều tôi nói về thơ anh nó không đủ, nhưng có viết thêm nữa sợ rằng nó sẽ trùng lặp những gì tôi đã viết. Vì vậy tôi xin ngừng viết ở đây. Tôi mong quý vị nên tìm đọc thơ Cao Đông Khánh, vì theo tôi đây là một tập thơ quý hiếm đáng đọc./

Houston, ngày 18 tháng 5 năm 2018

Phan Xuân Sinh



@ Sự suy tàn của văn học cho thấy rõ sự suy tàn của cả một dân tộc.

Hai cái này khi xuống dốc thì cùng tiến bước.

Goethe



NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

*Ngày về cố hương
đau lòng lãng miếu cũ*

*Ngày về, đầu bạc phéch
Đất khách ôm trăng khuyết
Chợt nghe gió biên thù
Thổi hồn người lưu lạc...*

*Dặm trường đau cổ nguyệt
Huyết mộ người thiên thâu
Bên dốc nghĩa trang lạ
Chim rĩ máu gọi nhau*

*Đeo nặng lời tử sinh
Ngày đi cau trở nụ
Tổ phụ đứng bên hè
Dặm đường chờ hương hỏa*

*Có lạnh gót sơn khê
Lộ trình kẻ lữ khách?
Ven lộ khói hương bay
Giữa biên cương giá buốt*

*Vách đá hàng bia mộ
Xói tung, hài cốt đâu?
Để giọng con nhận lạc
Đậu khóc trên cành cau!*

Hốc núi bài vị võ
Lời non nước bể dâu
Cổ hương như ký gởi
Cho sử ký ngàn sau

Tro tàn đầy vết tích
Khách lặng nhìn biên cương
Cây gáo vàng rụng trái
Xuống hồn quê cổ hương

Người trăm năm trôi về
Dựa núi, núi thâm lặng
Dựa đời, tri âm đâu?
Chỉ mây, đầy tóc trắng

Sơn lộ, chim lạc bầy
Chập chờn, ngoài khí núi
Vỗ về người ly hương
Lạc loài giữa gió bụi

Hàng dâm bút bên rào
Nở đỏ thời thơ ấu
Sau ngày gió trắng bay
Vác oản vai khách trú

Ly hương, từ tóc xanh
Lữ khách ôm trăng khuyết
Tổ phụ và hàng cau
Đứng chờ người lưu lạc

Trăm năm về đầu bạc
Soi đời nửa vầng trăng
Đau lòng, lạnh miếu cũ
Hương hỏa, lạnh lòng thêm...

nnn/2018



Thả rông

Đừng thả rông làn tóc
Có người dõi theo mây
Để hương tình xao động
Làm bao kẻ ngất ngây.
Chỉ thả rông cơn buồn
Anh trải lòng san sẻ
Cô đơn sẽ không còn
Trong trái tim nhỏ bé.
Và em đừng giận dỗi
Ho anh được thì thầm
Chỉ thả rông vạt cúc
Khi em nằm bên anh.



CAO THOẠI CHÂU

*Em là người phiên dịch
của đời tôi*

*Chiều lên xanh những nốt dương cầm
Sóng sánh trong mắt người yêu dấu
Vời vợi xa hồn tôi không bến đậu
Chỉ thấy nặng lòng vời vợi nhớ thương em*

*Tôi đang nghe giữa cuộc đời buồn
Tiếng em thấm vào hồn tôi thơm thảo
Giai điệu ấy làm sao tôi hiểu
Khi không lời phiên dịch của riêng em*

*Đêm nằm nghe chớp bể mưa nguồn
Ánh chớp giạt mưa rừng bão biển
Lòng tôi đầy khi không nổi sóng
Giữa bốn bề đá dựng chênh vênh*

*Tôi đi chưa hết tháng năm buồn
Mưa và nắng ở hai đầu tit tấp
Tình em cho nồng nàn như nước mắt
Và ngậm ngùi day dứt nợ đời nhau*

*Đêm nằm nghe cơn gió qua cầu
Tôi mơ thấy mệnh mông những nước
Tiếng róc rách không sao ngủ được
Khi thiếu lời phiên dịch của riêng em.*



PHẠM TRẦN ANH

VINH DANH CHỮ QUỐC NGỮ

Kính thưa quý vị,

Trước hết tôi xin chân thành cảm ơn toàn thể quý vị đã bớt chút thì giờ quý báu để đến đây tham dự buổi vinh danh, cảm ơn những người đã có công khai sinh ra lối chữ viết theo a,b,c mà chúng ta gọi là chữ Quốc ngữ ngày hôm nay. Thưa quý vị, không phải tới ngày hôm nay chúng ta mới vinh danh Linh mục Alexandre De Rhodes trước đây gọi là Linh mục A Lịch Sơn Đắc Lộ mà năm 1941, chính quyền thực dân bảo hộ đã khắc một tấm bia đặt ở bên bờ Hồ Hoàn Kiếm ở Hà Nội và năm 1955, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã đặt tên Alexandre De Rhodes cho một con đường ở thành phố Sài Gòn. Sau này, tại Sài Gòn chúng ta cũng có một Thư viện và một Cư xá lấy tên là Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes).

Thế nhưng, vấn đề chữ quốc ngữ ngày nay lại trở nên ý nghĩa và quan trọng hơn khi mới đây tập đoàn Việt gian Cộng sản bất nhân hại dân bán nước chính thức bắt các em học sinh từ cấp 1 đến cấp 3 phải học tiếng Tàu, sinh ngữ chính trong năm học tới, đồng thời tung ra đề án cải cách tiếng Việt, sửa đổi cách viết và phát âm lơ lớ tiếng Ô Mã Nhi trên sông Bạch Đằng năm xưa để xóa bỏ chữ Quốc ngữ nói

Trầm Hương 143

riêng và văn hóa Việt Nam nói chung. Chính vì vậy, hơn lúc nào hết, chúng ta phải trân trọng bảo tồn chữ Quốc ngữ, cũng như tri ân những người có công tạo ra lối chữ Việt viết theo a,b,c mà chúng ta thường nói là La Tinh hóa chữ viết.

Thưa quý vị, trong quá khứ chúng ta đã vinh danh Linh mục Alexandre de Rhodes là “Thủy Tổ” của chữ Quốc ngữ như những bài viết ca ngợi thái quá của một số học giả trước đây. Ngày nay, sự thật về sự khai sinh lối chữ Quốc ngữ khiến chúng ta phải phục hồi sự thật lịch sử về vấn đề này. Sự thật này đã được Linh mục Alexandre de Rhodes viết trong “Lời nói đầu” quyển Tự điển Việt - Bồ - La rằng linh mục học tiếng Việt lúc đầu với giáo sĩ Francisco de Pina và linh mục đã sử dụng các công trình tự điển viết tay An Nam - Bồ, Bồ - An Nam của các giáo sĩ Gaspar d’Amaral và Antonio Barbosa...

Chính giáo sĩ Alexandre de Rhodes đã xác nhận không phải là người duy nhất đã sáng tạo ra chữ quốc ngữ mà đó là công trình tập thể của các nhà truyền giáo khác như giáo sĩ F. De Pina, Gaspar d’Amaral và Antonio Barbosa... nằm trong một khuôn khổ những nỗ lực phiên âm các thứ tiếng có chữ tượng hình ở Viễn Đông do các thừa sai châu Âu khởi xướng từ thế kỷ thứ 16. Công trình khai sinh ra lối chữ Quốc ngữ lần đầu tiên chính là Giáo sĩ người Bồ Đào Nha F. De Pina, đến “Đàng Trong” năm 1617 học tiếng Việt và là nhà truyền giáo đầu tiên dùng tiếng Việt để truyền đạo. Năm 1624, giáo sĩ F. De Pina dạy tiếng Việt cho giáo sĩ Alexandre De Rhodes, năm 1625 giáo sĩ bị chết đuối ở vũng Đà Nẵng ngày 15-12-1625 khi cứu hành khách trên một chiếc thuyền bị đắm. Nhà nghiên cứu R. Jacques mới tìm thấy ở Thư viện Quốc gia tại Lisbon (Bồ Đào Nha) quyển sách “Nhập môn tiếng Đàng Ngoài” dài 22 trang dạy cho người mới học tiếng Việt của giáo sĩ F. de Pina.

Chính giáo sĩ Alexandre De Rhodes đã xác nhận:

"Tuy nhiên trong công cuộc này, ngoài những điều mà tôi đã học được nhờ chính người bản xứ trong suốt gần mười hai năm, thời gian mà tôi lưu trú tại hai xứ Cô-sinh và

144 Trâm Hương

Đông-kinh (tức Đàng Trong và Đàng Ngoài - AC), thì ngay từ đầu tôi đã học với Cha Francisco de Pina người Bồ Đào, thuộc Hội Dòng Giê-su rất nhỏ bé chúng tôi, là thầy dạy tiếng, người thứ nhất trong chúng tôi rất am tường tiếng này, và cũng là người thứ nhất bắt đầu giảng thuyết bằng phương ngữ đó mà không dùng thông ngôn, tôi cũng sử dụng những công trình của nhiều Cha khác cùng một Hội Dòng, nhất là của Cha Gaspar de Amaral và Cha Antonio Barbosa (Chúng tôi nhân mạnh - AC), cả hai ông đều đã biên soạn mỗi ông một cuốn từ điển: ông trước bắt đầu bằng tiếng An Nam (tức là từ điển Việt-Bồ - AC), ông sau bằng tiếng Bồ-Đào (tức là từ điển Bồ-Việt - AC), nhưng cả hai ông đều đã chết sớm. Sử dụng công khó của hai ông, tôi còn thêm tiếng La Tinh theo lệnh các Hồng y rất đáng tôn...".

"(...) ước gì các Ngài trở nên những người truyền bá nhiều phương ngữ, để không những các nước lân cận và quen biết từ xưa được nghe những sự kỳ diệu của Thiên Chúa mà cả mọi miền dưới bầu trời và những vương quốc rất xa xôi ở cực Đông từ nhiều thế kỷ qua chưa được nghe, thì bây giờ những nước ấy cũng phải được nghe và rao truyền danh Chúa huyền diệu biết bao trên khắp trái đất (...). Mà lại để Lời Thiên Chúa thâm nhập dễ dàng hơn tới tận cùng Hoàn cầu, nơi người Đông-kinh và Cô-sinh, tức là tất cả mọi người An Nam đang chiếm cư, thì bây giờ lòng đại lượng bao la của quý vị cũng truyền lệnh thực hiện quyển từ điển của dân tộc An Nam, một quyển từ điển giúp ích cho những người làm công tác Tông đồ được chỉ định cho phần vườn nho này của Chúa, hầu họ hiểu biết phương ngữ xa lạ của người An Nam, tức là để những mầu nhiệm Thiên Chúa được giải bày cho người An Nam, đồng thời cũng để người An Nam vừa làm quen với chính Đức Tin Rô-ma và Tông đồ, vừa làm quen với phương ngữ Rô-ma và La-tinh. Ai mà không thấy việc đó trong tương lai có lợi là chừng nào cho công cuộc truyền bá đức tin của Chúa Ki-tô được rộng rãi và chắc chắn hơn". ^[1]

Thật vậy, các bậc thức giả như Dương Quảng Hàm, Đào Duy Anh, Nguyễn Khắc Xuyên, Thanh Lãng, Đỗ Quang Chính, Võ Long Tê đều khẳng định chữ quốc ngữ là một công cuộc chung của nhiều người. Linh mục Đỗ Quang Chính nhận định: *"Đắc-Lộ không phải là người Âu châu đầu tiên học tiếng Việt, cũng không phải người đầu tiên sáng tác chữ quốc ngữ, hơn nữa, vào năm 1636 Đắc-Lộ cũng không phải là người ghi chữ quốc ngữ đúng được như một số Linh mục Dòng tên Bô Đào Nha ở Việt Nam thời đó. Thật ra, trong giai đoạn thành hình chữ quốc ngữ, Đắc-Lộ chỉ góp một phần trong công việc quan trọng này, mà rõ rệt nhất là soạn sách chữ quốc ngữ và cho xuất bản đầu tiên"*- Linh mục Thanh Lãng, Chủ tịch Văn Bút Việt Nam trước 1975 đã khẳng định: *"Giáo sĩ Đắc Lộ không những không phải là ông tổ duy nhất của chữ quốc ngữ mà cũng không phải là một trong các ông tổ của chữ quốc ngữ... Sở dĩ Đắc Lộ về sau này được lịch sử nhắc nhở đến nhiều, có lẽ không phải vì ông đã có công kiện toàn chữ quốc ngữ cho bằng ông đã để lại hai quyển sách Từ điển Việt-Bồ-La và Phép giảng tám ngày được coi như tài liệu duy nhất về chữ quốc ngữ"*.

Các Thừa Sai cũng đã Latinh hóa tiếng Thái, tiếng Tàu, tiếng Nhật... nhưng không thành công, duy chỉ có Việt Nam lồi chữ Quốc Ngữ này trở nên phong phú, phổ biến rộng rãi nhờ những nho sĩ tân tòng trở thành “Thầy giảng” đã góp phần lớn trong việc hình thành và hoàn chỉnh từng bước một lồi chữ Quốc ngữ mới lạ này để ngày nay trở thành chữ viết chính thức của nước ta.

Theo công trình nghiên cứu của học giả Nguyễn Đoàn Tuân thì Tiếng Việt, chữ Việt theo bản chữ đời Hùng để lại từ đời Thánh Tản Viên cho Cao Thông, đệ tử của Thánh Tản Viên. Sau này, Trịnh Bồng đã được bản chữ đó và chính bản chữ đó đã giúp cho thầy Raphael Quý dạy cho giáo sĩ F. De Pina và Alexandre de Rhodes để chuyển sang mẫu tự La tinh, là chữ Quốc Ngữ bây giờ. Giáo Sĩ Đắc Lộ ở trong Nam (Đàng Trong) nghe ở Thanh Hoá (Đàng Ngoài) còn có người biết tiếng Việt cổ nên đã ra địa phận Thanh Hoá gặp được 146 Trầm Hương

thầy Raphael Quý là người có duyên còn giữ được bản chữ đời Hùng. Nhờ thiên phú có tài về ngôn ngữ nên cả hai đã cùng nhau hợp tác giải mã những dấu hiệu chữ mô tả âm thanh của đời Hùng theo chữ La Tinh để chúng ta có được lối chữ Quốc ngữ ngày nay. Như vậy, ông Tổ chữ Quốc ngữ là bản chữ đời vua Hùng theo lối tiêu âm mà ghép thành văn tự.

Cũng theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đoàn Tuân thì trong lịch sử ngôn ngữ chỉ có Việt tộc mới có chữ viết và tiếng nói ăn khớp với nhau được chứng minh bởi Đồ Phở Trống Đồng. Thuở xa xưa, tộc Việt cư ngụ ở Trung nguyên nên tiếng Việt tổng hợp các ngữ vị và âm vị của 4 phương thiên hạ. Tiếng Việt và chữ Việt là hệ thống Tiêu âm là thiết âm tức là loại tiếng đánh vần được. Nhờ đó âm lại được mọi thứ tiếng của các nước nên ngữ vị và âm vị tiếng Việt hết sức phong phú nên chỉ ở Việt Nam trở thành chữ viết cho cả nước trong khi việc Latinh hóa chữ viết các nước Lào, Cambodia, Tàu, Nhật không thành công. Chính vì vậy, “Thủy Tổ” của chữ Quốc Ngữ chính là tiếng nói, chữ viết Việt Cổ từ thời vua Hùng của chúng ta.

Các giáo sĩ F. De Pina, Gaspar d’Amaral, Antonio Barbosa và Linh mục Alexandre De Rhodes cùng các thầy Raphael Quý, các thầy giảng Việt Nam Igesico Văn Tín, Bentô Thiện với những tác phẩm quốc ngữ xuất sắc được lưu lại từ năm 1659 là những người có công trong việc phiên âm, ký tự tiếng Việt cổ thành lối chữ viết và đánh vần theo a,b,c của chữ La Tinh để thành hình lối chữ Quốc ngữ ngày nay.

Thưa quý vị, kể từ khi lối chữ chữ viết theo abc do các Cố đạo truyền giáo xuất hiện đầu tiên trong bộ Từ Điển An Nam-Bồ Đào Nha-Latinh gọi tắt là Tự điển Việt-Bồ-La mục “Phép giảng tám ngày” được tòa Thánh La Mã xuất bản năm 1651 và nhà cầm quyền Thực dân Pháp bắt buộc người dân Việt Nam phải học đã gặp phải sự chống đối quyết liệt của giới sĩ phu và toàn thể người Việt Nam yêu nước thời bấy giờ. Kể từ khi thành hình cho đến khi được mọi người Việt Nam thừa nhận là chữ Quốc Ngữ, chữ viết của Việt Nam đã

trải qua một thời gian lâu dài hàng thế kỷ do sự đề kháng tất yếu của tự tình dân tộc như câu thơ dân gian của một sĩ phu miền Nam Đồ Chiểu: “*Thà đui mà giữ đạo nhà, còn hơn sáng mắt ông cha không thờ...*”. Chúng ta hãnh diện tự hào với truyền thống yêu nước thương nòi mà trải qua gần 1 ngàn năm đô hộ kẻ thù truyền kiếp chủ trương Hán hóa thâm độc quỷ quyệt, người Việt vẫn giữ nguyên được bản sắc văn hóa truyền thống Việt.

Khi chữ Quốc ngữ ra đời, nhà cầm quyền thực dân Pháp đã tìm cách thúc đẩy sự truyền bá chữ quốc ngữ tại “Thuộc Địa Nam Kỳ” bằng cách đưa vào quy định bổ nhiệm, thăng tiến cho quan chức hay miễn thuế cho dân ở Nam Kỳ. Phó Đô Đốc Marie Gustave Hector Ohier ký nghị định bắt buộc dùng chữ Quốc ngữ thay thế chữ Nho trong các công văn ở Nam Kỳ nhưng đến năm 1879, thực dân Pháp mới chính thức đưa vào chương trình giáo dục ở Nam Kỳ. Thế nhưng, việc cổ động cho học “chữ Quốc ngữ” ở toàn cõi Việt Nam từ năm 1890 đến năm 1910 với các phong trào cải cách như Hội Trí Tri, phong trào Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục và đến năm 1867 mới chính thức xuất hiện trên tờ Gia Định Báo của Nguyễn văn Vĩnh ở Sài Gòn cùng với Pétrus Ký, Paulus Huỳnh Tịnh Của, Hồ Biểu Chánh đã cổ vũ học “*chữ Quốc ngữ: Tiếng Việt còn, nước ta còn...*”, như là phương tiện thuận lợi cho học hành nâng cao dân trí. Đặc biệt Nam Phong Tạp Chí là một tờ Nguyệt san do Học giả Phạm Quỳnh làm chủ nhiệm kiêm chủ bút xuất bản đầu tiên ngày 1 tháng 7 năm 1917. Phạm Quỳnh chủ biên phần chữ Quốc ngữ và Dương Bá Trác phần chữ Nho, trong suốt 17 năm với 210 số báo, Nam Phong Tạp Chí đã góp phần vào việc truyền bá chữ Quốc ngữ.

Công cuộc hoàn thiện chữ Quốc ngữ trở thành sức tích văn chương hơn phải ghi nhận sự đóng góp của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Sự ra đời của Tờ Phong Hóa và nhóm Tự Lực Văn Đoàn chính thức thành lập ngày 2-3-1934 quy tụ các nhà văn nổi tiếng trong văn đàn Việt Nam thời bấy giờ như Khái Hưng, Tú Mỡ, Hoàng Đạo, Thạch Lam cùng nhiều

148 Trầm Hương

văn nghệ sĩ có tài khác như: Vi Huyền Đắc, Đoàn Phú Tứ, Thanh Tịnh, Xuân Diệu, Huy Cận. Tự Lực Văn Đoàn chủ trương sáng tác văn chương với một lối văn giản dị, dễ hiểu, ít chữ nho, một lối văn thật có tính cách An Nam đã góp phần không nhỏ trong những tác phẩm văn học chữ Quốc ngữ văn chương và phổ biến rộng rãi trên toàn quốc. Tự Lực Văn Đoàn đã thổi một luồng gió khai phóng vào xã hội Việt Nam thoát khỏi sự ràng buộc của những hủ tục lễ thói lỗi thời, không còn thích ứng được với nhu cầu thời đại và tìm ra hướng đi mới cho văn học Việt Nam.

Ngày 25-5-1938, Hội Truyền bá Quốc ngữ được thành lập và phát động phong trào học chữ Quốc Ngữ trên toàn quốc do Nguyễn văn Tố làm Hội Trưởng, Bùi Kỷ và Tôn Thất Bình làm Hội Phó. Cố vấn gồm các học giả nổi tiếng là Trần Trọng Kim, Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn văn Huyền và Lê Thước để truyền bá chữ Quốc ngữ trong quảng đại quần chúng. Học giả Hoàng Xuân Hãn đang dạy tại trường Bưởi (Chu văn An sau này) được mời làm cố vấn và giáo sư là người soạn quyển sách học đánh vần chữ Quốc ngữ đầu tiên mà ngày nay, một số người trong chúng ta vẫn còn thuộc nằm lòng những câu như “*I tờ hai móc cả hai. I ngắn có chấm, tờ dài có ngang. O tròn như quả trứng gà. Ô thời đội mũ, ơ là thêm râu*” và “*huyền ngang, sắc dọc, nặng tròn; hỏi lom khom đứng, ngã buồn... nằm ngang*”. “Hội Truyền bá quốc ngữ là một trường đào tạo, giáo dục thanh niên ngoài xã hội. Một mặt nó luyện cho thanh niên những đức tính cần thiết trong cuộc sống. Mặt khác, nó giúp thanh niên tránh được những cuộc vui chơi không lành mạnh cờ bạc, trai gái, rượu chè... và giáo dục lòng yêu nước thương nòi cho thanh niên thời bấy giờ.

Chính nhờ những đóng góp trên nên giới trẻ tân học, giới trí thức tiểu tư sản đã ý thức được lối học từ chương kinh điển lỗi thời cùng với lối chữ Nho rắc rối phức tạp, khó phổ biến tới toàn dân để nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí nên đã tiếp nhận và hoàn thiện chữ Quốc ngữ để kêu gọi lòng yêu nước của toàn dân đứng lên chống Thực dân Pháp.

Thưa quý vị,

Chữ Quốc ngữ thời mới hình thành rất là sơ sài đôi khi ngây ngô nữa chứ không phải súc tích, phong phú như ngày nay. Tiến trình hoàn chỉnh chữ Quốc ngữ do chính người Việt là chủ thể của lối chữ này đã sửa đổi, thêm thắt, tìm kiếm, hoàn thiện từ Đức Chúa Bờ Lờ thành Đức Chúa Trời như trong nguyên bản “Phép giảng tám ngày” như sau: *"Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội, mà beà đạo thánh Đức Chúa Bờlờ"*, mà bây giờ chúng ta sửa đổi hoàn chỉnh là *"Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội, mà theo đạo thánh Đức Chúa Trời"*. Chính vì vậy chúng ta mới thấy rằng công phiên âm, ký tự chuyển từ tiếng Việt cổ sang lối chữ La Tinh là của các nhà truyền giáo nhưng để có một chữ viết gọi là Quốc Ngữ như ngày nay chính là của toàn dân Việt Nam chứ không phải là ai khác...

Thưa quý vị,

Trong lịch sử nhân loại không có một dân tộc nào trải qua những trang sử bi thảm như dân tộc Việt Nam với 26 lần xâm lược và 9 lần thống trị gần 1.000 năm của kẻ thù truyền kiếp Tàu Hán xưa và đế quốc mới Tàu Cộng bây giờ. Dân tộc Việt chưa thoát khỏi ách đô hộ của Thực dân Pháp thì tập đoàn Việt gian Cộng sản đã rước voi Mác Lê về giày mả Tổ Hùng Vương, công răn độc Tàu Cộng về cắn gà nhà dân tộc. Kể từ ngày 1 tháng 9 năm 1858, quân Pháp tấn công Đà Nẵng cho tới ngày 6-6-1884, hiệp ước Patenôtre được ký kết chính thức quy định Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp, Bắc Kỳ và Trung Kỳ chịu sự bảo hộ của Pháp nhưng mỗi nơi có chế độ cai trị khác nhau.

Sử sách viết về thời Pháp đô hộ Việt Nam cũng như theo các nhân chứng sống thì tuy gọi là chế độ thực dân nhưng người dân vẫn còn đỡ khổ hơn “Người dân làm chủ” trong chế độ Cộng sản Việt Nam bây giờ. Lịch sử Việt vẫn còn ghi chép tội ác của thực dân Pháp xử chém 13 anh hùng dân tộc tại Yên Bái thế nhưng dưới bức màn sắt của Cộng sản, khi xâm chiếm miền Nam Cộng sản đã giết biết bao nhiêu chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa và chế độ Cộng sản độc tài đã đưa ra xử 150 Trầm Hương

bắn trên 300 tù nhân chính trị tôn giáo trong đó có 2 linh mục, 2 phụ nữ độc ác nhất là xử tử hình anh thư Trần Thị Lan trong lúc chị có thai 8 tháng. Đây không chỉ là tội ác đối với dân tộc Việt mà còn là tội ác đối với cả nhân loại nữa. Đọc lại những lời tuyên truyền tố cáo thực dân Pháp của Hồ Chí Minh, chúng ta ai cũng giật mình vì đó là những tội ác mà bạo quyền CS đang gây nợ máu với đồng bào chúng ta gấp cả trăm lần!!! Chúng ta cũng đau lòng khi viên trung úy Calley một người lính ngoại quốc bắn giết dân lành ở Mỹ Lai, chúng ta cũng có thể thông cảm phần nào khi Việt Cộng núp sau lưng những người dân này bắn giết các binh lính Hoa Kỳ nên viên Trung Úy đã nóng giận ra lệnh xả súng bắn gây ra những thương vong đáng tiếc... Thế nhưng không ai có thể ngờ được rằng Việt gian Cộng sản xâm lược đã đang tâm tàn sát dã man hàng trăm đồng bào máu mủ ruột rà ở Ấp Tân Lập Xuân Lộc tháng 3 năm 1975 mà nhà văn yêu nước Trần Đức Thạch đã viết lại trong “Hố Chôn Người ám ảnh...”...

Thưa quý vị,

Chúng ta chống lại chủ nghĩa thực dân nhưng cũng không quên tri ân những người ngoại quốc đã có công đóng góp bảo lưu nền văn hóa Việt. Thật vậy, nếu không có nhà bác học bà Madeleine Colani thì cả nhân loại không ai biết về nền văn hóa Hòa Bình lưu vực sông Hồng ngày nay được xem là nền văn hóa cổ nhất của nhân loại và từ nền văn hóa này, chúng ta mới tìm thấy cội nguồn của dân tộc Việt.

Chính nhà bác học Madeleine Colani của viện Viễn Đông Bác Cổ đã tìm thấy 2 chiếc đĩa cổ trong đó có 2 chữ Việt Cổ là chữ Sĩ và chữ Thương có niên đại khảo cổ là 8 ngàn năm nghĩa là cổ hơn 6 ngàn năm so với chữ viết “Văn Giáp Cốt” đời Thương 1766 TDL. Các nhà khảo cổ quốc tế cũng tìm thấy hơn 20 ký tự chữ viết cổ của nền văn hóa Long Sơn trong đó có các chữ Việt, chữ Hán... có niên đại khảo cổ hàng chục ngàn năm giống như chữ Sĩ và chữ Thương vẫn còn sử dụng trong tiếng Hán hiện đại. Điều này chứng tỏ, Tộc du mục Thương Chu đã lấy chữ viết Việt cổ gọi là lối

Trần Hương 151

chữ vuông thêm thắt sửa đổi thành chữ Hán gọi là kim văn Hán tự. Sử sách triều Chu ghi rõ là đời Chu Tuyên Vương sai Thái sử Trứ lấy lối chữ Điều triệu thời Hoàng Đế sửa đổi biến cải thành lối chữ gọi là Kim văn tức chữ Hán bây giờ.

Theo các nhà ngôn ngữ thì Trung Quốc có 10 phương âm, đến thời Tần Thủy Hoàng diệt Nho đốt sách, bắt các nước đều phải nói và viết ngôn ngữ Quan Thoại... Ngoài ra, tất cả dân Trung Hoa đều nói tiếng Việt cổ gồm: Thục ngữ, Yên, Tề ngữ, Đông Di và Mặc Dịch, Sở ngữ, Mân ngữ, Giang Hoài ngữ Ngô Việt ngữ, Điền, Kiềm ngữ và Việt ngữ ở Quảng Đông, Quảng Tây.

Các công trình nghiên cứu ngôn ngữ cho thấy tiếng nói vùng Hoa Nam gồm Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến, Triết Giang đều có âm Việt cổ chung hoàn toàn khác với phương ngữ Hán phương Bắc mà dân gian Hoa Nam vẫn dùng trong giao tiếp cuộc sống gọi là tiếng Nôm (Nam), tiếng của người Việt phương Nam. Tiếng Quan Thoại của giới quan lại thống trị từ thời Tần là Hán ngữ chính thống (Sino-Tibetan) mà giọng đọc gọi là Quan Thoại ở vùng Đông Thiểm Tây, Bắc Hà Nam, Nam Hà Bắc và Nam Sơn Tây. Tần ngữ là giọng nói ở Thiểm Tây được coi là giọng cổ Quan Thoại phát âm lơ lớ Quan Thoại, lơ lớ Mông Cổ còn lại 8 phương âm khác của Di Việt ở khắp Trung Nguyên gồm:

- **Thục ngữ** ở Tứ Xuyên của chi Âu Việt.
- **Yên Tề ngữ** của chi Lạc Việt (bộ Trĩ) mà họ gọi là Rợ Đông Di gồm các tỉnh Sơn Đông và một phần Hà Bắc.
- **Sở ngữ** là giọng nói ở Hồ Bắc, Hồ Nam của chi Lạc Việt bộ Mã mà Hán tộc gọi là rợ Kinh man. Vào đầu kỷ nguyên Dương lịch, Yên-Tề-Sở ngữ giống Việt ngữ, Sở ngữ còn gọi chung là giọng Hồ Quảng.
- **Mân ngữ** (Hoklo) là giọng nói của chi Mân Việt (Min-Yueh) ở Phúc Kiến (Lạc bộ Mã).
- **Việt ngữ** vùng Quảng Đông và Quảng Tây của chi Âu Việt còn gọi là Tây Âu của đồng bào Thái (Thái Việt).

- **Giang Hoài ngữ** là giọng nói vùng giữa sông Hoài và Sông Dương Tử thuộc nước Ngô thời chiến quốc ở Bắc Giang Tô và Triết Giang của U -Việt còn gọi là Đông Việt.

- **Điền Kiềm ngữ** là giọng nói vùng Vân Nam và vùng phụ cận của chi Điền Việt.

- **Ngô Việt ngữ.**

Tuy gọi là các phương ngữ có chút ít riêng biệt nhưng nói chung vẫn gần giống như Việt ngữ ở vùng lưỡng Quảng. Ngày nay chữ Quảng Đông vẫn gọi là Việt ngữ, kịch Quảng Đông và ở châu Kinh vẫn gọi là Việt kịch nên người Quảng Đông gọi sí phù phiên âm trước đây gọi là Hán Việt không đúng vì đó là tiếng Việt cổ, Việt ngữ nên chúng ta đọc là sự phụ, cú nường chúng ta viết là cô nương...

Theo nhà nghiên cứu Bình Nguyên Lộc dẫn chứng bản đồ “Tối Tân Trung Quốc Phân Tỉnh Đồ Bản” mới nhất của Trung Quốc thì tất cả các dân cư bản địa thời cổ ở Hoa Nam ngày xưa đều còn hiện diện trên lãnh thổ Trung Quốc. Bức bản đồ ngôn ngữ đầy đủ nhất “Ethnolinguistics groups of Mainland Southeast Asia” do Human Relations Area Files, Yale University xuất bản cho biết hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Quý Châu là địa bàn hiện nay của dân Thái tức người Âu Việt cổ. Mặt khác Tối tân Trung Quốc Phân Tỉnh Đồ còn cho biết là không hề có nhóm người Hán nào gọi là người Quảng Tây mà dân ở mấy tỉnh đó đều là người Quảng Đông còn gọi là người Việt Đông, là người Việt cổ và ngôn ngữ của dân Quảng Đông được gọi là Việt ngữ.

Các triều đại Tàu Hán xưa bắt tất cả những người Trung Quốc trong đó người gọi là Trung Quốc ở Đông Bắc, người Trung Quốc ở miền Nam là người gốc Việt cổ bị bắt buộc “Đồng” giống như nhưng không “Hóa” thành người Trung Quốc vì có cùng một mã di truyền Genome DNA với chúng ta.

Ngày nay, đế quốc mới Trung Cộng thông qua tập đoàn tay sai Việt gian Cộng sản cầm đầu là Nguyễn Phú Trọng đã bắt học sinh từ cấp 1 đến cấp 3 phải học tiếng Tàu Hán là sinh ngữ chính kể từ niên học tới đây. Đồng thời chúng còn

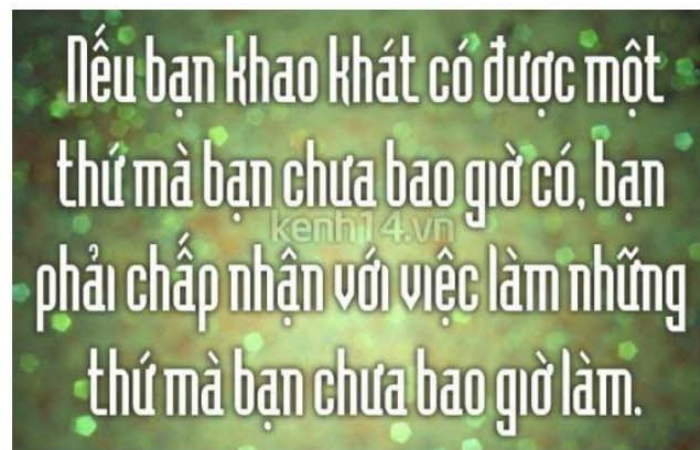
Trầm Hương 153

đưa ra cái gọi là cải cách tiếng Việt viết và phát âm lơ lơ tiếng Tàu nhằm xóa bỏ lối chữ Quốc ngữ của chúng ta, để triệt tiêu văn hóa Việt. Đây là âm mưu “Hán hóa” thâm độc quỷ quyệt của kẻ thù truyền kiếp của dân tộc chúng ta. Chính vì vậy, hơn bao giờ hết chúng ta phải trân trọng bảo lưu chữ Quốc ngữ mà các giáo sĩ đã góp phần tạo ra lối chữ Quốc ngữ. Dù rằng mục đích là để truyền đạo đã tạo ra lối chữ viết theo a,b,c thể nhưng lối chữ này đã trở nên chữ viết chính thức của nước ta trong Văn Học Sử nước nhà. Chúng ta phải trân trọng tri ân các Giáo sĩ F. De Pina, Gaspar d’Amaral, Antonio Barbosa và Linh mục Alexandre De Rhodes cùng các thầy Raphael Quý, các thầy giảng Việt Nam Igesico Văn Tín, Bentô Thiện ... và công sức của toàn dân Việt Nam đã hoàn chỉnh để ngày nay chúng ta có một ngôn ngữ phong phú, sinh động, một ngôn ngữ “nói như thơ nghe như nhạc” lên bổng xuống trầm đang được sử dụng rộng rãi khắp nơi trên toàn thế giới.

Trân trọng kính chào toàn thể quý vị.

Phạm Trần Anh

<https://www.vntv.online/?p=4976>





TRẦN VIỆT CƯỜNG

Những vần thơ đi lạc

**Gửi người một đóa hoa thơ
Thả rong tư tưởng ngẩn ngơ lòng mình
Mỗi ngày có một bình minh
Bao nhiêu hy vọng mới tình ra đời*

**Tiễn người đi cơn mưa chiều nặng hạt
Sân ga buồn lưu luyến mỗi bước chân
Cách biệt nhau nhìn mây xa ngút ngát
Vấn vương lòng tình pháp lý phân vân.. .*

**Mặc kệ lao xao đời vẫy gọi
Ta về tìm lại chốn tịch nhiên
Vô thường năm tháng nào đâu đợi
Nhẹ gánh thông dong thả muôn phiên...*

**Mặc kệ thơ rơi vào cõi lạ
Tự tâm tự biết gửi về đâu
Người nhận không nhìn ra nét chữ
Lòng người ai dò được nông sâu*

**Người ở trong am tâm hướng ngoại
Ngoài kia trăm hướng gió xoay chiều
Tĩnh tu chính là đang vong động
Diện bích trăm năm có ích gì...*

**Tâm bất định khó lòng hướng Phật
Thân bất an trí trá khó lường
Thối đời giả cũng như là thật
Thôi đành cạn nốt chén bất tường...*



MINH XUÂN 538

Phụng xưa

*Qua trường cũ hàng phượng xưa trở giấc
Những chùm hoa đỏ rực đón nắng hè
Đã một thời lời ve ru tiếng nhạc
dấu cuộc tình bên gốc phượng ngày xưa*

*Tôi đứng lặng nhìn sân trường im vắng
Tiếng guốc khua vang nay đã không còn
Những Tà áo bay trắng lên cánh bướm
Đã lạc nhau rồi giữa những hồn oan...*

*Tôi rất nhớ Em...một thời yêu dấu
Chờ buổi tan trường bất kể nắng mưa
Tay trong tay ngập tràn vui hạnh phúc
Đã phủ mờ bởi lớp bụi thời gian...*

*Tôi đứng trước ngôi trường xưa đôi chủ
Vẫn ngậm ngùi hoài niệm những dấu yêu
Màu phượng đỏ, đỏ bầm như huyết động
Bóng người xưa ảo ảnh chập chờn quay*

*Giữa sân trường hôm nay trời nắng rất
Kỷ niệm còn quay quắt người xưa đâu
Văng vẳng bên rào tiếng ve thống thiết
Dư âm còn ngày cũ đã tàn phai.*



SONGTHY

Bến mộng luân hồi

*Một chút ngơ lòng vẫn thơ sáng
Một ngày thương cảnh kiếp hồng nhan
Sẽ hai chia trọn tình tri kỷ
Một nhớ ba thương mảnh đời mang*

*Gửi gió theo mây ngày ly biệt
Bốn đời năm chờ giữ tình em
Có nhớ không anh vầng nguyệt khuyết
Nguyên lời thệ ước dưới nguyên tiêu*

*Tháng Sáu mưa bay trời thương cảm
Tháng Bảy lệ buồn thấm mưa Ngâu
Thủy chung huyết lấp mây xám ngắt
Mông muội u tình đã dài lâu*

*Chậm bước luân hồi tình lạc lối
Phận anh là gái, em duyên trai.
chuyển kiếp thay đời ai biết được
gái trai tân kiến thỏa lòng ai.*

Trâm Hương 157



MÂY NGÀN

Cho ta

*Cho ta tìm lại giọt sương mù
giữa thu lành lạnh gió nhẹ ru
Để nghe khe khẽ lời em nói
âm vọng nghe như phiến lá rơi*

*Cho ta trở lại phố mây mù
Tìm dấu chân xưa đường dốc cũ
tóc gió bèo bồng chiều chợt nhớ
Áo trắng tan trường em Pleiku*

*Làm sao quên được mây giăng mù
hành quân dừng bước chiều biên khu
Đèo cao suối vắng len lỏi chảy
Có tiếng em cười dưới nắng thu*

*Cho ta tìm lại bóng thời gian
nhặt cánh hoa rơi dưới nắng vàng
Và nghe khe khẽ lời em nói
Tìm hồng se lạnh gió thu sang.*



LAN CAO

Khóc

*Chính trưa em khóc mặt trời
Nửa đêm lại khóc xót đời Hằng Nga
Bao giờ em khóc tình ta
Giọt đau nhỏ xuống quê nhà nhiều nhưong*

*Làm thỉnh khóc với đoạn trường
Trái tim thở dốc ngược đường khóc ai
Nằm lặn trên dấu chấm dài
Hóa thân chim Cuốc khóc hoài sông đêm*

*Nhìn hoa khóc với mưa đen
Soi gương khóc với cơn ghen tuổi đời
Khỏa thân con cá lội bơi
Nắng mưa vịnh nhục dòng trôi vô thường*

*Khi già hạt lệ như sương
Rơi trên cỏ lá khu vườn tình yêu
Giấc mơ quá khứ triền miên
Vĩ tương lai trốn vào miền hư vô*

*Mới sinh em khóc vu vơ
Lớn lên em khóc nàng thơ của đời
Bây giờ đứng giữa chơi vơi
Buồn vui lẫn lộn dưới trời mây hoang.*



PHẠM TƯỜNG NHƯ

Diều giấy

Bây giờ là tháng mười sao vẫn còn mưa ngâu, giọt ngắn giọt dài giăng mắc khắp thành phố Houston, Texas. Nàng Thu không len lén thoa son thép vàng lên rùng lá trên cây. Thu đã thành đàn thả tào đay sắc màu vàng tím đỏ, phủ trùm khắp ngàn cây ngọn cỏ. Áng mây trời đang lang thang rong chơi phiêu lãng. Mây xám buồn và ngọn gió hắt hiu đánh thức ký ức những ai mang nhiều tâm sự. Nước mắt mưa lất phất hạt ngâu làm lòng Thông rụng xuống, lênh đênh và chìm vào đôi mắt người xưa. Gió Thu se lạnh, màu Thu mờ đưa chàng về vùng quá khứ với những cánh Diều giấy và sự liên hệ với cô láng giềng. Em gái nhỏ đẹp như thơ. Người tình ngỡ sẽ trăm năm.

Mơ được như Diều lượn cánh đồng/ Theo mây xuôi gió bay trên không/ Vui sống tự do đầy hạnh phúc/ Thoát ly đời cá chậu chim lồng. Chắp cánh Diều bay, em với anh/ Bạt ngàn loan phụng với trời xanh/ Sống chết cùng tình yêu thứ nhất/ Như chim liền cánh, cây liền cành.

Đó là lời thơ của cô nữ sinh lớp Đệ tứ gửi người anh trai hàng xóm đầu yêu, vừa đậu Tú tài toàn phần. Đang xếp áo thư sinh, chuẩn bị hành trang vào Trung tâm huấn luyện Không Quân Nha Trang. Ước mơ được làm phi công thời chiến.

Sáng hôm sau Thông lên đường. Buổi chiều nắng rất nhạt, chàng hẹn Vân Nga nơi bến sông, dưới chân cầu. Chỗ
160 Trâm Hương

Thông thường đón nàng bằng bằng xuống ba lá. Bơi qua những hàng Bần sum suê thủy liễu. Hái tặng nàng những đóa hoa ba màu đơn sơ. Những trái bần xanh non chát, chín chua. Vân Nga thích Thông rắc những bông bần lên tóc nàng. Nàng trông giống “cô dâu”! Thông sung sướng đến nghẹn ngào và vô cùng ngạc nhiên, nhận mớ hành trang từ đôi tay run rẩy của Vân Nga. Gồm khăn choàng cổ đàn hai màu xanh, hồng có thêu hai chữ T và N quấn quện vào nhau. Một khăn tay trắng có viền thêu hai chữ T, N cùng hai bông lúa thêu nơi chéo khăn, nhắc khéo chàng một tình yêu và xóm thôn hiền hòa miền sông nước. Ngạc nhiên nhất là bài thơ. Vân Nga thường đọc thơ của Thông và cất giữ như tập lưu bút. Nàng có làm thơ bao giờ đâu? Bài thơ này từng thức, ngủ cùng Thông khi chàng học bay ở Hoa Kỳ. Có khi thơ ngủ trên môi, có lúc trộm lên mắt... Cũng có khi thơ ngủ trên gối. Trước lúc rời BOQ, lên xe bus ra flightline học bay, Thông dặn thơ hãy ngủ yên! Nỗi nhớ nàng nhiều khi làm lòng chàng tê dại. Hình như tình yêu giúp người ta phấn đấu, kiên tâm và đầy hy vọng.

Tháng mười sinh nhật Vân Nga. Vùng đồng bằng sông Cửu Long ít khi mưa. Những ngọn gió bắc se lạnh từ phương bắc kéo về. Ruộng đồng ngát xanh với những lượn sóng dọn chạy dài trên đọt lúa. Chim muông ca hát líu lo, đuổi bắt Cào cào, Châu chấu và đậu lên hàng Trâm bầu. Có khi chúng kết thành đàn, đậu lên các cành cây nơi bìa vườn, ríu rít lời trẻ thơ, vui đùa, tung tăn phá phách. Các rẫy Dưa hấu được chăm sóc chu đáo, các đọt dưa xanh màu lá mạ tăng trưởng mạnh, ra hoa, kết trái cho kịp Tết Nguyên Đán. Sân nhà nào cũng đầy các hủ, lọ, bội, chậu gieo đủ thứ hoa Tết như Vạn thọ, Nở ngày, Móng tay... Sang nhất vẫn là các chậu Hồng khoe màu môi tươi thắm. Tháng mười cũng là lúc Thông dành dụm đủ tiền nhờ nhện ăn sáng, mua các dụng cụ làm Diều như giấy kiếng màu, dao kéo, keo hồ... và chăm chỉ chuốt tre, kết, dán, cột... thành hai con Diều giấy. Dĩ nhiên con diều của Vân Nga luôn được Thông chăm chút, tỉ mỉ thực hiện. Đôi cánh phượng gập khô từ mùa hè được chàng

cẩn thận dán lên thân Diều giấy. Đuôi Diều là phượng giấy kiếng màu áo học sinh theo tưởng tượng của Vân Nga. Đôi ngôi sao nơi chót đuôi Diều để trông mái sáo đôi, tìm nhau muôn thuở. Phải vất vả, thức khuya dậy sớm cả tuần Thông mới làm xong hai con Diều. Dù chúng chẳng giống loại Diều nào trong thế giới loài vật. Nhưng khi nhìn cử chỉ nhận Diều của Vân Nga, Thông biết Diều của nàng đẹp hơn tất cả các chim muông! Đôi mắt Vân Nga mở to và biết cười! Hai tay nâng niu như bế chú mèo con! Mái tóc dài và màu áo của nàng chừng nhúng mực hơn nhiều! Nắng gió chợt về đông đưa trên nhánh lá!

Xóm thôn quê của Thông nằm cạnh bờ sông Tiền, hai mùa nắng mưa và những tháng giáp Tết lộng gió. Bọn học trò trai cùng chàng chơi thả Diều và đá banh ngay sau mùa lúa gặt, các gốc rạ còn thơm mùi lúa chín, các lỗ chân trâu còn dễ lấp đầy cho khỏi trượt chân. Vân Nga không thích xem đá banh, cũng không ưa đang nắng thả Diều cùng bạn bè trang lứa. Nàng chỉ muốn rong chơi, thả Diều với riêng chàng vào những chiều trời ui mát của tháng mười, mười một. Khi nắng dịu, trái vàng lên màu xanh của lúa, của những tàng cây ăn trái oằn sai hoa quả.

Ngắm cánh Diều nhớ ời thời tuổi dại/ Giữa tháng mười
mượt lúa ngát xanh đồng/ Những con đê thẳng tắp đến bờ
sông/ Tôi và em thả Diều bay ngược gió. Trẻ trong xóm chơi
Diều mùa phượng đỏ/ Chạy băng đồng khi rơm rạ mới khô/
Riêng em ưa đuổi gió lúc mát trời/ Em bảo: Đồng mây gieo
đầy Lúa mạ. Diều loan phụng anh khéo tay cắt, vá/ Cánh
phượng hồng như môi má em xinh/ Những thanh tre kết chặt
lúa đôi mình/ Đuôi Diều trắng, áo học sinh chao lượn.

Vân Nga là con gái duy nhất của Cô Hai. Nhà nàng cách nhà Thông một con rạch nhỏ. Hai cây cầu nhúi bắt chúi mũi xuống lòng rạch của hai gia đình chừng như muốn nối kết, tâm giao. Thông không biết trước kia Cô Hai ở đâu. Chỉ nghe nói Dượng Hai làm chức vụ giớ trong chính quyền miền Nam. Bị Việt Cộng ám sát. Cô bỏ quê chồng dọn về đây, cất nhà trong khu vườn non nửa mẫu đất, trồng nhiều cam,
162 Trâm Hương

chanh, quít. Thông cũng nghe hàng xóm đồn rằng Vân Nga đẹp, trắng trẻo, cao ráo mảnh mai vì Cha cô lai Tây(?). Không biết có phải vì thế mà nàng không thích giao du với trai làng. Hay là nàng biết mình đẹp, con một và giữ khoảng cách với bọn con trai tay lấm, chân bùn. Đi học nhiều đưa đi chân đất, đá banh, thả Diều la oồn ào như giữa chợ, hoàn toàn khác bản tính dè dặt, nghiêm trang, đi chân dép Nhật của nàng.

Hai gia đình Thông và Cô Hai qua lại trong tình thân hàng xóm. Ba Má chàng đặng giúp Cô nhiều chuyện mà một phụ nữ đơn thân khó thực hiện. Thông được Má biểu mang thứ này thứ kia sang biếu Cô Hai. Tình thân giữa chàng và Vân Nga đến từ bao giờ chính Thông cũng không biết. Có một chiều lộng gió, Vân Nga và Thông đang thả Diều. Chàng vô tình để dây Diều quấn đứt đuôi Diều giấy của Vân Nga. Diều của nàng chao đảo, bay chúi xuống ruộng lúa. Thông đang cười ngạo thì thấy nàng cúi gập người và khóc thành tiếng. Thông cứ tưởng nàng chạy vấp gờ đổ nên đau. Khi Thông chạy đến đỡ Vân Nga đứng dậy mới ngỡ ngàng. Nàng khóc sướt mướt và nói “Đền em đi! Đền em đi!”. Thì ra Thông mãi xem Vân Nga như em gái. Nàng sắp đến tuổi mười ba! Biết sửa soạn, bẽn lẽn, môi đỏ má hồng con gái. Hình như ngực nàng có chút gì khác lạ? Và tóc nàng uốn dợn trước trán, đuôi tóc cắt ngang lưng mời gọi eo cong! Có một lần đôi cánh Diều mắc vướng/ Chỉ tơ anh quấn lấy phương Diều em/ Em bắt đền. Đôi mắt ướt mi rèm/ Anh chết điếng. Biết em không còn nhỏ.

Thông chợt nhớ mấy tháng trước, khi đang dạy toán luyện thi cho Vân Nga nơi phòng khách nhà nàng. Trời bỗng dưng trầm mặc, mưa dai bong bóng. Vân Nga ra cửa xem bong bóng nước theo nhau trôi trước thềm nhà. Không báo trước, nàng bước xuống sân và kéo Thông theo.

Một chiều hè mưa dai xóm vắng/ Anh chiều em hai đứa tắm mưa/ Em đuổi theo bong bóng lưa thưa/ Dối hờn vì hoa mưa tan vỡ. Mưa bong bóng muôn đời vẫn nở/ Một tuổi thơ tưởng tiếc ngày xưa.

Hình như Vân Nga luôn tìm dịp để được bên nhau. Khi gần nàng Thông cũng thấy mình yêu đời chi lạ! Tháng mười, mùa nước trong Vân Nga rủ Thông ra đứng giữa cầu. Chỉ cho chàng đôi bóng kề nhau. Nàng bảo “khi em bên anh, nước chảy hoài cũng không cuốn trôi bóng hai đứa”. Thông nhìn sâu vào đôi mắt long lanh của Vân Nga, muốn ôm hôn mà run quá nên không dám. Một lần Thông vớt được cặp cá lia thia trống mái, thả vào lu nước bên hông nhà của Vân Nga. Hôm sau hai đứa chụm đầu xem đôi cá đang quẫy đuôi, bơi song song. Vân Nga chợt hỏi :

-Anh thấy gì không?

- Hai con cá đẹp bơi trong lu nước!

- Hai cái bóng tóc dài tóc ngắn đang cùng bóng mây chìm trong lu nước!

-Trời đất!

-Trời đất lúc nào cũng say đắm nhìn nhau.

-Trời đất không bị Ba Má rầy mới được vậy!

Vân Nga véo vào tay Thông đau điếng, chạy vào nhà. Chàng chợt nhận ra đây là lần đầu tiên nói với nàng lời bóng bẩy có ngụ ý. Nàng quay trở lại, hai tay dấu sau lưng:

-Nói hay em tặng anh cái này.

-Cây roi hả?

Nàng trao Thông trái Xoài cát chín hồng. Hồng như đôi má nàng đang tô màu nắng:

-Nè!

-Ừa! Trái xoài này anh hái hôm qua, đem tặng em. Bộ chê hả?

-Hết linh rồi sao? Gọt đi! Hai đứa ăn chung. Mà anh leo cây có bị Kiến cắn không?

Nàng giựt nhẹ mấy sợi tóc mai của Thông. Thì ra con gái khôn sớm hơn con trai về phương diện làm đẹp cho tâm hồn, tình tứ cho con tim.

-Kiến vàng bu cắn nhưng anh không thấy đau!

Vân Nga liếc đôi mắt bén ngót nhìn Thông, lắc đầu cười mỉm.

Thời gian Thông và Vân Nga học ở Vĩnh Long. Nhà trọ của Thông gần cầu Cái Cá, cạnh bờ Sông Tiền, Vân Nga trọ bên kia cầu Thiềng Đức, cạnh sông Long Hồ. Đôi bạn trẻ không thể gặp nhau hằng ngày. Bù lại nhiều cuối tuần Thông được chở Vân Nga về quê bằng xe đạp. Tháng mười Thông vẫn chăm chỉ làm điều giấy, đôi cánh gắn hình tim mang tặng Vân Nga. Nhìn đôi mắt nàng mở to, miệng cười thật tươi, Thông quên hết mọi mệt nhọc khi cố công thực hiện điều giấy cùng lúc phải học bài thi tam cá nguyệt. Trong chu vi phố Vĩnh Long không có khoảnh đất trống nào để thả điều. Hai người phải đợi cuối tuần về quê. Hai đứa lại chạy trên con đê bắt ngang qua biển lúa xanh màu lá, dưới vòm trời có mây chiều lãng đãng. Mấy con chim sâu nhỏ đậu trên đọt lúa, gió nhẹ gợn sóng trên dãy lúa ngát xanh. Những giây phút hiếm quý như vậy cũng đủ thời lượng đánh thức giác quan, đôi trai gái thấy đời rất đổi dễ thương.

Năm 1975, Vân Nga học Đệ nhất trường Tổng Phước Hiệp Vĩnh Long. Thông đang bay bổng ở Phi Đoàn 435, Tân Sơn Nhất. Phi vụ trẻ buổi chiều đưa một Đại Đội Biệt Động Quân đến Phi Trường Phan Rang và di tản gia đình Không Quân về Sài Gòn. Sự kiện này cho Thông một suy nghĩ nghịch lý. Sắp bỏ căn cứ Phan Rang lại đem con bỏ chợ? Đến gần 8 giờ đêm thì trạm hàng không Phan Rang khá hỗn loạn, trật tự bất khả thi. Súyt chút nữa thì chiếc C130 bọn Thông không cất cánh được, như số phận của chiếc C119 thuộc Phi Đoàn 720. Gia đình quân nhân, xe cộ đủ loại vây quanh phi cơ, khó khăn lắm mới di chuyển và cất cánh được.

Khi hay tin Trung Tướng Vĩnh Nghi, Tư lệnh tiền phương và Chuẩn Tướng Sang, tư lệnh Sư Đoàn 6 Không Quân bị địch quân bắt tại mặt trận Phan Rang. Thông chạy về Vĩnh Long với ý định rủ Vân Nga cùng lên Sài Gòn, để được bên nhau nếu phải di tản. Vân Nga khóc vì không thể bỏ Mẹ và có thể phải xa người yêu. Thông trở lại Tân Sơn Nhất trong tâm trạng hoang mang, mất định hướng. Cảnh nước mất nhà tan, tình yêu, gia đình ly tán, ai có trải qua mới biết sự thảm hại cùng cực trong tâm tưởng. Ngày 30 tháng tư,

Trầm Hương 165

Thông cùng bao nhiêu người Việt phải bỏ nước ra đi về phương trời vô định. Không ai biết được ngày mai sẽ ra sao! Thông đáp phi trường Utapao, Thái Lan. Rồi định cư Mỹ.

Sau 30 tháng tư 1975, toàn cõi Việt Nam trở lại thời kỳ đồ đá, cuốc, xuồng, trâu bò được coi là tìm năng chính của xã hội. “Trí thức không bằng cục phân”. Bần cố nông làm lãnh đạo. Gian trá, hách dịch, tàn độc được làm quốc sách cai trị dân. Tất cả cán bộ nhà nước chỉ là loài “két” không hơn kém. Cùng luận điệu, cùng hành động, coi dân là kẻ thù cần phải khống chế, kiểm soát.

Vân Nga phải gia nhập đoàn thanh nữ xung phong, đoàn công tác thủy lợi. Lao động nhiều hơn học hành. Rồi nàng bị bắt bí, hăm hiếp bởi cán bộ Cộng sản vốn là bạn học cùng cấp với nàng. Hắn tên Nuôi, mẹ sống trong vùng xôi đậu, cha tập kết ra Bắc. Hắn ở trọ gần nơi trọ của Vân Nga, từng ngỏ lời thương yêu và nói nhiều câu sỗ sàng với nàng trong mấy năm chót bậc trung học. Đám cưới Vân Nga và Nuôi tổ chức sơ sài dưới sự chủ tọa của đại diện Đảng trong cơ quan. Mẹ nàng viện cớ bệnh, không tham dự vì quá đau khổ.

Năm 1981 Vân Nga và Nuôi cùng đưa con gái 5 tuổi sống trong cảnh yên ả giả tạo. Lúc nào cũng tỏ ra gương mẫu. Rao truyền chính sách của đảng và nhà nước, thành lập hợp tác xã... Với 5 năm sống trong cảnh thượng đội hạ đạp của chồng, Vân Nga vô cùng mệt mỏi. Nàng luôn tìm cách rỉ tai với chồng, chỉ ra những nghịch lý, bất công trong xã hội hiện tại. Lúc nào cũng khắc phục, bao tử khắc phục, phương tiện khắc phục. Dân đen chịu bao điều khổ lụy, khi có được miếng ăn, phải khắc phục đem dâng lên cán bộ để được yên thân. Khi Ba của Nuôi đưa vợ con từ Bắc về, lấy lại nhà cửa vốn là tiệm tạp hóa, điểm giao liên, chuyển tin tức cho Mặt trận, đuổi Má của Nuôi về nhà Ngoại thì Nuôi mới vỡ lẽ, hiểu rõ tình người Cộng sản.

Gia đình Vân Nga nằm trong tổ chức vượt biên bằng thuyền đánh cá. Một đêm đầu tháng mười, vợ chồng nàng và con gái, cùng hơn năm mươi người khác chen chúc trong khoang thuyền. Chiếc thuyền bình thường chỉ chở được hai

166 Trâm Hương

mười người là cùng. Tàu chở nặng, mực nước chỉ còn chừng một gang tay cách đỉnh thành ghe. Vân Nga quá lo sợ, biết rằng với chừng này người, thuyền không thể xuyên biển được. Nuôi lại ra lệnh cho tài công tiếp tục hành trình, xuôi ra biển trên giong sông Mang Thít. Khi thuyền gần tới cửa biển. Không hiểu sao Nuôi lại bật lửa đốt thuốc hút. Vài người la lên:

-Đừng hút thuốc, đang đi ngang trạm kiểm soát. Bộ muốn chết sao?

Quả nhiên chỉ vài phút sau đó, mọi người nghe tiếng súng nổ, đèn bin quét tia sáng qua lại. Một chiếc tàu tuần loại thành sắt “vàm cỏ” chạy ra. Tiếng hò hét của bộ đội biên phòng làm náo động cả mặt sông. Tất cả hành khách đều nhón nháo, lo âu. Tiếng cầu nguyện xen với tiếng chửi thề! Những người lính ghìm súng về phía thuyền vượt biên, hăm he, chửi rủa thậm tệ. Tàu tuần kéo thuyền vượt biên ngược dòng sông Mang Thít. Khi tàu chạy ngang khúc quanh, không giảm tốc độ. Thuyền vượt biên nghiêng chao mạnh, hành khách nhón nháo, hỗn loạn. Cuối cùng nước tràn vào mạn thuyền. Chỉ mất chừng một phút, thuyền chìm. Tàu tuần không giảm tốc độ, nên hành khách mạnh ai nấy bơi trên mặt nước cuồn lưu đang chảy mạnh. Cảnh tượng khủng khiếp, tiếng kêu cứu thất thanh. Hành lý trôi trên mặt sông nhưng vì trời chưa sáng hẳn nên ít người bám được vali, túi xách để bơi vào bờ. Vân Nga vừa ôm con vừa bơi, vừa gọi tên Nuôi, nhưng không biết chòng lội về hướng nào. Bị dòng nước cuốn trôi, hai mẹ con vô cùng kiệt sức. Rồi nàng không còn biết gì nữa. Đưa con gái vượt khỏi tầm tay lúc nào nàng cũng không hay. Khi nàng tỉnh lại, đã thấy mình nằm trên ghe của bộ đội cộng sản.

Vân Nga bị tù trong trại giam gần bến phà Cổ Chiên trong niềm đau mất con. Nước mắt khổ đau tuôn chảy như từ con tim, trào ra mạch máu. Bến phà Cổ Chiên từng là niềm vui học trò khi hẹn hò cùng các bạn cùng lớp. Sáng sớm sang sông, đạp xe thànhđàn vào các vườn trái cây oằn sai trái chín. Buổi chiều trở lại tỉnh lý bằng chuyến phà ngang gió

lộng, giỏ xe đạp đầy áp trái cây. Cả bọn chờ niềm vui tuổi trẻ như chờ tương lai, hy vọng mai sau.

Càng trở trêu khi sống với tình người Cộng sản. Vân Nga đau khổ cùng cực vì mất con. Nàng nghĩ rằng Nuôi cũng bị nước cuốn, có thể vì có người theo làm chàng không bơi được vào bờ. Vân Nga thừa biết Nuôi bơi rất giỏi, từng bơi qua lại ngang dòng Long Hồ khi tắm sông. Nàng vô cùng căm tức và chán đời cùng cực khi bị công an “làm việc” vì Nuôi đưa đơn cáo buộc Vân Nga lén đem con gái trốn khỏi Việt Nam. Cô Hai, Mẹ Vân Nga, phải dùng số tư trang còn lại lo cho nàng ra khỏi cảnh tù tội. Hai mẹ con sống âm thầm với mấy công vườn cây trái thất mùa thường xuyên. Vân Nga càng lúc càng tiêu tụy, thất sắc. Nét duyên dáng ngày nào đã bị xã hội chủ nghĩa trồng người biến thành hóm đóm, mất hết sinh lực, bất mãn kinh niên. Nuôi ung dung sống với người phụ nữ khác. Vàng bạc lấy được từ những người muốn vượt biên đủ để Nuôi mua căn phố mặt tiền có giá trị. Nuôi còn được lên chức trưởng cơ quan quản lý sách vở, báo chí trong tỉnh Vĩnh Long.

Tháng mười thời tiết dịu mát, lúa không xanh màu lục diệp, chim muông không cất tiếng hát hòa bình. Quạ đen, sâu bọ từ đâu kéo về phá hết mùa màng. Điều không cất cánh bay. Điều giấy không còn ai dám nghĩ tới. Rẫy dưa hấu không còn, những chậu hoa chờ Tết cũng không tồn tại trong nếp sống chật vật, khốn khó vật chất, sợ hãi tinh thần. Xã hội giạt lùi về hướng thời đồ đá. Giới cầm quyền chẳng khác nào phường cướp bóc có võ trang. Một sáng tinh sương trời se sắt lạnh. Cô Hai choàng hầu khăn, lần mò ra tận căn chòi lá cuối vườn. Chiều hôm trước Vân Nga nói với cô là nàng ra vườn hái trái cây và rau muống, để sáng nay đem ra chợ bán, lấy tiền mua gạo với bo bo. Cô Hai bàng hoàng đứng chết lặng người, toàn thân cô tê cứng, té xỉu bên cạnh xác của Vân Nga. Nàng dùng chiếc khăn choàng cổ do Thông gửi tặng khi chàng du học bên Mỹ, tự treo cổ, kết liễu đời mình. Chiếc áo dài màu xanh da trời do Thông may tặng đã bạc

màu thời gian, nhăn nheo trên người nàng như dấu tích tình yêu còn sót lại.

Rồi một ngày Quạ về thay lúa gặt/ Chim không được hát,
Diều chẳng thể bay/ Phượng đỏ cờ rừng trối chắt chân tay/
Anh và em tháng năm dài quay quắt. Yêu Tự do em bỏ làng
vượt thoát/ Tai nạn tàu chìm nên phải vùi thân/Cánh mây
chiều dệt lụa, con Diều bay/ Tóc áo mây nên linh hồn buốt giá.

Tháng mười, Thông đốt hương cắm trước mộ chí của Cô Hai và Vân Nga. Chàng tự tay làm sạch cỏ chung quanh. Khu vườn của Cô không còn trồng Cam Chanh Quít. Toàn cây Nhãn và Chôm Chôm như những khu vườn quanh đây. Đã hơn bốn mươi năm còn gì!? Lòng Thông nặng oằn cảm giác nửa như người con xa xứ mới trở về, nửa như người đi giữa mộng du, đang đào bới dĩ vãng. Chỉ nhật nhậm niềm đau và bất hạnh của một dân tộc. Lá trên cây không đủ xanh để hy vọng. Gió không đủ mát lòng người. Ô nhiễm môi trường, ô nhiễm tình đời tràn lan xã hội. Đất nước Việt Nam, người Việt đang pha trộn, đồng hóa với giặc Tàu. Sông cạn dần mực nước. Đồng ruộng bị úng mặn lấn dần. Thông chỉ còn biết nhờ người chinh trang hai ngôi mộ, gấn đá vân, thêm mộ bia, trồng mấy thứ hoa mà Vân Nga ưa thích. Thông từng mua và lưu trữ nhiều loại diều giấy khác nhau trong mấy mươi năm lưu lạc xứ người. Trước khi về Việt Nam, Thông chịu khó tự tay cắt, vá, dán một con diều giấy có đôi cánh hình tim. “Một con diều hai đứa chơi chung!”

Nay anh về, tháng mười cùng diều giấy/ Diều không bay, mộ chí khói hương bay/ Thơ hát ru đời, em hãy ngủ say/
Tình len lén, Thu sang đầy thương nhớ.

Phạm Tương Như

Ngày gió/ 2018



PHẠM QUANG

Chiều

có lúc trên đời lúc bên suối
khoanh tay ôm lấy lòng trống rỗng,
cũng không mấy buồn rầu
chiều bùng lên một giọt rơi xuống, giọt rất sâu
không rõ hồn sẵn vậy
hay tại tịch mịch cô liêu

thế mà bước qua, gặp một tiều phu già
trao cho chiếc lá bàng khô
thiệt to, và nói nhỏ
ấy, cũng là bài thơ cũ kỹ đó mà thôi

tay cầm lá tính đi nốt con đường còn lại
con đường mòn giữa cánh rừng phong
chỗ đỏ ối chỗ óng vàng nước nở
lòng định ninh không suy tư chi nữa
nhưng chực nghĩ, bèn ngược hỏi
ngàn phong rục rở,
tìm đâu chiếc lá bàng này



QUAN DUONG

Lý Sự Đi và Về

Sau 25 năm ta về từ chỗ ta đi
Nơi ta đi giờ không còn về đến
Nếu ai hỏi nơi nào quê hương của bạn
Xin trả lời quê hương là nơi này
Như vậy thì phải xét lại câu thơ
" Quê hương mỗi người chỉ một "
câu thơ của một nhà thơ trong nước
"Ai không hiểu không lớn nổi thành người"
Ta nghĩ thâm có đúng vậy không đây
Việt Nam ở bên kia nửa vòng trái đất
Khi ta chết xác thân này sẽ lấp
Đất Mỹ này là nơi ta vùi xương
Nơi cuối đời đó chính là quê hương
Nếu nói một chưa chắc rằng đã đúng
Lịch sử sai lầm bởi từ thiên mệnh
Biết bao người quê hương trở thành hai
Giờ quay sang bàn luận chuyện đúng sai
Giữa hai chữ đi và về nhập nhằng chưa rõ
Mấy người bạn nhiều khi hỏi nhỏ
Khi nào thì ông về Việt Nam
Nhà cửa ta trên đất Mỹ rõ ràng
Hỏi ngược ngạo muốn vặn cho tẹo họng

Trầm Hương 171

Nhớ uốn lưỡi để hỏi sao cho đúng
Đi Việt Nam không thể gọi là về
Nói rõ hơn nơi đó giờ đã xa
Kể từ lúc chúng tràn vào cướp đất
Nơi không có nhà nên gọi về là trệt
Hiểu đúng hơn phải nói là đi
Ai cũng biết quê hương là nơi có nhà
Là nơi mỗi lần chân gỏi mỗi
Là mái ấm chở che ta quay lại
Là vòng tay ôm chặt lúc ta về
Nói lòng vòng chỉ tóm lại một câu
Đi Việt Nam mà nói về sai bét
Lý sự kiểu này sẽ có nhiều kẻ ghét
Nhưng đâu có lý nào em lại hiểu không ra

Quan Dương 11-04-2018



PHẠM TƯƠNG NHƯ

Bên kia bờ tro than

Trái tim chùng chưa đốt đã thành tro
Dù nỗi nhớ, niềm đau không muốn giữ
Lời hẹn thề đầu môi ai ướp thử
Mà như trăng tròn khuyết giữa hiên đời

Tình nhúm lửa un khói cay một thời
Đâu ai biết lệ hoài rơi nhưc nhối
Là mãi vá vết thương tơ chỉ rồi
Người xa người ai nổi được thời gian?

Bóng dáng người âm ỉ ẩm tro than
Bài thơ gửi thay nhạc đàn rung cảm
Tiếng hát xưa vọng gió ngàn buồn thảm
Lạnh điệu mưa rót chạm chỗ không bờ

172 Trâm Hương



PHẠM TÍN AN NINH

Sắt son

Không ngờ tôi lại là người bùng tâm ảnh chị Ngà theo sau quan tài của chị. Và cũng chính tôi là người đào huyệt chôn chị.. Đám ma của chị có lẽ là một đám ma buồn nhất mà tôi chứng kiến. Có cái chết nào lại không buồn. Những ngày ở trong trại “cải tạo”, tôi đã từng khiêng xác vài người bạn tù đi chôn ở ven triền núi hoang vắng đến lạnh lẽo, trong cảnh nhá nhem của buổi chiều đông trên khu núi rừng Việt Bắc. Nhưng đó là chuyện trong tù, còn hôm nay ngay trên làng quê mình, chị Ngà đến nơi an nghỉ cuối cùng mà không có một người ruột thịt tiễn đưa, ngay cả cái áo quan cũng do bà con láng giềng góp tiền mua cho chị.

Chị nằm bên cạnh cha mẹ cùng người em trai, trên một ngọn đồi đầy những cỏ may và cây hoa bông giềng, nhìn xuống cái làng quê mà gần cả một đời chị sống quanh quẩn ở đây, cô đơn, lặng lẽ.

Chôn cất xong, mọi người ra về, tôi nán lại, dựng tấm bia bằng gỗ trước mộ chị. Khi ngồi một mình nắn nót viết cái tên của chị lên tấm gỗ, nước mắt tôi ràn rụa, mơ hồ như thấy mình đang trở về cái thời nào đó thật xa xăm.

Ngày xưa cha tôi làm thầy giáo, dạy trường Pháp Việt. Tôi mồ côi mẹ từ lúc mới lên ba, cho nên những ngày đi dạy học ông thường dắt tôi theo. Đến lớp, ông giao tôi cho mấy anh, chị học trò lớn của ông để tôi vừa chơi vừa học. Nhờ vậy mà lúc còn bé tí xiu tôi đã biết “con ngựa cheval nhảy qua hòn núi montagne ăn cỏ herbe uống nước de l’eau”.

Trong số các anh chị dạy tôi học, tôi thích nhất là chị Ngà. Chị là con gái lớn của ông bà Tần, chuyên nuôi tằm, bán tơ, một gia đình thuộc hàng khá giả trong làng, có ngôi nhà ngói

Trầm Hương 173

lớn, ở cách nhà ông bà nội tôi chỉ mấy cái vườn cây. Chị Ngà có làn da trắng, mái tóc thật dài. Lúc nào gặp tôi chị cũng cười và nói năng nhỏ nhẹ. Nghe cha tôi nói lại, chị hiền lành ngoan ngoãn và học rất giỏi, nên là một trong số học trò cưng của cha tôi. Thấy tôi mồ côi mẹ, lại là con của thầy mình, nên chị rất thương tôi. Ngay cả những ngày nghỉ, chị cũng thường ghé lại nhà ông bà nội, dắt tôi đi chơi, mua cho tôi mấy con bò, con gà bằng đất. Có điều tôi ít khi đến nhà chị, vì rất sợ những con tằm. Tôi bảo đó là những con sâu, mặc dù chị tốn bao nhiêu công sức để nói về lợi ích của con tằm đã làm nên tơ lụa, và những con bướm đẹp đẽ đang bay ngoài vườn kia là hoá thân từ chính những con tằm. Nhưng lúc ấy tôi nghĩ là chị đã kể từ một chuyện thần thoại nào đó nên không tin những điều chị nói..

Cả một thời ấu thơ, lớn lên ở nhà ông bà nội, ngoài cô Út ra, chị Ngà là người mà tôi gần gũi nhiều nhất. Chị có một người em trai tên Ngọc, lúc nhỏ tôi rất phục tài đá banh của anh. Gần như không trận bóng nào có anh mà thiếu tôi trong hàng khán giả nhi đồng. Nhờ anh mà đội bóng của làng tôi giữ chức vô địch mấy năm liền trong huyện. Tôi mê anh đá banh, nhưng nhiều cô gái trong làng thì mê anh đẹp trai, cao lớn.. Sau này anh đăng vào lính Thủy Quân Lục Chiến. Nghe nói anh đánh giặc hăng lắm, nên mới ba năm đã lên tới chức trung sĩ. Lâu lâu về phép dắt theo cô bồ có mái tóc quăn, trông anh oai phong lắm.

Khi tôi từ giã quê lên tỉnh học, cũng là lúc chị Ngà ra nghề làm cô giáo, dạy một lớp nhỏ trường làng, rồi lấy chồng. Tôi cũng vinh dự được mời, và quà cưới tôi cho chị hôm ấy là bức tranh chân dung của chị do chính tay tôi vẽ. Tưởng chồng chị là ai, hoá ra là anh Phúc, cũng là học trò của cha tôi, học trên chị một lớp, người cùng làng. Nghe nói anh học giỏi, nhưng thâm lặng, ít nói và không thích giao du với bạn bè. Anh là con trai một của bà ba Tịnh. Bà góa chồng từ lúc nào tôi không biết. Chỉ nghe người ta bảo ông Tịnh theo vợ bé, là một cô đào trong gánh hát rong, rồi biệt tăm luôn.

Anh Phúc thi đậu lấy bằng primaire, nhưng viện có mẹ goá con cô, nên không đi làm công chức như những người khác, mà lại tự mình khai thác một khu vườn bên kia sông Gốc, trồng nhiều loại cây và có ao nuôi cá. Trong làng ai cũng khen anh biết tính toán và có lòng hiếu thảo.

Trong đám học trò của cha tôi cũng có vài anh khác ngắm nghe chị Ngà, nhưng vâng lời cha mẹ, chị lấy anh Phúc, bởi anh là con một của bà mẹ goá, được nhà nước cho miễn dịch, khỏi phải đi lính xa nhà, để chị còn được gần gũi săn sóc ông bà khi đến tuổi già. Đám cưới nhà quê, nhưng khách khá đông, mà hầu hết là bạn học của hai người và cũng là học trò của cha tôi. Trong lễ cưới, sau khi cô dâu chú rể lạy tạ cha mẹ hai bên, rồi xin được lạy cha tôi một lạy để đền ơn sư. Cha tôi cầm tay anh chị dặn dò nhiều thứ, tôi không nhớ hết, chỉ còn mang máng hai tiếng thủy chung.

Từ ngày chị Ngà lấy chồng tôi ít có dịp gặp lại chị. Mặc dù nhà chồng chị cũng không xa mấy, nơi ven làng, bên con sông Gốc, mà phía bên kia sông là khu vườn của anh Phúc và cánh rừng tiếp giáp với dãy Trường Sơn.

Tôi gặp lại chị đúng vào một ngày buồn. Chỉ đứng nhìn chị ấy khóc. Anh Ngọc, em trai duy nhất của chị, bị tử trận đâu trong Rừng Sát. Cha mẹ chị ngất xỉu khi nhận chiếc quan tài mà không hề được báo trước. Đám ma hôm ấy nghiêm trang lắm, có cả ông quận và mấy anh lính bông súng chào đi theo. Tôi điu chị đi sau linh cữu, tiễn đưa anh Ngọc đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Điều làm tôi – và nhiều người – ngạc nhiên là trong đám ma của anh Ngọc, không ai nhìn thấy mặt anh Phúc, chồng chị. Mọi người thì thầm “cha nào con nấy, chắc là lại mê con đào hát nào, bỏ con Ngà rồi!”

Tội nghiệp cho chị và oan cho anh Phúc. Vì trước đó mẹ anh Phúc đã thay mặt con trai xin lỗi gia đình sui gia, bởi anh Phúc ốm nặng bất ngờ phải nằm bệnh viện.

Hai tháng sau, một trận lụt lớn tràn qua làng tôi, kéo theo một số nhà cửa và trâu bò, nhưng không có ai chết, ngoại trừ cái tin anh Phúc bị nước cuốn đi, khi anh còn ở khu vườn

bên kia sông Gốc, chưa kịp về nhà. Mẹ anh Phúc rước thầy ngồi đồng đi tìm xác anh Phúc suốt mấy ngày liền, nhưng người ta nghĩ là xác anh đã trôi ra biển.

Trong nhà cũng lập bàn thờ, nhưng chị Ngà nhất định không chịu để tang. Chị bảo linh tính báo cho chị biết là anh Phúc, chồng chị vẫn còn sống. Có thể trôi giạt đến một nơi nào đó rồi được người ta cứu như câu chuyện nàng Thúy Kiều mà chị thường đọc cho cha mẹ chị nghe...

Tôi rời quê vào Sài Gòn học, rồi sau đó đi lính. Lâu lâu nghỉ phép về quê, tôi tìm đến thăm chị. Sau ngày cha mẹ mất, chị nghỉ dạy học, bán ngôi nhà ngói lớn của ông bà, đem tiền bạc về xây lại ngôi nhà mẹ chồng thành ngôi nhà lớn ba gian, mua luôn cả khu vườn bên cạnh có trồng đủ loại cây ăn trái. Chị dành lại một số tiền mở một nhà máy xay xát nhỏ, nuôi bà mẹ chồng bị đau bệnh mấy năm nay, chỉ nằm một chỗ.

Trong làng, có người thì bảo chị ấy “khôn nhà đại chợ, bán nhà cha mẹ để gây dựng nhà chồng, và mang cả bàn thờ cha mẹ, em út sang bên ấy, không sợ tui hổ vong linh”.. Nhưng cũng có người, trong đó có ba tôi, thì khen chị, bảo là “xuất giá thì phải tùng phu, con Ngà nó làm vậy là đúng theo sách thánh hiền!”

Không hiểu có phải vì chị nghe lời dặn dò của ông Thầy, từng khai tâm và dìu dắt chị nên người, thuộc lòng hai chữ thủy chung, nên dù chồng đã biệt tích từ lâu, chị vẫn ở vậy, thờ phụng nhà chồng, trong lúc chị vẫn còn trẻ và có nhan sắc trong vùng. Có mấy ông thầy giáo ở xa đôi tới từng mon men đến chị nhưng chị khước từ.

Ngày mẹ chồng chết, cũng chỉ có mỗi một mình chị mặc áo tang. Nghe nói cái đám ma đúng vào một ngày gió mưa, ảm đạm. Người ta không chỉ thương cho người chết, chẳng có chồng con trong phút lâm chung, mà còn tội nghiệp cho cả cô dâu, một mình cô đơn đi sau quan tài, tiễn đưa bà mẹ chồng về nơi chín suối, mà cũng đưa cuộc đời mình vào chốn quạnh hiu.

Chiến tranh càng lúc càng leo thang. Sau ngày mấy ông tướng nghe theo Mỹ hạ bệ và giết hai anh em ông Ngô Đình

Diệm, không biết đất nước có thực sự khá hơn không, nhưng ở quê tôi thì không còn bình yên như trước nữa. Một vài người làm việc trong chính quyền bị ám sát. Cứ vài ba tuần lại có một cuộc đụng độ giữa các toán dân vệ với quân du kích. Ba tôi phải bỏ quê, về sống ở thành phố, giao ngôi nhà từ đường của ông bà nội cho cô Út tôi chăm nom thờ phượng.

Tôi về phép thăm ba tôi đúng vào ngày giỗ ông nội, nên hai cha con cùng về thăm quê. Tôi gặp chị Ngà khi vừa bước chân vào nhà ông nội. Chị đến đây từ sáng sớm, phụ cô tôi dọn dẹp nhà cửa, bàn thờ, chùi bóng mấy bộ lư đồng và mấy tấm liễn. Thấy ba tôi, chị vòng tay cúi đầu thưa Thầy như cái hồi còn bé. Chị nắm tay tôi, miệng nở nụ cười. Nhưng nhìn trong đôi mắt chị, tôi thấy phảng phất buồn.

Không biết ba tôi thay đổi quan niệm từ lúc nào, sau đám giỗ, ông bảo tôi tìm chị Ngà, dặn chị ở lại cho ông nói chuyện. Ông khuyên chị Ngà nên bước thêm bước nữa, hy vọng còn sinh đẻ được để có mụn con, hầu tránh cảnh tuổi già đơn chiếc, chẳng có ai lo lắng cho mình. Hôm ấy tôi cũng phụ họa nhiều điều và hứa sẽ làm mai cho chị. Lần này chị không một mực khước từ, nhưng xin để tang mẹ chồng cho đủ ba năm. Tôi giận chị nhưng cũng cảm phục tấm lòng thủy chung của chị.

Tháng Tư Bảy Mười Lăm, khi chị Ngà chưa mãn tang mẹ chồng, thì cả miền Nam để tang cho đất nước. Cái “đại thắng mùa Xuân” của những người Cộng sản đã gây biết bao nhiêu thê lương tang tóc. Ba tôi bị bắt trong lúc tôi còn theo đơn vị từ cao nguyên “di tản chiến thuật” vào các địa danh xa lạ ở tận Long An tham dự những trận đánh cuối cùng cô đơn và buồn tẻ.

Miền Nam mất. Trong lúc những người Cộng Sản ngơ ngác hò reo chiến thắng, tôi lặng lẽ quá giang đủ các loại xe trở về quê. Tìm tới trại tù Đá Bàn, một mật khu lúc trước nằm sâu trong núi, nơi ba tôi bị giam giữ, nhưng cuối cùng tôi vẫn không được phép gặp ba tôi. Tôi về nhà ông nội thăm bà cô út và thấp hương từ biệt trước bàn thờ gia tộc.

Trâm Hương 177

Cô tôi đau lòng cho biết, người ký lệnh bắt ba tôi là một anh học trò của chính ông ngày trước. Anh bỏ nhà lên núi rồi tập kết ra Bắc. Bây giờ đang giữ một chức vụ khá lớn trong Ủy Ban Quân Quản. Cô tôi chưa kể hết câu chuyện thì chị Ngà đến. Chị nắm chặt hai bàn tay tôi, không nói điều gì. Tôi thấy chị đang khóc. Tôi nghĩ là chị thương và lo lắng cho cha con tôi trong cái cảnh sa cơ này. Tôi lấy lại bình tĩnh, chưa kịp nói lời trấn an, thì chị nhìn tôi ghen ngào:

– Em, em.. xin Thầy và em tha thứ cho chị. Chị không ngờ..., chị thật sự không ngờ. Và chính tôi cũng không ngờ. Anh học trò ký lệnh bắt cha tôi chính là anh Phúc, chồng của chị. Tôi rút nhanh tay ra khỏi bàn tay của chị.

Dường như đây là lần đầu tiên trong đời, nhìn những giọt nước mắt – mà lại nước mắt của một người rất gần gũi thân quen – lòng tôi dừng đọng không hề xúc động. Tôi có cảm giác đắng cay của một người bị lừa gạt và phản bội. Tôi giận cho tình đời và thâm ân hận là cha tôi đã từng “nuôi ong tay áo”.

Tôi từ biệt làng quê và bà cô cả một đời nuôi nấng chăm lo cho tôi từ thời tấm bé, bước vào trại “cải tạo” với ngón ngang trăm mối trong lòng. Tự dưng tôi mất mát gần như tất cả mọi thứ trên đời, kể cả những tình cảm mà tôi cứ ngỡ là nó sẽ không bao giờ mai một.

Hơn tám năm trong nhiều trại tù từ Nam ra Bắc, bị hành hạ đói khổ khốn cùng. Tôi sống còn có lẽ là nhờ những giấc mơ về quá khứ. Trong đó tôi bắt gặp lại hầu hết bóng dáng những người thân yêu của cái thời hạnh phúc. Và khuôn mặt xinh đẹp hiền hậu dễ thương của chị Ngà vẫn thường hiện lên rõ nét, mặc dù khi đầu óc tỉnh táo, tôi đã cố gắng xua đuổi hình ảnh ấy ra khỏi ký ức mệt mỏi của mình. Tôi thương chị mà hận chị. Tôi nghĩ là chị đã đồng lõa với nhà chồng để lừa gạt chúng tôi hơn mười mấy năm qua.

Ra khỏi tù, tôi không được phép về sống chung với vợ con ở thành phố Ninh Hòa, quê vợ. Lý do hết sức đơn giản là: chính quyền ở đó không nhận tôi tạm trú. Công an tỉnh bắt buộc tôi phải về “trình diện chính quyền” nơi sinh quán. Tôi

178 Trâm Hương

lại một mình khăn gói về quê cũ, mà ở đó chỉ còn một bà cô già góa bụa sống âm thầm trong ngôi nhà từ đường có mái ngói âm dương của ông bà nội tôi để lại.

Nghe tin tôi về, bà con hàng xóm đến thăm. Mới hơn tám năm mà trông ai cũng già nua, khắc khổ. Trong số đó tôi để ý một người đàn bà, đứng ngoài cửa nhìn tôi, đôi mắt thất thần, đầu tóc rối bù, áo quần rách rưới bẩn thỉu. Tôi ngỡ ngỡ nhớ tới một người. Nhưng khi vừa đứng lên định bước tới hỏi thăm, thì bà ta vụt chạy về phía sau vườn. Tôi ngăn người khi cô tôi bảo người đàn bà ấy chính là chị Ngà, vợ anh Phúc ngày xưa.

Buổi tối, sau khi dắt tôi lên căn nhà thờ thắp hương lạy ông bà, cô tôi đóng kín cửa, khêu ngọn đèn dầu, ngồi kể cho tôi bao nhiêu nỗi niềm tâm sự.

Cha anh Phúc – theo lời tiết lộ sau này từ những đồng chí thân tín của anh Phúc – thực ra không hề theo một ả hát rong nào cả, mà bỏ làng vào bung từ khi anh Phúc mới lên mười. Ông đã chết từ lâu, nhưng hàng năm vợ con vẫn nhận được thư ông do một vài người lạ mặt mang tới. Trong mấy lá thư, hầu hết là “động viên” tinh thần anh Phúc nối gót cha đi làm “kách mệnh”. Trước khi lên núi, anh Phúc làm quen, rồi tỏ ra yêu chị Ngà, nhưng thực ra đó là kế hoạch đã được các “đồng chí thủ trưởng” giao cho anh Phúc phải thi hành, để giải quyết việc nuôi nấng mẹ của Phúc, mà bọn họ biết là bà đã trở thành góa bụa từ lâu rồi.

Những ngày làm vườn bên kia bờ sông, anh Phúc đã hoạt động cho phía bên kia. Dưới căn hầm trong khu vườn là sào huyết từng che giấu cho nhiều cán bộ. Sau một trận tấn công chiếm trụ sở xã bất thành, sợ hành tung bại lộ, anh Phúc đã lên núi rồi tập kết luôn ra Bắc, sau khi dựng lên vở kịch chết trôi trong trận lụt năm nào.

Tất cả mọi việc không phải chỉ để qua mắt mọi người, mà còn đánh lừa cả chị Ngà. Chị nhẹ dạ cả tin, nên ban đầu cứ tưởng chồng mình còn sống bị trôi giạt ở đâu đó, nên vẫn chờ đợi trong hy vọng. Sau một thời gian dài bất vô âm tín,

chị mới nghĩ là anh đã chết. Tội nghiệp, chị không hề biết là mình đã bị lừa dối để uống phí cả một đời xuân sắc.

– Thế bây giờ ông Phúc ở đâu và vì sao chị Ngà lại ra nông nổi? Tôi hỏi.

– Sau ngày “giải phóng” chưa đầy một tháng, thằng Phúc đưa vợ con từ ngoài Bắc vô đây, giành lấy ngôi nhà do công sức của con Ngà gây dựng, trong đó phần lớn là tài sản của chính cha mẹ nó. Con Ngà phải ra phía góc vườn che một cái chòi tranh để trú nắng trú mưa.

– Còn cái máy xay xát ở đâu mà trông chị nghèo khổ đến như vậy? Tôi thắc mắc

– Họ mang vào hợp tác xã. Thời gian đầu họ cho con Ngà làm công nhân xay lúa, nhưng lại trả lương bằng bo bo. Chỉ sau vài tháng tất cả các máy xay xát tập trung về huyện, nó bị mất việc.

– Bây giờ gia đình ông Phúc vẫn còn bên ấy? Con không muốn có ngày gặp mặt ông ta.

– Thực ra nó giành nhà, nhưng chỉ ở một vài tháng rồi cho gia đình một “đồng chí” nào của nó cũng từ ngoài Bắc vào tá túc, trong khi chờ chia chác những ngôi nhà lớn mới tịch thu. Sau đó thằng Phúc bán cả nhà lẫn vườn tược lại cho người khác, vào thành phố nhận một chức hàm lớn hơn. Con Ngà nó phát điên từ dạo ấy. Ngày nghe tin ba con chết trong trại tù cải tạo, nó như một kẻ không hồn.. Ban đêm, người ta nghe tiếng nó gọi Thầy ơi, Thầy ơi rồi khóc nức nở.

Tôi theo cô Út, đi dọc theo phía sau mấy khu vườn, tìm đến chị Ngà. Trong căn chòi lụp xụp tối tăm, chị Ngà đang ngồi thẩn thờ trên cái giường tre như một pho tượng cũ. Trên đầu giường có ba tấm ảnh của cha mẹ chị và anh Ngọc, em chị, nhem nhuốc, úa màu. Không ngờ cái ngày đổi đời, người chồng biệt tăm bao nhiêu năm bây giờ bỗng dung về, trở thành ông lớn thì cuộc đời của chị lại tàn tạ bi thảm như hôm nay. Tôi ngồi xuống bên cạnh chị, ôm đôi vai gầy còm của chị mà trong lòng tựa hồ như bao nhiêu vết chém.

– Chị Ngà ơi, chị vẫn mãi mãi là chị của em mà. Em thương chị và sẽ lo lắng cho chị.

180 Trâm Hương

Chị Ngà ngồi bất động. Rồi bất ngờ òa lên khóc. Cô cháu tôi càng dỗ dành an ủi, chị lại càng khóc to hơn, tôi nghe tiếng ầm ục nghẹn trong cổ họng chị.

Tôi năn nỉ, khóc lóc với chị bao nhiêu lần mới đón được chị về ở chung trong nhà ông nội. Tôi mang mấy tấm ảnh của cha mẹ chị và anh Ngọc về để một góc trên bàn thờ gia tộc. Từ ngày ấy chị khá hơn xưa. Những lúc ngồi tâm tình với cô cháu tôi, chị vui vẻ bình thường như thuở còn con gái, nhưng cũng có nhiều đêm khuya chị ngồi trước bàn thờ lẩm bẩm một mình và khóc sục sùi. Từ ngày có chị, tôi cũng thấy mình đỡ bớt cô đơn, và có lúc còn thấy mình hạnh phúc trở lại với cái thời thơ ấu. Vậy rồi chị lìa bỏ thế gian này cũng thật bất ngờ. Buổi sáng thức dậy sớm, tắm rửa xong chị thay quần áo mới, kẹp lại mái tóc, trông chị trẻ ra. Cả ngày hôm ấy chị cười đùa hồn nhiên vui vẻ, ngồi ôn lại bao nhiêu kỷ niệm của những ngày tôi còn bé, và chị còn là cô học trò cưng của ba tôi. Khi vui, trí óc chị trở nên minh mẫn lạ thường. Chị còn nhớ bao nhiêu điều mà chính tôi đã quên từ lâu lắm. Trước khi đi ngủ, chị còn ôm đầu tôi vào lòng, nhại một câu hát đã lâu “may mà có em đời còn dễ thương...”. Và sau đêm hôm ấy, chị không bao giờ thức dậy nữa.

Trước ngày vượt biển, phải cắt ruột bỏ quê mà đi, tôi đến nghĩa trang gia tộc thắp hương cho ông bà và mẹ tôi, rồi đến thăm mộ chị cuối cùng. Trong lúc cầm ba nén hương đứng trước mộ chị, tôi nghĩ đến thuyết luân hồi của nhà Phật, và hình dung bây giờ chị Ngà đang sống ở một thế giới khác, xinh đẹp và rất hạnh phúc với một người chồng xứng đáng, bởi chị là một người đàn bà thánh thiện, sắt son.

Một con bướm trắng không biết từ đâu bay lại đậu trên tấm bia bằng gỗ, mà chính tay tôi đã dựng lên cho chị, nhip nhíp đôi cánh rồi vụt bay theo cơn gió lốc, biến mất trong bầu trời xanh.

Phạm Tín An Ninh



PHẠM THI CÚC VÀNG

Có người đàn bà tôi

*Có người đàn bà chuyên sẵn lòng nỗi nhớ
đếm mưa đau
hồn xiêu theo gió bão
phách lạc theo mùa ngâu
về đâu trở trăn đêm sâu?*

*Có người đàn bà luôn đào xới lòng mình kiếm tìm xưa
xóc bới kỷ ức
nấu sôi ánh trăng thừa
mềm đau bạc béo lọc lừa*

*Có người đàn bà cứ lật tung, bật tung khay cảm xúc
mon man xúc cảm tro li
tận cội nguồn
là nỗi thâm đau trở muộn vàng*

*Có người đàn bà, người đàn bà... là điệp khúc dằng dai
người đàn bà đầy can đảm
không chịu chôn chặt, lèn sâu
những vật lòng tưởng đã phai màu.*

182 Trâm Hương



THẠCH THẢO

Biểu trưng thương nhớ người ta

*Biểu trưng thương nhớ người ta
Mà con tim cứ mù lòa dối quanh*

*Dong đưa búp phượng đầu cành
Lao xao nắng Hạ. Vàng xanh mây trời
Sáo diều vi vút chơi vơi
Gọi miền nhớ. Dấu yêu ơi phương nào?*

*Mưa chiều tí tách giọt nôn nao
Hoàng hôn bóng phủ. Chênh chao mắt buồn
Tiếng đêm mê thiếp gọi hồn.
Nghe mùa chết đuối. Bồn chồn gần xa.*

*Biểu trưng thương nhớ người ta
Sao chiêm bao cứ la đà ...bóng ai.
Xa nào lãng lác có hay
Gọi tên ...yêu dấu. Quất quay... nhớ...và...*

*Biểu trưng thương nhớ người ta!!!
Biểu trưng thương nhớ người ta...thế rồi...!
Chiều chiều hết đứng lại ngời
Giận mình. Đáo để. Chưa thôi...dại khờ!*



@PHƯỢNG VĨ

Phượng chờ

*Hè về phượng trở môi cong
hẹn anh hay nắng đỏ hồng trên cây
ngắm em áo trắng màu mây
long lanh ánh mắt chứa đầy thiên thanh*

*Triệu đuôi công xòe trên cành
trùng trùng mắt lá ngóng quanh đợi chờ
bãi trường phượng thắm hồn thơ
làm sao hẹn gặp giấc mơ yêu người*

*Trời mưa tháng sáu buồn rơi
nhạc ve tấu khúc, tơ bời ruột gan
nghe mưa lệ chảy hai hàng
gió rơi hoa phượng, gió ngà bay xa*

*Ngưu Lang tháng bảy chưa qua
“qua kều nam đảo”, nắng tà huy phai
xa người ngọn gió chẽ hai
nửa ru hàng phượng, nửa dài tương tư*

*Phượng chờ tháng tám ngát ngư
nỗi thương, nỗi nhớ ngõ từ trăm năm
phượng chờ trường lớp biệt tăm
có nghe áo trắng thì thầm gọi ai?*

*Sân trường xác phượng còn đây
nhạc thơ ru mộng, mắt cay trông vời*



NGUYỄN HỮU NGHĨA

Nghĩ vụn bên cốc cà phê sáng

HIỆN TƯỢNG VIỆT KHANG

Việt Khang sang được bến bờ tự do, là một tin vui; nhưng giống như các vị bất đồng chính kiến khác, đặt chân xuống đất Mỹ, họ được đón tiếp bằng hai cách, một là lên giàn thờ và hai là lên giàn hỏa!

Gọi là “lên giàn thờ”, bởi vì họ được quần cò đầy người, vô vấp, phong thánh, coi ngang hàng các anh hùng dân tộc.

Gọi là “lên giàn hỏa” vì họ cũng được phát ngay cho cái ...nón cối, ít nhất là chề tác phẩm dở ẹc, chỉ rên rỉ; nặng hơn thì bảo là trá hàng, nằm vùng, gián điệp văn hóa!

Cả hai thái độ, theo tôi, đều là thái quá hoặc bất cập.

Việt Khang mới từ nhà tù nhỏ ra nhà tù lớn, rồi từ nhà tù lớn chân ướt chân ráo sang đây, hãy để cho anh kịp lấy lại hơi thở trước đã. Việc đưa anh đi một vòng thăm người quen, họ hàng (nếu có), bạn bè cũ mới, thăm mộ và xa lộ Việt Dzũng, xem tượng đức Trần Hưng Đạo, phố Bolsa, v.v. Rồi anh nói chuyện trên các đài phát thanh, truyền hình, ra mắt cộng đồng, báo chí, v.v. Đó là những sinh hoạt bình thường khi có một minh tinh mới đến (tôi tránh dùng “ngôi sao sáng”, tránh tạo cơ cho người ta xuyên tạc).

Tiếp theo, cần tìm hiểu xem người mới đến ấy có “kết” ai ở quê nhà không (ông bà, cha mẹ, anh em, vợ con,.. chẳng hạn). Cộng sản không bao giờ thả một người ra nước ngoài mà không “nắm đằng cán” một cái gì đó! Đừng trông đợi một người mới ra tù bước lên diễn đàn gào thét là phải giết cho tới thẳng cộng sản cuối cùng! Chẳng giết được ai, ngược lại còn bôi đen ý thức tự do dân bản, và phải dè chừng nhân vật ấy!

Nếu như người mới tới còn vướng vấp thân nhân, hãy để cho người ta từ từ tháo gỡ từng mối. Muốn người ta viết nhạc hùng, nhạc khích động phân kích, nổi dậy, thì cứ để thông thả, thấy có nhu cầu, hay có cảm hứng, người ta sẽ viết, ngại ký tên thật thì dùng bút hiệu khác, có gì là khó.

Đưa người ta lên “giàn thờ” ngay lập tức, chính là nường thân nhân của người ta trên “giàn hỏa”! Mà thấy người ta phân vân trước giàn thờ mà đẩy tuốt người ta lên giàn hỏa, lại càng bậy hơn!

Trầm Hương 185



MẠC HUY

Niềm đau thân phận

Mẹ sinh trong “cái bọc điều”
Trôi theo vận Nước gặp nhiều truân chuyên
Ấu thơ vương chuỗi lụy phiền
Trốn phi cơ giặc-chúi miền đạn bom
Lớn khôn giữa đoạn sử buồn
Sống trong đất địch*- nuốt hờn ngoại xâm**
Đói thân vỡ mảy “mảnh bằng”!!!
Khoác đời binh nghiệp- nặng hoàng đôi vai
Thương quê hương- bỏ hình hài
Ngọn rau- tác đất- công dây Tổ Tiên
Ba lô hằn vết đạn xuyên
Giày saut- dẫm nát chông mìn địch quân
Hỏa châu thấp sáng chiến trường
Bao năm đuối giặc cuối đường biên khu...
Ngờ đâu một sớm sương mù
Tay ghim súng trận- đạn thù chưa ngơi
Bỗng dựng hồn vội qua đời!!!
Xác thân hóa đá- rã rời bại binh!!!
Đau phận mỏng- xót sanh linh
“Nước Non”- đâu chỉ nặng tình riêng ai...
Tủi thân- mang kiếp làm trai
Ngõ Đông chưa tỉnh- Nẻo Đoài chưa yên?
Quê hương- giăng kín xích xiềng...
Ôm bầu lửa hận- chọn miền đất xa!!!

Mặc Huy (30/04/2018)

*Vùng U Minh Thượng thuộc tỉnh Chương Thiện, thời 45

Việt Minh, tiền thân Việt cộng kiểm soát

**Pháp đô hộ Nam VN (1862-1954)

186 Trầm Hương



Sau ngày "tiếp thu"
anh đi vào trại
"học tập cải tạo" –
"đổi mới" cuộc đời
vợ con thăm nuôi
nói chẳng nên lời
tương lai mờ mịt
một màu tăm tối

Ngày qua ngày thân mỗi mòn trông đợi
con lớn dần theo cây cỏ đồng quê
đôi tay yếu đã quen việc nặng nề
đôi má thắm đã phai dần hương sắc

Chiến tranh hết sao gia đình chia cắt ?
lòng tủi buồn không biết tỏ cùng ai
người vợ trẻ đơn côi tháng năm dài
chờ chẳng thấy ngày chồng về trở lại

Rồi có một ngày tin anh vượt trại
đi tìm tự do bỏ cảnh tù đầy
vượt sóng trùng dương xây đắp tương lai
phương trời mới thỏa mong niềm ước vọng

Ba mươi năm trôi qua như giấc mộng
thời niên thiếu xin bỏ lại quê hương
thành phố đổi tên và những con đường
cũng thay đổi như lòng người đã khác

Xin tri ân về những người đã thác
thân hy sinh cho dân chủ hòa bình
bao người hạnh phúc trong cuộc hành trình
đầy chông gai và có nhiều ngăn lệ



Mẹ ơi! Với con Mẹ là điểm tựa
Là yêu thương, là bảo bọc chở che
Mọi vất vả hy sinh chẳng e dè
Miễn sao con cháu nên người hữu dụng

Tấm gương Mẹ hiền từ nhưng uy dững
Dang cánh Cò lặn lội chỉ vì con
Mất Mẹ rồi con lạc giữa mênh mông
Tim đau xót và đất trời hiu hắt

Nhớ tiếng Mẹ như điệu hò khoan nhịp
Chăm sóc ân cần, nhỏ nhẹ lời khuyên
Dáng Mẹ yêu, ánh mắt, nụ cười hiền
Trái tim Mẹ bao la miền tịnh khiết

Mẹ đi, con ở, một đời thương tiếc
Mất Mẹ rồi con biết cậy ai?
Hoàng Tuyền, trần thế chia hai
Ngàn Thu vĩnh biệt, lạy này kính dâng!!!

pkc/Houston / Mùa Lễ Mẹ

188 Trâm Hương



TRÂM HƯƠNG *hân hạnh giới thiệu*
Khoa học gia DUONG NGUYỆT ÁNH

viết về một khía cạnh đời thường.

*@KHG DNA là một người tài giỏi về nhiều lãnh-vực.
Bài viết này của bà không biết là một “tiếng than não-nùng”
hay chỉ là bài viết mua vui... song hình như không thiếu
ngậm ngùi.*

*Bà là KHG nên viết đâu ra đó, không vu-cáo bôi-bác vô căn-cứ. May quá. Bà không viết rằng phu-quân của bà và các ông bạn của ông là “QGNT” nên đọc xong thấy nhẹ cả người.
Không có ông “QGNT” nào có thể bị chê là : “không đứng đắn”, trừ một thằng chả thôi. (Trích internet)*

CHỒNG TÔI

Dương Nguyệt Ánh

Thực sự càng vào tuổi già chàng càng “ngớ ngẩn” và hay quên... Ngày xưa khi chàng còn trai trẻ thì có lẽ có “hạnh kiểm” hơn trong những ngày tháng muộn màng .
Thuở ấy (dưới mắt chàng) tôi có một dáng dấp không đến nổi tệ. Bây giờ chàng đã quên mất cô vợ ngày ấy; thay

Trâm Hương 189

vào đó là những cái nhìn ngẩn, nhìn ngơ cho những cô gái chân dài bất tận, không liên hệ chỉ với chàng, mà còn khen rói rít, “con nhỏ đó có cặp giò ngon dễ sợ!” hoặc “Cô ta có bộ ngực núi lửa”.

Đi ngoài đường thấy gái đẹp thì chàng quên bẵng là đang đi với vợ mà tưởng rằng tôi là thằng bạn nói khó của chàng,

“Trời! Trời! Ngó cái mông thiệt đã!”

Có khi tôi đã thấy chàng nhìn chăm chăm mấy cô gái phô bày cặp ngực, kêu gọi, căng đầy nhựa sống; rồi chàng nhìn theo trong kính chiếu hậu tiếc ngẩn tiếc ngơ; tôi cũng đoán được chàng đang suy nghĩ gì!

Có phải ông cha ta đã nói: “Già thì phải nên nết”.. Hình như đây chỉ là một giả thuyết?

“Cụ” nhà tôi bây giờ còn “tinh nghịch” hơn xưa.

Cụ đã cùng với những cụ khác dấu điểm gởi cho nhau những tấm hình táo bạo, những khúc phim “đặc sắc” để chiêm ngưỡng, rồi cười đùa khoái trá như những cậu học sinh trung học ngỗ ngáo. Nếu bị phát giác thì cụ lại chối leo lẻo “No, I’m a good guy!”

Mỗi lần có hình khỏa thân hấp dẫn hay phim “nghèo” là trong làng bằng hữu của chồng tôi thật nhộn nhịp, rộn ràng:-
Mày cho tao xin phim này đi. Mày upload lên megaupload thì rất thuận tiện vì tao có premium account với thằng này. Ngay cả những anh thường hơi thẹn thùng trong chuyện đóng góp và tán dóc cũng trời lên, “Thằngtrời lên chỉ khi nào nó ngửi thấy mùi : dâm ,vú....

Tôi còn nhớ khi cụ nhà tôi gởi tựa đề của cuốn sách 365 sex positions lên mail group của cụ thì gần như suốt một tuần các cụ đã tranh cãi và thảo luận sôi nổi về đề tài này còn hơn những bài luận văn chính trị cuối mùa văn hóa hồi các cụ còn mài đũng quần ở Đà Lạt! Chưa đủ, có cụ còn chôm nguyên cuốn sách trình làng với đầy đủ hình ảnh chi tiết.

Có cụ còn muốn vớt vát cho cái lém lỉnh của mình bằng sự trấn an của khoa học:

- Nói có sách, mách có chứng. Mỗi ngày chỉ cần 10 phút coi hình thiếu vải thì hạ huyết áp, tránh được bệnh tim. Bí quyết sống lâu đây rồi, mỗi ngày chỉ 10 phút thôi, không phải tin đồn bậy bạ mà có nghiên cứu đàng hoàng. Đã có gan coi hình tươi mát mà còn sợ “thượng mã phong!”

Đàn ông, theo y học chứng minh-đầu óc của họ lúc nào cũng đầy dẫy chuyện gió trăng và hơi hám đàn bà lúc nào cũng vương vấn trong những cuộc đối thoại.

Không sai tí nào! Khi chồng tôi dự định mua máy hình, anh hỏi loại máy hình gì tốt, đẹp và bền, thì ngay lập tức các đồng môn của anh xúm lại khuyên bảo:

-Nhu cầu của mỗi người khác nhau, vấn đề là mình phải biết nhu cầu của mình là gì thì mới chọn lựa được sản phẩm thích hợp.

Có người thích em trắng, kẻ thích em đen, người chuộng da rám nắng, kẻ thích vú bự, người mê ăn quýt. Tùy theo khẩu vị mà chọn hàng. Nhưng nói gì thì nói họ vẫn thuộc lòng câu ca dao tục ngữ gối đầu giường “Ta về ta tắm ao ta...” Rồi lại phụ đề thêm Việt Ngữ: Cái này là nói mấy em chân dài, nói phở thôi. Cơm nhà dù sao vẫn chắc bụng, no lâu. Phở dĩ nhiên, nấu vừa mất thời gian lại còn tốn kém nhưng anh nào cũng khoái “ăn vụng”. Điều này không phải không đáng sợ. Trên bảo dưới không nghe.” Đây là điều đáng quan tâm nhất của các đảng mây râu khi họ đến tuổi về già. Tôi thấy đức lang quân của tôi thường nhận được những lời chia xẻ của bạn bè để làm thế nào mà “trẻ mãi không già”

Chưa đủ, họ còn truyền cho nhau những loại rượu, có khi luôn cả những thang thuốc truyền kỳ để cùng tìm hiểu bí quyết về huyền sử ái ân. Khi có dịp gặp nhau thì lại thì thầm, mách nước xem thử kết quả có ly kỳ như họ nghĩ hay không. Lạ lùng thay tôi chưa nghe anh nào thật sự thất vọng là những chung rượu thần kỳ và các liều thuốc nổi danh lịch sử đã làm cho họ cải lão hoàn đồng! Đức lang quân của tôi cũng đã đại khờ, liều mạng tu gần nửa chai rượu của một người bạn quý cho anh để đi tìm kết quả. Nhưng chàng đã quên

mất rằng hai anh em, thằng lớn, thằng nhỏ, cùng một tuổi thì thuốc tiên, phép lạ cũng phải bó tay.

Chồng tôi có một đặc điểm là biết “vâng lời” vợ. Một phần là nhờ anh ở phương tây khá lâu nên không ít thì nhiều anh cũng có tiêm nhiễm về nếp sống văn minh nơi xứ người. Kỷ niệm ngày cưới, sinh nhật hoặc ngày của tình yêu mà quên là anh “lãnh nợ”. Để tránh khỏi mua quà tầm bậy anh thường cẩn thận hỏi trước (thà mất lòng trước được lòng sau!) , “ Em thích quà gì cho sinh nhật của em?”. Tiền đâu anh mua hột xoàn, kim cương; tiền đâu anh mua xe hơi, nhà lầu hay những món quà đắt giá! Nhưng đại gì mà nói, anh phải tự suy nghĩ để đem lại sự ngạc nhiên vui thích cho mình- “Không cần đâu anh! Em đâu thiếu gì!” Ông chồng tôi thở phào nhẹ nhõm, cứ thế mà làm theo, chẳng quà cáp gì ráo.

Tưởng vâng lời như thế thì được điểm tốt, nhưng chiến tranh lạnh đã xảy ra. Anh lại ngây thơ thăm hỏi, “ Sao em lạnh lùng như băng giá?”

Khi chiến tranh bùng nổ thì anh trả lời “ Em nói em không cần gì hết mà tại sao bây giờ không vui! Em nói sao thì anh nghe vậy có gì mà hờn giận, trách móc.....?.

Nếu cho rằng anh là một ông chồng “lý tưởng”- nghĩa là: đẹp trai,vạm vỡ, hào hoa, phong nhã, đa tình, lãng mạng thì có lẽ anh sẽ được chấm hạng dưới trung bình; cũng có thể gọi là hạng chót! Nhưng anh là một người thật thà. Ngày xưa anh yêu tôi vì tôi có mái tóc thật dài,xõa ngang lưng, thơm mùi quýt rữ. Ngày hôm nay tôi càng cố gìn giữ bao nhiêu, thì hàng chục sợi tóc đáng thương cứ cuốn theo chiều gió mà bay mãi. Chải tóc cho tóc mượt thì chỉ thấy nền nhà phủ đầy những sợi tóc khô khan của tuổi đời. Anh bây giờ không còn vuốt tóc tôi như ngày xưa mà còn bảo: “ tóc em sao rụng quá cỡ vậy? Vài năm nữa không đội tóc giả thì cũng thành ni cô! Nghe mà nóng gà, muốn nổi tam bành lục tặc.

Một điểm đặc biệt và “đáng yêu” của chồng tôi là anh rất thẳng thắn phải nói rằng- “toạc móng heo”. Tôi có một cái tính là thích ăn mặc hơi hở hang, có lẽ cũng muốn níu

192 Trâm Hương

kéo một tí gì trước khi xã hội xếp mình vào dĩ vãng. Nhưng khi mặc áo đầm, váy ngắn hoặc áo cổ rộng tròn phoir bày thì sẽ được anh thẳng thắn khuyên nhủ:- “ Em mặc như vậy có ngày trúng gió bất tử.” Anh làm tôi cực hứng-tưởng rằng ăn mặc mát mẻ sẽ làm anh gợi cảm và nhìn tôi như những đàn bà trẻ đẹp khác.

Thiệt chán còn hơn ăn cơm nếp nát.

Về nghệ thuật, chồng tôi có một cái nhìn rất khác người. Khi đi mua sắm, tôi thường “mời” anh đi theo, trước thì để xách đồ, sau là làm “cố vấn thời trang”. Có lẽ là vì được nhờ nên anh đóng góp ý kiến rất nhiệt tình. Áo quần hơi có bông ba màu sắc thì anh bảo “sao không mua thêm vài cái lư hương lập miếu lên đồng cho đủ bộ”. Khi mua nịt da bản bự cho hợp thời trang thì anh đến bên tôi nói nhỏ “anh thấy tiệm kia bán nịt còn cho thêm cái khiên, cây kiếm và đôi sandal. Em mua để đóng phim Gladiators coi được lắm”. Còn mua quần nhiều túi thì anh chêm vào: “ Được đó! Mua cái quần này thì đi chợ khỏi cần trolley”....

Tức muốn chết người !!

Đủ thói hư tật xấu, mất nét thiếu hạnh kiểm nhưng tôi biết rằng anh chỉ vui rôm rả với bạn bè. Có lẽ nhờ vậy mà lúc nào tôi thấy anh và các bạn vẫn luôn luôn trẻ mãi. Dù sáu hay bảy bó, không là chuyện lớn.

Ngày nào anh và các bạn còn nhìn được hình tươi mát; ngày nào mắt còn rõ để phân biệt được bầu, mướp, cam, bưởi thì không thể gọi là già; ngày nào còn xách đồ được cho vợ, còn hơi để làm “cố vấn thời trang” là ngày đó còn hạnh phúc. Ra đường nhìn gái còn khen là đầu óc còn sáng suốt (khi nào nhìn đàn ông thành đàn bà thì tôi mới run).

Sự sống trên trái đất này sẽ không tồn tại nếu không có những người như chồng tôi và bạn bè của anh ấy./.

Dương Nguyệt Ánh



ĐỖ BÌNH

Em sẽ chờ anh

(Kính tặng những người vợ lính)

Từ độ xa anh đời choáng váng
Xóm đông người lạ bỗng hoang mang!
Nửa đêm tiếng dế buồn hiu hắt
Nghe những tàn phai nổi bẽ bàng!
Chó sủa đói ăn đời bọt sóng
Đám giàu lơ lảo kiếp long đong!
Phố nghèo toi tả người thêm rách
Cơm áo giành nhau thấy náo lòng.
Năm tháng quắt quay con mắt đỏ
Bơ phờ chén gạo gánh âu lo!
Chiều nghiêng nắng ngả hàng me tím
Gợi nhớ đường xưa thuở hẹn hò.
Bé nhỏ dạy văn chồng lính chiến
Đá vàng ước nguyện mãi thiên tiên
Bên nhau hạnh phúc đầy hoa mộng
Thế sự đổi thay nggười đảo điên!
Những năm nghèo khó đàn không bán
Sợ phỉm cung buồn anh sẽ than.
Lặng lẽ xuân trôi sâu gôi chiếc
Anh về em sắc nhạt hương tàn!



*Rải rác năm châu khắp địa cầu
Con Hồng cháu Lạc biết về đâu
Đôi vòng tay lạnh tìm hơi ấm
Ôm ấp tim côی bớt tủi sầu.*

*Đất rộng trời cao biết hướng nào
Đàn con xứ lạ nhớ làm sao
Giờ đây muôn ngả lòng mong ước
Nối lại hương yêu thắm ngọt ngào.*

*Từ buổi xa quê lạc xứ người
Phận bèo trôi dạt khắp nơi nơi
Đêm đêm tay gọi bàn tay để
Sưởi ấm cho nhau giữa chợ đời.*

*Tôi gửi hồn theo cánh gió bay
Làm thân du mục đếm bao ngày
Có thẳm nhớ đến tình quê cũ
Vội bóng tre xanh rợp nắng đây.*

*Từng đưa con yêu lạc ngút ngàn
Đêm về nghe vọng những lời than
Mong ngày ấm lại tình Giao Chỉ
Tay nối vòng tay én hợp đàn.*



NHẬT QUANG

Ru tình

*Mi ngoan hãy khép giấc say
Cho em gối tạm ngực gầy của anh
Đêm vàng áo nguyệt long lanh
Ru ngáy ngất phút mộng lành bên nhau*

*Để anh gỡ mối tơ nhàu
Đong đưa...em giấc mơ đầu yêu đương
Đềm trầm nhẹ nín vẩn vương
Ngực thơm còn thoảng mềm hương căng đầy*

*Trái tình ngào ngọt hây hây
Chạm tay nâng nhẹ...ngất say môi nồng
Ngủ đi em giấc mơ hồng
Chắt chiu khoảnh khắc bẽn bẽn hương yêu*

nq/saigon

196 Trâm Hương



*Anh có nhớ Bằng Lăng
Sắc màu hoa tím nhẹ
Từ em tuổi ô môi
Từ anh thời trốn học*

*Vẫn mơ hương hoa thoảng
Trong trí nhớ học trò
Màu Bằng Lăng tím ngọt
Theo em như hẹn hò*

*Năm mươi năm hồ dễ
Cách xa ngàn nhánh sông
Đã đổi đời dâu bể
Vẫn nhớ anh phiêu bồng*

*Cám ơn Bằng Lăng tím
Nở vườn em muôn chiều
Cám ơn anh còn nhớ
Đến tình em chẳng chiu*

*Anh ơi! Em vẫn đợi
Mặc dòng đời rong rêu...*

Trâm Hương 197



“Đợi tôi nói xong đã nào!”. Đây là một lời nhắc nhở, cũng là sự châm chọc về việc tôi và bạn quá nóng vội và muốn sớm gặt hái được thành quả. Khi Thượng đế tạo ra con người, vì sao chỉ có một cái miệng mà có tới tận hai cái tai? Là để chúng ta nói ít lại và lắng nghe nhiều hơn. Chúng ta cũng chẳng vội đến mức nước lên đến cổ hay đang xảy ra hỏa hoạn, mà sao ngay cả đợi người khác nói hết những gì họ muốn cũng chẳng được?

Câu chuyện người mẹ trẻ và quả táo

Người mẹ trẻ muốn kiểm tra thành quả về cách giáo dục con cái của mình. Cô vui vẻ đưa cho cậu con trai nhỏ hai quả táo. Tiếp đó, cô chờ đợi cậu con trai nhỏ sẽ tặng lại cho mẹ một quả. Nhưng cậu bé nhận lấy hai quả táo từ tay mẹ xong cũng chẳng thèm nhìn mẹ lấy một cái, mà cắn ngay mỗi quả một miếng.

Người mẹ trẻ vô cùng thương tâm, suýt nổi giận và định dạy cho cậu con một bài học về sự tham lam, ích kỷ. Ai ngờ được rằng đúng vào lúc này cậu con trai bé nhỏ cất tiếng ngọng lịu ngọng lêu: “Mẹ ơi, mẹ ăn quả này này. Con ăn thử rồi, không chua đâu!”.

Nước mắt của mẹ đột nhiên rớt xuống. Đôi khi chúng ta tức giận là vì không đủ kiên nhẫn và không có thời gian chờ đợi câu trả lời. Bởi phía sau sự lắng nghe là một tấm lòng ấm áp. Nhờ biết lắng nghe tôi đã kịp thời cứu vãn được công việc và một cuộc hôn nhân

Thời gian trước, có một người bạn làm cùng tôi. Tôi tự cảm thấy mình đã dành hết tâm huyết cho công việc. Nhưng tới khi nghiệm thu anh ấy lại phê bình tôi và đưa ra đề xuất của mình. Điều này khiến tôi rất không vui. Bạn tôi gọi điện cho tôi vì muốn thay đổi ý kiến. Cậu ấy còn chưa kịp mở miệng thì tôi đã tuôn xối xả một tràng dài những lý do và suy nghĩ của mình. Sau đó hai người chúng tôi hầu như miệng ai nói thì tai người nấy tự nghe. Một lúc sau cả hai cùng tức giận và bỏ đi, kết quả là chẳng ai nói rõ được suy nghĩ của mình.

Bạn tôi sốt ruột hỏi rằng: “Chúng ta có thể nói chuyện không? Nếu không thì chúng ta chat nhé!”. Sau đó cậu đã nói rõ ràng mọi suy nghĩ của mình qua chat. Kỳ thực cũng có nhiều chỗ tôi cũng có thể tiếp thu, vấn đề đã được hóa giải trước cơn nguy nan. Sau chuyện này tôi trầm nghĩ, rất nhiều việc đã thành xôi hỏng bỏng không chỉ vì tôi không cho đối phương có cơ hội nói hết. “Đợi tôi nói xong đã nào”. Đây là một yêu cầu vô cùng nhỏ bé trong giao tiếp nhưng chúng ta lại thường quên mất sự tôn trọng cơ bản nhất này trong giao tiếp.



Em trai tôi mới lập gia đình, đang trong giai đoạn hai vợ chồng tìm cách hòa hợp với nhau. Vậy nên đôi vợ chồng trẻ ngày nào cũng cãi cọ. Cả hai đều rất khổ tâm, cãi qua cãi lại tới bước sắp phải ly hôn. Hôm qua cô gái gọi điện tới than thở với tôi. Tôi biết rằng, chẳng qua chỉ là những chuyện vụn vặt trong nhà, ví như cô ấy đã hy sinh rất nhiều mà anh chồng đáp lại chẳng được bao nhiêu. Tôi nhẫn nại lắng nghe cô ấy

Trầm Hương 199

than thở và thể hiện sự đồng cảm và đồng tình một cách thích hợp. Cuối cùng cô gái vui vẻ quay về nhà nấu cơm cho chồng. Về sau cô gọi điện thoại tới khen ngợi tôi: “Chị quả thực là người biết an ủi người khác. Sau khi chị an ủi xong em mới thấy hóa ra chẳng có chuyện gì to tát cả”. Tôi mỉm cười rồi gác máy, thầm nghĩ, tôi đâu có nói lời nào, chỉ là cô ấy muốn than vãn một chút về nỗi ám ức trong lòng mà thôi. Nghệ thuật lắng nghe và câu chuyện về đôi tri kỷ Bá Nha, Tử Kỳ

Tương truyền rằng Chung Tử Kỳ là một tiểu phụ đầu đội nón lá, lưng khoác áo lá, vai đeo dao quạp, tay cầm rìu. Trong lịch sử còn ghi chép lại rằng, một lần nọ Du Bá Nha gảy đàn bên sông Hán Giang, Chung Tử Kỳ nghe xong xúc động thốt lên rằng: “Vội vội như non cao, mệnh mang như nước chảy”. Từ đó hai người trở thành bạn tri kỷ, tâm giao. Sau khi Tử Kỳ qua đời, Bá Nha cho rằng trên đời này không còn ai có thể hiểu được tiếng đàn của mình. Nên từ đó về sau ông không bao giờ gảy đàn nữa.

Bởi vậy, lắng nghe không chỉ có thể khiến tâm hồn xích lại gần nhau hơn, mà còn là sự khởi đầu của những đôi tri kỷ. Không biết lắng nghe đã khiến một hãng hàng không thiệt hại nặng nề

Năm 2008, nhạc sĩ Dave Carroll đi lưu diễn, chiếc đàn guitar của anh được vận chuyển theo đường hàng không của hãng United Airlines và bị gãy. Carroll bèn kiện công ty hàng không, nhưng không một ai lắng nghe anh ấy nói. Công ty hàng không cho rằng Carroll thích chuyện bé xé ra to. Nhưng đối với những người có tâm hồn mong manh như các nghệ sỹ thì chiếc đàn guitar cũng là một sinh mệnh thân thiết của anh. Cách xử lý của công ty hàng không khiến Carroll rất đau lòng.

Thất vọng với cách hành xử của hãng hàng không lớn thứ hai thế giới, tháng 6/2009, sau 9 tháng xảy ra vụ việc, nhạc sĩ Dave Carroll đã cho ra đời bài hát “United breaks guitars” (United làm vỡ đàn guitar). Bài hát này với giai điệu vui tươi được Dave và nhóm nhạc của anh dàn dựng, tung lên 200 Trăm Hương

youtube với đoạn điệp khúc nghe có phần “cay đắng”: United, anh làm vỡ cây đàn guitar Taylor của tôi rồi! Clip cũng được thể hiện hết sức hóm hỉnh, với hình ảnh những nhân viên của hãng United Airlines đủ mọi sắc thái cảm xúc. Chắc hẳn, ai xem clip cũng không khỏi mỉm cười thú vị. Bài hát không những vui tươi, lại còn...dễ thuộc!

Không ngờ rằng, chỉ trong hai tuần ngắn ngủi, số lượt truy cập bài hát này đã lên tới 5 triệu lượt. Điều mà không ai nghĩ tới rằng, ảnh hưởng phụ diện của video này đã khiến cổ phiếu của United Airlines giảm xuống 10% chỉ vùn vụt trong 10 ngày. Họ đã phải chịu tổn thất vô cùng lớn, tới 180 triệu đô la Mỹ, đủ để mua 51.000 chiếc guitar đền cho Carroll.

“Kỳ thực tôi chỉ cần có một người trong United Airlines đứng ra lắng nghe sự bất mãn của tôi, thừa nhận họ đã làm sai và nói với tôi một lời “Xin lỗi”, chỉ cần vậy thôi. Nhưng họ đã không làm như vậy”.

Cuối cùng Carroll đã nói ra nguyên nhân mà anh kiên quyết kiện hãng Hàng không Liên bang Mỹ cho bằng được: “Hãy đợi tôi nói xong đã”. Carroll chẳng qua chỉ cần được lắng nghe, được tôn trọng mà thôi.



Rất không may cho United Airlines,
Dave Carroll là một nhạc sĩ/ca sĩ tài ba. Có hề gì, anh sáng tác nhạc!

Các bậc phụ huynh và những đứa con ở tuổi dậy thì

Trâm Hương 201

Hiện nay có rất nhiều bậc phụ huynh than vãn rằng con cái mình bước vào thời kỳ tâm lý phản nghịch, căn bản là không biết nghe lời! Nỗi khổ ấy đã trở thành tiếng lòng của những bậc phụ huynh có con đang tuổi dậy thì. Nhưng tĩnh tâm nghĩ lại, kỳ thực sự oán trách này bản thân nó đã có vấn đề: Thử đóng cửa tự hỏi mình xem bạn có thực sự lắng nghe tiếng lòng của con không? Bạn có biết con mình đang nghĩ gì, mong muốn điều gì không? Bạn muốn hiểu con mình, nhưng lại không chịu lắng nghe chúng, mà chỉ muốn chúng lắng nghe bạn. Bạn cứ ở đó như cái máy nói, thì chúng sao có thể nghe lời bạn được?!

“Đợi tôi nói xong đã nào!”. Đây là một lời nhắc nhở, cũng là sự châm chọc về việc tôi và bạn quá nóng vội và muốn sớm gặt hái được thành quả. Khi Thượng đế tạo ra con người, vì sao chỉ có một cái miệng mà có tới tận hai cái tai? Là để chúng ta nói ít lại và lắng nghe nhiều hơn. Chúng ta cũng chẳng vội đến mức nước lên đến cổ hay đang xảy ra hỏa hoạn, mà sao ngay cả đợi người khác nói hết những gì họ muốn cũng không có?”. Đôi khi tôi tự nhủ với mình rằng đây là một căn bệnh, phải chữa.

Lắng nghe là sự tu dưỡng tâm tính

Đợi người khác nói xong là một loại năng lực, cũng là sự tu dưỡng tâm tính. Có một cách lắng nghe gọi là trầm tĩnh. Đó là một bầu không khí hài hòa, yên lặng và uy nghiêm, không lời nhưng cũng rất ấm áp, và đầy sức cuốn hút. Có một cách lắng nghe là quên mất cả bản thân mình, yên lặng nghe tiếng tuyết rơi, nghe tiếng gió lùa qua mái nhà, nghe tiếng chim hót buổi sớm mai, nghe một giai điệu du dương. Điều này cũng thể hiện cảnh giới và sự tu dưỡng của một người. Chỉ khi có được một nội tâm an hòa mới có thể hiểu được sự tĩnh lặng của năm tháng thật tuyệt vời. Đợi người khác nói hết cũng là một phẩm chất của bậc trí huệ, chứ không phải nói thao thao bất tuyệt mới thể hiện mình là người có năng lực.

Trí huệ của cha ông dạy chúng ta về nghệ thuật lắng nghe. Kỳ thực trí huệ về việc lắng nghe đã được ông cha ta gửi gắm trong chữ Nho, loại ký tự đã từng gắn liền với cuộc sống và

202 Trầm Hương

sử sách của dân tộc Việt chúng ta thời xưa. Chữ “Thính 聽” (lắng nghe) ở dạng chính thể gồm bộ “Nhĩ 耳” (tai), bộ “Vương 王” (vua), chữ “Thập 十” (mười), chữ “Mục 目” (mắt), chữ “Nhất 一” và chữ “Tâm 心”. Nếu ghép các bộ này vào nhau chúng ta sẽ hiểu được hàm ý mà ông cha ta muốn gửi gắm. Khi lắng nghe một ai đó, chúng ta phải khiến người ấy cảm thấy mình quan trọng như một vị vua (chữ Vương), và lắng nghe bằng đôi tai của mình (bộ Nhĩ). Đồng thời chúng ta còn phải dồn mọi ánh nhìn và sự chú ý tới họ (chữ Thập, chữ Mục). Nhưng như vậy vẫn chưa đủ, điều quan trọng nhất là phải dành trọn trái tim để cảm nhận những điều họ nói (chữ Nhất Tâm). Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể lắng nghe trọn vẹn những thông điệp mà họ muốn truyền tải, mới biết cách thấu hiểu và trân trọng người khác.

Ngày nay, trong tiếng Hán hiện đại chúng ta cũng có chữ “Thính 听” (lắng nghe) nhưng lại ở dạng giản thể. Và điều kỳ lạ là nội hàm của chữ này lại bị thay đổi hoàn toàn, đi ngược hẳn lại với những giá trị trong văn hoá chính thống (vốn được viết bằng chữ phồn thể/chính thể). Chữ “Thính 听” giản thể gồm bộ “Khẩu 口” (cái miệng) và bộ “Cân 斤” (cái rìu). Đại ý là không phải dùng tai, dùng mắt, hay dùng tâm để lắng nghe như văn hóa truyền thống, mà là nghe bằng miệng, bằng những lời búa rìu sắc nhọn.

Chữ Hán chính thể bị thay thế bằng chữ giản thể, kéo theo đó là giá trị giáo dục và nhân văn sâu sắc bị đánh cắp một cách tài tình. Văn vốn là phương tiện để giáo hoá con người, khi văn tự bị biến đổi mất đi nội hàm chân chính của nó, thay bằng một nội hàm khác hẳn thì đương nhiên giá trị giáo dục ấy bị thay đổi rồi. Vậy nên việc bắt lời người khác, để mau chóng biểu đạt suy nghĩ của mình, mới trở thành một thói quen quá phổ biến như bây giờ.

Thay vì lắng nghe bằng cái Tâm, bằng cảm nhận từ trái tim như người xưa nhắn nhủ, thì con người ngày nay thường xuyên ngắt lời, chỉ muốn nói mà không đủ kiên nhẫn để lắng nghe, có nghe cũng là với tâm thái tranh đấu phản biện. Nội

hàm của chữ giản thể mới dẫn đến một các biểu hiện văn hoá trở nên phổ biến như: ‘chưa nói xong đã cãi xong’, ‘cướp diễn đàn’, ‘đốp lại’, ‘bật tanh tách’... Lời nói thay vì là phương tiện của sự thấu hiểu, thì nay là phương tiện để tranh đấu.

“Đợi người khác nói xong”, điều tưởng chừng vô cùng đơn giản, sao giờ đây lại khó khăn đến vậy? Đó là hệ lụy của lối sống chỉ biết nghĩ đến lợi ích của riêng mình, chỉ quen tranh giành để bản thân luôn là vị trí số 1 trong mắt người khác. Lắng nghe với thái độ khiêm nhường cầu thị trở thành thứ gì đó xa xỉ khó hình dung trong văn hoá người nhiệm đại. Bằng cách đó nét đẹp của văn hóa tu dưỡng truyền thống ngày một bị lãng quên.

Người ta không ngừng than thở về chuyện xã hội thiếu vắng niềm tin, tình yêu thương, lòng nhân ái. Thực ra nếu chúng ta có thể quay trở về với những giá trị đạo lý truyền thống, biết ‘đợi người khác nói xong’, biết nghe bằng sự tập trung của đôi mắt, sự chân thành của trái tim như chữ ‘Thính’ mà ông cha ta để lại như một bài học uyên bác, thay vì nghe bằng ‘cái riu’ như cách mà ĐCSTQ biến đổi văn tự truyền thống, thì hẳn rằng, chúng ta có thể thấu hiểu nhau nhiều hơn, và xã hội không thể thiếu vắng đi tình yêu thương và lòng nhân ái. @ *Nhã Văn/ int*



TRÂM HƯƠNG HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

Một đóa hoa đang nở ngoài bình và là bạn văn mới:
MỸ NHUNG với văn phong dí dỏm nhưng không kém phần
sâu lắng và trữ tình. Hy vọng sẽ mang đến cho chúng ta một
làn gió mát để làm đẹp cho đời.



MỸ NHUNG

Dư âm Quan họ hội Lim

Liên em:

Hình học không gian có ba chiều
chiều nào đo hết được hướng đi
“Tình ta vốn song song vô cực “
Mai này xin hẹn điểm đồng quy!...

Liên anh:

ngày xưa dốt toán nên đời lạc
chẳng tính thiệt hơn những cuộc tình
bây giờ ngấm lại lòng luyến tiếc
phải chi cố học giải phương trình
biết đâu đường thẳng song song ấy
sẽ được gặp nhau chỗ riêng mình...

Liên em:

Toán đời con gái thường đơn giản
Chỉ thích phương trình bậc nhất thôi
Anh lính hào hoa nhiều ẩn số
Cố giải sao đây? Vô nghiệm rồi!

Trâm Hương 205

Liên anh:

đơn giản hiểu ra là ngược lại
bài toán copy chẳng của mình
có thêm vài điểm là số ảo
chẳng thực như tình yêu nguyên trình
toán đồ đòi thường chưa giải được
làm sao dám nói đến phương trình
mai kia nhờ giải bài toán khó
đề ra từ thuở chuyện riêng mình...

Liên em:

Xin giữ định đề thừa nguyên trình
Copy điểm ảo khổ riêng mình
Đề toán ngày xưa dù hơi khó
Định lý thuộc rồi ...để chứng minh

Liên anh:

học toán là tâm nguyên truy cứu
gặp định đề chưa giải mới hay
vẫn giữ kỷ những bài toán cũ
thuộc nằm lòng đâu sợ hương bay

Quy văn:

**nếu không giải thêm bài toán mới
làm gì còn khoa học hôm nay
đời con chữ sẽ không vươn tới
ý sống là hoa bướm mê say...**

Chia tay:

**thôi thì đến hẹn lại lên
câu thơ quan họ tính thêm lời này.
giữ lời đừng gởi gió bay
sang năm gặp lại ta bày tiệc vui.**

©Mỹ ©Nhưng

206 Trâm Hương



THÔNG BÁO MONG ĐƯỢC LƯU Ý

*Nhằm đáp ứng yêu cầu của một số bạn đọc ở xa và thân hữu
Cũng là cơ hội để tìm nguồn trang trải ấn phí, Trâm Hương quyết
định Kính mời gọi toàn thể Quý thân hữu và Quý bạn đọc ủng hộ
và giới thiệu thân hữu đặt mua Tạp chí Trâm Hương dài hạn theo
thể lệ sau:

A - Ấn phí kèm cước phí bưu điện

một năm 4 số = 40 mỹ kim

Hai năm 8 số = 70 mỹ kim

B - Ủng hộ ngoài luồng: tùy nghi

C - Quảng cáo cho mỗi số: Trang bìa full color

Bìa sau = 200 mỹ kim

Bìa trong = 150 mỹ kim

Trang đen trắng = 80 mỹ kim

½ trang đen trắng = 40 mỹ kim

Khỏ danh thiếp = 20 mỹ kim

*Chi phiếu ghi tên Tong Pham và xin gửi về :

Mr Tong Pham

PO. Box 681822 Houston, TX 77268

Email : muoinhu@yahoo.com

PHIẾU ĐẶT MUA BÁO DÀI HẠN

(Xin ghi chú vào O trống)

O- Một năm

O- Hai năm

Xin gửi báo về địa chỉ :-----

Và địa chỉ-----

Kèm chi phiếu----- mỹ ki

Trâm Hương 207



*Tạp Chí Trầm Hương chân thành
cảm ơn và mong mỗi nhận được sự
ủng hộ của toàn thể Quý Độc Giả,
Thân hữu và Ân nhân.*

DANH SÁCH ÂN NHÂN YẾM TRỢ ẨM PHÍ

Danh sách yểm trợ ẩm phí
từ 01/01/2018 đến 31/07/2018

1-J &R

2-Nguyễn Lập Đông

3-Hoàng Thị Thanh Nga

4-Linh Vang

5-Thiên Lý

6-Như Phong

7-Song An Châu

8-Điệp Mỹ Linh

9- Minh Xuân 538

10-Phạm Mỹ Nhung

BBT Trầm Hương chân thành cảm ơn quý ân nhân thành
viên ủng hộ Bài vở, tài chánh in ấn để “báo giấy Trầm
Hương” đến tay bạn đọc.

Ngân phiếu vui lòng gửi về:

Mr. T. Phạm

PO Box 681822

Houston, TX 77268

BBT đóng góp mỗi số:

Nguyễn Đức Nhơn \$200.00

Như Phong \$200.00

Phạm Tương Như \$200.00

Túy Hà \$100.00

Vĩnh Tuấn In Bìa

*Một số thành viên ủng hộ tài chánh không định kỳ.

208 Trầm Hương

Xin để tôi giúp quý vị về các nhu cầu bảo hiểm của quý vị.

Xe Cộ - Nhà Cửa - Nhân Thọ - Kinh Doanh
Các sản phẩm và dịch vụ có phẩm chất... của
một công ty quý vị quen thuộc.

Xin mời quý vị ghé lại văn phòng hoặc gọi
điện thoại cho tôi.



LEON VŨ TIẾN LẬP

Agent

Allstate Insurance Company

13120 Veterans Memorial Drive

Houston, TX 77014

Bus: (281) 866-0343

Fax: (281) 866-0373

www.allstate.com

Allstate Property and Casualty Company, Allstate Life Insurance Company, Northbrook, IL, Allstate County Mutual Insurance Company, Allstate Texas Lloyds Insurance Company, Irving, TX. © 2000 Allstate Insurance Company. Tùy thuộc vào mức cung ứng và hội đồng điều kiện mua bảo hiểm.



Allstate

You're in good hands.

LỊCH SỰ - TRANG NHÃ - ẤM CÙNG



Nam Phuong

RESTAURANT

ĐỊA ĐIỂM 1: 5495 Jimmy Carter Blvd., Suite 105 - Norcross, GA 30093
Tel: **770-409-8686** | Fax: **770-409-8680**

ĐỊA ĐIỂM 2: 4501 Buford Hwy, Atlanta GA 30345
Tel: **404-633-2400**
www.namphuongatlanta.com

Giờ mở cửa:
Thứ 2 - thứ 6: 11:00am - 11:00pm
Thứ 7: 10:00am - 11:00pm
Chúa Nhật: 10:00am - 10:00pm

NHIỀU MÓN ĂN THUẦN TÚY VIỆT NAM
Phở - Hủ tiếu - Mì - Bún - Cơm tấm

CÁC MÓN ĐẶC BIỆT

- Bò nướng lá - Chạo tôm - Nem nướng
- Canh chua - Cá kho tộ - Bánh xèo
- Gỏi ngó sen - Bò lúc lắc - Bún Chả Hà Nội
- Cơm phần gia đình 2, 4, 6, 8, 10 người
- Cá đút lò - Lẩu dê

PHÒNG ĂN RỘNG RÃI THÍCH HỢP

- Khoản đãi gia đình, thân nhân, bè bạn
- Giới thiệu món ăn VIỆT đến người ngoại quốc
- Nhận đặt tiệc cưới, hỏi, sinh nhật... đến 300 người
- Bãi đậu xe rộng rãi, miễn phí, an toàn
- Có phục vụ bia, rượu và các loại nước giải khát

Nam Phuong Kính Mời
Nhận: Visa-Master-Discover

